

The poster features a composite image. On the right, a large, close-up face of a woman with dark hair and a serious expression. On the left, three men are shown from the chest up, looking forward. The man on the far left wears a black beret and a dark jacket. The man in the middle is older, with a white beard, wearing a dark suit. The man on the right is younger, with a beard, wearing a dark suit. The background is dark and textured.

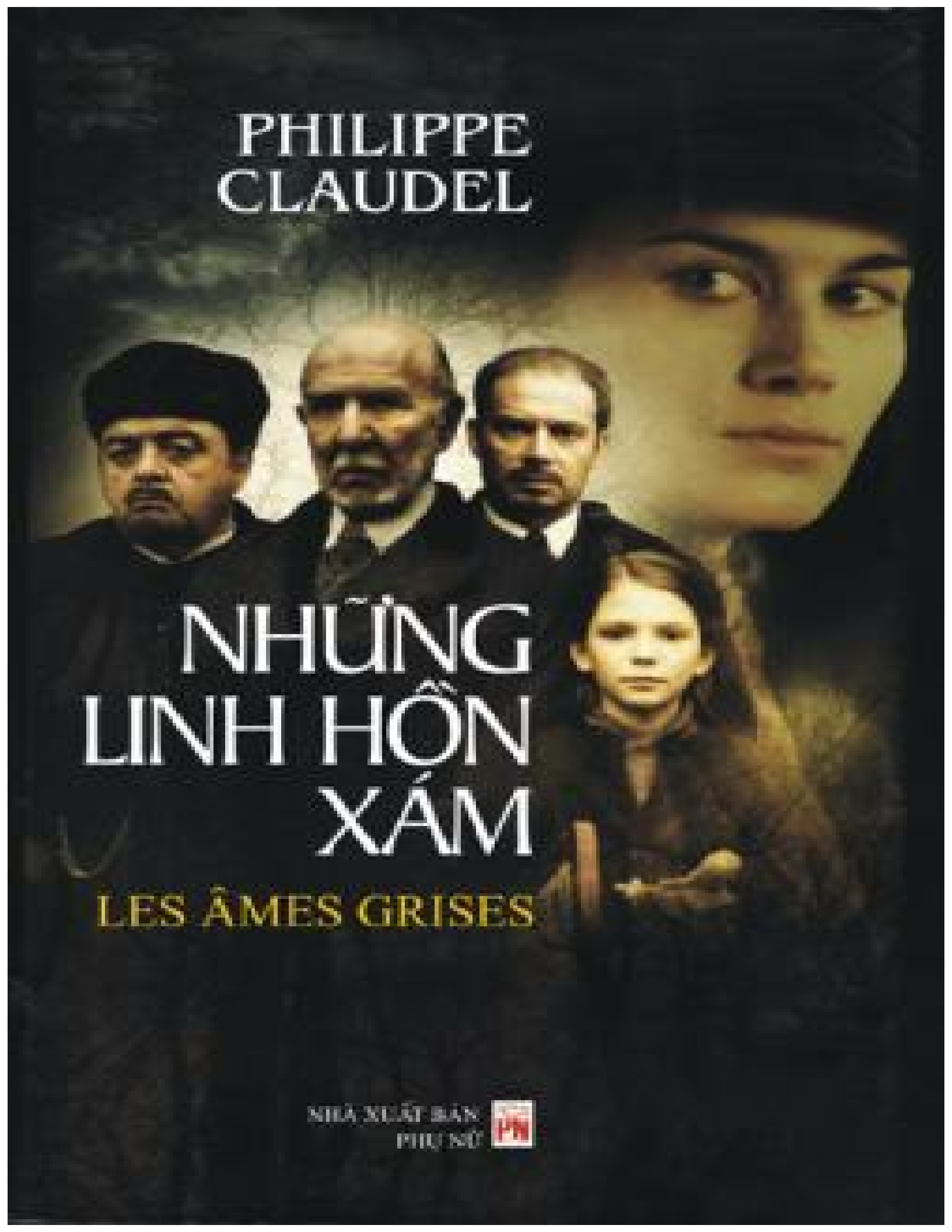
PHILIPPE
CLAUDEL

NHỮNG
LINH HỒN
XÁM

LES ÂMES GRISES

NHÀ XUẤT BẢN
PHỤ NỮ





PHILIPPE
CLAUDEL

NHỮNG
LINH HỒN
XÁM

LES ÂMES GRISES

NHÀ XUẤT BẢN
PHỤ NỮ



Những linh hồn xám

Philippe Claudel

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[LỜI TỰA](#)

[I](#)

[II](#)

[III](#)

[IV](#)

[V](#)

[VI](#)

[VII](#)

[VIII](#)

[IX](#)

[X](#)

[XI](#)

[XII](#)

[XIII](#)

[XIV](#)

[XV](#)

[XVI](#)

[XVII](#)

[XVIII](#)

[XIX](#)

[XX](#)

[XXI](#)

[XXII](#)

[XXIII](#)

[XXIV](#)

[XXV](#)

[XXVI](#)

[XXVII](#)

Giới thiệu

Trong một thành phố nhỏ ở hậu phương, đàn ông con trai không phải ra chiến trường vì một nhà máy ở đây đang cần họ. Trong khi cách đó không xa, biết bao sinh linh đang chịu cảnh thối nát xương tan thì một vài án mạng có nghĩa lý gì? Thế nhưng, có một cái chết che lấp cả hàng ngàn cái chết, có một cái chết xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, cái chết của Hoa bìm bìm, một bé gái mười tuổi. Khi xác con gái của chủ quán Bourrache được tìm thấy bên một bờ kênh thì cả thành phố bàng hoàng, dò xét nhau, thậm chí nghi ngờ nhau.

Ai đã giết chết bé gái này? Thủ phạm đáng ngờ nhất là Pierre-Ange Destinat, một quan chức làm nghề kết án tử hình, một ông kiểm sát trưởng. Nhưng thằng nhóc người Bretagne, một kẻ đào ngũ, sau một đêm bị hành hạ dã man, đã thú nhận mình là thủ phạm. Viên cảnh sát chịu trách nhiệm điều tra về vụ án lại là một kẻ đang chán sống, đã thấy quá nhiều điều ghê tởm, phải đối mặt với cái chết thê thảm của người vợ yêu...

Có thể nói màu xám bao trùm lên toàn bộ tác phẩm này: không khí tĩnh lẻ ảm đạm, yên tĩnh và đầy bí ẩn, cô đơn và lo lắng, tòa Lâu đài tường gạch và ngói đá đen, khu nhà máy rộng lớn với những ống khói chọc trời, đời sống nội tâm của người kể chuyện, sự bí ẩn trong con người ông kiểm sát trưởng. Chính một nhân vật trong tiểu thuyết này đã thốt lên: “Những thằng đều cắng, những bậc thánh nhân, em đã thấy bao giờ đâu? Chẳng có gì thật là đen, cũng chẳng có gì thật là trắng. Chỉ có màu xám là vượt trội. Con người và linh hồn của họ cũng vậy... Anh là một linh hồn xám, xám một cách dễ thương, như tất cả chúng ta...”

Cuốn tiểu thuyết của tác giả Philippe Claudel đã đoạt giải Renaudot 2003- một trong những giải thưởng văn học danh giá nhất của Pháp, được tạp chí Lire uy tín bầu chọn là quyển sách hay nhất năm 2003. Cuốn sách cũng được dịch ra 25 thứ tiếng và đã được dựng thành phim.



Một cảnh trong phim Những Linh Hồn Xám

LỜI GIỚI THIỆU



Philippe Claudel sinh ngày 2 tháng 2 năm 1962 tại Dombasle-sur-Meurthe, Pháp. Là giáo sư văn chương tại Nancy, ông đã đoạt nhiều giải thưởng văn học: năm 2000, ông đoạt giải France Télévisions với cuốn “Tôi từ bỏ” (J’abandonne) ; năm 2003, giải Goncourt truyện ngắn với “Les Petites Mécaniques” ; cũng vào năm 2003, Những Linh Hồn Xám đã được trao giải Renaudot và được bình chọn là một trong những cuốn sách hay nhất trong năm. Sự thành công của tiểu thuyết này càng được khẳng định hơn vào năm 2005, khi nó được chuyển thành bộ phim cùng tên do Yves Angelo đạo diễn.

Trong một thành phố nhỏ ở hậu phương, đàn ông con trai không phải ra chiến trường vì một nhà máy ở đây đang cần họ. Trong khi mà cách đó không xa, biết bao sinh linh đang chịu cảnh thịt nát xương tan thì một vài án mạng có nghĩa lý gì? Thế nhưng, có một cái chết áp đảo cả hàng ngàn cái chết, có một cái chết xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, cái chết của Hoa bìm bìm, một bé gái 10 tuổi. Khi xác con gái của chủ quán Bourrache được tìm thấy bên một bờ kênh thì cả thành phố bàng hoàng, dò xét nhau, thậm chí nghi ngờ nhau.

Ai đã giết chết bé gái này? Thủ phạm đáng ngờ nhất là một quan chức làm nghề kết án tử hình, một ông kiểm sát trưởng. Một người lạnh lùng và bí ẩn, sống độc thân sau khi vợ chết sớm. Người đó là Pierre-Ange Destinat. Nhưng thằng nhóc người Bretagne, một kẻ đào ngũ, sau một đêm bị ông thẩm phán và lão sĩ quan hành hạ dã man, đã thú nhận mình là thủ phạm. Viên cảnh sát chịu trách nhiệm điều tra về vụ án lại là một kẻ đang chán sống. Anh ta đã thấy quá nhiều điều ghê tởm. Anh ta đã đau đớn chứng kiến người vợ yêu của mình chết thảm và không muốn đứa con sơ sinh của mình sống sót vì, theo anh ta, đứa con là thủ phạm giết chết người vợ hiền của mình.

Có thể nói Màu Xám bao trùm lên toàn bộ tác phẩm này: không khí tĩnh lẻ ảm đạm, yên tĩnh và đầy bí ẩn, cô đơn và lo lắng, tòa Lâu đài tường gạch và ngói đá đen, khu nhà máy rộng lớn với những ống khói “chọc trời”, đời sống nội tâm của người kể chuyện, sự bí ẩn trong con người ông Kiểm sát trưởng. Chính một nhân vật trong tiểu thuyết này đã thốt lên: “Những thằng đều cáng, những bậc thánh nhân, em đã thấy bao giờ đâu? Chẳng có gì thật là đen cũng chẳng có gì thật là trắng. Chỉ có màu xám là vượt trội. Con người và linh hồn của họ cũng vậy... Anh là một linh hồn xám, xám một cách dễ thương, như tất cả chúng ta...”.

Tựa đề Những Linh Hồn Xám gợi nhớ Những Linh Hồn Chết của Gogol. Cũng như tiểu thuyết của nhà văn Nga, tác phẩm miêu tả cuộc sống tĩnh lẻ bị bóp nghẹt, nghiền nát bởi sự bạo tàn và quy phục tội hổ. Nhưng theo Philippe Lançon, văn phong của *Những Linh Hồn Xám* lại gần với văn phong của *Những Linh Hồn Mạnh Mẽ* (*Les âmes fortes*) của Jean Giono. Đó là một thứ văn phong hơi co dúm, nặng nề, mang dáng dấp một lối viết dân già và khô khốc, chính xác và cụ thể.

NGUYỄN DUY BÌNH

Tôi ở đây. Số mệnh của tôi là ở đây.
JEAN-CLAUDEL PIROTTE, *Un voyage en automne*

Làm ký tòa thời gian
viên hội thẩm lang thang

khi con người lẫn hoà cùng ánh sáng.
JEAN-CLAUDEL PIROTTE, *L'Homme de peu*

Đề tưởng nhớ André Vers

LỜI TỰA

Trước mắt quý bạn đọc là ngót 300 trang cuốn tiểu thuyết *Những linh hồn xám* (*Les Âmes grises*) của Philippe Claudel, tác giả mà người Việt Nam đã biết qua các tác phẩm của ông đã được dịch sang tiếng Việt như *Cháu gái ông Linh* (*La Petite fille de Monsieur Linh*), *Thế giới không trẻ con* (*Le Monde sans les enfants*). Ông cho in tác phẩm đầu tay, *Meuse l'oubli*, năm 37 tuổi (1999). Hai năm liên tiếp sau đó, người đọc đón nhận ba cuốn khác của ông: *Quelques-uns des cent regrets*, *J'abandonne*, *Au revoir Monsieur Friant*.

Nhưng phải đến *Les Âmes grises*, tác phẩm thứ năm, tài năng của tác giả trẻ này mới thật sự được khẳng định.

Năm 2003, *Những linh hồn xám* được trao giải Renaudot (cùng với Goncourt, Renaudot là giải văn chương có uy tín ở Pháp). Theo tổng kết của các báo *Le Nouvel Observateur*, *Le Point*, *L'Express*, đây là một trong những tác phẩm được người đọc tìm mua nhiều nhất và được bình chọn là một trong những cuốn sách hay nhất năm 2003. Sự thành công của tiểu thuyết này càng được khẳng định vào năm 2005, khi nó được chuyển thành bộ phim cùng tên do Yves Angelo đạo diễn.

Cùng năm ấy, hàng loạt các bài của các nhà phê bình quen thuộc viết về *Những linh hồn xám* được đăng trên những tờ báo lớn ở Pháp. Béranghère Adda viết trên *Le Parisien* (04/11/2003), Alain Salles trên *Le Monde* (05/11/2003), Annie Coppermann trên *Les Echos* (29/9/2003), Philippe Lancon trên *Libération* (11/9/2003). Như một việc làm phá cách, *Le Figaro* đăng tải đến 2 bài của Eric Ollivier (04/9/2003) và Francois Nourisser (20/9/2003).

Cũng thế, trên tờ *Le Point* sau bài của Sebastien Fumaroli (28/8/2003) là bài viết nồng nhiệt của Marie-Francoise Leclère (20/11/2003)...

Bốn năm lao động sáng tạo say mê của Philippe Claudel để hoàn thành tác phẩm *Những linh hồn xám* hoàn toàn xứng đáng được nhận những lời khen tặng, đánh giá cao của giới phê bình cũng như công chúng chọn lọc của nước Pháp.

Nhà văn viết về một thời đoạn ngắn trong Thế chiến lần thứ Nhất (1914-1918), một cuộc chiến tranh vô nghĩa lý, nhưng ông không dựng lại những cảnh chạm súng trực tiếp, bom rơi đạn nổ cụ thể. Chiến tranh thường trực có mặt trong toàn bộ tác phẩm, nhưng qua tiếng gầm gừ gào thét của đạn bom từ một không gian nào đó, có lúc xa nhưng cũng không ít lúc gần, chỉ cách thành phố V. nhỏ bé - bối cảnh diễn ra mọi chuyện thương tâm - một dãy đồi. Thành phố nhỏ đến mức cư dân quá quen biết nhau và các con đường nhỏ của nó dù dài ngắn thế nào dường như bao giờ cũng giao cắt nhau. Ở đó, một cộng đồng người ít ỏi, nhạt nhòa, mờ mờ nhân ảnh, tồn tại đầy mà chập chờn hư thực.

Tác giả chọn một giọng kể lạ, cứ nhẩn nha chậm rãi như tự nói với chính mình, một cuộc nói chuyện - “một cuộc nói chuyện của thời khác”. Như ông đã bộc bạch với Clara Dupont (báo *Marianne*, 15/9/2003): khi viết ông không biết trang tiếp theo sẽ được viết ra sao. “Tôi thích khi không biết mình sẽ đi đâu”, Philippe Claudel đã thổ lộ như thế. Vì vậy có lúc người đọc có thể sốt ruột, ngỡ là người kể chuyện đã sa đà, lan man nhưng thực ra nội dung câu chuyện vẫn được tổ chức chặt chẽ và tâm trạng, tính cách, số phận những con người bé nhỏ, - những “linh hồn xám” - và cả vài ba con người độc ác, phi nhân tính như kiểm sát trưởng Destinat, đại tá Matziev - những “linh hồn đen” - dần dần hần nổi, để ám ảnh người đọc mãi không thôi.

Đúng là ám ảnh dai dẳng, hình ảnh đông đảo những linh hồn xám vô danh: lớp lớp những người thanh niên mặc áo lính, vô tư lự, không hiểu gì về đối phương, lạc quan thiếu căn cứ, hăng hái

đi qua thành phố V., hướng ra chiến trường. Thế rồi, ngày lại ngày hàng đoàn xe tải chở thương binh, tử sĩ ùn ùn trở về, hoặc vĩnh viễn bó mình trong bốn tấm ván gỗ thông tồi tàn, hoặc ngổn ngang rên xiết trong quân y viện dã chiến đặt tại thành phố. Có người cũng có tên - một anh Léon Castrie nào đấy - “rất hài lòng vì đã mất một cánh tay.

Sáu ngày nữa anh ta sẽ về nhà và về luôn”. Người kể chuyện đã bình luận, khó có thể gọn hơn nhưng thật chua chát: “Chiến tranh là một thế giới lộn ngược, mông chống lên trời, đầu rạp xuống đất. Chiến tranh cổ thể biến một người tàn phế thành kẻ hạnh phúc nhất trần gian”.

Sức ám ảnh của tác phẩm còn nặng nề hơn khi Philippe Claudel dẫn chúng ta đến với những người dân bình thường của thành phố: cô bé mười tuổi Hoa Bìm Bìm ngây thơ hồn nhiên, bà lão Adélaide Siffert tốt bụng, thai phụ Clémence khắc khoải chờ đón đứa con đầu lòng, cô giáo Lysia Verharine tình nguyện đến thành phố V. dạy học để được an ủi vì phía bên kia quả đồi... Cả người kể chuyện - một anh cảnh sát tư pháp không rõ tên tuổi - chồng của Clémence. Và qua số phận của từng người một, nhưng kết thúc thật đau thương cứ lần lượt nối tiếp: Hoa Bìm Bìm bị cưỡng hiếp và bóp cổ đến chết, Clémence bất lực “vượt qua” trong cô đơn, cô giáo Lysia sau những ngày khắc khoải chờ trông hy vọng đã nhận được tin dữ về cái chết của người yêu...

Những trang viết thật buồn, nhưng cũng thật đẹp. Đẹp, vì Philippe Claudel dù muốn giấu nhưng cảm xúc nhân văn vẫn cứ bàng bạc trong toàn bộ 27 chương sách. Tôi ngờ rằng nhà văn cố làm ra lạnh lùng tỉnh táo, nhưng nhiều khả năng trái tim ông đã run rẩy không chỉ một lần. Đẹp, vì đúng như ông Jérôme Garcin đã viết trong *Le Nouvel Observateur* (04/9/2003), những trang viết này đã được cha đẻ của nó “rất trau chuốt về câu chữ, chứa chan xúc cảm đến nỗi nó có vẻ như thách thức cả một gia đoạn văn học”.

Dịch giả trẻ Nguyễn Duy Bình đã chuyển ngữ tác phẩm một cách công phu, nghiêm túc và đầy cảm hứng, nên đã tặng cho chúng ta một bản dịch đáng tin cậy, và đẹp. Trân trọng mời bạn đọc làm quen với Những linh hồn xám.

TP. Hồ Chí Minh, những ngày giáp Tết Mậu Tý

TRẦN HỮU TÁ

Tôi không biết nên bắt đầu từ đâu đây. Thật khó. Cả một quãng thời gian đã qua mà ngôn từ không bao giờ trở lại, những gương mặt, những nụ cười, những vết thương cũng thế. Nhưng dầu sao tôi cũng phải cố nói. Nói ra điều dày vò tôi từ hai mươi năm nay. Những lúc hối hận và những câu hỏi lớn. Tôi phải lấy dao mổ điều bí mật như mổ bụng, phải thọc tay vào đó ngay cả khi chẳng có gì thay đổi cái gì cả.

Nếu có ai hỏi là bằng phép màu nhiệm nào mà tôi lại biết hết những sự kiện mà tôi sắp kể, tôi sẽ trả lời là tôi biết, thế thôi. Tôi biết những điều đó vì chúng đối với tôi quen thuộc như chiều xuống hay mặt trời mọc. Vì tôi đã dành trọn cả đời để chấp vạ lại những sự kiện đó, để cho chúng cất tiếng nói, để nghe chúng nói. Xưa đó cũng là một phần nghề của tôi.

Tôi sẽ để nhiều bóng người băng qua. Đặc biệt, một bóng người sẽ ở lớp cảnh đầu tiên. Nó thuộc một người tên là Pierre-Ange Destinat. Ông làm kiểm sát trưởng ở V. trong thời gian hơn ba mươi năm và hành nghề như một chiếc đồng hồ treo tường, không bao giờ rung mà cũng chẳng bao giờ hỏng hóc. Đó là một nghệ thuật tài tình, không cần viện bảo tàng để người ta biết đến giá trị của mình. Vào năm 1917, vào thời điểm xảy ra vụ Áp phe, như ở chỗ tôi người ta vẫn thường gọi (rồi đồng thời thở dài và ra cử chỉ nhấn mạnh chữ cái viết hoa), ông đã hơn sáu mươi tuổi và đã về hưu cách đó một năm. Đó là một người cao, thân hình khô khốc, giống một con chim lạnh lùng, uy nghi và xa vời. Ông ít nói. Một người rất ẩn tượng. Ông có đôi mắt sáng tuồng như bất động, môi mỏng, không có râu, trán cao, tóc xám.

V. cách chỗ chúng tôi khoảng hai mươi cây số. Vào năm 1917, hai mươi cây số đã là cả một thế giới, nhất là vào mùa đông, nhất là với cuộc chiến chưa đến hồi kết thúc này. Cuộc chiến đó đã mang đến cho chúng tôi tiếng kinh động của xe tải, xe kiến an và khói mịt mù hôi thối cũng như hàng ngàn tiếng nổ rền vang vì chiến sự không xa, dù rằng từ chỗ chúng tôi, đó cũng chỉ như một con quỷ vô hình, một vùng trời khuất lấp.

Người ta gọi Destinat bằng nhiều cách khác nhau, tùy vùng và tùy người. Ở nhà tù V., hầu hết mọi người mệnh danh cho ông là Tên Uống máu. Trong xà lim, thậm chí tôi đã thấy một bức vẽ hình con dao trên một cánh cửa lớn bằng gỗ sồi có vẽ chân dung ông ấy. Bức vẽ khá giống nữa là khác. Phải nói rằng nghệ nhân đã tha hồ ngắm nhìn khuôn mẫu trong suốt mười lăm ngày hầu tòa.

Còn chúng tôi, khi gặp Pierre-Ange Destinat trên phố, chúng tôi gọi ông là “Ông kiểm sát trưởng”. Đàn ông thì ngả mũ chào còn những người phụ nữ thân phận thấp hèn thì co gối. Những người phụ nữ khác, những người có địa vị cao sang, những người thuộc thế giới của ông ấy thì khẽ cúi đầu như những con chim nhỏ uống nước trong máng. Tất thấy điều đó không đụng chạm đến ông ta là mấy. Ông ta không trả lời, hoặc kiêu lời đến nỗi phải nhìn vào bốn ống nhòm lau chùi cẩn thận thì may ra thấy đôi môi ông mấp máy. Đó không phải là sự khinh người như phần lớn mọi người hằng tưởng, tôi cho rằng đó đơn giản chỉ là sự dửng dưng.

Dù sao chẳng nữa, có một người trẻ tuổi gần như hiểu ông ta hoàn toàn, một cô gái trẻ, tôi sẽ nói về cô ấy sau. Cô gái trẻ này, và chỉ cô ta thôi, mệnh danh cho ông ta là *Nỗi Buồn*. Có thể vì cô ta mà tất cả đã xảy ra nhưng cô ta chưa bao giờ mảy may biết gì.

Một kiểm sát trưởng vào đầu thế kỷ là một người to tát lắm. Và rồi vào thời buổi chiến tranh, khi chỉ một loạt đạn đủ kết liễu một đoàn người gồm những tay khoẻ mạnh hoạt bát sẵn sàng làm mọi thứ, yêu cầu tử hình một người cô đơn và đã bị xiềng xích là một việc dễ như trở bàn tay. Tôi không tin vì bản tính độc ác mà ông đòi lấy đầu một anh chàng khốn khổ nào đó đã đánh chết một anh gác cổng hoặc mổ bụng mẹ vợ. Ông thấy kẻ ngu ngốc, tay vin vào ghế dựa,

đứng đối diện mình giữa hai nhân viên cảnh sát. Nếu có nhận ra anh ta thì cũng rất khó khăn. Có thể nói ông nhìn xuyên thấu anh ta như thể anh ta không còn tồn tại. Destinat không ra sức chống lại một tên tội phạm bằng xương bằng thịt nhưng ông ta bảo vệ một quan niệm, chỉ là một quan niệm, quan niệm của ông về cái ác và cái thiện.

Kẻ bị kết án gào lên khi nghe bản án. Anh ta khóc lóc, nổi khùng, thỉnh thoảng giơ tay lên trời như thể bỗng nhiên anh ta nhớ lại bài học đạo lý Cơ đốc của mình. Destinat dường như không còn thấy anh ta nữa. Ông nhét những tờ giấy ghi chép vào ví. Đó là bốn hay năm tờ giấy trong đó ông đã soạn thảo bản buộc tội của mình bằng nét chữ nhỏ nhắn, tinh tế bằng mực tím, một nhúm từ ngữ chọn lọc thường có khả năng làm cho những người dự phiên tòa phải rung mình và khiến những viên bồi thẩm phải nhăn trán suy nghĩ nếu họ không ngủ. Một vài từ ngữ đủ để dựng lên một chiếc máy chém, ba động tác trong hai khoảng thời gian, nhanh hơn và chắc chắn hơn hai ông thợ mộc làm trong một tuần.

Ông không trách cứ gì kẻ bị kết án, ông không quen biết gì anh ta nữa. Chính mắt tôi thấy bằng chứng sau phiên tòa, trong hành lang: Destinat đi ra, chiếc áo lông chồn xinh xắn còn khoác trên vai, vẻ mặt nghiêm nghị. Rồi ông gặp người chồng tương lai của goá phụ: anh chàng này nói chuyện với ông bằng giọng cộc lốc, vẻ than vãn. Mắt anh ta còn đỏ hoe từ khi nghe bản án và vào thời khắc này, vẻ chắc chắn, anh ta hối hận vì đã nã đạn vào bụng ông chủ của mình. “Thưa ô' Kiểm sát' trưởng, Thưa ô' Kiểm sát' trưởng”, anh ta rên rỉ còn Destinat thì nhìn vào mắt anh ta như không hề thấy hiện hình hay còng số tám, rồi đặt tay lên vai anh ta, ông trả lời: “Vâng, thưa anh bạn, chúng ta đã từng gặp nhau phải không nào? Tôi có thể giúp gì anh được đây?”. Không hề chế nhạo, tất cả diễn ra một cách thành thật. Người kia không hết ngạc nhiên. Như thể đó là bản án thứ hai vậy.

Sau mỗi phiên tòa, Destinat đi ăn trưa ở nhà hàng Rébillon, đối diện với nhà thờ. Chủ quán là một người to béo có đầu tóc xoắn như rau diếp, da chỗ vàng chỗ trắng, miệng lồm nhồm răng xấu. Ông ta tên là Bourrache. Không ma mãnh lắm nhưng ông ta tính toán tiền nong rất sành điệu. Bản chất ông ta là thế. Không ai trách gì ông ta được. Khi nào ông ta cũng mang một chiếc tạp dề màu xanh lơ, khiến ông ta như một chiếc thùng tôn-nô thất đại. Trước đây ông ta có một người vợ ốm liệt giường vì bệnh bạc nhược như mọi người ở chỗ tôi vẫn thường nói. Ở đây người ta vẫn thường thấy một số phụ nữ lẫn lộn giữa sương mù tháng mười một với sự hỗn loạn tinh thần của họ. Từ đó, bà ta chết, vì những gì đã xảy ra từ vụ Áp phe hơn là vì căn bệnh mà bà ta chắc đã gấn bó suốt đời.

Vào thời đó, ba cô con gái nhà Bourrache là những bông hoa huệ nhỏ nhắn, nhưng có nụ màu thuần khiết làm nổi bật màu hoa cháy bỏng. Cô gái út mới mười tuổi. Nó không gặp may. Hoặc có thể nó rất may mắn. Ai mà biết được?

Hai cô gái khác chỉ có tên thôi, Aline và Rose, trong khi mà mọi người gọi cô em út là Hoa, một số người nổi máu nhà thơ còn thêm vào thành Hoa Bìm Bìm. Khi cả ba chị em đều ở trong phòng, tay mang nước, rượu nho và bát đĩa phục vụ khoảng mười người đàn ông ăn to nói lớn uống nhiều. Nhìn họ, tôi tưởng là người ta đã để lạc những bông hoa trong một quán rượu quý quái. Cô em út xinh tươi, xinh tươi đến mức khác thường.

Khi Destinat vào nhà hàng, Bourrache, vốn là một người của thói quen, luôn nói với ông một câu nói thôi, một dấu phẩy cũng không thay đổi: “Thêm một tý xíu nữa thôi, thưa ông Kiểm sát trưởng!”. Destinat không trả lời. Bourrache mời ông ngồi. Destinat ngồi vào bàn của mình, một trong những chỗ đẹp nhất. Chỗ này ông đặt cả năm. Tôi không nói là chỗ tốt nhất vì chỗ này chỉ có một, nó gần cái chảo sành rất bụi và, qua những tấm riđô, choán cả quảng trường Cung điện, chỗ tốt nhất lại dành cho thẩm phán Mierck. Đó cũng là một khách quen. Mỗi tuần ông ta đến bốn lần. Nhìn cái bụng ông ta thì biết, phê đến đùi. Nước da của ông ta cũng thế, lổn nhổn những vết sẹo do bệnh sùi đổ mặt như thể tất cả những tên nát rượu đến thu mình ở đó, chờ người ta đánh đuổi. Mierck không thích ông Kiểm sát trưởng là mấy. Người kia cũng đáp trả

ông ta sòng phẳng. Tôi còn tin những gì tôi viết vượt quá sự thật, nhưng thấy hai ông này ngả mũ chào nhau vẻ nghiêm trang lắm, như thể mọi thứ làm cho họ đối lập nhau nhưng dù sao họ cũng cùng chung một điều bình dị.

Kỳ lạ nhất là ông Destinat ít khi đến quán Rébillion nhưng dẫu sao ông vẫn có bàn của riêng mình, ba phần tư thời gian trong năm là không có người ngồi. Đây là phần thua thiệt không nhỏ cho ông Bourrache nhưng chắc ông này không làm thế công không. Ngay cả những ngày rất đông khách, khi mà tất cả nông dân trong vùng, sau khi đã sờ mó móng bò, uống một lít rượu mạn từ tảng sáng, ào ào đến nhà hàng trước khi đến thư giãn ở Nhà chứa Mẹ Lùn. Bàn của ông Destinat vẫn không có người ngồi trong khi khách đến thì bị từ chối. Một hôm, Bourrache thậm chí còn đuổi thẳng cảng một người buôn gia súc muốn ngồi vào chỗ này. Người kia có mấy khi đến đâu.

“Một bàn Thương đế mà không có Thương đế còn hơn là một khách hàng chân lấm phân chuồng!”. Ông Bourrache nói với tôi như thế khi tôi gặng hỏi ông ta.

II

Ngày thứ hai đầu tiên trong tháng mười hai. Ở vùng quê tôi. Năm 1917. Thời tiết như ở Sibérie. Đất nhóp nhép dưới gót giày và âm thanh đó vang tận gáy. Tôi còn nhớ cái chấn rộng mà người ta đắp lên thi thể của cô bé và bị thấm nước ngay. Tôi còn nhớ hai viên cảnh sát, Berfuche, một người lùn, mập có đôi tai của heo rừng, lông lá mọc đầy và Grosspeil, một người quê ở Alsace có gia đình trốn ra nước ngoài bốn mươi năm trước đó. Hai người này canh chừng thi thể cô bé bên bờ kênh. Lùi xa hơn một tý có đứa con trai nhà Bréchut, một người khoẻ mạnh bụng to, tóc dựng đứng như rễ tre. Anh ta đang mân mê chiếc áo gilet của mình, không biết nên làm gì, đi hay ở. Chính anh ta là người đã phát hiện ra cô bé dầm mình nước trên đường đi làm. Hồi ấy anh làm bàn giấy ở văn phòng trưởng bến cảng. Bây giờ anh ta vẫn đang làm chỗ ấy, chỉ có điều anh ta đã già thêm hai mươi tuổi và trán trơn bóng như băng.

Một cơ thể mười tuổi thì không to là mấy, hơn nữa lại sưng nước mùa đông. Berfuche kéo một góc chăn rồi thối vào hai bàn tay để sưởi ấm. Gương mặt của Hoa Bìm Bìm lộ ra. Một vài con quạ lạng lẽ bay qua.

Cô bé giống một nàng công chúa trong truyện kể, môi nhợt nhạt xanh và mi mắt trắng bệch. Tóc nó lẫn vào những đám cỏ đã úa đỏ vì những buổi sáng giá băng. Đôi bàn tay của cô bé khép lại trong khoảng không. Ngày hôm đó trời lạnh đến nỗi mà râu ria mọi người bị tuyết phủ lên mỗi khi mà họ thở vào không khí, phì phò như những con bò mộng. Người ta giậm chân để cho máu lưu thông sưởi ấm hai bàn chân. Trên trời cao, những con ngỗng cục mịch vẽ lên những vòng tròn. Đường như chúng đã lạc đường thì phải. Mặt trời co mình trong chiếc áo choàng làm bằng sương mù đang dần được cởi ra. Ngay cả đại bác cũng như đóng băng. Không nghe tiếng gì cả.

“Phải chăng cuối cùng cũng đã đến lúc hoà bình”, Grosspeil bạo dạn nói.

“Hoà bình cái con khỉ!” Đồng nghiệp của Grosspeil vừa nói vừa thả chiếc chăn len thấm ướt lên cơ thể cô bé.

Người ta đang chờ các ông ở V. Cuối cùng thì họ cũng đến cùng ông thị trưởng. Đầu tóc ông này đúng là đầu tóc của những ngày tồi tệ, đó là đầu tóc của người bị lôi ra khỏi giường không đúng lúc, hơn nữa lại nhằm vào lúc thời tiết tệ hại đến mức đến con chó người ta cũng không cho ra ngoài. Trong đoàn người còn có thẩm phán Mierck, có viên thư ký tòa án mà tôi không bao giờ biết tên nhưng mọi người gọi ông ta là Vảy Kết vì căn bệnh eczêma quái ác đã ngốn ngấm nửa trái của khuôn mặt, có ba viên cảnh sát hiến binh, những người không tự cho mình là những kẻ ngớ ngẩn, rồi có một quân nhân. Tôi không biết quân nhân này làm gì ở đây. Dù sao thì ông ta cũng không ở lại lâu: Ngay sau đó ông ta đã gục xuống và người ta đã phải đưa ông ta đến quán cà phê Jacques. Người nhảy điệu pavan này nhẽ ra không nên lại gần một lưới lê, trừ phi ở trong một xưởng vũ khí, và hơn thế nữa! Ta có thể nhận thấy điều này qua bộ quân phục là lượt một cách cẩn thận, như thể nó được may cho một người mẫu ở Poiret. Chắc là ông ta tham chiến gần một bếp lò bằng gang, ngồi trên một chiếc ghế bành lớn làm bằng nhung rồi tối đến, trong lầu son gác tía, kể tình hình chiến sự cho các cô gái trẻ mặc váy khiêu vũ, tay cầm một ly rượu sâm banh, hoà mình vào những hợp âm rối rắm của một ban nhạc thính phòng.

Đội chiếc mũ Gronstadt, vẻ đã ăn uống no nê thoả thích, thẩm phán Mierck đúng là một người hách dịch. Nước xốt rượu vang chắc đã tô điểm cho tai và mũi của ông ta nhưng điều này không làm cho ông ta mũi lòng. Tự ông ta kéo chiếc chăn ra, nhìn Hoa Bìm Bìm, nhìn rất lâu. Những người khác chờ ông ta nói một tiếng, hoặc thở dài một cái. Dù sao thì ông ta cũng biết rõ cô bé đó chứ, hầu như ngày nào ông ta cũng gặp nó khi đến nhậu ở quán Rébillon. Ông ta nhìn thì hài nhỏ bé như nhìn một hòn đá hoặc một mẩu gỗ vậy: không hề động lòng, mắt nhìn

lạnh lùng như nước chảy gần đó.

“Con gái của Bourrache đấy”, có người thì thào vào tai ông ta, có vẻ như muốn nói: “Tội nghiệp cô bé, mới có mười tuổi, mới hôm qua thôi cô ấy còn mang bánh mì và dọn bàn cho ông”. Ông ta nháy mắt vào kẻ đã dám nói với mình như thế. “Thế thì đã sao nào, anh muốn tôi làm cái quái gì được nào? Một xác chết thì cũng chỉ là một xác chết thôi!”

Đối với chúng tôi, trước tiên, thẩm phán Mierck là thẩm phán Mierck, chấm xuống dòng. Ông ta có vị trí của mình và khư khư giữ lấy. Không ưa mấy nhưng chúng tôi vẫn tỏ sự kính trọng đối với ông ta. Nhưng sau những gì ông ta nói vào ngày thứ hai đầu tiên của tháng mười hai này, trước thi thể ươn sũng của cô bé và nhất là cách nói của ông ta, giọng danh thép, vẻ như muốn cười, mắt lộ ra sự vui thích mạnh mẽ khi thấy một án mạng, một án mạng thực sự - không ai nghi ngờ đó là một án mạng thực sự cả! -, vào thời buổi chiến tranh, khi mà tất cả những kẻ giết người đều nghĩ việc ở chốn dân sự để cố sức trong bộ quân phục. Vậy là sau khi ông ta trả lời, dùng một cái, ai ai cũng quay lưng lại với ông ta, chỉ nghĩ đến ông ta một cách ghê tởm.

“Tốt, tốt, tốt, tốt...”, ông ta nói tiếp, giọng ngân nga như thể chuẩn bị đi chơi ky hoặc đi săn vậy. Rồi ông ta đổi. Một ý ngông, một ý thích thất thường: ông phải có trứng luộc lòng đào, ông ta nói thêm: “lòng đào nhé, chớ không phải chần nước sôi đâu!”, trứng ngay tức thì, ngay bên bờ kênh nhỏ, nhiệt độ âm mười độ C, bên cạnh thi thể của Hoa Bìm Bìm: điều này cũng đã gây sốc cho tất cả mọi người.

Một trong ba viên hiến binh, người đã quay lại sau khi đưa mẹ đàn bà đom đóm mang quân hàm về, lại phải theo lệnh chuẩn đi ngay để đi tìm trứng cho viên thẩm phán; “hơn cả trứng, là những thể giới nhỏ bé, những thể giới nhỏ bé”, thẩm phán Mierck gọi trứng như thế, tay đập vỗ trứng bằng chiếc búa bằng bạc tí tẹo được cố tình rút ra khỏi túi mỗi khi cần vì ông ta thường ngông như thế và tính ngông này khiến râu mép ông lem luốc lòng đào vàng óng.

Trong thời gian chờ trứng, ông ta đưa mắt lục lọi xung quanh, từng mét một, vừa tìm vừa huýt sáo, hai tay chắp sau lưng trong khi mà những người khác vẫn tìm cách sưởi ấm. Sau đó ông ta nói mà không ai ngắt lời nữa. Miệng ông không dả động gì đến cái tên Hoa Bìm Bìm nữa mặc dù trước đây ông ta đã từng gọi cô bé như thế, chính tai tôi đã nghe thấy. Kể từ bây giờ ông gọi cô bé là nạn nhân, như thế cái chết ngoài việc cướp đi sự sống còn lấy mất những cái tên đẹp đẽ của các loài hoa.

“Anh là người vớt nạn nhân lên à?”

Đưa con trai nhà Bréchet vẫn lục lọi trong chiếc áo gilet của mình như muốn trốn vào đó. Anh ta gật đầu, thế là người kia hỏi anh ta mất lưỡi hay sao. Con trai nhà Bréchet lắc đầu trả lời không. Người ta có cảm giác là điều đó làm cho viên thẩm phán điên tiết lên. Ông ta bắt đầu mất tâm trạng vui vẻ do vụ giết người mang lại, nhất là khi viên hiến binh chậm trễ và trứng luộc lòng đào lại chưa đến. Thế là con trai nhà Bréchet đồng tình miêu tả chi tiết trong khi mà người kia lắng nghe, miệng thỉnh thoảng thào thì “tốt, tốt, tốt...”.

Thời gian từng phút trôi qua. Trời vẫn rét như thế. Những con ngỗng rớt cuộc cũng biến mất. Nước vẫn chảy. Một vật chần chìm xuống, bị một dòng chảy làm cho đứng đưa, lật ngược, động đây giống như một bàn tay đang đánh nhịp, chìm rồi lại nổi. Nhưng viên thẩm phán không nhìn thấy cảnh đó. Ông ta lắng nghe tường thuật của đứa con trai nhà Bréchet, không bỏ qua một chi tiết nhỏ nào, chăm chú đến quên bém cả trứng. Vào giờ phút này, người kia ăn nói còn rành rọt lắm, nhưng sau đó, anh ta sẽ biến những ý nghĩ rõ ràng đó thành một thiên tiểu thuyết, khi anh ta vào hết các quán cà phê để kể lại chuyện mình đã chứng kiến để rồi bị chủ quán lột hết tiền. Anh ta sẽ say mèm vào lúc nửa đêm, miệng gào tên của cô bé với giọng run lên chộn rộn, rồi, hai tay cầm hai chai rượu nốc liên tục, anh ta đá ra cả quần. Vào cuối buổi tối, mình mấy sung húp như lợn con, anh ta chỉ còn nước hoa chân múa tay trước đám đông.

Đó là những cử chỉ đẹp đẽ, nghiêm trang và bi thảm, nhờ men rượu mà ý vị hơn rất nhiều.

Cái mông to bự của thẩm phán Mierck trỗi ra khỏi ghế sắn, một loại ghế ba chân bằng da lạt đà và gỗ mun, loại ghế đã tạo cho chúng tôi rất nhiều ấn tượng khi nó được mang ra những lần đầu tiên, khi ông từ thuộc địa trở về...Ông ta đã từng ba năm đuổi bọn ăn trộm gà và tuồng ăn cắp bột về Ethiopie hay gì đó. Tại hiện trường, ông ta hết gấp ghế vào lại mở ra. Ông ta trầm tư ngồi trên đó như một họa sĩ ngồi bên cạnh người mẫu hoặc bằng quơ bên cạnh một chiếc gậy có nùm hình quả táo, tư thế của một vị tướng đang rồi rã.

Viên thẩm phán vừa nghe Bréchut vừa ăn trứng, vì trứng của ông cuối cùng cũng đã đến. Những quả trứng được đựng trong một chiếc khăn màu trắng đang toả hơi. Chúng được anh chàng hiến binh phục tùng mang tới, anh này vừa chạy vừa để ngón tay út lên đường may của chiếc quần dài. Râu mép của viên thẩm phán bây giờ đã ngả thành màu vàng sẫm. Ông ta vừa lấy gót ủng nghiêng nát vỏ trứng vừa dùng một chiếc khăn mùi soa lớn bằng vải phin lau miệng. Tưởng chừng như nghe tiếng vỡ tan của đôi chim bằng thuỷ tinh. Vụn vỏ trứng dính vào ủng của ông ta như những cái cựa tí tèo trong khi mà bên cạnh đó, cách vài bước thôi, Hoa Bìm Bìm đang nằm đó, dưới lớp vải liệm bằng len ướt sũng. Điều này đã không cho món trứng luộc lòng đào của viên thẩm phán mất ngon. Tôi còn chắc chắn rằng chỉ vì điều đó mà ông ta lại thấy ăn ngon miệng hơn.

Bréchut đã kể xong. Viên thẩm phán vừa lẩm bẩm câu chuyện vừa nhắm nháp một cách sành điệu những thế giới bé nhỏ của mình. "Tốt, tốt, tốt...", ông ta vừa nói, vừa đứng dậy, tay chỉnh tằm ngực. Rồi ông ta nhìn cảnh vật như dò xét đến tận đáy mắt. Người vẫn thẳng đơ, mũ vẫn chỉnh tề như thế.

Buổi sáng trôi đi mang theo cả ánh sáng và giờ giấc của nó. Tất cả mọi người đều đứng như trời trồng, như những bức tượng bằng chì trên sân khấu tí hon. Mũi Berfuche đỏ lên còn mắt thì đầm lệ. Da Grosspeil đã ngả sang màu nước. Tay Vảy Kết cầm cuốn sổ tay bỏ túi trong đó anh ta đã ghi ghi chép chép. Thỉnh thoảng, anh ta lấy tay gãi gãi lên má bị đau, lại bị nổi những vết mồi trắng do rét muốt. Người viên cảnh binh phục vụ trứng thì như được làm bằng sáp ong vậy. Ông thị trưởng đã về tòa thị chính, lòng mừng rơn vì đã thu mình về chỗ ấm áp. Ông ta đã hoàn thành nghĩa vụ con con của mình. Phần còn lại không liên quan gì đến ông nữa.

Viên thẩm phán hít căng lồng ngực luồng không khí tái xanh, tay chấp sau lưng, chân nháy nhót một chỗ. Người ta đang chờ Victor Desharet, bác sĩ vùng V. Nhưng viên thẩm phán không vội vàng gì nữa. Ông ta đang thưởng thức thời khắc và địa điểm, cố ghi sâu vào trong ký ức vốn đã có nhiều cảnh tượng giết người và hiện trường vụ án. Đó là viện bảo tàng của riêng ông ta và tôi tin chắc rằng khi bao quát viện bảo tàng đó, chắc ông ta phải có những cơn rùng mình không khác gì những cơn rùng mình của những kẻ giết người. Biên giới thật là mong manh giữa con thú và kẻ đi sắn.

Bác sĩ tới: ông ta và thẩm phán làm thành một êkíp thiết thân! Họ quen nhau từ hồi trung học. Họ xưng hô thân mật với nhau, nhưng miệng hai người được cấu tạo kỳ lạ đến nỗi tưởng chừng như họ xưng hô với nhau một cách kính trọng, lễ phép. Họ thường ăn với nhau tại nhà hàng Rébillon và cả trong các quán khác nữa ; họ ăn với nhau hàng giờ; tất cả các món ăn đều qua miệng họ, nhất là món thịt heo và lòng: thủ, dạ dày nấu kem, chân giò nấu với bánh mì vụn, lòng, óc, bầu dục rán. Nhờ quen nhau và thường cho nhau những thứ như nhau, rốt cuộc họ đã trở nên giống nhau: cùng nước da, cùng những gân cổ màu mỡ, bụng cũng giống và mắt cũng giống, đôi mắt họ như thể nhìn lướt qua thế giới, tránh bùn đất và tránh luôn cả những cảnh thương tâm.

Desharet nhìn thi thể như nhìn một vật thí nghiệm ở trường học. Người ta thấy ông ta sợ bị ướt găng tay. Dù sao thì ông ta cũng biết rất rõ cô bé nhưng dưới những ngón tay của ông ta, đó không phải là một đứa trẻ đã chết mà chỉ là một cái xác không hồn. Ông ta sờ môi cô bé, bắt

mi mắt lên, giờ cổ Hoa Bìm Bìm lên và ở đó mọi người đều thấy những vết lằn tím như vòng cổ. “Bị bóp cổ chết!”, ông ta tuyên bố. Không cần phải tốt nghiệp trường Bách khoa để nói lên điều đó, nhưng ở đây, vào buổi sáng giá băng này, bên cạnh thi thể nhỏ bé, câu nói này như một cái tát vào mặt.

“Tốt, tốt, tốt...”, thậm phán lại nói. Ông ta rất hài lòng vì có một án mạng, một án mạng thật sự, hơn nữa lại là một vụ giết hại trẻ em. Rồi thì, vừa quay gót vừa làm bộ làm tịch, râu thì dính vào lòng đỏ trứng gà, ông nói:

“Thế cái cửa này là gì vậy?” Thế là mọi người nhìn cánh cửa liên quan như thế nó vừa hiện ra theo kiểu Đức mẹ Marie, một cánh cửa nhỏ hé mở bên bờ cỏ bị đóng băng và xẹp xuống, một cánh cửa xuyên qua một dãy tường cao rộng và đằng sau dãy tường này là một công viên, một công viên nghiêm chỉnh và đằng sau tất cả những cây cối có cành trụi lá chằng chịt quấn vào nhau này, có bóng một ngôi nhà cao, một ngôi nhà chính chủ, một ngôi nhà lớn và có kiến trúc phức tạp.

Bréchut là người vừa trả lời, vừa bẻ tay trong lạnh giá:

“Là công viên Lâu đài đấy...”

“Một lâu đài...”, viên thẩm phán lại nói, vẻ như đích cần đến anh ta.

“Vâng, lâu đài nhà ông Kiểm sát trưởng.”

“Xem kìa, vậy kia là...”, viên thẩm phán nói, tự nói với mình hơn là nói với chúng tôi. Khi đó, chắc chúng tôi không chỉ đứng đếm phân chuột. Dường như ông ta thấy vui khi nghe tên địch thủ của mình và cái tên này lại quấn riết lấy mùi hôi thối của một cái chết tàn bạo, tên của một người có thể lực mà ông ta căm thù không rõ lý do, chắc vì thẩm phán Mierck chỉ có thể căm thù thôi, chắc vì đó là bản chất sâu xa của ông ấy.

“Tốt, tốt, tốt...”, ông ta lại nói. Bỗng nhiên ông ta mạnh khoẻ hẳn lên, dồn hết cơ thể phì nộn của mình trên chiếc ghế mát xa mộng ngoại lai được đặt đối diện ngay với cánh cửa nhỏ dẫn đến công viên Lâu đài. Ông ta ngồi yên như thế rất lâu, thân thể rét cóng như con chim sẻ đậu trên một sợi chỉ. Trong khi đó, cảnh sát hiến binh giẫm chân và hà hơi vào găng tay, mũi con trai nhà Bréchut không còn cảm giác nữa và da Vẩy Kết chuyển sang màu tím xám.

III

Phải nói rằng dù sao Lâu đài này cũng có một tầm quan trọng nào đó. Những người khó tính nhất cũng phải công nhận là nó rất uy nghi với những bức tường bằng gạch, mái bằng đá đen. Như một kỳ công trong một khu phố sung túc - vâng, đúng thế, đúng thế, chúng tôi có một kỳ công - ngoài một bệnh viện luôn chật ních người trong những năm tháng xảy ra cuộc thảm sát thế giới, còn có hai trường học, một trường dành cho nữ, một trường khác dành cho nam và một Nhà máy, rất lớn, với những ống khói to tròn cao chọc trời, từ đó bay lên những cuộn khói và bụi bồ hóng, hè cũng như đông, đêm cũng như ngày. Nhà máy này từ khi được xây dựng vào cuối những năm tám mươi là nguồn sống cho cả vùng. Hiếm ai không làm việc ở đó. Tất cả hoặc hầu hết đàn ông con trai vì nhà máy này mà đã bỏ ruộng đồng và vườn tược. Và từ đó, đất hoang và giầy thép gai đã tràn lan dọc theo sườn đồi rộng mênh mông, nuốt chửng những vườn cây ăn quả, vườn nho hay những dải đất phì nhiêu, màu mỡ.

Thành phố của chúng tôi không lớn lắm. Đó không phải là V., trái lại là đẳng khác. Mặc dầu thế, người ta có thể lạc đường như chơi. Tôi muốn nói là thành phố này có đủ những xó xỉnh tối tăm và lầu chòi để cho mỗi người có thể tìm thấy cách xoa dịu sự sầu muộn của mình. Nhờ vào Nhà máy mà người ta có bệnh viện, trường học và thư viện nhỏ mà không phải bất cứ tác phẩm nào cũng được đưa vào.

Chủ Nhà máy không có mặt cũng chẳng có tên, đó là một tập đoàn và những kẻ ma mãnh thì nói quá ra thành côngsoócxiom. Những dãy nhà ở đã mọc lên chỗ trước đây người ta đã từng gieo mạ. Nhiều đường phố nhỏ được xây dựng giống hệt nhau. Nhà cửa được cho công nhân thuê với giá rất bèo, hoặc rất đắt về mặt hoà hợp xã hội, sự phục tùng và im lặng. Công nhân thì không mong muốn gì hơn, họ thấy thật kỳ khi phải đái trong bệ xí chứ không còn đái trong một chiếc hố đen ngòm được khoét từ một tấm gỗ thông. Những trang trại bỏ hoang, những chỗ hiểm hoi còn sót lại thì dồn vào một chỗ, ôm lấy nhau, chen chúc nhau quanh nhà thờ. Như có phản xạ, những trang trại này kết hợp hài hoà giữa những bức tường cũ rích và những cửa sổ thấp lè tè. Qua những cánh cửa kho hé mở, mùi chua chua của phân chuồng và sữa đông thoát ra ngoài.

Người ta cũng đã đào cho chúng tôi hai dòng kênh, một to một nhỏ. Kênh to là dành cho những chiếc xà lan chở than và đá vôi đến và đưa natri cacbonat đi. Kênh nhỏ tiếp nước cho kênh to phòng khi thiếu nước. Những công trình này đã kéo dài đến mười năm trời. Có những ông đeo cà vạt đi dạo khắp nơi, tiền khi nào cũng đầy túi và đồ xô mua đất. Vào thời gian này, có người có thể say khướt cả tháng trời vì những tay lăm bạc đó sẵn sàng bỏ tiền chiêu đãi. Rồi một ngày, không ai thấy họ nữa. Họ đã ra đi. Thành phố đã thuộc về họ. Mọi người đã tỉnh rượu. Sau đó thì phải làm việc thôi. Làm việc cho họ.

Để trở lại câu chuyện Lâu đài, thành thật mà nói đó là tòa nhà uy nghi nhất thị trấn. Ông già Destinat, tôi muốn nói là người cha ấy, đã cho xây lâu đài đó ngay sau thảm họa Sedan. Và lão không sợ tốn tiền. Ở quê tôi, nếu ít nói thì người ta thích áp đặt bằng những cách khác. Ông Kiểm sát trưởng luôn ở Lâu đài đó. Còn hơn thế: ông ta đã sinh ra và qua đời tại đó.

Lâu đài này rộng mênh mông, vượt quá tầm vóc con người. Hơn thế nữa, gia đình Destinat chưa bao giờ đông người cả. Lão Destinat từ khi có thằng con trai đã ngưng ngay máy đẻ. Danh thuận ngôn chính thì ông đã thoả mãn rồi. Nhưng điều này đã không ngăn cản ông vỗ béo những đứa con hoang rất dễ thương. Ông cho những đứa con ngoài giá thú này một đồng tiền vàng cho đến khi chúng tròn hai mươi tuổi. Khi chúng hai mươi một tuổi, ông viết cho chúng một bức thư giới thiệu đồng thời cho chúng một cái đá tượng trưng vào mông để chúng đi thật xa để kiểm tra xem trái đất có tròn không. Ở quê tôi, người ta gọi đó là lòng hào hiệp. Không phải ai ai cũng hành động như thế. Ông Kiểm sát trưởng là hậu duệ cuối cùng của dòng họ

Destinat. Không phải vì ông ta không lập gia đình mà vì vợ ông chết quá sớm, chết sáu tháng sau khi họ kết hôn. Vào ngày hôn lễ của họ, toàn bộ những nhà giàu có và có máu mặt trong vùng đều đến dự. Cô dâu là người thuộc dòng họ Vincey. Tổ tiên của bà đã từng chiến đấu ở Crécý. Chắc tổ tiên của tất cả mọi người đều đánh nhau ở đó cả nhưng không ai biết gì và cũng chẳng ai thêm quan tâm.

Tôi đã thấy chân dung của bà ấy, bức chân dung vẽ vào ngày cưới được treo ngoài tiền sảnh Lâu đài. Ông họa sĩ đến từ Paris đã nắm bắt được kết cục cận kề của bà qua gương mặt. Nước da tái xanh và những nét mặt cam chịu của kẻ sắp chết thật là ấn tượng. Bà ấy tên là Clélis. Cái tên này không tầm thường đâu, nó được khắc đẹp đẽ vào tấm đá hoa cương màu hồng đặt trước mộ.

Cả trung đoàn có thể đóng quân tại công viên Lâu đài mà không cảm thấy gò bó, chật chội. Công viên có nước bao quanh: ở phía cuối có một đường mòn là đường tắt giữa quảng trường Tòa thị chính và bến cảng, tiếp đến là con kênh nhỏ mà tôi đã có dịp nói qua, ông già đã cho bắc qua dòng kênh này một chiếc cầu theo kiểu Nhật được quét vôi qua loa. Mọi người gọi chiếc cầu này là Cái Dồi Lợn vì màu cầu giống với màu huyết chín. Phía bên kia bờ kênh, người ta thấy những cánh cửa sổ rộng của một tòa nhà cao tầng làm phòng thí nghiệm của Nhà máy. Nơi đó, các kỹ sư cố vắt óc tìm cách làm giàu cho ông chủ. Phía bên phải công viên có một dòng sông nhỏ ngoằn ngoèo nhợt nhạt trôi qua. Tên của dòng sông này là Guerlante, riêng cái tên đã gợi lên một dòng chảy chậm chạp, uể oải, kể cả những dòng xoáy và hoa sóng. Nước thấm hết tất cả. Công viên Lâu đài như một tấm vải lớn ngập nước. Cỏ luôn luôn nhỏ nước. Một nơi để nhiễm bệnh nhiễm tật.

Và đúng điều đó đã xảy ra với Clélis Destinat: mọi việc được giải quyết trong vòng ba tuần, từ chuyến thăm đầu tiên của bác sĩ đến xẻng đất cuối cùng của Ostrane, xẻng đất mà người đào huyết đổ ra từ từ. “Thế tại sao lại xẻng đất này chứ không phải là những xẻng khác?”. Một hôm tôi đã hỏi anh này như thế. Anh ta nhìn tôi bằng đôi mắt sâu hoắm, tối sầm và trả lời: “Vì phải để xẻng này lưu giữ trong ký ức...”. Ostrane là một người hay chuyện và thích tạo ấn tượng. Anh ta dùng từ không đúng chỗ rồi. Dường như tôi đã nghe câu nói này trong các vở diễn.

Lão Destinat xuất thân từ bùn đất nhưng trong thời gian năm mươi năm, lão ta đã thành công trong việc tự cọ rửa mình bằng tiền và vàng. Lão đã đổi đời. Lão sử dụng sáu trăm nhân công, sở hữu năm trang trại được phát canh thu tô, tám trăm hecta rừng mệnh mông là sồi và cổ chần nuôi, mười tòa nhà để ở tại V. và một đồng cỏ phần chứ không phải rơm rác gì. Trên đồng cỏ phần này mười người có thể nằm ngủ mà không phải hích tay nhau.

Lão ta tiếp đón và được tiếp đón. Khắp nơi. Ở nhà giám mục hay nhà tỉnh trưởng. Lão ta đã trở thành một người có máu mặt.

Tôi đã không đả động đến mẹ của Destinat. Bà ấy lại khác: Bà xuất thân từ một thế giới tốt đẹp hơn, cũng là từ thế giới bùn đất cả nhưng không phải từ cái thế giới làm cho bà dần vật, ám ảnh từ bấy lâu nay. Của hồi môn mà bà mang đến cho chồng mình là hơn một nửa những gì ông ta giờ đang sở hữu, thêm vào đó là một số kiểu cách thượng lưu. Rồi bà thu mình lại trong những cuốn sách và những tác phẩm viết cho các phu nhân. Bà có quyền đặt tên cho con trai: Bà đặt là Ange. Lão Destinat thêm Pierre vào. Lão thấy Ange kém mạnh mẽ và thiếu nam tính. Sau đó, bà không thấy con trai mình nữa, hoặc gần như thế. Từ những tuổi đầu với sự săn sóc của những vú em người Anh đến thời kỳ sống nội trú ở trường trung học dành cho các thầy tu dòng Tên, thời gian trôi qua hơn chớp mắt. Mới đây thôi người mẹ sinh hạ một đứa bé hay khóc nhè có làn da hồng hào và đôi mắt tròn xoe. Thế mà một ngày bà thấy trước mắt mình là một thanh niên cứng cáp, dưới cằm có ba sợi râu mọc ngay giữa hai cái mụn. Anh ta từ cao nhìn xuống bà. Đó là một thanh niên được nhồi nhét nào là tiếng latin, nào là tiếng Hy Lạp, nào là vẻ quyền quý và những giấc mơ hảo huyền.

Sống thế nào thì bà ta chết thế ấy: trong sự ần dật. Ít ai nhận ra điều đó. Con trai thì học luật ở Paris. Anh về để tang mẹ mà người ta thấy anh trẻ trung hơn, biết hơn một ít về thủ đô cũng như khả năng ăn nói, tay cầm chiếc gậy bằng gỗ màu sáng, đeo một chiếc vòng tuyệt đẹp, trên bờ môi là một bộ ria mép mỏng bôi sáp theo kiểu Jaubert, một mới nhất! Lão già đến nhà ông thợ mộc đặt một chiếc quan tài đẹp nhất. Lần duy nhất trong đời, ông thợ mộc đã kết hợp gỗ cẩm lai và gỗ gụ trước khi vạy những tay cầm bằng vàng vào. Vàng thật đấy. Rồi ông cho xây một cái hầm mộ trên đó có dựng một bức tượng bằng đồng đang giơ tay lên trời trong khi một bức tượng khác thì im lặng quỳ khóc: điều này không có ý nghĩa gì to tát lắm nhưng lại ần tượng nhất.

Đám tang xong, ông già không thay đổi thói quen của mình là mấy. Chỉ có điều ông đã đóng ba bộ quần áo dạ đen và băng tang.

Ngày hôm sau lễ tang, người con trai lại đi Paris. Anh sẽ còn ở đó nhiều năm nữa.

Rồi một ngày anh ta lại tái xuất. Vẻ quá nghiêm nghị và lúc này đã trở thành kiểm sát trưởng. Đó không còn là thằng nhãi ranh đã từng ném ba bông hoa hồng lên linh cữu của mẹ với một cái bữu môi vừa đủ trước khi chuồn đi ngay vì sợ nhỡ tàu. Có thể nói cái gì đó đã chia lìa anh ta với thế giới bên trong, cái gì đó đã khiến anh ta trở thành một người phục tùng. Nhưng chẳng ai biết gì hết.

Về sau, cảnh goá bụa không còn gây trở ngại cho anh ta nữa. Anh ta rời xa cảnh vắng vợ đó. Tách biệt với thế giới. Tách biệt với chúng tôi. Có thể là tách biệt với chính anh ta. Tôi tin là anh ta rất yêu bông hoa trẻ trung được nuôi nấng trong môi trường nhân tạo đó.

Lão Destinat chết sau vợ tám năm vì bị tấn công trên một con đường vắng, khi lão đi thăm một trong số những trại lính canh của mình, để quát mắng chủ trại, và cũng có thể để tổng cổ hủn ta. Người ta tìm thấy lão ta trong tình trạng miệng há hốc, mũi tì dính trong bùn lầy do vào đầu tháng tư, trời mưa xối xả làm cho đất biến thành một thứ bột nhão nhoẹt. Cuối cùng thì lão ta đã trở về chỗ lão ta xuất phát. Tất cả trở về vạch xuất phát. Tiền cũng không giúp gì nhiều cho lão ta. Lão ta chết trong tư thế của người phụ việc trang trại.

Và thế là đứa con trai trở nên đơn độc thực sự. Thân cô thế cô trong ngôi nhà lớn.

Nếu như anh ta đã từng giữ thói quen nhìn mọi người từ trên cao xuống thì bây giờ anh ta chỉ hài lòng với chút ít thôi. Khi đã qua tuổi thanh xuân bảnh bao, cao ngạo trong những bộ quần áo đẹp đẽ và với con mắt lờm lờm, giờ ông ta chỉ còn là một người về già. Ông ta bận bịu suốt. Vào thời ông già thì Lâu đài thuê đến sáu người làm vườn, một người bảo vệ, một người làm bếp, ba người theo hầu, bốn bà hầu phòng và một tài xế. Cả bộ lạc được quản lý chận chệ sống chen chúc nhau trong những khu nhà phụ chật chội và trong những căn phòng ngủ phía dưới mái nhà. Ở trên này suốt mùa đông nước đóng băng trong các bình xách nước.

Ông Kiểm sát trưởng cảm ơn hết người này đến người kia. Ông ta không đến nỗi là một người keo bẩn. Ông đưa cho mỗi người một bức thư và một khoản tiền kha khá. Ông chỉ giữ một bà ở lại nấu ăn thôi. Bà này tên là Barbe. Ngoài việc nấu nướng ra bà cũng đã bắt đầu trở thành người hầu phòng. Chồng bà được người ta gọi là Nghiêm Trọng vì chưa ai thấy anh ta cười bao giờ. Cả vợ lão ta cũng chưa bao giờ thấy mặc dù bà ta là một người có gương mặt luôn nheo cười. Nghiêm Trọng tuy khả năng của mình mà lo việc bảo dưỡng cơ ngơi và mọi công việc lật vật. Đôi vợ chồng này ít khi ra ngoài. Chẳng mấy khi mà nghe tiếng họ nói. Ngay cả ông Kiểm sát viên cũng thế. Ngôi nhà dường như đang ngái ngủ. Nước đọng lên mái tháp con. Một cây đậu tía trườn ra, cành nhánh bung bít hết các cửa chớp. Nước đóng băng khiến một vài phiến đá đen nứt nẻ. Ngôi nhà già đi, y như con người vậy.

Destinat không bao giờ tiếp khách. Ông đã quay lưng với tất cả. Chủ nhật, ông đi lễ nhà thờ.

Ông có chiếc ghế của riêng mình. Chiếc ghế bằng gỗ sồi có những chữ cái viết tắt tên của dòng họ bằng kéo cắt gỗ. Ông chưa bao giờ bỏ một buổi nào. Khi thuyết giáo, mắt của cha xứ mơn trớn ông như mơn trớn một hồng y giáo chủ hoặc một kẻ tông phạm vậy. Rồi cuối buổi lễ, khi đoàn người đội mũ lưỡi trai và choàng khăn thêu về rồi, cha xứ tiễn ông đến tận sân trước nhà thờ. Một hồi chuông dóng lên trong khi mà Destinat xắn găng tay bằng da dê lên - Ông có bàn tay mịn như tay phụ nữ, ngón tay nhỏ như những đọt thuốc -, họ nói với nhau những câu chẳng đầu vào đầu, nhưng bằng giọng điệu của những người hiểu biết, người này thì để biết tâm linh người đời, người kia thì để hiểu hết tất thấy những điều đó. Xong đâu đấy rồi, Destinat về nhà và việc của mỗi người là tượng tượng nổi cô đơn của riêng mình và giải nghĩa sự cô đơn đó.

Một hôm, một trong số các lãnh đạo của Nhà máy đến xin được tiếp đón trong Lâu đài. Thỏa thuận, trao đổi danh thiếp, cúi đầu và ngả mũ. Ông ta được tiếp đón. Ông này là một người Bỉ, hay cười, chòm râu má quần màu hung, chân ngắn và ăn mặc như một trang quân tử trong tiểu thuyết: áo khoác ngắn, quần dài sọc carô, dải trang sức và dày bóng loáng. Một cách nhanh gọn, Barbe mang trà đến. Bà mời hai người uống trà rồi biến mất. Ông lãnh đạo ba hoa bép xép. Destinat nói ít, uống ít, không hút thuốc, không cười, chỉ lịch sự lắng nghe. Người kia vòng vo quanh ẩm trà, nói chuyện về bi-a trong khoảng mười phút, rồi chuyện săn gà gô, bài bridge, xì gà Havana và cuối cùng là ẩm thực Pháp. Ông ta đã ở đó được bốn mươi lăm phút rồi. Ông ta cứ tha hồ cười nói nhưng tự nhiên Destinat nhìn đồng hồ, hơi liếc một chút nhưng dù sao vẫn chậm rãi, cốt để người kia nhìn thấy.

Ông giám đốc hiểu ra, ho hực hực vài tiếng rồi đặt li trà xuống, ho tiếp, cầm li lên rồi cuối cùng ông đánh bạo: ông muốn xin một ân huệ nhưng không biết là mình có dám không, ông ngần ngại. Thực ra thì ông sợ trình bày không đúng lúc, hoặc có thể là vụng về...Rốt cuộc thì ông vẫn đánh liều: Lâu đài thì lớn, rất lớn và có các nhà phụ, đặc biệt là ngôi nhà nhỏ trong công viên, không có người ở nhưng dễ thương và độc lập. Vấn đề đặt ra cho ông giám đốc là Nhà máy hiện đang hoạt động hiệu quả, rất hiệu quả nên càng ngày càng cần nhân sự, nhất là các kỹ sư, trưởng phòng nhưng không còn chỗ ở cho các xếp này nữa vì không thể để họ sống trong các gian nhà tập thể, chỗ ở của công nhân, không thể để họ ra đụng vào chạm với những người luôn uống rượu nhiều, ngủ thì đôi khi bốn người một giường, nói được mười tiếng lại chửi thề, sinh sôi nảy nở thì như loài vật, không bao giờ! Thế là ông giám đốc nảy ra ý, chỉ một ý thôi... Nếu ông Kiểm sát trưởng có thể chấp nhận cho thuê lại ngôi nhà nhỏ trong công viên, tất nhiên là không có gì bắt buộc ông ấy cả vì quyền vẫn là của chủ nhà, thì cả Nhà máy và bản thân Giám đốc sẽ rất mang ơn. Tất nhiên họ sẽ thuê với giá cao hơn nữa và không phải ai cũng được vào ở đó, chỉ có những người ăn mặc đẹp đẽ, lịch sự, ý nhị, ít ồn ào, chỉ có các phó trưởng phòng nếu như không có trưởng phòng và sẽ không có trẻ con. Ông Giám đốc hứa như thế, mồ hôi hột vã ra dưới cổ áo và trong dày. Ông ta im lặng, chờ đợi, thậm chí không dám nhìn Destinat nữa. Ông Kiểm sát trưởng đã đứng dậy đưa mắt nhìn ngắm công viên sương mù bao phủ.

Im lặng kéo dài. Ông Giám đốc đã thấy hối hận về yêu sách của mình. Bỗng Destinat quay lại và nói với ông ta là đồng ý. Thế đó. Bằng giọng nói không ngữ điệu. Người kia không khỏi ngạc nhiên. Ông ta cúi xuống, ấp a ấp úng, cảm ơn rồi rút, đi thụt lùi rồi về ngay như sợ chủ nhà thay đổi ý kiến.

Tại sao ông Kiểm sát trưởng lại đồng ý? Có thể đơn giản là để cho ông Giám đốc về nhanh cho và mình được yên tĩnh như trước ; hoặc có thể là ông ta thấy vui vui khi người ta xin ông cái gì đó, ít nhất là một lần trong đời, cái gì đó khác với việc cho người ta chết hoặc chối từ cái chết.

IV

Vào khoảng những năm 97-98. Lâu rồi. Nhà máy đã trả chi phí cải tạo ngôi nhà nhỏ trong công viên. Không khí ẩm ướt đã làm cho ngôi nhà nhem nhuốc như một khoang tàu cũ kĩ. Những gì không cần người ta đã cắt vào đó, những đồ vật vĩnh linh tinh, những cái tủ gãy chân, bầy chuột, những cái liềm cùn như trắng lưỡi liềm, đá sỏi, đá đen, một chiếc xe ngựa hai chỗ ngồi, những đồ chơi không dùng nữa, những cuộn chỉ, công cụ làm vườn, quần áo rách và nhiều bộ gạc hươu và mặt lợn lòi nhồi rơm - ông già là một tay ghiền săn bắn, anh con trai thì cho người ta cắt đầu những động vật đó nhưng lại không muốn nhìn nên tấp đồng vào đó. Mạng nhện đầy nhà khiến ngôi nhà như có một lớp gỉ đồng cổ lỗ sĩ, kiểu quan tài đá và bí ẩn Ai cập.

Sau khi đã cải tạo xong ngôi nhà, một thợ đã được mời từ Bruxelles đến để trang trí ngôi nhà.

Ngay sau khi công việc cải tạo đã hoàn tất, người thuê nhà đầu tiên đã tới. Sáu tháng sau có người đến thế chỗ. Anh này rồi cũng đi và người thứ ba tới, rồi người thứ tư và cứ như thế. Không ai hơi đâu mà đếm nữa. Nhiều người đã ở ngôi nhà đó, chỉ lưu lại dưới một năm, và ai cũng giống ai. Mọi người gọi họ cùng một cái tên. Ai cũng nói "Kìa người thuê nhà đi qua kìa!". Đó thường là những anh chàng to cao, còn khá trẻ, không ồn ào, không ra ngoài bao giờ, không bao giờ đưa gái về, luôn chấp hành quy định. Đi nhà máy lúc bảy giờ, về nhà lúc tám giờ sau khi đã ăn tối trong một ngôi nhà mà ở đây người ta gọi là Casino - cũng không hiểu tại sao, ở đây không ai chơi cờ bạc gì! Chỗ này làm nhà ăn cho các ông kỹ sư. Đôi khi, vào ngày chủ nhật, một số họ mạnh dạn đi dạo trong công viên. Destinat không nói gì, cứ mặc kệ thế. Ông đứng sau cửa sổ nhìn họ, chờ cho họ về rồi đến lượt ông đi dạo, sau đó ngồi nghỉ trên một chiếc ghế đá.

Năm tháng trôi qua. Cuộc sống của Destinat dường như theo một nghi thức bất di bất dịch, nó diễn ra giữa tòa án V., nghĩa trang nơi mà hàng tuần ông đến viếng mộ vợ và Lâu đài, nơi mà ông sống khép kín, như vô hình, sống trong sự ẩn dật, trốn tránh người đời và điều này dần dà thấm dột quanh ông một chiếc áo huyền thoại khắc khổ.

Tuổi càng ngày càng cao nhưng bề ngoài ông vẫn như thế. Vẫn là một người nghiêm nghị đến lạnh lùng, vẫn là sự yên lặng đậm đặc như một thế kỷ đầy ắp sự kiện. Nếu muốn nghe giọng nói của ông, một giọng nói rất nhẹ nhàng là đằng khác, chỉ cần đến tham dự một phiên tòa. Kiện tụng thì xảy ra thường xuyên. Ở chỗ chúng tôi, tội phạm nhiều hơn các nơi khác. Có thể là vì mùa đông kéo dài làm người ta buồn chán, vì mùa hè nóng đến mức làm cho máu như nóng chảy trong tĩnh mạch mỗi người.

Những viên bồi thẩm không phải khi nào cũng hiểu ông Kiểm sát trưởng nói gì: ông ta đã đọc sách quá nhiều còn họ thì không đọc nhiều lắm. Trong số họ có đủ loại người nhưng hiếm khi có những người tai to mặt lớn: phần lớn là những người hèn mọn. Những thợ thủ công hôi hám kề cạnh với những ông nông dân mặt đỏ phùng phùng, những tiểu viên chức luôn bận bịu công việc, những cha xứ mặc áo cà sa cũ rích đến từ một nhà thờ miền quê sau khi đã dấy trước cả mặt trời, những người đánh xe hàng, những công nhân phờ phạc. Tất cả mọi người đều ngồi trên một chiếc ghế dài, loại ghế xịn. Nhẽ ra nhiều người đã có thể ngồi cạnh nhau trên chiếc ghế đối diện nằm giữa hai nhân viên cảnh sát râu mép xồm xồm, người thẳng đơ như những hình ảnh Épinal. Tôi chắc chắn rằng trong lòng họ vẫn biết điều đó, họ nhận ra điều đó mà không muốn thú nhận, và đó là điều biến họ thành những người rất đối cảm thù, rất đối quyết đoán đối với kẻ họ phải phát xét, đối với kẻ mà nhẽ ra họ phải thế chỗ, với người anh em kém may mắn hoặc ít dũng khí.

Khi giọng của Destinat cất trong phòng xử án, tiếng rì rầm im hắt. Dường như cả phòng xử án đều chỉnh đốn lại như khi người ta đứng trước gương, kéo chiếc áo sơ mi để làm cho cổ áo nổi lên. Một phòng xử án tự ngắm mình và ngưng thở. Chính trong sự im lặng này mà ông Kiểm sát

trưởng cất lên những tiếng đầu tiên. Và sự yên tĩnh bị phá tan. Không bao giờ quá năm tờ, vụ kiện nào cũng thế, bị can nào cũng thế. Bí quyết của ông Kiểm sát trưởng đơn giản lắm. Không hề loè bịp. Chỉ miêu tả vụ án và nạn nhân một cách lạnh lùng và tỉ mỉ, thể thôi. Nhưng như thế đã là nhiều lắm, nhất là khi không chi tiết nào bị bỏ qua. Thông thường thì báo cáo của bác sĩ đối với ông là một quyển kinh nhật tụng. Ông bắm lấy nó. Ông chỉ cần đọc biên bản đó lên, giọng ông chậm rãi đọc những từ sắc bén nhất. Ông không bỏ sót một vết thương, vết chém nào, một vết xước nhỏ trên cái cổ bị chặt hoặc cái bụng bị mổ cũng không. Những người dự khán và các viên bồi thẩm bỗng thấy trước mắt họ những hình ảnh đến từ rất xa, từ chỗ tối tăm nhất để minh họa cho cái ác và những biến thể của nó.

Người ta thường nói sợ nhất là không biết. Theo tôi đúng hơn là nỗi sợ nảy sinh khi một ngày người ta biết được điều hôm trước đó mình còn không biết. Bí mật của Destinat là thế đó: ra về không hề gì trước mặt những kẻ rất hài lòng về nhiều điều mà nhưng lại không muốn sống gần với những điều đó. Phần còn lại đã được dọn ra rồi. Thắng lợi nằm trong tầm tay. Ông có thể đề nghị lấy đầu bị can. Những viên bồi thẩm dọn cho ông cái đầu đó trên một chiếc mâm bạc.

Sau đó, ông có thể đi ăn trưa ở nhà hàng Rébillon. “Thêm một tý xúu nữa chứ, thưa ông Kiểm sát trưởng!”. Bourrache chạy lại bàn của Destinat trước, chìa ghế cho ông với kiểu cách dành cho bậc đế vương. Destinat mở bộ đồ ăn ra, lấy dao đánh leng keng vào đĩa. Thẩm phán Mierk gật đầu chào ông và Destinat cũng chào lại như thế. Hai người ngồi cách nhau khoảng mười mét. Mỗi người ngồi bàn của mình. Không bao giờ họ trao đổi với nhau một lời. Mierk ăn uống phàm tục, khăn quăn quanh cổ như một người giữ chuồng ngựa, các ngón tay nhầy nhầy nước xốt, mắt thì đã bối rối khi thấy mấy em Brouilly. Ông Kiểm sát trưởng lại là một người có học. Ông cất cá nhẹ nhàng, tinh tế. Mưa vẫn rơi. Thẩm phán Mierk ngẫu nhiên các món tráng miệng. Hoa Bìm Bìm ngủ gật bên lò sưởi, một nhọc và lửa hồng nhảy nhót đã ru ngủ em. Ông Kiểm sát trưởng thì lắng mình trong một giấc mơ nhẹ nhàng, êm dịu.

Đầu đó, người ta đã mài dao và dựng máy chém.

Tôi đã từng nghe nói rằng tài năng và giàu có như Destinat nhẽ ra ông ta đã tiến xa hơn. Thay vì điều ấy, cả đời ông ta ở lại chỗ chúng tôi. Điều đó có nghĩa là không nơi nào cả, điều đó có nghĩa là trong một xứ sở mà trong nhiều năm trời, âm thanh của cuộc sống chỉ vang vọng đến chỗ chúng tôi như một điệu nhạc xa vời, rồi một buổi sáng âm thanh đó rơi trên đầu chúng tôi, làm chúng tôi sút đầu mẻ trán một cách kinh khủng, trong bốn năm trời.

Chân dung của Clélis vẫn trang trí cho căn phòng tiền sảnh của Lâu đài. Nụ cười của bà chứng kiến thế giới đổi thay và đắm chìm trong vực thẳm. Bà mang bộ quần áo của một thời thanh thoát mà nay người ta không mặc nữa. Theo tháng năm, nước da tái xanh của bà đã biến mất và lớp véc ni tô điểm cho đôi má của bà bằng một màu hồng nhạt. Hàng ngày, Destinat đến dưới chân bà, trông ông có vẻ yếu hơn một chút, mờ nhạt hơn, điệu bộ chậm chạp hơn và bước đi cũng thế. Cả hai người lại càng xa nhau hơn. Cái chết bất ngờ lấy mất những điều tốt đẹp nhưng lại lưu giữ chúng nguyên vẹn. Sự cao cả thực sự của cái chết nằm ở đó. Không ai có thể chống lại.

Destinat trân trọng thời gian đến nỗi mà ông chỉ lặng lẽ nhìn nó trôi qua mà nhiều khi không làm gì khác ngoài việc ngồi phía sau cửa sổ, trên một chiếc ghế mây hoặc một chiếc ghế dài. Nhờ một mô đất nhân tạo mọc đầy cỏ chân ngỗng hay dừa cạn mà chiếc ghế này nhô cao, từ đó ông có thể ngắm dòng Guerlante lững lờ trôi và dòng kênh nhỏ đang chảy đi vội vã. Khi đó, người ta cứ ngỡ Destinat là một bức tượng. Từ bao nhiêu năm nay tôi cố hiểu nhưng tôi nghĩ mình không ma mãnh hơn những người khác. Tôi mò mẫm, lạc lõng, xoay vòng. Lúc đầu, trước khi xảy ra Áp phe, Destinat đối với tôi chỉ là một cái tên, một chức vụ, một ngôi nhà, một gia tài, một gương mặt mà ít nhất hai đến ba lần mỗi tuần tôi vẫn gặp và ngả mũ chào. Nhưng điều gì xảy ra sau đó thì chả hay ho tí nào! Từ đó, càng sống với bóng ma của ông ấy tôi càng thấy ông ấy như một người quen lâu ngày gặp lại, một người nhà cùng cảnh ngộ, có thể nói là một

phần trong tôi. Tôi cố làm cho con người đó cất tiếng nói, tôi cố làm cho con người đó sống lại để hỏi một câu. Một câu duy nhất. Đôi khi, tôi tự nhủ rằng mình chỉ mất thời gian thôi, rằng con người cũng dày đặc như sương mù, rằng hàng nghìn đêm cũng không đủ để làm việc ấy. Nhưng bây giờ, thời gian tôi thừa đủ để bán lại. Tôi như một kẻ lạc loài. Tất cả những gì bút rứt có vẻ như rất xa tôi. Tôi sống trong sự rối rên của Câu chuyện và Câu chuyện này không còn của riêng tôi nữa. Dần dà, tôi bỏ ra xa.

Năm 1914. Ở quê tôi, ngay trước cuộc đại thảm sát, bỗng nhiên thiếu kỹ sư trầm trọng. Mặc dầu vậy, Nhà máy vẫn luôn vận hành nhưng có cái gì đó khiến người Bỉ ở lại vương quốc nhỏ bé của họ, núp dưới bóng của vị quốc vương trời ơi đất hỡi. Với điệu bộ nhún nhường và những cách nói kiểu cách, người ta cho ông Kiểm sát trưởng biết là sẽ không có người thuê nhà nữa.

Quả thế, mùa hè được báo hiệu là sẽ rất nóng, kể cả dưới vòm tròn và trong sọ não của nhiều người yêu nước, những người này được lên giây cót hết cỡ như máy móc đồng hồ treo tường. Ở khắp mọi nơi, người ta giơ cao nắm đấm và tung lên cả những kỷ niệm đau buồn. Đó đây, những vết thương trở nên khó thành sẹo, nhất là những vết thương biết đường nhỏ máu và tha hồ viêm nhiễm trong những buổi tối chán chường và oán hận. Vì tự ái hay là vì ngốc nghếch mà cả đất nước sẵn sàng nhảy bổ vào mồm kẻ khác. Những người cha thúc đẩy những người con. Những người con thúc đẩy những người cha. Hầu như chỉ còn đàn bà, những người mẹ, những người vợ hoặc những người chị, những người phụ nữ nhìn nhận điều đó với một chút nghi ngờ khốn khổ trong lòng và một sự sáng suốt đẩy họ qua những buổi chiều hò hét hân hoan, những buổi chiều mà đại bác bị nuốt chửng, những buổi chiều hát vui tràn trề tinh thần dân tộc. Tiếng hát đập vào tán cây hạt dẻ xanh tươi đang đâm chồi nảy lộc và làm đình tai nhức óc.

Thành phố nhỏ bé của chúng tôi nghe được âm thanh của chiến tranh nhưng không thực sự tham chiến. Có thể nói không quá lời là thành phố chúng tôi sống nhờ chiến tranh: tất cả đàn ông con trai thành phố đều làm cho Nhà máy hoạt động hiệu quả. Chúng tôi cần Nhà máy này. Một mệnh lệnh từ trên cao rơi xuống. Lần này là một mệnh lệnh tốt đẹp - những mệnh lệnh như thế này rất hiếm -: được một người tai to mắt lớn xa xôi nào đó uỷ quyền, tất cả các công nhân đều được huy động để phục vụ dân sự: thế là tám trăm người khỏe mạnh thoát khỏi màu đỏ ngạo nghệ và màu thiên thanh ở phía chân trời. Tám trăm thằng đàn ông mà trong mắt một số người chẳng bao giờ chạm tay vào súng ống. Sáng nào cũng thế, họ sẽ bước ra từ một chiếc giường ấm áp, chân tay uể oải chứ không phải từ một chiến hào lầy bùn, để đi đẩy goòng hơn là đẩy xác chết. Một món hời tầm cỡ! Tránh xa tiếng thở của bộc phá, nỗi sợ hãi, những thằng bạn rên rỉ và bỏ mạng cách đó hai mươi mét, mình quấn vào gậy thép gai, chuột cổng găm nhăm xác người! Thay vào đó là cuộc sống, một cuộc sống đích thực, đơn giản chỉ là cuộc sống. Mỗi buổi sáng, cuộc sống bị thiết chặt không phải như một giấc mơ vượt qua khói lửa mà như một niềm đoan chắc nóng bỏng nghe mùi giấc ngủ và hơi đàn bà. “ Những kẻ được trú ẩn thật là hên!”. Đó là suy nghĩ của những người lính đang thời kỳ điều dưỡng, những người mắt chột, những kẻ què chân, những anh bị cụt, những người lính đã bị nghiền nát, mồm bị méo mó, những tân binh bị ngạt thở, thân hình nham nhở. Những người lính này thốt lên điều đó khi bắt gặp những anh công nhân mang tút dết, hồng hào và khỏe mạnh. Một số anh lính cụt tay hay cụt chân quay về phía những người công nhân kia và nhổ toẹt xuống đất. Phải hiểu họ mới đúng. Người ta có thể căm thù vì những điều nhỏ mọn hơn.

Không phải ai cũng là công nhân. Một số anh nông dân có tuổi đời xiên lấy súng. Thế là một số người, hãnh diện như con nít, vẫn chưa biết rằng rồi một ngày sắp tới đây, tên của họ sẽ được khắc trên tấm bia tưởng niệm cần xây.

Và rồi có một sự ra đi đáng ghi nhớ: sự ra đi của một ông giáo tên là Fracassee, một cái tên không thể nào tin được. Ông ta không phải là người vùng này. Người ta tổ chức một buổi lễ tiễn biệt. Trẻ con đã sáng tác ra một bài hát ngắn, rất xúc động và ngây thơ. Bài hát này làm cho ông ta rơm rớm nước mắt. Hội đồng Thành phố tặng cho ông một túi thuốc lào và một đôi găng tay. Tôi tự hỏi là ông ta đã có thể làm gì với đôi găng màu hồng, bằng vải mịn này. Ông ta đã rút đôi găng này ra khỏi một chiếc hộp bằng da cá và bằng giấy tờ tẩm rồi nhìn với vẻ hoài nghi.

Tôi không biết ông ta đã thế nào rồi, ông Fracasse này: chết, què chân hay vẫn bình yên vô sự sau bốn năm trời. Dù sao chẳng nữa, ông ta không bao giờ trở về nữa và tôi hiểu điều đó: chiến tranh không chỉ giết người hàng loạt mà còn sẻ đôi thế giới và những kỷ niệm của chúng ta, như thể tất cả những gì diễn ra trước đó đều ở trên thiên đường, trong một chiếc túi cũ kỹ mà không ai dám thò tay vào nữa.

Người ta cử một người thay thế và người này không thể gọi động viên được nữa. Tôi nhớ nhất là đôi mắt điên dại của anh ta, y như hai hòn bi thép trong lòng trắng con hàu. “Tôi phản đối!” Anh ta nói ngay với ông thị trưởng khi ông này đến để điều võ dương oai. Người ta gọi anh ta là Phản Đối. Phản đối là một nghĩa cử thật đẹp. Nhưng chống lại cái gì mới được chứ? Không ai biết bao giờ. Dầu sao thì tất cả đã được giải quyết trong thời gian ba tháng: anh chàng này chắc đã bắt đầu mất phương hướng từ lâu rồi. Đôi khi, anh ta ngừng giảng bài và nhìn lũ trẻ, miệng lưỡi bắn tiếu liên hoặc bắt chước tiếng trái phá nổ trên đất đồng thời đổ người xuống rồi bất động trong vòng nhiều phút. Trong vụ việc này, anh ta thật đơn độc. Điên là xứ sở mà không phải ai muốn là vào được. Tất cả đều có cái giá của nó. Dù sao thì anh ta đến với cái điên với tư cách của một quan gia, bỏ rơi những đồ neo đậu với sự phù hoa của một viên thuyền trưởng đứng ở mũi thuyền mà tự đánh đắm mình.

Buổi tối, anh ta đi dạo dọc bờ kênh, vừa đi vừa nhảy nhót. Anh ta nói một mình, thường nói những từ ngữ mà không ai hiểu, đôi khi dùng lại để dùng một chiếc đĩa bằng gỗ phỉ đánh lại một địch thủ vô hình, sau đó anh ta lại đi, vừa đi vừa nhảy nhót vừa thầm thì “Tagada Tagada T'soin T'soin!”.

Anh ta vượt quá giới hạn vào một ngày pháo nổ ác liệt. Cứ năm giây một lần, cửa kính cứ rung lên như mặt nước trước cơn gió bắc thổi mạnh. Không khí nồng nặc mùi thuốc súng và xác người. Mùi hôi thối bay tận trong nhà. Người ta lấy vải ướt bịt các khe cửa sổ lại. Sau này, bọn trẻ con kể lại rằng Phản đối lấy hai tay ôm đầu gần một tiếng đồng hồ như muốn làm nó vỡ ra, đứng lên bàn làm việc của mình rồi cởi hết quần áo một cách có phương pháp, miệng hát inh ỏi bài La Marseillaise. Rồi trần truồng như Adam, anh ta đã chạy đến lá cờ, quăng nó xuống, đá lên đó rồi định châm lửa đốt. Đúng lúc đó, con trai nhà Jeanmaire, thằng lớn nhất lớp, khoảng mười lăm tuổi, bình tĩnh đứng lên và lấy một chiếc que còi lò bằng gang đánh một cú rất mạnh lên đầu anh ta.

“Cờ tổ quốc là một thứ rất thiêng liêng!”. Sau này, về không kém phần hãnh diện, thằng bé nói như thế trong khi mọi người vây quanh để nghe nó giải thích hành động của mình. Cậu ta có vẻ xúc động thực sự. Cậu ta chết ba năm sau đó, trên Con đường Các Bà. Vẫn vì lá cờ tổ quốc.

Khi ông thị trưởng đến, anh giáo nằm dài ra, trần truồng, trên lá cờ xanh trắng đỏ, tóc hơi bị lửa liếm. Sau đó, người ta đưa anh ta đến chỗ hai y tá. Lần này anh ta đã mặc quần áo vào, chiếc áo bó làm cho anh ta mang dáng vẻ một tay đấu kiếm, đầu bầm tím như được trang điểm một cách diêm dúa. Anh ta không nói nữa. Anh ta như một đứa bé vừa bị mắng xong. Khi đó, tôi tin là anh ta đã ra đi thật sự rồi.

Chỉ còn một trường học không giáo viên và tình thế này không làm các vị quan chức vui lòng. Để không làm phật ý bọn trẻ, các vị này cần nhồi nhét sọ não và sản xuất từng ký lính trẻ sẵn sàng xung trận. Hơn nữa, vào thời đó, khi những ảo tưởng ban đầu đã tiêu tan - “Mười lăm ngày nữa, ta sẽ cho bọn Đức tọng hết Berlin! -, Không biết cuộc chiến này còn kéo dài bao lâu nữa, tốt hơn hết là dự kiến lính dự bị. Phòng khi...

Ông thị trưởng chỉ còn nước vò đầu bứt tóc và xin xỏ khắp nơi: không thay đổi được gì: Giải pháp không tìm ra và người thay thế Fracasse cũng không tìm thấy.

Rồi tự nhiên điều đó đã đến, chính xác là vào ngày 13 tháng 12 năm 1914, trên chiếc xe từ V. đến và như thường lệ, dừng lại trước cửa hàng ngũ kim Quentin-Thierry. Mặt cửa hàng này bày

ra thẳng ro những hộp dinh tán đủ kích cỡ bên cạnh những chiếc bầy chuột. Bốn người buôn gia súc bước ra khỏi xe, người đỡ như mũ lễ của hồng y giáo chủ, huých nhau lui thụt vì đã khao nhau quá đà; tiếp theo là hai phụ nữ, hai goá phụ, các chị đến thành phố để bán các tác phẩm thúu thừa của mình; cha Berthiet, một công chứng viên đã bỏ nghề, mỗi tuần một lần, ông thường đến phòng trong của Quán Cà phê L'Excelsior để chơi brit với một vài tên vô tích sự như ông. Có thêm ba con ranh đi mua sắm chuẩn bị lễ cưới cho một trong ba số họ. Và cuối cùng, khi mà người ta tưởng không còn ai nữa, một cô gái trẻ bước xuống xe. Một tia nắng thực sự.

Cô gái nhìn bên phải rồi bên trái, chầm chậm như để cân nhắc mọi thứ. Người ta không nghe tiếng đùng đùng của súng đạn và tiếng nổ của trái pháo nữa. Ánh nắng như còn thơm mùi ẩm áp của mùa thu và nhựa cây dương xỉ. Dưới chân cô là hai túi xách nhỏ bằng da màu hạt dẻ. Cái khoá bằng đồng của chúng dường như giấu kín những điều bí ẩn. Quần áo cô mặc thật giản dị, không trang sức cũng không tô điểm. Cô hơi cúi người, xách hai chiếc túi lên và nhẹ nhàng biến khỏi tầm nhìn của chúng tôi, nhẹ nhàng trong bóng dáng mỏng mảnh mà tối đến bao trùm bằng một lớp hơi sương xanh, hồng và mờ mịt.

Cô gái có một cái tên, sau nay người ta mới biết, trong cái tên này một bông hoa đang ngái ngủ, Lysia và cái tên này hợp với cô như một bộ váy khiêu vũ. Cô chưa đầy hai mươi tuổi, từ miền Bắc tới. Tên họ của cô là Verhareine.

Cuộc hành trình ngắn ngủi của cô diễn ra xa tầm nhìn của chúng tôi. Cuộc hành trình đó dẫn cô đến cửa hàng xén của Augustine Marchoprat. Bà này, nghe cô hỏi, đã chỉ cho cô tòa thị chính và nhà của ông thị trưởng: cô gái đã hỏi như thế, “bằng một giọng nói êm như rót mật vào tai”, sau này người ta đã nói như thế. Rồi mẹ Marchoprat, là người có cái lưỡi lớn như lưỡi bò, đóng cửa lại, kéo tấm ri đô sắt vào rồi chạy đi kể hết chuyện đó với người bạn già tên là Mélanie Bonnipeau, một người mê đạo hay đội mũ bonê. Bà này dành phần lớn thời gian để nhìn ngắm đường phố từ cánh cửa sổ lè chè của nhà mình bị lẫn vào giữa cuộn giấy leo xanh mọng nước bò trên mặt kính và cái giá đá to bự được cắt thành hình đầu chó biển. Thế là cả hai cụ già đưa ra những giả thuyết để rồi đi đến việc thêu dệt thành những tiểu thuyết rẻ tiền mà các bà thường nhồi nhét vào các buổi tối mùa đông, đồng thời kể cho nhau nghe những tình tiết, thêm thắt vào sao cho chúng có vẻ rườm rà và vớ vẩn hơn cho đến nửa giờ sau, lúc mà Louissette đến. Louissette là người hầu của ông thị trưởng, một cô gái ngu dần như ngỗng.

“Ai vậy? Mẹ Marchoprat hỏi cô người hầu.

- Ai là ai?
- Đồ dần! Cô gái có hai túi xách ấy!
- Một cô gái miền Bắc.
- Miền Bắc là miền Bắc nào? Mẹ hàng xén hỏi tiếp.
- Tôi có biết đâu, miền Bắc thì không có quá ba mươi sáu.
- Thế cô ta cần gì?
- Cô ta cần một vị trí.
- Vị trí nào?
- Vị trí của Fracasse.

- Cô ta là giáo viên à?
- Cô ta nói như vậy.
- Thế còn ông thị trưởng, ông ta đã nói gì?
- Ồ, ông ta đã cười với cô ta rất tươi!
- Điều đó không làm tôi ngạc nhiên!
- Ông ta nói với cô ta: Cô là người cứu tôi!
- “Cô là người cứu tôi!”
- Vâng, như tôi đã nói với chị.
- Thêm một gã có ý tưởng sâu xa.
- Ý tưởng nào?
- Cô gái tội nghiệp của tôi ơi! Một ý tưởng trong quần nếu mày muốn. Mày biết ông chủ của mày mà, ông ta là một người đàn ông!
- Nhưng trong quần thì làm gì có ý tưởng...
- Trời ơi cô ta ngu quá! Thế đứa con hoang của mày, làm thế nào mà mày đã đẻ ra nó, bằng không khí à?”.

Louisette phật ý liền quay lưng bỏ đi. Hai cụ già tỏ ra thoả mãn. Hai bà có chuyện để nói vào tối nay, nói về miền Bắc, về con người, về những thói hư tật xấu, và về cô gái trẻ. Cô gái này có vẻ này vẻ khác nhưng không hề ra dáng một cô giáo. Đặc biệt cô ta quá đẹp, quá đẹp để trở thành một cô giáo, quá đẹp đến mức không thể có nghề nghiệp.

Ngày hôm sau thì chúng ta biết tất cả, hoặc gần như thế.

Lysia Verhareine đã ngủ trong căn phòng lớn nhất của khách sạn duy nhất trong thành phố chúng tôi, tiền thuê phòng được Tòa thị chính thanh toán. Và buổi sáng, ông thị trưởng, ăn mặc như một chàng trẻ tuổi đã đến đón cô để giới thiệu với tất cả mọi người rồi đưa cô đến trường học. Cứ nhìn ông thị trưởng mà xem, ông ta nhún nhảy xoay mình đến rách cả chiếc quần ngọc thạch anh màu đen. Những động tác xoay mình này trở nên duyên dáng hơn với một trăm ký trọng lượng cơ thể, duyên dáng như một điệu nhảy của con voi diễn xiếc trước cô gái trẻ. Cô gái luôn nhìn ra xa như thể đang tìm cách soi mình trong đó, lạc vào đó trong khi bàn tay nhỏ nhắn vẫn nhẹ nhàng bắt tay chúng tôi.

Cô gái vào trường rồi nhìn phòng học như nhìn một chiến trường. Tất cả đều hôi mùi trẻ con nhà quê. Dưới đất vẫn còn sót một ít tro tàn của chiếc cò bị đốt. Một số chiếc ghế bị lật ngược khiến cho nơi này như vừa trải qua một cuộc ăn chơi trác táng. Chúng tôi đứng sát cửa kính nhìn cảnh tượng đó từ phía ngoài mà không cần phải nấp. Những câu đầu tiên của một bài thơ vẫn còn trên bảng:

Có lẽ họ đã cảm nhận được sự khắc nghiệt của cái rét

Dựa vào những trái tim trần dưới những ngôi sao mờ

Và cái chết nửa vời...

Từ ngữ câu thơ dừng lại đó, nét chữ cũng thế. Có thể đây là nét chữ của Phản Đối. Nét chữ ở đó và nhắc cho chúng tôi nhớ lại đôi mắt, động tác tập thể dục của anh ta trong khi mà anh ta - nhưng ở đâu mới được chứ? - trong khi mà anh ta chắc đang nằm trên tấm thảm đầy chầy rạn hay đang run lập cập dưới vòi hoa sen lạnh giá và những luồng điện màu hoa cà.

Ông thị trưởng đã lên tiếng sau khi đã mở cửa và chỉ vào lá cờ, rồi ông ta đút tay vào túi áo gi lê bằng lụa tơ tằm. Ông im lặng làm ra vẻ ta đây, thỉnh thoảng lại lia mắt nhìn chúng tôi như muốn nói “Chúng mày làm gì ở đây thế? Chúng mày muốn gì? Hãy cút đi, đừng dỉ mũi vào chúng tao!” Nhưng không ai chịu đi cả, ai cũng chăm chú nhìn cảnh tượng đó như uống một ly rượu quý vậy.

Cô gái trẻ bước từng bước ngắn, từ phải qua trái rồi từ trái qua phải. Cô bước tới bàn học sinh trên đó còn có sách vở, bút mực. Cô cúi xuống một cuốn vở, đọc trang viết. Người ta thấy cô gái cười, đồng thời thấy luôn mái tóc cô buông như một dải vàng sủi bọt lên cổ như bọt nước, giữa cổ áo và làn da trần. Sau đó, cô dùng chân trước đồng tro cờ tổ quốc, dựng hai chiếc ghế bị đổ lên, vẻ như không, cô cắm lại những bông hoa khô vào lọ, xoá những câu thơ trên bảng không một chút do dự rồi cười với ông thị trưởng. Ông này đứng như trời trồng, lặng người trước nụ cười tuổi hai mươi trong khi cách đó khoảng mười lăm dặm, người ta lấy dao cắt cổ nhau, sợ hãi cả quần, trong khi mỗi ngày có hàng nghìn người chết mà không thấy nụ cười con gái, trên một vùng đất tan hoang mà ở đó, ý nghĩ về phụ nữ đã trở thành một ảo tưởng, một giấc mơ của kẻ say rượu, một lời chửi rủa quá đẹp để.

Ông thị trưởng vỗ tay vào bụng để ra vẻ oai vệ. Lisia Verhareine ra khỏi phòng học, với bước chân yếu điệu như bước nhảy.

VI

Anh giáo trước đó luôn ở phía trên trường học: ba căn phòng đẹp đẽ, xinh xắn hướng mặt về phía nam và bao quát cả sườn đồi và chiếc áo choàng nho và mận vàng của nó. Fracassee đã biến nơi ở của mình thành một nơi xinh xắn. Tôi đã có dịp đến nơi này vào một buổi tối hay hai gì đấy: chúng tôi đã chuyện trò với nhau đủ thứ trên đời nhưng với một chút dè dặt. Đó là một nơi thơm mùi sáp ong, mùi sách, hương vị của trầm tư và cô độc. Trước khi Phản Đối chiếm hữu chỗ này thì chưa có ai đến đó cả. Sau khi các y tá đưa anh giáo đi thì cũng không ai bén mảng tới.

Ông thị trưởng tra chìa khoá vào, đẩy cửa một cách khó khăn, hơi ngạc nhiên vì cửa khó mở như thế, đi vào và tự nhiên đánh mất nụ cười tươi của một hướng dẫn viên du lịch: Điều này là tôi giả thuyết thế, tôi tái tạo lại câu chuyện, tôi lấp đầy khoảng trống nhưng tôi tin là mình không bịa chuyện là mấy vì chúng tôi đã đọc được tất cả những điều đó khi chứng kiến nỗi kinh hãi của ông ta, trên trán lấm tấm mồ hôi hột và sự ngạc nhiên. Vài phút sau, khi trở ra để hít thở không khí thì nước da ông ta tím tái như người bị ngạt, rồi ông ta dựa người vào tường, như một ông nông dân - ông ta vẫn không khác gì một ông nông dân -, ông ta rút ra một chiếc khăn mùi soa lớn có kẻ ô, không được sạch lắm, để lau mồ hôi.

Một lúc lâu sau, Lysia Verhaveine cũng ra ngoài. Ánh sáng làm cô nheo mắt. Cô mở mắt ra nhìn chúng tôi cười. Rồi cô tránh ra xa, đi vài bước, quỳ gối xuống để nhặt hai hạt dẻ chín muộn vừa rơi xuống đất và toé ra láng bóng với những cái vỏ màu nâu thật tươi. Cô bóc hai hạt dẻ trong lòng bàn tay, nhắm mắt hít hà hương thơm của chúng rồi nhẹ nhàng ra đi. Chúng tôi chạy, huých nhau, xô đẩy nhau trên cầu thang: như ngày tận thế.

Nơi ở nhỏ nhắn, xinh xắn đó không còn gì đáng kể nữa. Thực sự không còn gì. Phản Đối đã phá hoại nơi ở của mình một cách có phương pháp, tỉ mỉ tấn mấn đến nỗi cắt nhỏ từng cuốn sách thành những ô vuông nhỏ từng xentimet - Lepelut, một thầy ký vốn là một người rất chính xác, đo những ô vuông đó trước mắt chúng tôi -, chi tiết đến mức lấy dao nhíp xén các đồ đạc thành những đồng vỏ bào to và hoe vàng. Đủ loại côn trùng tập đông lên đồ ăn thừa. Quần áo bẩn la liệt dưới đất như những cơ thể không thịt da bị chặt khúc. Trên tường, chỗ nào cũng thế, những diễn từ hiếu chiến của bài La Marseillaise được dán trên một tờ giấy có hoạ tiết cúc đầu mùa và thực quỳ hồng. Người điên đã viết đi viết lại những câu hát này như những lời lải nhải của kẻ mất trí. Những hàng chữ này đem lại cho tất cả chúng tôi cảm giác bị giam cầm trong những trang khổng lồ của một cuốn sách tàn khốc. Anh ta đã vẽ từng chữ bằng đầu ngón tay, bằng đầu ngón tay chấm vào cút của chính mình, anh ta đã ỉa vào mỗi góc phòng, vào ngày ghé chỗ chúng tôi, có thể sau khi tập thể dục xong hoặc trong tiếng nổ kinh hãi của đạn pháo, gần tiếng chim hót chướng tai, gần mùi hương tục tĩu của cây kim ngân, của hoa đình, hoa hồng, dưới màu thiên thanh và ngượng với cơn gió ngọt ngào.

Phản Đối rốt cuộc cũng đã tham chiến theo cách của mình. Bằng dao kéo, anh ta đã vẽ nên chiến trường, hầm hào và cả địa ngục của mình. Anh ta cũng thế, anh ta đã kêu lên đau đớn trước khi gục xuống.

Quả là hôi thối cực kỳ nhưng thực ra ông thị trưởng chỉ là một con người hèn mọn, không trái tim mà cũng chẳng tấm lòng. Một người thua kém hơn là một kẻ vô tích sự. Cô giáo trẻ thì ngược lại, cô là một phụ nữ: cô ta đã ra khỏi căn hộ mà không cần đánh giá hay run rẩy. Cô ta đã nhìn lên bầu trời đang cuốn đi những cuộn khói và những đám mây tròn, cô ta đã đi vài bước, nhặt hai hạt dẻ lên rồi vuốt ve chúng như vuốt ve lên thái dương nóng bỏng của người điên, vuốt ve lên vầng trán nhợt nhạt, xanh xao như người chết của anh ta, vuốt ve lên cả những nỗi thống khổ của nhân loại, xoa dịu những vết thương hở hoác, thối rữa từ nhiều thế kỷ. Bên cạnh tất cả những thứ đó, mùi phân người chẳng là gì cả, vâng, chẳng là gì ngoài cái mùi dịu dịu,

chưa chưa của một cơ thể còn sống, còn sống, và mùi này không thể nào làm cho chúng ta nhăn nhó, xấu hổ hoặc tự huỷ hoại mình.

Không phải vì thế mà cô gái ở căn hộ đó. Ông thị trưởng bàng hoàng. Ông ta uất ức cực độ, đến tái xanh mặt mày. Uất ức đến mức ông ta uống cạn ly cà phê mà không chờ cho đường tan hết như các lần trước để lấy lại bình tĩnh sau khi đã đến gần sự đen tối của tất cả chúng ta. Ông ta uống như thế ở quán Cà phê Thériex, quán gần nhất trong khi mà chúng tôi đang nghĩ tới những dòng thơ mà ông thầy điên đã vẽ, nghĩ tới thế giới nhor nhóp của anh ta, vừa nghĩ vừa lắc đầu, vừa huýt sáo thật to, vừa nhún vai và vừa nhìn rạng đông đang chuyển thành màu đen như mực sau cửa kính.

Rồi, vì ngủ ngáy và uống rượu nhiều, ông thị trưởng đã bị bầm dập vì va phải bàn ghế. Cười hội đồng. Xoay vòng. Người ta lại lên tiếng. Người ta nói, nói. Rồi một người nào đó nhắc đến gương mặt của Destinat. Một người khác, tôi cũng không biết là ai, lên tiếng: “Phải cho cô giáo trẻ ở đó, ở nhà ông Destinat đây, trong ngôi nhà công viên, chỗ trước đây có người thuê nhà đấy!”

Ai cũng thấy ý kiến này hay, đứng đầu là ông thị trưởng. Ông nói lúc này giờ ông đã nghĩ đến việc ấy. Mọi người huých nhau vẻ như đồng tình. Khuya rồi. Chuông nhà thờ gõ vào đêm mười hai tiếng. Gió quật một cánh cửa sổ xuống. Bên ngoài, mưa lênh láng mặt đất như một dòng sông lớn.

VII

Ngày hôm sau, ông thị trưởng thôi không kiên cưỡng đạo mạo nữa. Vẻ mặt hèn hạ, ông ta mặc bộ quần áo bằng nhung rất rộng, một chiếc áo choàng bằng len, đội một chiếc mũ lưỡi trai bằng da rái cá và đi dày đinh. Xếp xó bộ quần áo cưới và vẻ cao ngạo tự tin. Ông ta không thể cho mình đang ở trên sân khấu và đang sắm một vai nào đó nữa: Lysia Verhareine đã đoán định được tình cảm của ông. Không còn là lúc sắm vai nhân vật một chàng trai bánh bao nữa. Rồi thì, đi thăm ông Kiểm sát trưởng trong bộ quần áo khiêu vũ khác gì biến ông ta thành kẻ thù ngay từ đầu. Người kia sẽ nhìn ông ta như nhìn một con khỉ mặc áo người.

Cô giáo trẻ vẫn giữ nguyên nụ cười của mình. Váy giản dị như chiếc váy cô đã mặc buổi đầu tiên, nhưng với gam màu thu và rừng, với viền kim tuyến gốc Bruges, điều này tạo cho cả bộ một sự trang nghiêm nào đó. Trên đường phố, ông thị trưởng lợi bì bõm trong bùn còn cô gái thì đặt hai bàn chân nhỏ bé của mình lên đất sỏi, tránh các vũng nước hay rãnh nước. Đường như cô đang vừa nhảy nhót vừa chơi đùa bằng cách vẽ lên mặt đất ráo nước đường đi của một con thú hiền từ. Đằng sau những đường nét hào nhoáng của một phụ nữ trẻ, người ta vẫn đoán được hình ảnh một cô bé tinh nghịch ngày nào. Mới đây thôi, cô bỏ trò chơi nhảy ô rồi chui vào các khu vườn để hái những bó hoa anh đào và lý chua đỏ thắm.

Cô giáo chờ trước bậc thềm Lâu đài trong khi mà ông thị trưởng một mình vào thỉnh cầu ông Destinat. Ông Kiểm sát trưởng đứng tiếp khách trong phòng sảnh, dưới trần nhà cao mười mét, trong cái lạnh của cửa kính đen trắng. Ánh sáng lọt qua các cửa kính, vẽ lên nền nhà một bàn cờ dam, trò chơi tồn tại từ thời kỳ xa xưa, vào cái thời mà con người là những con tốt, vào cái thời còn có những người giàu, có thể lực và những kẻ hiếu chiến trong khi mà từ xa, trong tư thế ngã, những người hầu và những người cùng khổ đang nhìn họ. Ông thị trưởng thổ lộ tất cả. Đùng một cái như thế. Không tô điểm cũng không chọn lời hay lẽ phải. Ông ta nói, mắt cúi nhìn gạch vuông và đôi ghệt bằng da bê thượng hạng của Destinat. Ông ta không giấu diếm điều gì: Bài La Marseillaise vấy phân người, cảnh tượng ngày tận thế và ý tưởng nảy ra trong đầu nhiều người, đặc biệt là trong đầu ông, đó là cho con bé ở trong ngôi nhà công viên. Ông ta im lặng, chờ đợi, ngơ ngơ như một con vật sau khi húc thẳng vào hàng rào công viên hay thân một cây sồi lớn. Ông Kiểm sát trưởng không trả lời. Ông nhìn qua cửa kính giáo đường, thấy một bóng người thanh thoát đang lạng lẹ đi đi lại lại, rồi ông cho ông thị trưởng biết là ông muốn gặp cô gái. Thế là cánh cửa mở ra và Lysia Verhareine hiện ra trước mắt.

Tôi có thể thêu dệt lắm chứ, có khó khăn mấy đâu. Nhưng thêu dệt mà làm gì? Sự thật có sức mạnh hơn khi người ta nhìn thẳng vào nó. Lysia đi vào và chìa tay cho Destinat, bàn tay nhỏ đến nỗi mà lúc đầu Destinat không thấy, vì mắt đang bận nhìn đôi dày của cô gái trẻ, đôi dày nhỏ bé bằng kếp và thuộc da màu đen, mũi và gót dày hơi dính bùn. Lớp bùn màu xám hơn là màu nâu này in dấu nhầy nhầy lên nền nhà, nhuộm những ô cờ dam màu đen thành màu trắng còn những viên vuông trắng thành màu sẫm.

Ông Kiểm sát trưởng nổi tiếng là người có đôi dày bóng loáng hơn cả chiếc mũ sắt của lính gác cộng hoà, dù thời tiết như thế nào đi chăng nữa. Tuyết có thể rơi hàng mét, mưa có thể rơi như trút nước, mặt đường có thể trở nên lầy lội nhưng con người đó vẫn đi một đôi dày da không hề tỳ vết. Một hôm, tôi đã thấy ông ta lau bụi cho đôi dày của mình, trong hành lang tòa án. Ông ta cứ tưởng là không ai nhìn thấy và xa hơn một tý, sau bức tường bằng gỗ hồ đào, mười hai viên bồi thẩm đang cân nhắc cái đầu của một phạm nhân. Ngày hôm đó, cử chỉ của ông ta có một chút khinh khi và ghê rợn. Và tôi đã hiểu khá nhiều điều. Destinat rất ghét các vết nhơ, ngay cả những vết nhơ tự nhiên nhất, trần thế nhất. Thường thì ông cảm thấy buồn nôn khi nhìn thấy những đôi dày vấy bẩn của những các bị cáo đang chen chúc nhau trên những chiếc ghế băng trong phòng xử án, hoặc của những người mà ông bắt gặp trên phố. Nhìn đôi dày của bạn là có thể đánh giá bạn xứng đáng được để mắt hay không. Và tất cả những điều đó để đánh

đầy một cách hoàn hảo, bóng loáng như cái đầu hói sau một mùa hè đầy nắng, hoặc là một lớp đất khô, một lớp bụi đường hay một giọt mưa trên lớp thuộc da cứng và rỗng.

Nhưng ở đây, trước một đôi dày nhỏ vậy bùn đang vẽ lại bàn cờ bằng đá hoa cương và vẽ lại cả vũ trụ gắn liền với nó, tất cả đã đổi khác: như thể cả thế giới đã dừng bước.

Cuối cùng thì Destinat cũng cầm bàn tay nhỏ nhắn đang chìa về phía tay ông và giữ nó rất lâu. Thời gian kéo dài.

“Một sự vĩnh cửu”, sau này ông thị trưởng nói với chúng tôi như thế.

“Một sự vĩnh cửu, và thêm một sự vĩnh cửu lớn lao nữa!” Ông ta nói thêm, rồi tiếp tục: “Ông Kiểm sát trưởng không buông tay con bé ra nữa, ông ấy cầm lấy tay con bé còn đôi mắt, chắc các bạn đã thấy, đôi mắt ông ta không còn là đôi mắt ông ta nữa, và ngay cả đôi môi của ông ta, hơi động đậy, hơi rung rung như muốn nói gì đó nhưng ông ta không nói một lời nào. Ông ta nhìn con bé, ngấu ngiến con bé như thể chưa bao giờ nhìn thấy phụ nữ vậy, đúng hơn là những phụ nữ như nó... Tôi, tôi chẳng biết đứng đâu nữa, các anh cứ nghĩ mà xem, hai người này đang ở chỗ khác, họ bị giam hãm ở đâu đó, họ lạc vào trong mắt nhau bởi vì con bé nhìn không nháy mắt, nó cười với ông ta với nụ cười xinh tươi không bao giờ tắt, không cúi đầu, không tỏ ra khó chịu mà cũng không e lệ, và thẳng ngốc trong câu chuyện này lại là tôi... Tôi cố tìm cái gì đó để bầu vịu, cái gì đó có thể biện minh cho sự có mặt của tôi để không trở thành một vị khách không mời mà đến, và thế là tôi trốn vào bức chân dung của vợ ông ta, trốn vào xếp nếp của chiếc váy của bà ấy, chiếc váy buông xuống tận chân. Tôi còn có thể làm gì khác được? Chính con bé là người đã rút tay ra, nhưng mắt vẫn nhìn đắm đắm, còn ông Kiểm sát trưởng thì nhìn bàn tay con bé, như thể con bé đã bị lột da vậy. Sau một lúc im lặng, ông ta đã nhìn tôi rồi nói: “Được”, thế thôi, chỉ là một tiếng “được” đơn giản. Sau đó tôi không biết gì thêm.”

Chắc là ông ta biết rất rõ, nhưng điều đó không quan trọng nữa. Ông ta và Lisia Verhareine rời khỏi Lâu đài. Destinat ở lại. Rất lâu. Đứng một chỗ như thế. Rồi cuối cùng ông ta nặng nề đi lên phòng: tôi giống Nghiêm Trọng ở điểm đó, chưa bao giờ Nghiêm Trọng thấy ông ta còng lưng như thế, chậm chạp và ngơ ngơ như thế. Destinat thậm chí còn không trả lời người hầu già khi ông này hỏi mọi việc có ổn không. Nhưng có thể trong buổi tối đó ông ta đã trở lại phòng sảnh, trong bóng tối nhập nhoạng nhờ ánh lân quang xanh nhạt của những cây đèn đường, để chắc chắn là những điều mình đã thấy là đúng, để nhìn những vết bùn nhỏ trên bàn cờ đen trắng rồi nhìn đôi mắt người vợ quá cố của mình. Bà vợ vẫn cười nhưng với nụ cười ngày xưa, một nụ cười không có gì có thể làm rạng rỡ hơn nữa, một nụ cười dường như đã xa ông với vợ.

Sau đó, những ngày kỳ lạ đã bắt đầu.

Chiến tranh vẫn diễn ra, có thể còn ác liệt hơn bất cứ lúc nào: đường xá bị cày xéo như một tổ kiến bất tận được nhuộm màu xám trông như một chòm râu sóng xoài. Cuối cùng thì tiếng đạn pháo không còn ngớt nữa, đêm cũng như ngày. Nó đánh dấu cuộc sống con người như một chiếc đồng hồ treo tường rùng rợn. Với chiếc kim khổng lồ của nó, chiếc đồng hồ này xáo trộn những cơ thể bị thương và những linh hồn đã chết. Điều tệ hại nhất là rốt cuộc người ta gần như không còn nghe thấy cuộc chiến đó nữa. Hàng ngày, người ta thấy những người đàn ông trẻ trung đi bộ về một hướng, tiến về cái chết mà trong lòng vẫn tin rằng mình còn có khả năng ngăn cản cuộc chiến tranh đó. Họ mỉm cười với những điều mà họ chưa biết được. Trong mắt họ là ánh hào quang của cuộc sống trước đây của họ. Chỉ có ông trời mới trong trắng và vui tươi, không hề biết đến sự thối tha, rữa nát, không hề biết đến cái ác được phơi đầy mặt đất, dưới vòng cung tinh tú của mình.

Như vậy là cô giáo trẻ đã ở lại trong ngôi nhà nhỏ trong công viên Lâu đài. Ngôi nhà này hợp với cô ta hơn bất cứ người nào khác. Cô biến ngôi nhà đó thành một chiếc hộp đựng đồ trang

sức theo kiểu của riêng mình, gió không mời mà vào, gió đến mơn man những tấm ri đô xanh nhạt và những bó hoa đồng nội. Đứng bên cửa sổ hoặc ngồi trên ghế công viên, cô mỉm cười nhiều giờ liền, không biết cười cái gì, hai tay cầm một cuốn sổ nhỏ bọc bìa marocanh màu đỏ, đôi mắt như nhìn qua phía bên kia chân trời, luôn vời vọi như thế, nhìn về phía một điểm nào đó rất khó thấy, hoặc chỉ thấy bằng trái tim chứ không phải bằng đôi mắt.

Chúng tôi đã sớm chấp nhận cô ấy. Thành phố nhỏ bé của chúng tôi trông thế mà không ưa tiếp đón người lạ là mấy, những phụ nữ lạ lại càng không, chắc thế, nhưng cô ta biết cách quyến rũ mọi người bằng những thứ không đáng kể, ngay cả những cô gái đã có thể là tình địch của cô, tôi muốn nói đến những cô gái trẻ đang tìm chồng, ngay cả những cô gái này vẫn nhanh nhẹn khẽ cúi đầu chào cô, còn cô thì nhẹ nhàng chào lại như thường lệ.

Học sinh há hốc miệng nhìn cô giáo, còn cô giáo thì thấy vui vui chứ không hề có ý châm chọc. Chưa bao giờ trường học lại đông đúc và vui vẻ như thế. Các ông bố giữ được các con trai của mình là rất khó, chúng chán ghét cả những công việc cón con nhất, đối với chúng, mỗi ngày xa bàn học như là một ngày chủ nhật buồn chán, lê thê.

Martial Maire là một thằng bé vô tội đã bị một con bò dẫm nát mất nửa cái đầu. Sáng nào cũng thế, nó đặt trước cửa lớp một bó hoa tự hái. Khi không có hoa thì nó mang đến một nhúm cỏ trong đó cỏ húng tây toả ra mùi hương bạc hà còn cỏ linh lăng thì thơm mùi hương ngọt ngào. Đôi khi, khi nó không tìm ra cỏ cũng chẳng ra hoa, nó nhặt ba hòn sỏi, rửa cẩn thận ở vòi nước ở phố Pachamort, lấy áo lót rách bằng len của mình lau sạch rồi để trước cửa lớp. Rồi nó bỏ đi trước khi cô giáo đến và phát hiện ra món quà tặng mình. Ai đó khác thì đã cười vỡ bụng, ném cỏ hay sỏi đi. Nhưng Lysia Verhareine nhẹ nhàng nhặt những thứ đó lên, trong khi mà học sinh của cô xếp hàng trước mặt cô để ngắm đôi má hồng hào và mái tóc vàng pha hổ phách. Cô nâng niu quà tặng của mình trong lòng bàn tay, rồi, khi đã vào phòng học, cô cắm cỏ hoặc hoa vào một chiếc bình nhỏ bằng sứ màu xanh, hình một con chim thiên nga còn nhỏ, còn những viên sỏi thì cô đặt trên mép bàn. Martial Maire nhìn cảnh tượng đó từ phía ngoài. Cô cười với thằng bé, thế là nó chạy bỏ đi. Đôi lần, khi cô gặp nó trên phố, cô vuốt ve trán nó như người ta thường làm đối với người bị sốt, còn nó thì ngất ngây vì cảm nhận được lòng bàn tay ấm áp của cô.

Nhiều người mong được thế chỗ của thằng bé ngây thơ đó. Maire, trong chừng mực nào đó, là một phần giấc mơ của họ. Cô gái trẻ nâng niu chiếc chuông nó như một em bé, còn nó thì có tình ý của một chàng rể trẻ. Không ai nghĩ đến chuyện chế điều điều đó bao giờ.

VIII

Còn Destinát ư? Đó lại là một chuyện khác: khi đó chúng tôi lại mù tịt rồi. Có thể Barbe là người biết ông ta rõ nhất. Nhiều năm sau, sau một thời gian rất lâu, bà ta đã nói với tôi. Sau vụ Áp Phe rất lâu, sau cuộc chiến rất lâu. Tất cả mọi người đã chết, Destinát chết vào năm 21, những người khác cũng thế, và việc lục lọi những đồng tro tàn không ích lợi gì nữa rồi. Nhưng bà ta vẫn nói với tôi. Đó là vào cuối một buổi chiều, trước ngôi nhà nhỏ của bà, cùng với những người đàn bà góa chồng như bà - Nghiêm Trọng đã bị một chiếc xe kéo nghiền nát vào năm 23 vì không nghe tiếng xe lao tới. Barbe tìm thấy niềm an ủi trong chuyện trò và những thức uống anh đào mà bà mang từ Lâu đài về. Bà ta nói thế này:

“Ngay khi con bé vào ở trong nhà, người ta thấy ông thay đổi hẳn. Ông đã bắt đầu đi dạo trong công viên như một con ong bệnh tật đi tìm mật. Dù cho trời mưa, gió hay tuyết đi chẳng nữa, ông vẫn loanh quanh luẩn quẩn như thế. Thông thường, chẳng mấy khi ông đặt chân ra ngoài. Đi từ V. về là ông giam mình trong phòng hoặc trong thư viện, tôi thường mang cho ông ấy một ly nước đặt trên một chiếc khay, chứ không bao giờ cái khác, rồi đến bảy giờ ông ăn tối. Thế thôi, có cô giáo là mọi thứ rối loạn cả lên. Ông ấy đi tòa án về sớm hơn rồi ra công viên. Ông ngồi trên ghế băng đọc sách hay ngắm cỏ cây rất lâu. Tôi thường bắt gặp ông đứng sát cửa sổ nhìn ra ngoài như để tìm một cái gì đó. Còn các bữa ăn thì đến đó là cùng. Thông thường, ông đã ăn như mèo rồi, còn giờ thì gần như không đụng vào món gì nữa. Ông lấy tay ra hiệu cho tôi và tôi dọn mọi thứ đi. Dù sao thì người ta cũng không thể sống bằng nước và không khí! Tôi tự bảo là một ngày ông sẽ sống soài trong phòng hay ở nơi khác thôi, ông sẽ khó ở, sẽ yếu đi, sẽ ngất xỉu thôi! Không. Ông ấy chẳng làm sao cả. Chỉ có gương mặt là sâu hoắm, nhất là hai gò má, còn môi thì mỏng hơn, trước đây môi ông đẹp lắm kia. Vốn là một người hay đi ngủ sớm vậy mà bây giờ ông đã bắt đầu thức đêm. Tôi nghe thấy tiếng bước chân, những bước chân chậm chậm, rón rén trên tầng, thỉnh thoảng lại im lặng hồi lâu. Tôi không biết ông ta có thể làm gì, ngắm nghĩ hay mộng mơ. Làm gì mới được chứ? Chủ nhật, ông luôn sắp xếp để đi qua đường con bé hay đi, khi con bé ra khỏi nhà. Đó có vẻ như một sự tình cờ nhưng tất cả đã được sắp xếp. Đôi khi tôi thấy ông đợi đúng lúc rồi nhảy cẫng lên như không có chuyện gì xảy ra. Con bé thì không ra vẻ gì hết, tôi không biết là cô ta có nhận ra điều đó không. Con bé chào ông một tiếng rõ to, rõ ràng và vui vẻ rồi đi. Ông đáp lại nhưng gần như thì thào, với giọng nói chậm chậm, rồi đứng như trời trồng nơi mà họ đã chào nhau. Ông có thể ở lại đó rất lâu, chờ đợi như sắp có chuyện gì xảy ra, rồi cuối cùng, ông cũng đi về, về miền cưỡng.”

Barbe nói rất lâu về ông Kiểm sát trưởng và về Lysia Verhareine như thế. Đêm xuống bao quanh chúng tôi, với những tiếng kêu của những con vật bị nhốt trong chuồng và tiếng người ta đóng cửa sầm sập. Tôi tưởng tượng ông Kiểm sát trưởng đang bước trên những lối đi trong công viên, về phía dòng Guerlante, nhìn những cánh cửa sổ của ngôi nhà nhỏ, nơi ở của cô giáo trẻ. Việc một người sắp chết bị mắc chân trong lưới tình chẳng có gì mới mẻ cả. Xưa như quả đất rồi! Trong những trường hợp đó, những lễ thói này nọ thường theo nước cuốn trôi mà thôi. Sự kỳ cục chỉ tồn tại cho những kẻ khác, những kẻ không bao giờ hiểu gì hết. Với sắc mặt lạnh như tiền và đôi bàn tay băng như đá, thế mà Destinát vẫn rơi vào cái bẫy của sắc đẹp và của trái tim đang đập. Thực ra, điều đó khiến cho ông ta con người hơn, đơn giản là con người hơn.

Barbe cũng nói với tôi rằng một buổi tối, một bữa ăn thịnh soạn đã được tổ chức. Destinát sai bà ta đưa hết bát đĩa bằng bạc ra, là đi là lại hàng giờ những cái khăn lau bằng vải lanh và những chiếc khăn thêu trải bàn. Một bữa ăn cho năm mươi người ư? Không. Chỉ cho hai người thôi, cô giáo trẻ và ông. Chỉ có họ thôi. Ngồi bên này, bên kia một chiếc bàn rộng thênh thang. Barbe không phải là người nấu ăn mà là Bourrache, được cố tình mời từ quán Rébillion, và Hoa Bìm Bìm là người hầu bàn. Trong khi đó Barbe ngắm nghĩ, còn Nghiêm Trọng thì đã đi ngủ từ lâu rồi. Bữa ăn kéo dài đến nửa đêm. Barbe cố tìm hiểu xem là họ đang nói với nhau chuyện gì. Thế là Hoa Bìm Bìm nói với bà ta: “Họ nhìn nhau, họ chỉ nhìn nhau thôi...”. Barbe chỉ tốn công

vô ích. Bà ta uống vài ly rượu nho với Bourrache và sáng ra, chính ông ta là người thức bà ta dậy. Bà ta đã ngủ quên trên bàn. Bourrache ra về sau khi đã lau chùi dọn dẹp mọi thứ. Anh ta lấy chăn đắp cho con rồi bồng nó trên tay. Cô bé ngủ như một người hạnh phúc lắm.

Bây giờ đêm đã ở bên cạnh chúng tôi rồi. Người hầu già đã im lặng. Bà ta hất khăn choàng vai lên để che tóc. Hai chúng tôi ở lại một lúc lâu mà không nói gì, cứ đứng trong bóng tối như thế. Tôi nghĩ tới những gì mà bà ta đã nói với tôi. Sau đó, bà ta lục túi áo bờ-lu cũ kỹ như để tìm cái gì đó. Trên trời, những ngôi sao băng đuối nhau, một cuộc đua thô kệch và không có kết quả, đủ để mang đến cho những người cần xua đuối nỗi cô đơn của họ một yếu tố tiên liệu, rồi sau đó tất cả yên tĩnh trở lại. Những gì vốn sáng sủa thì vẫn tiếp tục sáng sủa còn những gì ở trong bóng tối lại càng tăm tối hơn.

“Này, anh cầm lấy, lúc đó Barbe nói với tôi, chắc là anh có thể làm cái gì đó.”

Bà ta đưa cho tôi một chìa khoá lớn.

“Từ khi tôi không đến nữa thì chẳng có gì thay đổi cả. Người thừa kế duy nhất của ông ta là một ông em họ xa, anh em đồng vợ, xa đến nỗi mà không ai thấy ông ta bao giờ. Công chúng viên nói ông ta đã sang Mỹ. Ông ta mà về thì quả là lạ. Và trong thời gian chờ ông ta thì anh cứ nghĩ đi!... Sắp tới đây tôi sẽ không còn ở đây nữa... Anh sẽ là người bảo vệ, theo cách nào đó.”

Barbe từ từ đứng lên, khép bàn tay tôi cầm lấy chìa khoá rồi về nhà mà không nói một lời nào. Tôi bỏ chìa khoá Lâu Đài trong túi rồi đi về.

Tôi không bao giờ có dịp nói chuyện với Barbe nữa. Mặc dầu vậy, tôi cảm thấy rất ngứa ngáy, như bị căn bệnh ghẻ không được sạch sẽ cho lắm, vừa ngứa nhưng khi gãi thì thỉnh thích, nhưng tôi tự nhủ là mình còn có thời gian: điều ngu ngốc của con người nằm ở chỗ đó, khi nào cũng tự bảo là có thời gian, mai hãy làm, ba ngày nữa, một năm nữa, hai giờ nữa hãy làm. Và thế là tất cả đi đời nhà ma. Thế là tìm gặp nhau ở các đám tang, đi theo những cỗ quan tài, tình thế này không dễ để chuyện trò lắm. Tôi đã nhìn quan tài của Barbe vào ngày bà ta mất, như để tìm ra câu trả lời, nhưng đó chỉ là những tấm gỗ bóng loáng, cha xứ phủ lên đó cả khói hương và cả những câu kinh bằng tiếng Latinh. Trên đường đi đến nghĩa trang cùng đoàn người lộ nhô lẻ tẻ, tôi tự hỏi là với những câu chuyện về bữa ăn và về Destinát si tình, Barbe có chế điều tôi hay không. Nhưng thực ra, điều đó không quan trọng nữa. Rượu anh đào đã chinh phục bà ta. Có thể ở trên kia, trên chín tầng mây, bà ta lại sẽ tìm được nhiều bầu rượu đầy.

Tôi vẫn giữ chìa khoá Lâu đài ở trong túi và từ buổi tối mà bà ta đã đưa cho tôi, sáu tháng trước đó, tôi vẫn chưa dùng đến. Những xéng đất đổ lên quan tài đã khiến tôi tự tin hơn. Mộ Barbe sớm được lấp đầy. Barbe đã đi gặp anh chàng Nghiêm Trọng của mình để chung tình vĩnh cửu. Vị cha xứ đã ra về cùng hai lễ sinh, dày của những em bé nhà quê này nhóp nhép trong bùn. Các con chiên đã tùy nghi đi tản như những con chim sáo đá trên đồng lúa mì xanh. Còn tôi, tôi đã đi thăm mộ Clémence, lòng tự trách mình là không đến đó thường xuyên hơn.

Nắng, mưa và năm tháng đã xoá nhoà bức hình mà tôi đã cho bỏ vào một tấm lắc bằng sứ. Chỉ còn thấy bóng của mái tóc và có thể đoán được đường nét nụ cười, như thể nàng nhìn tôi đằng sau một tấm rèm the. Tôi đặt tay lên những chữ cái mạ vàng đề tên nàng rồi ra về. Vừa đi tôi vừa thầm kể cho nàng nghe tất cả những chuyện này, những câu chuyện làm nên cuộc đời của tôi, một cuộc đời không có nàng, từ lâu lắm rồi, những câu chuyện mà có lẽ nàng biết rất rõ vì đã nghe tôi kể đi kể lại rất nhiều lần.

Vả lại, chính vào ngày sau khi chôn cất Barbe xong, tôi đã quyết định đến Lâu đài, như để tiến sâu hơn chút nữa vào điều bí ẩn mà tôi là một trong những người hiếm hoi chứng kiến. Đúng thế, đúng vào hôm đó tôi đã gỡ những bụi ngấy che chắn cửa Lâu đài và tra chìa khoá vào một ổ khoá lớn. Tôi hành động như một chàng hoàng tử khốn khổ phá cửa cung điện của một

người đẹp ngủ trong rừng nào đó. Chỉ có điều là đằng sau cánh cửa mà tôi phá, thực ra không còn gì ngủ nữa.

IX

Nhưng tôi còn muốn nói một điều khác trước khi kể về Lâu đài trong bụi bặm và bóng tối của nó. Tôi muốn nói về Lysia Verhareine bởi vì tôi cũng là người thường gặp cô ấy, như tất cả mọi người vậy. Thành phố chúng tôi nhỏ đến nỗi mà những con đường đi đâu rồi cuộc cũng giao nhau. Mỗi lần gặp cô ấy tôi đều ngả mũ chào. Cô khẽ cúi đầu chào lại, với nụ cười nở trên môi. Mặc dầu thế, một hôm, tôi đã thấy điều gì khác trong đôi mắt cô, một cái gì đó đứt khúc, sắc nhọn, một cái gì đó như một loạt đạn.

Hôm đó là vào ngày chủ nhật, vào những thời khắc đẹp trời, trước khi chiều xuống, vào mùa xuân năm 1915. Không khí ngào ngạt hương hoa táo và ngọn cây keo. Tôi biết vào ngày chủ nhật, dù cho đó là ngày đẹp trời hay mưa như trút nước, cô giáo trẻ luôn cuộc bộ lên sườn đồi. Người ta đã cho tôi biết điều đó. Tôi cũng thường lang thang trên đó, vai mang khẩu cạc bin hạng nhẹ mà Edmond Gachentard, một đồng nghiệp già đã nhượng lại cho tôi. Lão ta đã đi trồng cải bắp ở xứ Caux và chăm sóc một người đàn bà co rúm cả đời trên một chiếc ghế lắn. Khẩu súng cạc bin này là một đồ trang sức đẹp để dành cho các bà, chỉ có một cái nòng bóng loáng như một đồng hai mươi xu và một báng súng bằng gỗ anh đào trên đó Gachentard đã cho khắc một câu bằng tiếng Anh: “Mày sẽ không cảm thấy gì cả”. Câu này là dành cho con lợn lòi nhưng Gachentard sợ là nó áp dụng cho vợ mình, vào buổi tối mà lão rầu rĩ nhìn vợ mình với đôi chân bại liệt và gương mặt ủ tối. “Tôi cho anh còn hơn”, lão vừa nói vừa đưa cho tôi khẩu súng được bọc trong một tờ báo mà trên trang nhất gương mặt của hoàng hậu Thụy Điển bị nhàu nát. “Anh muốn làm gì với nó thì làm...”

Điều lão ta nói thật là lạ. Những lời nói đó làm cho tôi suy nghĩ mãi. Có thể làm gì với một khẩu cạc bin? Trông rầu diếp, chơi nhạc, đi khiêu vũ, mang tất? Một khẩu súng cạc bin là để giết người, thế thôi, chứ không phải dành cho việc khác. Tôi chưa bao giờ cảm tình với mùi vị của máu. Tuy thế tôi vẫn lấy súng, lòng tự nhủ là nếu tôi để súng cho Edmond, tôi sẽ phải hối hận về một vụ giết người xa xôi nào đó đầy mùi rượu táo, trong khi vẫn không hay biết gì cả. Và từ đó, tôi có thói quen đưa súng đi cùng, khi đi dạo chơi vào các ngày chủ nhật. Gần như tôi sử dụng súng như một chiếc gậy đi đường. Theo tháng năm, nòng súng đã mất sự bóng loáng của nó, thay vào đó là màu tăm tối. Màu này cũng không đến nỗi không hợp. Vì không được bảo dưỡng, câu khẩu hiệu mà Gachentard khắc đã gần như biến mất, và những chữ còn có thể đọc được là Mày và gì cả: “Mày... gì cả”. Đúng là khẩu súng này chưa bao giờ giết ai.

Chân Edmond Gachentard rất lớn, đầu đội mũ nồi xứ Basque, lão ta có một sở thích tác oai tác quái, đó là món khai vị phức tạp trong đó mùi của các loài cây giống hết như khi ta chế thuốc chữa bệnh. Lão nhìn lên trời lắc đầu và tự nhiên trở nên trầm tư mặc tưởng khi những đám mây to tròn làm dơ bầu trời trong xanh bằng màu trắng của chúng. “Đồ đều...”, lão ta nói, nhưng tôi không hề biết được là câu chữ thể đó dành cho những đám mây hay là cho những gương mặt khác, xa vời và che kín, như thể chỉ vì lão mà lướt sóng. Thế đó, đó là tất cả những gì xuất hiện trong suy nghĩ của tôi khi nhớ đến lão ấy. Trí nhớ thật là lạ: nó lưu giữ những thứ không đáng giá ba xu. Còn lại là xuống mồ hết. Hôm nay chắc Gachentard chết rồi. Chắc lão đã một trăm linh năm tuổi. Tên thứ hai của Gachentard là Marie. Thêm một chi tiết nữa. Lần này thì tôi dừng lại.

Khi tôi nói dừng lại là nói những thứ mà tôi sẽ phải làm thực sự. Tất cả những điều tôi viết để làm gì? Để làm gì những dòng chữ chen chúc nhau như những con ngỗng mùa đông và những ngôn từ tôi khâu vá mà không thấy gì cả? Ngày tháng trôi qua, và thế là tôi ngồi vào bàn. Tôi không thể nói là điều đó làm tôi vui lòng, cũng không thể nói là điều đó làm tôi khó chịu.

Hôm qua, Berthe, là người ba lần mỗi tuần đến quét bụi, đã tình cờ bắt gặp một trong nhiều cuốn sổ, cuốn số 1 tôi tin thế. “Vậy ông ta là người làm ông tốn giấy tốn mực!” Tôi nhìn chị ta.

Chị ta ngốc nghếch nhưng không quá đáng đâu. Chị ta tiếp tục dọn dẹp, miệng hát những câu hát ngây ngô, những câu hát luẩn quẩn trong đầu từ khi chị mới hai mươi tuổi và không bao giờ có nổi một tấm chồng. Tôi những muốn giải thích cho chị ta hiểu chút ít, nhưng giải thích gì mới được chứ? Giải thích là tôi đi trên những dòng chữ như đi trên những con đường thuộc một xứ sở vừa thân quen, vừa xa lạ ư? Tôi ngừng tay viết. Đợi cho chị ta đi rồi tôi mới tiếp tục tác phẩm của mình. Tệ nhất là tôi đích cần biết là những cuốn sổ tôi viết trở thành cái gì rồi. Tôi đang ở cuốn số 4. Tôi không tìm ra cuốn số 2 và số 3. Chắc chúng đã thất lạc, chắc là Berthe đã dùng nhen lửa. Quan trọng gì đâu. Tôi không muốn đọc lại. Tôi viết. Thế thôi. Viết như là một cách tôi tự nói với chính mình. Tôi tự tạo cho mình một cuộc nói chuyện, một cuộc nói chuyện của thời khác. Tôi để những chân dung xen kẽ nhau. Tôi đào huyết mà không bắn tay.

Trên sườn đồi, vào cái ngày chủ nhật đáng nhớ ấy, tôi đã bước đi nhiều giờ liền. Dưới kia một chút, thành phố nhỏ bé như thu mình lại, những ngôi nhà kề cạnh nhau, lùi xa hơn một tí là những tòa nhà dồn lại một chỗ, những tòa nhà thuộc Nhà máy, và những ống khói bằng gạch chọc cao lên trời như chọc vào con mắt. Cảnh vật của khói bụi và công việc, một dạng vỏ ốc trong đó nhiều con ốc sên ngo ngoe mà không bận tâm gì đến thế giới xung quanh. Mặc dầu thế, thế giới quả là không xa: chỉ cần lên sườn đồi là thấy ngay. Có lẽ vì thế mà vào các ngày chủ nhật, các gia đình thích đi dạo bên bờ kênh hơn. Bờ kênh mang vẻ đượm buồn, dòng kênh êm đềm, thi thoảng mới khẽ dập dờn vì một con cá chép đốm mồi hay một chiếc xuồng rẽ sóng. Với chúng tôi, sườn đồi như một tấm màn sân khấu nhưng không ai muốn đi xem biểu diễn. Hèn nhất được là người ta hèn nhất. Giả sử không có sườn đồi đó chắc người ta sẽ giao tranh thẳng thừng như một sự thật thật sự. Thế mà ở đây, bất chấp những âm thanh của súng ống như tiếng đánh rầm từ một cơ thể bị bệnh, người ta vẫn đánh lừa được chiến tranh. Chiến tranh tổ chức những buổi biểu diễn đốm đáng của nó phía sau sườn đồi, ở phía bên kia, xa lắm, tức là không nơi nào cả, tức là ở tận chân mây cuối trời, tức là ở một thế giới nào khác. Không ai muốn đi xem tường tận chiến tranh như thế nào. Người ta biến chiến tranh thành huyền thoại của riêng mình: người ta có thể sống chung với nó.

Vào ngày chủ nhật đó, tôi đã đi lên cao hơn thường lệ. Ồ! Không gì to tát lắm đâu, vài chục mét, hơi vô ý một chút, tất cả điều đó là vì một con chim sáo mà tôi lò dò đi theo, trong khi mà nó vừa xập xoè bay vừa kêu riu rít, kéo lê chiếc cánh bị gãy và rỉ rả đôi ba giọt máu. Vì cứ chăm chăm vào con chim này mà tôi đã lên chồm đồi lúc nào không hay, gọi chồm đồi cho có vậy thôi vì một đồng cỏ mênh mông khiến người ta cảm tưởng nơi này là một bàn tay khổng lồ xòe lên trời, được phủ đầy cỏ và những khóm cây cụt ngùn, bao quanh sườn đồi. Nghe gió thổi vào cổ một luồng khí nóng, tôi cảm giác là mình đã vượt qua một con đường, một con đường vô hình được vẽ lên mặt đất và trong trí óc ta khi máy bay chúng ta đang bay tầm thấp. Tôi ngược mắt lên, và tôi đã thấy cô ấy.

Cô ấy ngồi xoài lên cỏ rậm lấm chấm hoa cúc, chiếc váy màu nhạt xoã xung quanh cơ thể làm tôi liên tưởng đến những bữa ăn trưa nào đó của các họa sĩ. Đồ ăn và những bông hoa trang điểm dường như đã được bày trí cho riêng cô. Thi thoảng, gió bắc thổi tung mái tóc xoăn lăn tăn tạo cho bờ gáy cô ấy một cái bóng dịu dịu. Cô ấy nhìn thẳng, chúng tôi không bao giờ muốn nhìn thấy điều đó. Cô ấy nhìn với nụ cười rất tươi. Những nụ cười mà cô ấy dành cho chúng tôi hàng ngày đã đẹp rồi, nhưng bên cạnh nụ cười lúc bấy giờ của cô thì những nụ cười đó dường như chỉ xanh xao và xa cách thôi. Cô ấy nhìn đồng bằng mênh mông, nhuộm một màu nâu bất tận, chập chờn trong những cuộn khói xa xa, từ những vụ nổ mà sự kinh hoàng của chúng khi đến với chúng tôi thì dường như đã trở nên nhẹ bót, chất lọc, nói tóm lại là phi thực.

Xa xa, đường ra mặt trận lẫn lộn với đường chân trời, đến nỗi mà thi thoảng, người ta cứ tưởng là nhiều mặt trời mọc cùng lúc rồi rơi trong một tiếng pháo tẹt. Lễ hội carnival nhỏ bé nhưng hoành tráng của chiến tranh trải dài hàng kilômét và từ chỗ chúng tôi đứng, tưởng như trông thấy một trận đấu giả được tổ chức trong một khung cảnh dành cho những anh lùn làm xiếc. Tất cả đều bé nhỏ. Cái chết không thể cưỡng lại trước sự nhỏ nhoi này, chết chóc ra đi và lưng còng mang theo nó nhiều hành lý trong đó có những khổ đau, những thi thể nham nhở, những

tiếng kêu mất hút, trong đó có sự đói khát, nỗi sợ hãi và cả những bi kịch.

Lysia Verhareine nhìn tất cả những thứ đó, mắt mở to tròn. Trên đầu gối cô là một thứ mà lúc đầu tôi tưởng là một cuốn sách, nhưng vài giây sau, cô ta viết lên cuốn sách đó và tôi đã thấy rõ, đó đúng ra là cuốn sổ nhỏ có đóng bìa bằng da marocanh màu đỏ. Cô ấy viết lên đó vài chữ bằng một chiếc bút chì nhỏ đến nỗi lọt thỏm trong bàn tay, trong lúc viết những từ đó lên trang sổ, miệng cô ấy đọc những từ khác. Tôi thấy mình như một thằng ăn cắp đang nhìn cô ấy từ sau lưng.

Tôi đang tự nhủ mình điều đó thì cô ấy từ từ ngoảnh đầu về phía tôi, để nụ cười xinh tươi ở lại chiến trường xa xa. Thật là ngốc, tôi đứng trơ trơ ra đấy, không biết làm gì cũng không biết nói gì. Giả sử tôi có trần truồng trước cô ấy thì tôi cũng không cảm thấy ngượng nghịu như thế. Tôi cố ra hiệu bằng đầu. Cô ấy cứ nhìn tôi, gương mặt mà tôi trông thấy lần đầu trơn bóng tựa như mặt hồ mùa đông, khuôn mặt của một người chết, tôi muốn nói là gương mặt của một người chết trong lòng, như thể không còn gì còn sống, còn động đập trong cô ấy, như thể máu đã lìa xa cô ấy để đi chỗ khác.

Thời gian đau đớn trôi qua. Rồi mắt cô ấy nhìn tôi từ mặt đến bàn tay trái, bàn tay mà tôi đang cầm lưng kiếm các bin của Gachentard. Cô ấy thấy gì thì tôi thấy cái nấy. Tôi đỏ như con chim gõ kiến. Tôi ấp úng vài lời và liền sau đó hối hận ngay: “Kiếm súng này không có đạn, chỉ để... “. Và thế là tôi dừng lại. Tôi không thể làm gì ngớ ngẩn hơn. Im lặng thật lâu. Cô ấy vẫn để mắt đến tôi. Da thịt tôi như bị đóng những cái đinh tẩm dấm. Cô ấy nhún vai, rồi quay lại nhìn cảnh vật và bỏ rơi tôi vào một vũ trụ khác. Một vũ trụ quá xấu đối với cô ấy. Hoặc quá chật chội, quá ngọt ngào. Một vũ trụ mà các thần linh và các nàng tiên không hề biết tới cho dù đã đôi lần nhón chân qua và chạm môi vào. Vũ trụ của con người.

Sau ngày chủ nhật đó, tôi đã trở hết tài năng để tránh xa khi thoáng thấy cô ấy từ xa. Tôi lao vào các đường phố nhỏ, nấp sau góc cửa hoặc lấy mũ che mặt khi tôi chỉ còn mũ mà thôi. Tôi không muốn nhìn thấy đôi mắt của cô ấy nữa. Tôi xấu hổ vô cùng. Mặc dầu thế, nhớ lại ngày chủ nhật ấy thì thấy là chả có gì bất thường cả! Thực ra tôi đã thấy gì chứ? Một cô gái trẻ đang ngồi một mình, viết cái gì đó trong một cuốn sổ màu đỏ, mắt thì dán vào cảnh tượng chiến tranh. Và rồi, tôi cũng có quyền đi dạo trong vườn cây nếu tôi muốn chứ!

Tôi treo kiếm các bin của mình lên một cái đinh, phía trên cánh cửa nhà tôi. Kiếm súng giờ vẫn đang ở đó. Và phải chờ cho tất cả mọi người chết đi, xuống mồ, thì tôi mới tiếp tục đi dạo chơi vào ngày chủ nhật, và mỗi lần như thế, như người hành hương, tôi đến chỗ bãi cỏ mà tôi đã thấy cô giáo trẻ ngồi bên lề vũ trụ của chúng ta.

Tôi vẫn ngồi đúng chỗ ấy, đúng chỗ của cô ấy và tôi lấy hơi. Việc này kéo dài nhiều phút liền. Tôi nhìn những thứ mà cô ấy đã nhìn, cảnh vật mênh mông nay đã trở nên yên tĩnh và chậm chạp, không khói, không chớp sáng, thế là tôi thấy lại nụ cười của cô ấy ban tặng cho thế giới mênh mông bị vấy bẩn bởi chiến tranh, tôi thấy lại tất cả những điều đó như thể cảnh tượng đó sẽ tái diễn và thế là tôi chờ. Tôi chờ.

X

Chiến tranh kéo dài. Những kẻ khoác lác đã từng nói là chỉ cần ba tuần và lấy thìa xúc hai xúc là có thể đuổi bọn Đức về nước, kèm theo một cái đá vào mông. Những kẻ đó không dám nói liều nữa. Người ta đã không tổ chức lễ kỷ niệm đầu tiên cho cuộc xung đột, chỉ trừ trong quán của Fermillin, một người cao gầy có cái đầu nón úp. Ông ta đã từng phục vụ mười năm ở Đường sắt miền Bắc trước khi phát hiện mình có thiên hướng bán rượu nặng, “như tiếng gọi của Chúa trời”, một hôm ông ta tâm sự với tôi như thế.

Cửa hàng ông ta tên là Au bon pied. Nhiều người đã nhận xét rằng, đối với một người bán lẻ rượu vang thì điều đó không có nghĩa gì lớn lao. Ông ta đáp lại một cách hơi cộc lốc rằng sẽ như thế hoặc là không gì cả, rằng ông biết vì sao ông đặt quán rượu như thế ngay cả khi những người khác không biết, rằng hơn nữa dân thế nào thì ông ta cũng bất cần.

Sau việc đó, ông ta đã quyết định chiêu đãi tập thể, và việc này thì ai ai cũng nhất trí. Thậm chí là cuối cùng thì hầu hết mọi người đều thấy là quán Au bon pied không đến nỗi tồi, tên gọi nghe rất kêu, rất đặc biệt, nó thay đổi hoàn toàn những quán Excelsior, Floria, Terminus, Cà phê Những Người Bạn, thậm chí nghe tên này người ta thấy khát hơn.

Ngày 8 tháng 8 năm 1915, Fermillin đăng một tấm băng rôn lớn bằng dạ cũ lên biển hàng. Trên đó, ông ta đã viết bằng những nét chữ lớn màu xanh trắng đỏ, “Một năm rồi, vinh quang những người anh hùng!”.

Buổi lễ bắt đầu vào khoảng năm giờ chiều, với những vị khách quen thuộc: Cha Voret, vốn là một y tá quên làm cho Nhà máy nay đã nghỉ hưu, từ ba năm nay ông ta ăn mừng tình cảnh goá bụa của mình; Janesh Hirederk, một người lưu vong mang quốc tịch Bulgari, là một người nói tiếng Pháp rất tồi khi đói nhưng khi có vài lít rượu trong bụng thì có thể ngâm nga nào là Voltaire, nào là Lamartine ; Léon Pantonnin, còn gọi là Da Xanh vì nước da mà ông ta đã có sau một cuộc điều trị mang tính cách mạng, đó là uống oxit đồng để chữa bệnh sung huyết phổi; Jules Arbonfel, một người khổng lồ, cao đến hai mét nhưng giọng nói thì như con gái còn điệu bộ thì như một con khỉ lớn; Victor Durel, người mà vợ hay đến tìm ở quán Au bon pied và phải đợi hai ba giờ sau khi vợ đã say sưa như chồng thì cả hai mới đi về nhà.

Cho tận ba giờ sáng, cả quán rượu vang lên những bài hát quen thuộc nhất, Chúng ta hạnh phúc ra đi, Madelon, Lính trẻ, Người anh em lấm lông! Khách khứa hát đi hát lại nhiều lần, giọng rung rung, mạnh mẽ, hát đến khản cổ họng. Đôi khi, lúc cửa mở và một chiến hữu đi ra đái bậy ngoài đường rồi lại vào chỗ ăn nhậu, tiếng hát có vẻ như nghe rõ hơn. Sáng sớm, người ta còn nghe thấy những tiếng hát khàn khàn vang lên từ quán nhậu. Từ đó bay ra một mùi hôi nồng nặc khó tả, đó là mùi rượu chua, mùi máu, mùi quần áo cũ, mùi nôn mửa, mùi thuốc lào pha lẫn nước đái. Hầu hết khách khứa đã ngủ lại đó. Fermillin, người dậy sớm nhất đã lay tất cả bọn họ dậy rồi cho họ uống rượu trắng thay bữa sáng.

Tôi thấy Lysia Verhareine đi qua quán cà phê, nụ cười vẫn nở trên môi trong khi mà Fermillin lí nhí chào và đưa cho cô rượu Mademoiselle. Tôi thấy cô ấy nhưng cô ấy không thấy tôi. Tôi đứng xa quá. Cô mặc chiếc váy màu đỏ đào nho, đầu đội một chiếc mũ rơm có gắn một chiếc ruy băng màu son, tay xách một chiếc túi ben khá bụi, chiếc túi đựng đưa bên hông trông có vẻ nhẹ nhàng và vui vẻ. Cô đi về phía đồng. Đó là buổi sáng ngày 4 tháng 8. Mặt trời lên nhanh và chẳng mấy chốc làm khô hết sương buổi sáng. Rồi trời sẽ nóng đến mức làm cháy sạm hết thảy mọi ước muốn. Không nghe tiếng đạn pháo. Chú ý mấy cũng không nghe. Lysia vòng qua góc trang trại nhà Mureaux để về chốn dân dã, ở nơi đó hương cỏ khô và lúa mì chín làm cho ta có cảm tưởng trái đất như một cơ thể khổng lồ bị héo mòn vì mùi vị và mơn trớn. Fermillin đứng bên cửa quán, đôi mắt đỏ lơ đễnh nhìn trời cao, tay vuốt râu. Bọn con nít chạy nhảy tứ tung,

bữa ăn tạm bỏ trong túi quần. Trên giày phoi, những người phụ nữ dang những tấm khăn trải giường căng phồng trong gió. Lysia Verhareine đã mất hút. Tôi tưởng tượng cô ta đang đi trên những lối mòn mùa hạ như đi trên những lối đi bằng cát.

Sau đó, tôi không bao giờ gặp lại cô ấy nữa.

Tôi muốn nói là tôi không bao giờ gặp lại cô ấy nữa khi cô ấy còn sống. Ngay buổi tối hôm đó, con trai nhà Marivelle chạy đến nhà tôi khi tôi còn ở trần, tóc sũng nước, tôi đang dội nước tắm. Cậu ta thì nước mắt đầm đìa, những giọt lệ to chảy xuống như sáp ong, khuôn mặt thiếu niên sừng lên như đứng sát lò lửa. “Chú đến đây nhanh, đến đây nhanh lên, Barbe bảo cháu tới báo cho chú! Đến Lâu đài nhanh lên!”. Cậu ta nói như vậy.

Tôi biết đường đến lâu đài: tôi để mặc thằng bé rồi chạy nhanh như con thỏ hoang, đầu óc tôi cứ tưởng tượng Destinát bị một phạm nhân bắt mẫn nào đó cắt cổ, mổ bụng, sau hai mươi năm tù khổ sai, ở xa kia trong nắng nóng. Tôi còn tự nhủ rằng, rốt cuộc đó cũng là một sự ăn miếng trả miếng công bằng khi ông ta trở thành nạn nhân bất ngờ của một vụ ám sát man rợ ghê gớm vì trong số những cái đầu mà ông ta đã cho chém, chắc chắn sẽ có những cái đầu của những kẻ thực sự vô tội, bị xách cổ đến máy chém mà miệng vẫn gào lên sự trong trắng đồng trinh của mình.

Vậy là tôi đến. Tới cổng. Đang mở. Tóc còn ướt, áo xộc xệch, quần cài cầu thả, tim đập loạn xạ. Và ở chỗ đó, trên bậc thềm, tôi bỗng thấy ông Kiểm sát trưởng, một trưởng lễ thực thụ, một người Thụy Sĩ oai vệ, đang đứng thẳng người, cũng đang sống như tôi, nội tạng nằm đúng chỗ của nó và máu vẫn chảy trong cơ thể. Thấy ông ta thẳng đuối như thế, tay bâng quơ ngả ra, mắt nhìn đăm đăm về nơi xa, môi hơi trề xuống và run run, tôi tự nhủ là nếu không phải là ông ta, tôi tự nhủ rằng... Tất cả dừng lại. Tôi lại thấy Lysia Verhareine đi qua góc trang trại Mureaux, tôi lại thấy cảnh tượng đó hàng chục, hàng chục lần, cảnh tượng thật hơn bao giờ hết, với tất cả các chi tiết của nó, chẳng hạn như tà váy bay thế nào, chiếc túi xách nhỏ đựng đưa ra sao, cái cổ trắng muốt dưới ánh nắng ban mai, tiếng búa nện đỉnh tai nhức óc từ lò rèn của Bouzie cách đó không xa, đôi mắt đỏ hoe của Fermillin, những nhát chổi của mẹ Sèche-part trước cửa, mùi thơm tươi, tiếng chim én kêu trên những mái nhà, tiếng rống của những con bò sữa mà con nhà Dourin dắt về bãi quây. Tất cả những điều đó, mười lần, trăm lần, như thế tôi bị cầm tù trong cảnh tượng đó, như thế tôi muốn giam mình trong đó mãi mãi.

Tôi không biết tôi và ông Kiểm sát trưởng đã ở trong trạng thái như thế bao nhiêu phút trên bậc thềm, đối diện nhau mà không nhìn nhau. Tôi không còn nhớ rõ lắm những động tác, những điểm nối liền, những nơi đứt đoạn của thời khắc đó, những cử chỉ của chúng tôi cũng không. Không phải trí nhớ của tôi kém cỏi mà là ký ức về thời khắc đó tự nó đã chia năm sẻ bảy, để lại nhiều lỗ hổng lớn trên bề mặt của nó. Tôi đã hành động như một người máy, đi theo ông ta một cách máy móc. Có thể ông ấy đã nắm tay dắt tôi đi, ai mà biết được! Sau đó, tôi lại cảm thấy tim tôi đang đập, máu tôi đang chảy trong lồng ngực. Tôi mở tròn mắt ra. Ông Kiểm sát trưởng ở ngay cạnh tôi, ở bên trái tôi, hơi lùi một tý. Lúc đó, chúng tôi ở trong một gian phòng căng vải trắng và có nhiều bó hoa. Trong phòng có một vài đồ đạc, một tủ com mốt, một chiếc tủ hình mũ sen đầm, một chiếc giường.

Trên giường là Lysia Verhareine. Mắt khép lại. Đôi mắt vĩnh viễn khép lại với thế giới và với tất cả chúng ta. Đôi bàn tay được đặt lại trên ngực. Cô mặc váy buổi sáng, màu đào nho, chân đi một đôi dày nhỏ màu nâu khá lạ mắt, màu nâu của đất khi nó bị nắng làm nứt rạn và biến thành một thứ bụi rất mịn. Một con bướm đêm xoay vòng phía trên cô ấy một cách điên rồ, đập cánh vào cửa kính đang hé mở, lão đảo bay về phía mặt cô gái rồi lại đâm đầu vào cửa kính, rồi cứ thế tiếp tục bay nhảy với một điệu pavan tẻ hại.

Cổ váy của cô gái trẻ hé mở để lộ trên làn da hóng một cái khe sâu hoắm, màu đỏ đang dần ngả màu đen. Ông Kiểm sát trưởng đưa mắt chỉ cho tôi một chiếc móc treo bằng sứ xanh lơ, hình

dáng cầu kỳ, kèm theo đó là một đồ vật hình quả đất, bằng đồng sáng loáng, thấy cả năm châu lục, biển và đại dương. Sau đó, ông ta đưa tay vào túi rút ra một chiếc thắt lưng mỏng bằng da bện, có hoa tiết là hoa cúc tây và hoa trinh nữ. Với chiếc thắt lưng này, một bàn tay mới đây thôi còn mềm mại đã thắt thành một chiếc vòng, một chiếc vòng hoàn hảo làm cho lời hứa và sự thoả mãn, sự khởi đầu và hồi kết thúc, sự ra đời và cái chết nối lại với nhau, như trong một hình ảnh triết lý.

Lúc đầu chúng tôi không nói với nhau nửa lời. Chúng tôi đã không nói chuyện với nhau. Chúng tôi đã nhìn nhau, đúng thế, mắt tìm nhau rồi lại hướng về thi thể của cô giáo trẻ. Cái chết đã không đánh cắp sắc đẹp của cô, đúng hơn là chưa. Có thể nói cô ấy vẫn đang ở với chúng tôi, khuôn mặt như hầy còn sống, nước da tái xanh, tay cô ấy vẫn còn ấm khi lần đầu tiên tôi đặt tay lên đó. Tôi thấy hơi ngượng chút ít vì cứ chờ cô ấy mở mắt ra, nhìn tôi, phản đối việc tôi tự phép có hành động thân tình như thế. Rồi tôi kéo cổ váy cô ấy lên để che đi vết bầm tím nhỏ bé, để ảo vọng về một giấc ngủ không xưng tên cuối cùng cũng trở nên hoàn hảo.

Ông Kiểm sát trưởng để mặc tôi. Ông ta không dám đưa ra một cử chỉ hoặc di chuyển một bước khi tôi rời khuôn mặt của Lysia để quay về phía ông. Dường như đôi mắt vô hồn của ông đặt cho tôi một câu hỏi, câu hỏi mà tôi đã không tìm ra câu trả lời. Mẹ kiếp, lúc ấy tôi có biết vì sao người ta chết không nhỉ? Tại sao người ta lại chọn cái chết? Bây giờ tôi có hiểu điều đó hơn không? Dù sao thì cái chết là lĩnh vực của ông ta hơn là lĩnh vực của tôi! Ông ta là chuyên gia cơ mà, vì ông ta thường bắt người ta phải chết, thậm chí mày tao với cái chết, gặp cái chết nhiều lần trong năm khi đi vào sân nhà tù V. để dự buổi hành quyết một trong những nạn nhân của mình rồi bình thản ra đi, đi ăn trưa ở Nhà hàng Bourrache!

Vừa chỉ cái thắt lưng nhỏ bé, tôi hất đầu hỏi có phải ông ta đã... “Đúng thế...”, ông đã trả lời như thế, còn tôi thì không nói được lời nào. Tôi hắng giọng, hỏi: “Bác đã không thấy gì hết à...?”. Ông ta nhìn quanh một cách chậm rãi, hết nhìn cái tủ, cái ghế dựa, cái tủ com mốt, bàn trang điểm rồi lại nhìn những bó hoa hiện diện khắp nơi như những chú lính gác toả hương, nhìn đêm dày đặc và nóng nực như muốn phá tung cửa sổ, giường, tấm riđô nhỏ, đầu giường có một chiếc đồng hồ nhỏ nhẵn đang miệt mài đẩy những chiếc kim nhỏ bé cho thời gian trôi, rồi ông lại nhìn vào mắt tôi. “Không thấy gì hết...”, ông nói lại, băng quơ, nhón nhác, không còn là ông Kiểm sát trưởng nữa, tôi không biết chính xác đó có phải là một nhận định hay là một câu hỏi, hay là ngôn từ của một người hoàn toàn hụt hẫng, đất không ngừng sụt lở dưới chân mình.

Có tiếng bước chân dưới cầu thang, chậm chạp, mệt nhọc, đau đớn, tiếng bước chân của nhiều người: Barbe và Nghiêm Trọng đi theo Hyppolyte Lucy, bác sĩ. Một bác sĩ giỏi, khô cứng như cái que, rất nhân từ và nghèo khổ, hai đặc điểm này hợp với nhau, vì hiếm khi ông ta được trả tiền khi đi khám những người có địa vị thấp hèn, mà ở quê tôi thì gần như ai cũng có địa vị thấp hèn. “Sau này anh trả tôi cũng được!”, ông ta luôn nói như thế với một nụ cười một mực chân thành. “Tôi đâu đến nỗi nghèo khổ...”, ông ta làu bàu nói thêm. Mặc dầu thế, chính cái nghèo khổ đã giết chết ông ta vào năm 27. “Chết đói!”, Desharet, một tay đồng nghiệp đều cẳng to béo nói như thế, miệng thì hôi mùi tỏi, nước da thì đỏ chín, từ V. đến bằng xe ô tô chở đầy thép crom, thuốc da và đồ đồng, để xem thi thể khô cứng của ông bác sĩ mà rất cuộc người ta đã thấy sòng soài trong bếp, trong gian bếp mà chẳng có gì cả, không đồ đạc, không gác-măng-rê, không một mẩu bánh mì, một miếng bơ, chỉ có một chiếc đĩa không để đó mấy ngày rồi và một li nước giếng. “Chết đói...”, tên khốn nạn kia nhắc lại như thể bực mình vì chuyện ấy trong khi mà bụng và má của hắn trể xuống tận đất, tất cả được gói gém trong flanel và vải Anh. “Chết đói...”. Hắn không thể ngờ được. Có tý đầu hắn ta trong một xô nước phân thì hắn ta cũng không ngạc nhiên hơn.

Bác sĩ Lucy lại gần Lysia. Ông ta chẳng làm gì to tát cả. Mà ông ta còn làm gì được chứ? Ông ta đặt tay lên trán cô gái, vuốt xuống đôi má, cổ họng và khi thấy vết thương thì ông ta dừng lại. Người ta chỉ còn nhìn nhau, miệng hơi mở ra trước tất cả những câu hỏi không bao giờ thoát ra. Barbe ra hiệu cho chúng tôi là không việc gì phải ở đó cả, trong căn phòng của cô gái trẻ và mãi

mãi là căn phòng của cô gái trẻ. Chỉ bằng một cái nhìn bà ta đã đuổi chúng tôi ra ngoài. Nghiêm Trọng, ông Bác sĩ, ông Kiểm sát trưởng và tôi, chúng tôi ngoan ngoãn nghe theo như những đứa trẻ biết vâng lời.

Tất nhiên còn có chiến tranh. Và chiến tranh kéo dài. Và chiến tranh sản sinh biết bao nhiêu là xác chết không thể đếm xuể. Nhưng tin cô giáo trẻ chết, lại chết một cách như vậy đã làm chấn động cả thành phố nhỏ. Đường phố vắng tanh. Những bà ngồi lê đôi mách, những ả miệng lưỡi đi điếm, những mục già ba hoa bốc phét luôn tìm cách nói xấu kẻ khác nay ngồi nín thinh trong nhà. Trong các quán nhậu, đàn ông con trai uống rượu mà không nói nửa lời. Chỉ nghe tiếng chai lọ, cốc chén va vào nhau mỗi khi rót rượu. Thế thôi. Như một hình thức tưởng niệm, hoặc đó là tâm trạng sững sờ. Ngay cả mùa hè cũng như treo rũ. Đã có những ngày xám xịt, bức bối, mặt trời không màng lộ dạng mà suốt ngày trốn sau những đám mây lớn màu tang. Bọn trẻ không đi lang thang lêu lổng nữa, không đi bắt cá nữa, không ném đá vào các ô cửa nữa. Ngay cả súc vật cũng như không thèm ăn uống gì. Chuông nhà thờ chập khúc thời gian như một khúc củi. Thi thoảng, tiếng sói tru vây bọc cả thành phố. Đó là Martial Maire, kẻ vô tội, kẻ đã hiểu hết mọi chuyện và nằm co ro bên cổng trường mà kêu gào lên nỗi đau của mình. Có thể tất thấy mọi người nhẽ ra phải làm như hắn ta. Có thể đó là điều duy nhất phải làm trong những trường hợp đó.

Nhẽ ra tôi đã phải hỏi ông Kiểm sát trưởng nhiều câu. Trong trường hợp chết bạo, tự sát thì phải làm gì, bởi vì phải nói cho ra nhẽ, phải gọi đích danh. Đúng thế, lẽ ra phải như thế. Vai trò của tôi lúc ấy là như vậy mà. Nhưng tôi đã không làm gì cả. Ông ấy đã có thể cho tôi biết điều gì? Có thể là không có gì to tát lắm. Còn tôi, có lẽ tôi đã tỏ ra ngốc nghếch trước mặt ông ta, tay mân mê chiếc mũ cát kết, hết nhìn sàn nhà, trần nhà lại nhìn đôi bàn tay của mình, rồi lại không dám hỏi những câu hỏi cho ra hồn. Mà những câu hỏi nào mới được chứ? Ông ấy chính là người đã tìm thấy cô ấy. Khi đang đi dạo, ông đã nhận ra cửa sổ phòng cô ấy đang mở và đã trông thấy thi thể. Ông hối hả chạy đến, phá cánh cửa bị khoá trong và rồi... và rồi... Không còn gì nữa. Ông đã bồng cô ấy lên, đặt lên giường. Cho người gọi tôi đến. Đó là điều ông ấy đã kể cho tôi, khi mà Barbe đã bảo chúng tôi ra ngoài, khi mà chúng tôi đi loanh quanh trên thảm cỏ mà không biết đi đâu hay làm gì.

Trong những ngày tiếp theo, Destinat trốn hẩn trong Lâu đài của mình. Ông ta đứng hàng giờ sau cửa sổ, nhìn ngôi nhà nhỏ như chờ cô giáo trẻ từ đó sẽ còn đi ra. Barbe đã kể lại cho tôi chuyện này vào cái buổi tối hy hữu mà bà ấy đã nói với tôi tất cả.

Người ta đã cố tìm hiểu xem Lysia Verhareine có gia đình hay người thân gì không. Tôi thì ít nhưng ông thị trưởng thì nhiều. Người ta chẳng tìm được cái gì sất. Chỉ tìm được mỗi một địa chỉ trên các phong bì, một địa chỉ đã bị gạch đi và đó là địa chỉ của một chủ nhà. Ông thị trưởng đã nói chuyện với bà ta bằng điện thoại nhưng chỉ hiểu câu được câu chăng vì bà ta nói giọng Bắc. Tuy nhiên, điều ông ta ghi nhận được là bà chủ nhà đó không biết gì hết. Khi có thư từ đến, bà ta viết địa chỉ mới mà cô gái trẻ đã chuyển. “Thế thư từ như vậy có nhiều không?”, ông thị trưởng hỏi. Lúc đó tôi ở bên cạnh ông ta. Ông ta không nhận được câu trả lời nào hết. Điện thoại bị cắt. Thời ấy điện thoại còn thô sơ lắm. Rồi vì chiến tranh. Ngay cả điện thoại cũng tham chiến. Theo cách của nó.

Thế là người ta đi hỏi Marcel Crouch, lão đưa thư. Ông lão này lúc nào cũng nhậu nhẹt, vì hết người này mời đến người khác mời. Lão ta không bao giờ từ chối, từ rượu vang, cà phê rum, Pernod đến rượu véc mút. Lão kết thúc vào cuối buổi sáng, ngồi dựa lưng vào tường của một xưởng rửa quặng, miệng ngêu ngao những câu nói nặc mùi chính trị rồi ngáy như sấm, tay vẫn ôm chặt cái túi của mình. Còn Lâu đài thì phải chờ đến cuối buổi đưa thư, khi lão đã bước đi như đi trên một chiếc cầu tàu bị chòng chành do thời tiết xấu. “Thư hả, tất nhiên là có thư cho Lâu đài, tôi thì tôi thường nhìn địa chỉ chứ không nhìn tên, khi thấy thư gửi đến Lâu đài thì đưa đến cho lâu đài, chẳng có gì phức tạp cả! Sau đó tôi đểch quan tâm đến việc thư gửi cho ông Kiểm sát trưởng hay cho cô gái. Tôi đưa cả thấy còn ông ta thì phân loại. Đúng thế, thư từ

luôn đưa tận tay, ông Kiểm sát trưởng muốn thế. Dù gì thì ông ta cũng ở nhà mình, phải không nào?”

Marcel Crouch dí cái mũi to lớn, bị lở chỗ do bệnh đầu mùa, vào li rượu của mình, hít hà như thể đó là thuốc cải tử hoàn sinh vậy. Ông thị trưởng, lão đưa thư và tôi lặng lẽ uống. Thêm một vòng nữa. Không ai nói thêm nửa lời. Tôi và ông thị trưởng thỉnh thoảng nhìn nhau qua hai li rượu, và chúng tôi biết người kia đang nghĩ gì. Nhưng chúng tôi cũng biết là không ai trong chúng tôi lại dám đi hỏi ông Kiểm sát trưởng. Vậy nên chúng tôi đã không nói với nhau gì cả.

Hỏi phòng Thông tin công cộng họ cũng chẳng biết gì thêm. Có chăng là cô Lysia Verhareine đã tự nguyện xin đến làm việc trong vùng. Ông Thanh tra mà tôi đã cố tình đến gặp, người đã bắt tôi phải chờ 45 phút trong hành lang để cho tôi có cảm giác ông ta quan trọng như thế nào, lại có vẻ bận tâm đến phần rìa mép phía bên phải mà ông ta không tài nào đánh bóng được dù có dùng keo, hơn là bận tâm đến cô giáo trẻ. Ông ta lẩm bẩm tên của cô ấy, giả vờ lục tìm trong đồng hồ đồng hồ đẹp đẽ bằng vàng, ém tóc lại rồi nhìn những cái móng tay sạch sẽ của mình. Mắt ông ta như mắt bê, rất đều mà ông ta đâu biết thế, như những con vật mà người ta có thể đưa đi giết nhưng chúng không rên rỉ bao giờ, vì không thể ngờ rằng một điều bí ẩn như thế lại tồn tại. Ông ta cho tôi bánh Mon Cher nhưng trong miệng ông ta như chực một từ chửi bậy, một âm thanh không định hình mà người ta có thể rũ bỏ một cách kiêu kỳ.

Một lúc sau, ông ta bấm chuông, nhưng không ai trả lời. Thế là ông ta hét toáng lên. Vẫn không ai trả lời. Ông ta gào lên, thế là một cái đầu bệnh hoạn y như một cây củ cải ủ rũ ló ra. Cái đầu này cứ ba mươi giây lại ho một tràng, cơn ho đến từ rất xa để báo hiệu là những thời khắc vui vẻ rồi cũng vẫn hồi, và cơ thể con người cũng thế. Người sở hữu cái đầu sắp chết này tên là Mazerulles. Ông Thanh tra hét toáng cái tên này lên. Tôi hiểu anh này là thư ký của ông ta. Anh ta lục lọi trong trí nhớ của mình. Và đúng là anh ta nhớ cô bé ấy, vào ngày mà cô ta đến. Người ta không phải khi nào cũng nghĩ đến việc làm. Mazerulles như một con ấu trùng, một thằng ngu dần, hèn hạ, là một người không thể tin tưởng. Tất cả là vì hình dáng bề ngoài của anh ta, một cơ thể mềm nhũn dường như tồn tại một cách lỏng lẻo trong bộ dạng kỳ lạ của mình. Tôi bắt đầu nói chuyện với anh ta về cô bé, và tôi cũng đã nói với anh ta chuyện gì đã xảy ra với cô ta. Giả sử như tôi có lấy dùi cui đập vào mặt anh ta thì anh ta chưa chắc đã loạng choạng hơn. Anh ta phải dựa vào khung cửa, rồi luôn miệng lấp bắp nhiều chuyện, về tuổi trẻ, sắc đẹp, những lúc rối ren, về chiến tranh, về sự khảnh kiệt. Không chỉ còn Mazerulles và tôi nữa, mà với một con ma nhỏ thó đang đến với chúng tôi từng câu một.

Cái lão Thanh tra ngu ngốc này nhận ra điều đó. Lão ta cứ dậm chân sau lưng chúng tôi, thở phì phò và luôn miệng: “Tốt... Rất tốt... Rất tốt...” như muốn tống cổ chúng tôi ra ngoài ngay lập tức. Tôi cùng Mazerulles ra khỏi phòng, không thèm chào cái cổ đặc cứng hôi mùi tinh bột và nước hoa thượng hạng. Tiếng cửa đóng sầm lại sau lưng chúng tôi. Chúng tôi lại ở trong phòng làm việc của tay thư ký. Cái phòng nhỏ hẹp, như chủ nhân của nó vậy. Trông rất buồn, liêu xiêu. Phảng phất trong đó mùi của quần áo ướt và củi cháy, mùi mentola và thuốc Lào. Anh ta đẩy cho tôi một cái ghế, gần cái chảo, rồi lại ngồi sau chiếc bàn nhỏ xíu của mình, trên bàn có ba lọ mực to bự. Anh ta không sững sờ như trước nữa, anh ta kể tôi nghe Lysia Verhareine đến như thế nào. Thông tin cũng đơn giản thôi, tôi chả được biết gì thêm, nhưng tôi thấy thích thú khi nghe người khác nói về cô ấy, một người không phải quê ở đây. Thế là tôi tự nhủ rằng tôi đã không nằm mơ, rằng cô ấy đúng là đã tồn tại bởi vì một tay mà tôi không biết gốc gác ra sao lại đang nhắc cô ấy trước mặt tôi. Cuối cùng, tôi đã bắt tay Mazerulles, chúc anh ta may mắn, tôi cũng không hiểu tại sao tự nhiên tôi hành động như thế nhưng hẳn ta không có vẻ ngạc nhiên. Anh ta chỉ nói với tôi, “Ồ, tôi ấy à, ông biết đấy, may mắn thì...”. Tôi không biết thực hư thế nào nhưng chỉ nhìn anh ta thôi tôi cũng có thể tưởng tượng ra.

Bây giờ thì biết nói gì? Tôi có thể kể việc chôn cất Lysia Verhareine diễn ra như thế nào. Hôm đó nhằm vào thứ tư. Trời cũng đẹp như ngày mà cô ấy đã chọn để từ giã chúng tôi. Có thể còn

nóng hơn thế. Vâng, tôi có thể kể lại điều đó, nào là ánh nắng, nào là những đứa trẻ đã bện những vòng hoa từ những cành nho hay những bông lúa mì, nào là tất cả những người dân, tất cả thấy những người dân ở trong nhà thờ, một nhà thờ khó khăn lắm mới chứa hết ngàn ấy người, có Bourrache cùng cô con gái, có ông Kiểm sát trưởng đứng hàng đầu như một kẻ góa vợ, có vị cha xứ to béo. Đó là cha Lurant, vừa mới tới thành phố và cho đến lúc này người ta vẫn còn nghi kỵ. Nhưng ông ta biết tìm những lời hay lẽ phải để nói ra điều mà nhiều người đang để trong lòng, vị cha xứ này đã chấp nhận lễ tang như một điều tự nhiên và đương nhiên. Vâng, tôi có thể kể hết thấy những điều đó, nhưng lòng tôi có muốn kể lắm đâu.

Thật ra, sự thay đổi lớn lại xảy ra ở nhà ông Kiểm sát trưởng kia. Ông ta vẫn tiếp tục yêu cầu tử hình một số người nhưng có thể nói ông không còn lòng dạ nào nữa. Tệ hơn nữa, có chuyện là đôi khi ông ta viết nhầm vào các bản buộc tội. Khi tôi nói ra điều ấy thì chưa hẳn đã hoàn toàn chính xác. Tốt hơn hết là nói rằng, đôi khi, khi đang tường thuật các sự kiện và đưa ra kết luận thì ông ta nói chậm lại, nhìn vào móng lung rồi ngừng nói. Như thế ông ta không còn ở đó nữa, không còn ngồi trên ghế dành cho kiểm sát trưởng nữa, như thế ông ta đang ở nơi nào khác. Như thế ông ta vắng mặt. Ô, ông ấy ở trong tình trạng đó không lâu lắm đâu, và rồi chẳng ai nghĩ đến chuyện kéo áo ông ta để ông ta tiếp tục, mặc dù ai nấy đều cảm thấy khó chịu, và khi ông ta trở lại với bản buộc tội của mình, ai cũng nhẹ người hẳn đi, ngay cả cái gã bị xét xử cũng thế.

Ông Kiểm sát trưởng cho đóng cửa căn nhà nhỏ trong công viên lại. Không bao giờ còn có người thuê nữa. Cũng như trường học không bao giờ còn có thầy giáo nữa cho đến khi chiến tranh kết thúc. Destinat cũng thôi đi dạo trong công viên. Càng ngày ông ta càng ít ra ngoài. Một thời gian sau thì người ta được biết là ông là người đã bỏ tiền ra mua quan tài và xây mộ. Ai cũng nghĩ đó là một nghĩa cử đẹp đẽ.

Một vài tháng sau khi cô giáo mất, Léon Schier, một anh chàng phụ việc ở tòa án, cho tôi biết rằng Destinat đã xin nghỉ hưu. Schirer không phải là loại người lô bô lao bao, nhưng tôi không tin anh ta mấy. Là bởi vì ngay cả khi không còn tuổi mười chín đôi mươi nữa, phía trước ông Kiểm sát trưởng vẫn còn vài ba năm nữa, và rồi bởi vì tôi thường tự hỏi về hưu thì ông ta sẽ có thể làm gì ngoài việc hoàn toàn cô đơn, buồn chán trong ngôi nhà của mình, với hai người giúp việc mà với họ, mỗi ngày ông không nói quá ba từ.

Tôi nhầm. Destinat đọc bản buộc tội cuối cùng vào ngày 15 tháng 6 năm 1916. Ông đọc bản buộc tội mà không được tự tin cho lắm. Vả lại ông cũng không lấy được đầu của bị cáo. Sau khi xử án xong, chủ tọa đọc một bài diễn văn đơn giản và ngắn gọn sau đó tổ chức uống rượu khai vị với nhóm thẩm phán, đứng đầu là Mierck, cùng với các luật sư, thư ký tòa án và một số người khác. Tôi cũng có mặt trong đó. Sau đó, phần lớn đi đến quán Rébillion cho bữa tiệc chia tay. Tôi nói phần lớn. Tôi không có trong số đó. Về khoản rượu nho thì xin tha cho tôi, nhưng về những món ngon thực sự, những món gắn bó với mình từ thửa khai sinh thì tôi có thể đi thay đồ được rồi.

Sau đó, Destinat trở nên câm lạng.

XII

Bây giờ tôi phải trở lại một buổi sáng năm 1917, ngày mà tôi đã để thi thể bé bỏng của Hoa Bìm Bìm bên bờ kênh cùng viên thẩm phán Mierck và đoàn tùy tùng rét cóng.

Tất cả những điều ấy có vẻ rối như gà mắc tóc, nhưng xét cho cùng, đó là hình ảnh cuộc đời tôi, một cuộc đời được chia thành những mảnh rời rạc không thể chấp vá. Để hiểu được con người, phải đào đến tận gốc. Lấy sức ấy thời gian đi để mang lại cho nó vẻ thuận buồm xuôi gió thì chưa đủ: phải đào xới thời gian đến tận xương tủy cho mủ chảy ra mới thôi. Bàn tay phải lấm bẩn. Không có gì làm tôi ghê tởm cả. Đó là công việc của tôi mà. Ngoài kia, trời đã về đêm, và đêm đến, tôi có thể làm gì khác nếu không phải là lấy những tấm khăn trải giường cũ rách mà mạng nữa, mạng mãi?

Ria mép Mierck vẫn bị lòng đỏ trứng gà dính bết, mặt ông ta vẫn căng căng như một lão đại sứ bị bệnh gút chân. Ông ta nhìn Lâu đài và cười thầm. Cánh cửa nhỏ hướng về công viên đang mở, có những bước chân lổ chỗ trên cỏ. Viên thẩm phán bắt đầu huýt sáo và huơ huơ cái gậy như xua ruồi vậy. Bây giờ mặt trời đã xuyên qua lớp sương mù và sương giá dầm dề chảy xuống. Mọi người đều cứng đờ như những chiếc cọc dựng trong công viên, đôi má cứng đờ như những chiếc đế dày bằng gỗ. Váy Kết thôi không ghi ghi chép chép nữa, ghi chép cái gì mới được chứ! Tất cả đã được nói ra. “Tốt, tốt, tốt...”, Mierck lại tiếp tục, lấy gót chân làm trụ mà ngả nghiêng người.

Rồi ông ta quay phắt lại phía anh cảnh sát thành phố: «Cho tôi gửi lời khen nhé!». Người kia như trên trời rơi xuống: “Đến ai ạ, thưa viên thẩm phán?”. Mierck nhìn anh ta như thể trong đầu anh ta là đậu tằm chứ không phải là khối óc. “Còn đến ai nữa! Đến người đã luộc trứng ấy, anh bạn ạ, món trứng này ngon tuyệt. Vậy anh đang nghĩ cái gì thế? Nghiêm chỉnh vào!”. Anh cảnh sát thành phố giơ tay chào. Cách mà viên thẩm phán gọi mọi người là anh bạn có nghĩa là trên thực tế họ không phải là bạn. Ông ta có nghệ thuật sử dụng từ để bắt họ phải nói ra những điều mà thông thường họ không hề nói. Mọi người đã có thể ở lại lâu như thế, viên thẩm phán, anh cảnh sát chuyên gia mua trứng, Váy Kết, con trai nhà Bréchet, Grosspeil, Berfuche và tôi. Viên thẩm phán không nói với tôi nửa lời, xưa nay vẫn thế. Ông bác sĩ đã đi được một lúc rồi, mang theo cái túi xà cọt bằng thuộc da và đôi găng tay bằng da dê. Ông ta đã để Hoa Bìm Bìm, hay nói đúng hơn là hình hài của cô bé, hình hài thi thể cô bé trong tấm chăn ẩm ướt. Nước dưới kênh vẫn chảy nhanh. Lúc đó tôi chợt nhớ một câu nói của người Hy Lạp, tôi không nhớ cả câu nhưng đại ý câu đó nói về thời gian và dòng nước, một vài từ ngữ đơn giản nhưng nói hết về cuộc sống con người và đặc biệt câu nói đó có ý cho người đời biết là không bao giờ người ta có thể đi ngược đời mình. Dù có làm gì.

Hai nhân viên y tế đến bằng xe cứu thương cuối cùng cũng có thể trùm mình trong bộ quần áo bờ lu trắng mỏng mảnh, mồm miệng còn dính bột. Họ từ V. đến và đã đi lòng vòng lèo vèo mãi mới tìm ra địa điểm. Viên thẩm phán ra hiệu, chỉ cho họ tấm chăn và nói: “Các anh có thể tùy ý sử dụng!”. Người ta có cảm tưởng ông ta nói về một con nghêu, hay một cái bàn trong một tiệm cà phê. Tôi bỏ đi. Không nói với ai nửa lời.

Mặc dầu vậy, tôi đã phải trở lại bên bờ kênh. Tôi phải làm cái nghề của mình, mà lại cái nghề không phải dễ dàng gì. Tôi đã chờ cho đến đầu buổi chiều. Cái lạnh buốt của buổi sáng đã hết: thời tiết trở nên dịu dịu. Như thể đó là một ngày khác rồi vậy. Grosspeil và Berfuche đã được hai viên cảnh sát hiến binh khác thay thế, hai người này canh hiện trường và không cho những người tò mò lại gần. Họ chào tôi. Những con cá chép lượn lờ dưới lớp tảo. Thỉnh thoảng, có một con bơi lên mặt nước để hít thở không khí rồi lại vẩy đuôi lặn xuống để trở về với bầy đàn. Những đám cỏ lung linh muôn ngàn giọt nước. Cảnh vật đã hoàn toàn thay đổi. Người ta cũng không thể nhậnra nữa dấu vết mà thi thể Hoa Bìm Bìm để lại trên bờ. Không còn gì nữa. Có hai

con vẹt giành nhau một miếng cải xoong. Một con cuối cùng đã mổ vào cổ con kia, con này vừa chạy đi vừa kêu la thảm thiết.

Tôi đi lang thang một lúc, không suy nghĩ gì nhiều, chỉ nghĩ đến mỗi Clémence và đứa bé trong bụng nàng. Lúc đó tôi hơi xấu hổ, tôi nhớ như thế, xấu hổ vì nghĩ đến vợ con tôi khi đang đi bên cạnh chỗ mà người ta đã giết bé gái. Tôi biết là vài giờ nữa tôi sẽ gặp lại hai mẹ con, cả nàng và cái bụng to tròn như một quả bí ngô xinh xắn, cái bụng trong đó tôi nghe tiếng cựa quậy của đứa bé và cảm nhận được những cử động ngái ngủ của nó mỗi khi tôi áp tai vào đó. Vào cái ngày giá băng này, có lẽ tôi là người hạnh phúc nhất trần đời, trong số những người khác không xa đang giết người và bị người giết như rơm như rạ, bên cạnh một tên giết người vô danh dám thắt cổ những bé gái ngây thơ chưa đầy mười tuổi. Đúng thế, người hạnh phúc nhất. Tôi cũng không giận mình vì điều đó.

Cuộc điều tra kỳ lạ ở chỗ nó không được giao cho ai cả mà lại được giao cho mọi người. Mierck biến cuộc điều tra đó thành trò tiêu khiển. Ông thị trưởng cũng dí mũi vào. Cảnh sát thì đứng từ xa mà ngửi và đặc biệt có một lão đại tá đục nước béo cò. Sau hôm xảy ra án mạng, lão ta đến lấy cớ hoàn cảnh chiến tranh và khu vực mặt trận để nói là ông ta có quyền ra lệnh cho chúng tôi. Matziev là tên ông ta, một cái tên rất Nga, dáng vẻ vũ công Na-pô-li, giọng nói như rót mật, tóc bóng láng chải ngược phía sau, ria mép mỏng, lạnh thiệp, đôi bàn chân dẻo, đồ con như một đồ vật Hy Lạp. Tóm lại là một Apollon mang quân hàm.

Thế là lập tức ai cũng biết mình đang đụng chạm đến người nào: một người thích máu, nhưng lại ở khía cạnh tốt, tốt ở chỗ là người ta có thể cho máu chảy và uống mà không khiến ai phải bức mình. Vì khách sạn đã đóng cửa do không có khách nên ông ta đóng trại tại nhà Bassepin, người này vừa có vài phòng cho thuê vừa tranh thủ bán than, dầu, mỡ và thịt bò hộp cho những trung đoàn đi qua.

Những năm tháng đẹp nhất của Bassepin là chiến tranh! Bán lại với giá đắt nhất những thứ đã mua rất xa với giá rất bèo. Tiền vào như nước, làm việc đêm ngày, tuồn cho những tay hậu cần đi qua một số nhu yếu phẩm và đồ thừa, thỉnh thoảng lại lấy lại những gì mình đã bán cho các trung đoàn để bán lại cho những trung đoàn khác đến sau, và cứ như thế. Đó là một hạng người. Buôn bán làm nên con người.

Thời hậu chiến cũng không làm ông ta lặn dận là mấy. Rất nhanh, ông ta nắm bắt được điều là cả thành phố cuồng nhiệt tôn vinh những người lính hy sinh ở mặt trận. Bassepin bán hàng tấn bức tượng người lính bằng gang và gà trống Gôloa. Thị trưởng ở miền Đông rộng lớn tranh giành nhau mua những anh lính bất động, những lá cờ bay trong gió và súng chìa ra. Mẫu này ông ta đã thuê một họa sĩ bị bệnh lao đã từng được đoạt giải trong các cuộc triển lãm vẽ. Có đầy đủ cho tất cả mọi người, từ giá cả, túi tiền đến danh mục hai mươi ba kiểu mẫu, ngoài ra có thể chọn thêm những cái bệ bằng đá hoa cương, kim tuyến để vẽ chữ, những cái đài tháp, hình những đứa trẻ bằng kẽm chìa vương miện cho những người thắng trận, những bức họa phúng dụ về nước Pháp có hình một nữ thần trẻ trung, để ngực trần, vẽ chớ che, bao bọc. Bassepin bán ký ức và hoài niệm. Các hội đồng thị chính trả nợ cho những kẻ hấp hối một cách sòng phẳng và cách này đứng vững với thời gian với những công trình được đóng khung bằng sỏi đá hay bằng gỗ đoạn. Trước các công trình này, cứ đến ngày 11 tháng 11, một đội kèn đồng gõ mình thổi vang những khúc khải hoàn ca vui nhộn, hoặc những điệu nhạc bi thương trong khi mà vào ban đêm những con chó hoang giơ chân đá xung quanh và những con chim bồ câu phụ họa thêm bằng cách từ trên cao ỉa xuống.

Bassepin có cái bụng to tròn. Hề cũng như đông, ông ta luôn đội cái mũ bonê hình chuột chũi, mồm có những cái răng đen thui luôn ngậm một thỏi cam thảo. Độc thân ở tuổi 50, không ai thấy ông ta có phiêu lưu tình ái gì. Tiền kiếm được là ông ta giữ lấy không tiêu pha gì, không uống rượu, không cờ bạc, không bao giờ ném tiền vào các ổ điểm ở V. Không thói hư tật xấu. Không chơi sang. Không ham muốn. Chỉ mỗi nỗi ám ảnh là mua, bán và sắm vàng mà không để

làm gì, thế thôi. Cũng gần như những người nhồi nhét rơm rạ vào kho cho đến lút cổ trong khi mình chẳng có con vật nào để nuôi. Nhưng dù sao thì đó là quyền của Bassepin. Ông ta chết, cơ thể nam nhỏ như Crésus vào năm 31 vì bệnh nhiễm khuẩn huyết. Thật là khó tin vì một vết thương nhỏ, bình thường lại có thể làm cho cuộc sống con người thối rữa, và thậm chí là rút ngắn tuổi thọ. Lúc đầu ông ta chỉ bị trầy da ở chân, chỉ là bị một vết đứt đơn giản thôi. Năm ngày sau, ông ta trở nên cứng đờ, xanh xao, mình mẩy lở chỗ vết thương từ đầu chí cuối. Như một tên mọi rợ Châu phi mình đầy chàm trổ nhưng không có tóc xoăn và không cầm lao. Không người thừa kế. Không ai nhỏ lệ tiếc thương. Không phải vì người ta ghét ông ta, không phải thế nhưng một người chỉ quan tâm đến vàng và không bao giờ nhòm ngó đến người khác tất nhiên không xứng đáng để người ta thương xót. Ông ta đã mong gì được nấy. Không phải ai cũng có thể nói như thế. Có thể đó là lẽ sống của Bassepin, sống trên cỏi đời để cóp nhặt tiền bạc. Suy cho cùng, điều này không đến nỗi ngu xuẩn. Ông ta đã tranh thủ được điều đó. Sau khi chết, tiền của ông ta lại về tay Nhà nước: đúng nhà nước là một người vợ goá bụng hạo hạo, khi nào cũng vui vẻ và không bao giờ biết để tang là gì.

Khi Matziev ở nhà ông ta, Bassepin đã dành cho lão ta căn phòng đẹp nhất và mỗi lần gặp lão ta thì ông ta luôn ngả chiếc mũ bê-nê hình chuột chũi để chào. Khi đó, người ta có thể thấy trên trán ông ta, sau ba bốn sợi tóc đang kè cựa với nhau, một vệt rượu vang khá lớn, trang điểm cho nước da xanh xao vàng vọt của ông ta, vệt rượu này chảy lòng vòng như vẽ nên đường biên giới của Châu Mỹ.

Việc to tát đầu tiên của Matziev ngay khi đến thành phố nhỏ chúng tôi, đó là ra lệnh cho thuộc hạ mang đến cho mình một chiếc máy hát. Người ta thấy lão ta đứng hàng giờ ở bên cửa sổ phòng mình, cửa sổ vẫn mở cho dù rét mướt liên miên, lão đứng đó hút thuốc xì gà mỏng như sợi dây, cứ năm phút mỗi lần lão lại mở to cái máy hát ọc ọc của mình. Lão chỉ nghe một bài hát thôi, một bài hát vài năm trước đó rất thịnh hành, khi mà người ta còn tưởng thế giới là vĩnh cửu và chỉ cần tin rằng ai cũng sẽ vui vẻ, hạnh phúc để được thực sự như vậy:

Caroline em ơi, hãy đi đôi dày bé nhỏ và bóng láng vào...

Caroline em ơi, anh bảo em điều này...

Hai mươi, một trăm lần mỗi ngày, Caroline đi đôi dày xinh xắn của mình trong khi mà lão đại tá hút thuốc vẽ lịch thiệp, cổ tay bị gãy, ngón tay nào cũng đeo nhẫn, những ngón tay màu nâu nhạt hôi hám, đôi mắt đen nhìn bằng quơ lên những mái nhà xung quanh. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ bài hát đó của ông ta, và mỗi lần như thế tôi lại nghiêng răng ken két. Trong khi tất cả mọi người vẫn nghĩ đến Hoa Bìm Bìm, vẫn tưởng tượng ra tên súc vật đã gây nên cái chết đó, thì bài hát của lão đại tá trong chừng mực nào đó như một mũi khoan xuyên thủng não bộ của chúng tôi một cách chậm rãi sau khi đã đâm một lỗ rất nhỏ vào đầu. Suy cho cùng, bài hát của ông ta là anh em họ với những quả trứng của viên thẩm phán, những thế giới bé nhỏ của ông ta được thưởng thức cách xác chết có vài bước. Không có gì phải ngạc nhiên khi hai gã này, Mierck và Matziev, không hề quen biết nhau trước đó, thậm chí đối với nhau như ngày và đêm lại một đồng một cốt với nhau. Suy cho cùng, đó chỉ là vấn đề rác rưởi.

XIII

Nhưng không có gì đơn giản cả. Chỉ có thần tiên mới không bao giờ nhầm lẫn. Cứ nhìn những việc Matziev đã làm và những điều tôi sắp kể, người ta sẽ quy ngay ông ta là thuộc loại đều cáng, cái loại người đông nhất trên thế gian, cái loại người sinh sôi nảy nở nhanh nhất và phát triển như loài dấn.

Mặc dù thế, cũng chính con người đó hai mươi ba năm trước vụ Áp phe đã chận vật với sự nghiệp của mình, từ rất lâu chỉ là cấp bậc trung uý trong khi những người khác đã lên lon. Sở dĩ như thế là vì ông ta theo phe bảo vệ Dreyfus, nhưng mà coi chừng, không phải là một người theo phe Dreyfus theo kiểu cưỡi ngựa xem hoa như hàng nghìn người khác! Không phải, Vào thời đó, Matziev lại cả gan công khai bảo vệ viên đại uý quèn ấy, tuyên bố mình tin sự vô tội của viên đại uý đó, đi ngược lại hoàn toàn với quan điểm đúng đắn của Bộ tham mưu, quay lưng với tất cả những người có khả năng chuẩn bị cho ông ta một sự tiến thân xuôi chèo mát mái, đưa ông ta lên sao, những ngôi sao bằng vàng mà người ta thường đính lên ngũ vai của bộ quân phục.

Tất cả những điều ấy thuộc về Lịch sử, một lịch sử vĩ đại như người ta vẫn thường nói, nhưng lại thường bị lãng quên và được người ta tình cờ vớt lên, khi lục tìm trong những vựa lúa hoặc những đồ rác rưởi cũ kỹ.

Năm 26 là năm cha tôi mất. Tôi phải trở về ngôi nhà lụp xụp, nơi mà tôi đã sinh ra và lớn lên. Tôi không muốn đi lang thang. Lại thêm một người chết nữa là cha tôi. Trước đó tôi đã thực sự lãnh đủ. Nhà tôi là nhà của những người chết, mẹ tôi chết lâu rồi, khi tôi còn là một đứa trẻ hỗn hào. Chúa đã cướp đi linh hồn của mẹ, và rồi đến lượt cha tôi. Đó không còn là ngôi nhà thời trai trẻ của tôi nữa. Nó đã có mùi của mồ mả.

Ngay cả ngôi làng cũng không hề giống tý nào với ngôi làng mà tôi đã từng biết đến. Sau chiến tranh dân làng đi hết, sau bốn năm bom đạn, họ đã rời bỏ những tòa nhà bị phanh thây và những đường phố bị chọc thủng như pho mát Thụy Sĩ. Chỉ có cha tôi ở lại, vì đi đối với ông là để cho bọn Đức thắng, ngay cả khi bọn chúng đã thất trận, và Fantin Marcoire, một lão già điên điên tàng tàng hay chuyện trò với cá hồi và sống chung với một con bò cái già nua mà lão ta gọi bằng Bà.

Lão ta và con bò ngủ cạnh nhau trong chuồng. Rốt cuộc rồi họ cũng giống nhau, về mùi hôi và những phần còn lại, trừ phi con bò có thể có lương tri hơn lão ta và lại ít cà khịa hơn. Fantin ghét cha tôi lắm. Cha tôi cũng không phải tay vừa. Hai kẻ điên khùng trong một ngôi làng mà thường chửi rủa, thoá mạ nhau trên sự đổ nát, lấy đá ném nhau như những thằng nhóc có bờ trán nhăn nheo và đôi chân khoèo. Sáng nào cũng vậy, trước khi trời sáng, Fantin Marcoire đến tụt quần ỉa trước cửa nhà bố tôi. Và tối nào cũng thế, cha tôi chờ cho Fantin Marcoire dựa lưng vào sườn con bò cái ngủ để cũng làm tương tự trước cửa nhà lão ta.

Việc đó đã kéo dài nhiều năm trời. Như một nghi thức vậy. Một kiểu chào. Lịch sự bằng bụng dưới. Hai người quen nhau từ khi còn đi học. Họ ghét nhau mà không hiểu vì sao từ lúc này. Lúc đã theo đuổi cùng những cô gái, chơi cùng trò và có thể cảm thấy đau khổ như nhau. Và thời gian đã cày xới họ như cày xới thân thể và trái tim của tất cả mọi người.

- Thế hẳn ta chết rồi a?

- Chết thật rồi, Bác Marcoire ạ...

- Thằng đều, chơi tao cái trò ấy!

- Cha cháu cũng có tuổi rồi.
- Có nghĩa là tao cũng thế à?
- Vâng đúng thế.
- Đồ giò bọ, chơi tao cái trò ấy! Tao biết làm quái gì bây giờ?
- Bác cứ đi, đi đến nơi khác, thưa bác Marcoire.
- Không có cái đích gì khác là đi nơi khác à... Mày cũng đều như cha mày! Đồ chó chết! Như kiểu lão ta có mặt trên cõi đời này chỉ để làm tao bức mình... Tao sẽ như thế nào bây giờ... Mày tin là lão ta đã đầu đón à?
- Cháu không tin.
- Không đầu đón chút nào ư?
- Có thể lắm, cháu không biết, ai mà biết được?
- Tao thì tao sẽ phải đầu đón, chắc chắn rồi, tao cảm thấy bắt đầu đau, đồ đều cáng..."

Fantini đã đi vào những gì còn lại của con đường chính trong làng. Lão ta tránh những hố bom mìn bằng cách đi vòng đi vèo. Tưởng như đó là một vũ nữ, một vũ nữ sắp giải nghệ, một vũ nữ nổi giận, cứ ba mét một lần vũ nữ đó lại chửi người cha quá cố của tôi là đồ "xác thối", là đồ "đần độn". Rồi lão ta mất hút sau khi đã đi vòng qua góc quán của Camille tên là "Ân huệ, hàng mã và hàng mới", cái rèm bằng gỗ bị chọc thủng vẽ nên những chiếc phím bị bật ra của một cây đàn piano khổng lồ.

Ngôi nhà của cha tôi là một bãi đầm của lợn lòi. Tôi đã cố tìm lại bóng dáng căn nhà xưa đã mất, những kỷ niệm, những hình ảnh của ngày xưa. Nhưng không gì còn động đây nữa. Ghét rác và bụi bặm đã trùm lên mọi thứ một chiếc áo tả tơi. Nó như một chiếc quan tài lớn của một xác người chưa chết hẳn, như thể muốn mang đi tất cả nhưng cuối cùng lại không đủ can đảm. Tôi nhớ lại những gì mà thầy giáo đã kể cho chúng tôi về Ai Cập, về các ông vua Pharaông, về những ngôi mộ đầy ắp của cải phù du. Ngôi nhà cha tôi cũng gần gần như thế, chỉ có điều ông chưa bao giờ là vua Pharaông cả, và thay vì vàng bạc, đá quý chỉ có bát đĩa bẩn thỉu, những chai rượu không chất bừa bãi từng đồng lớn trong tất cả các phòng.

Tôi chưa bao giờ yêu quý cha tôi, và tôi cũng không biết vì sao. Tôi cũng chưa bao giờ ghét ông. Chúng tôi chưa bao giờ nói chuyện với nhau, thế thôi. Giữa hai chúng tôi khi nào cũng là cái chết của mẹ tôi, như một cái gai, một khoảng lặng dày đặc mà không ai trong chúng tôi dám xuyên thủng để chia tay cho nhau.

Nơi trước đây là phòng ngủ của tôi nay thành một trại lính được xây thành đắp lũy, một cái lô cốt tồi tàn được xếp lên từ những tờ báo để canh nhau và vươn tới trần nhà. Cửa sổ chỉ còn là một tấm liếp mỏng mảnh, tang thương, từ đó cha tôi có thể trông thấy nơi ở tan hoang của Fantin Marcoire. Gắn lối vào, dưới đất là hai cái ná cao su được làm từ gỗ phỉ và lớp xăm, giống như những cái ná mà bọn trẻ con hay làm để bắn quạ hoặc nã vào mông người trông vườn. Bên cạnh hai cái ná là những cái đinh chữ U, là những cái đinh vít méo mó, là một mẩu xúc xích mới cắn một miếng, một chai rượu vang mới uống một nửa và một cái li bẩn thỉu.

Nơi đó chính là nơi cha tôi đã tiếp tục cuộc chiến của mình, lấy sắt vụn bắn xối xả vào kẻ thâm thù của mình khi người này trong nhà đi ra. Tôi đã tưởng tượng cha tôi hàng giờ cứ nhâm nhi

đồ ăn và uống rượu, nghe ngóng những âm thanh của đường phố, chộp lại vũ khí như nhìn nhăm giở. Rồi bỗng nhiên cầm lấy cái nĩa, nạp đạn vào, bắn vào người kia, chờ cho hắn ta la hét, nghe hắn ta la hét, thấy hắn ta lấy tay xoa đùi, hoặc xoa má, hoặc xoa đít, chờ cho hắn ta chảy máu cũng nên, chờ cho hắn ta giở nắm đấm ra mà chửi, rồi hứng chịu mọi lời thoá mạ, rồi vỗ đùi, rồi cười đến mức khạc cả mấy lá phổi ra, cười đùa thoả thuê cho đến khi nấc lên từng tiếng thô kệch, cho đến khi không cười được nữa, chỉ mấp má, lấy hơi, cố tìm lại sự nghiêm túc, tìm lại sự buồn chán, trống rỗng. Bàn tay run run cầm rượu lên uống, uống một hơi, nghĩ rằng mình chẳng to tát gì, đúng thế, chẳng là cái thá gì, nghĩ rằng việc này sẽ không kéo dài lâu hơn được nữa, nghĩ rằng ngày thì rất dài, phải tiếp tục cầm cự, rồi còn có những ngày khác, thêm những ngày khác, thêm nữa, cầm chai rượu lên tu một hơi, rồi nghĩ mình không là gì cả.

Khi rời phòng, vai tôi đụng vào đồng báo làm nó đổ xuống, tạo ra tiếng xoàng xoạc như lá khô rơi. Những tháng ngày đã mất tuột xuống chân tôi, những năm tháng chết chóc, những bi kịch xa vời cũng thế. Và trong tất cả những thứ đó, cái tên của Matziev, những cái chữ to tướng làm đầu đề cho một bài báo ngắn in phía trên, đã đập vào mắt tôi.

Sự cố xảy ra năm 1894, vào một ngày tháng 12. Đúng hơn là vào một buổi tối: trung úy Isodore Matziev, trong tờ báo người ta viết như vậy, tôi chỉ ghi lại thôi, trung úy Isodore Matziev “trước một hội nghị nhóm họp tại phòng trong của một tiệm cà phê đã tuyên bố rằng mình tin vào sự vô tội của đại úy Dreyfus. Cả hội trường trong đó thành phần chủ yếu là những người hoạt động công đoàn và những người theo đảng cộng sản vỗ tay tán thưởng. Matziev, trong bộ quân phục, cũng đã nói thêm là anh xấu hổ vì ở trong một quân đội chuyên bỏ tù những người đúng đắn và thả lỏng những kẻ phản bộ thực sự”. Bài báo thuật lại rằng đám đông đã nhiệt liệt hoan hô Matziev, nhưng sự cố vũ này đã bị gián đoạn khi cảnh sát hiển binh đến, bắt bớ một số người trong đó có ông ta và đã phải dùng dùi cui để dẹp loạn. Bị xem như là “kẻ xúi giục làm loạn, kẻ phá vỡ quy tắc im lặng, kẻ đã có những lời lẽ làm nhơ bẩn danh dự của quân đội Pháp, trung úy Matziev hai ngày sau đã phải ra tòa án quân sự, bị cấm túc trong thời gian sáu tháng”.

Tay nhà báo quen nào đó đã kết thúc bài báo bằng việc tỏ ra công phần trước thái độ của viên sĩ quan trẻ tuổi, có cái tên “nặng mùi Do Thái, hoặc mùi Nga, trừ phi là cả hai”. Bài báo được ký tên là Amédée Prurion. Một cái tên ngu ngốc cho một kẻ đều cáng thực sự. Cái anh chàng Prurion đã như thế nào rồi nhỉ? Hắn ta có nôn mửa được lâu sự căm phẫn hèn hạ của mình lên mặt giấy úa vàng, tờ giấy này chắc chắn rồi nhiều hộ gia đình cũng dùng để chùi đít? Prurion. Cái tên vang lên như một căn bệnh, căn bệnh ecpet mụn rộp không bao giờ chữa khỏi. Tôi chắc chắn là hắn ta có cái đầu như đầu dán, chân khuỳnh, miệng hôi như cóc chết, có đủ đồ nghề của những kẻ hay cáu giận rồi chưa chát trồn mình trong những quán bia vắng khách, mắt thêm thường dòm ngó móng đít của cô phục vụ đang cúi cổ hết hơi kỳ cọ sắn nhà làm mặt cưa bung cả lên. Nếu như giờ này Prurion đã chết rồi thì thiên hạ bớt được một tên giỏi bọ. Nếu hắn ta còn sống thì chắc là cũng không đẹp đẽ gì đâu. Sự thù hận là một loại nước ướp thịt tác oai tác quái: nó làm cho thịt trở nên hôi thối. Tóm lại, ngay cả khi tôi đã biết Matziev khi lão ta đã biến thành đồ rác rưởi, tôi vẫn thấy lão ta hơn hẳn Prurion. Chí ít là một lần trong đời, lão ta đã không làm cho tư cách con người của mình phải xấu hổ. Ai có thể nói được như vậy?

Tôi đã giữ lấy bài báo, như một chứng cứ vậy. Chứng cứ để chứng minh điều gì đó không rõ! Và tôi ra khỏi nhà. Tôi không bao giờ quay lại đó nữa. Cuộc đời nào có chịu nổi những lần trở về. Tôi lại nghĩ tới Matziev, đến bộ ria mép tinh tế óng mượt, đến những điệu xì gà cong queo, đến cái máy hát ọc ạch một bài hát ngắn. Lão ta cũng thế, rồi lão ta cũng đã mất hút trong thời gian, với tất cả đồ đạc quân trang của mình, mỗi khi vụ Áp phe đã được giải quyết. Có thể lão ta đã tiếp tục khệ nệ mang theo mình bài hát Caroline trên đường đi tìm những điều vô vọng. Khi nhìn vào mắt lão ta, người ta có cảm tưởng là lão ta đã tới đích. Tới đâu, ai mà biết được. Nhưng tới. Và ở chỗ lão ta thì không cần phải cựa quậy làm gì vô ích. Hết rồi. Lão ta chỉ còn nước chờ cuộc hẹn cuối cùng.

Đêm nay, tuyết đã rơi hàng tiếng đồng hồ. Tôi nghe tuyết rơi khi đang nằm trên giường tìm

giấc ngủ. Đúng hơn là tôi đang nghe sự im lặng của tuyết, và đằng sau những cánh cửa sổ chưa đóng kín, tôi đoán ra được màu trắng mờ mờ đang bao phủ dần.

Tất cả những điều đó, sự im lặng và thảm trắng càng làm cho tôi tách biệt với thế giới. Như thế là tôi cần những thứ đó lắm! Clémence thích tuyết như thế. Nàng còn thường nói với tôi: “Tuyết sẽ là bộ quần áo đẹp nhất cho con của chúng ta...”. Nàng không nghĩ là mình nói hay đến thế. Bộ quần áo đẹp đó đã phủ lên người nàng.

Lúc 7 giờ, tôi đẩy cửa ra. Cảnh vật trông như một cửa hàng bánh ngọt: kem và và đường vương vãi khắp nơi. Tôi nheo mắt lại như thể đang nhìn một điều thần diệu. Bầu trời lè chè dề nặng lên sườn đồi và Nhà máy, một nhà máy điên khùng như một quái vật mắt chột, từ đó một tiếng vù vù thoát ra như một giai điệu dễ thương. Một thế giới mới. Hoặc là buổi sáng đầu tiên của một thế giới mới. Như là buổi sáng đầu tiên của con người đầu tiên. Trước khi bị dơ bẩn, trước khi có dấu chân người và dấu vết của những điều xấu xa, tôi không thể nói thế nào cho phải. Ngôn từ thật là khó. Sinh thời tôi không nói nhiều. Tôi viết sinh thời như thể kể từ đây tôi đã chết rồi. Suy cho cùng nói như thế là đúng. Đó là một chân lý đúng đắn thật sự. Từ lâu lắm rồi, tôi cứ cảm thấy mình là một người đã chết rồi. Tôi giả vờ sống. Tôi mang án treo, thế thôi.

Những bước đi của tôi là những bước đi phản bội, bị bệnh thấp khớp nhưng lại biết rất rõ ý muốn của mình. Chúng cho tôi đi lòng vòng. Như một con lừa bị buộc vào cối xay, cố nghiền nát những hạt, những hạt đã mất. Chúng trả lại tôi nhịp thở trái tim. Vì chúng lơ chân nên tôi đã vô tình trở lại bên bờ kênh nhỏ, bờ kênh như vẽ lên một tấm lưới xanh được trang điểm bởi những ngôi sao đang tan dần trong màu trắng tinh khôi. Tôi dẫm chân lên tuyết và nghĩ tới sử thi Bérézina. Có lẽ đó là điều tôi nên có, một sử thi, để đoán chắc rằng cuộc đời có nghĩa, rằng tôi đang đi lạc vào hướng đúng, rằng nơi mà tôi đi, đó là hướng thẳng vào những cuốn sách lịch sử, và trong hàng thế kỷ, tôi đã có lý khi trì hoãn chuyến đi của mình, biết bao nhiêu lần rồi, phút chót tôi lại rút khẩu súng các bin của Gachentard ra khỏi hòng, những buổi sáng mà tôi cảm thấy rỗng tuếch như một cái giếng cạn nước. Mùi vị của khẩu súng... thật lạ! Lưỡi cứ dính vào đó. Cảm giác nhoi nhói. Hương vị của rượu vang, đá trắng.

Những con chồn hạt dẻ đã đánh nhau xong. Những bàn chân đầy móng vuốt đã để lại những ký tự tượng hình, những đường lượn điệu nghệ, những ngôn từ của kẻ điên trên chiếc áo choàng bằng tuyết. Cái bụng của chúng cũng như những dòng chảy, nhưng lối đi nho nhỏ xa dần, chéo nhau, hoà lẫn vào nhau để rồi lại toả ra và dừng lại, như thể bỗng nhiên hai con thú sau khi chơi xong đã bay vọt lên trời trong nháy mắt.

“Cũng già nua và gốc ghếch như thế...”

Có lẽ lạnh giá đã chơi xỏ tôi.

“Anh muốn chết hay sao hở?” Một giọng nói lại thoát ra từ nơi xa vời, bằng những phụ âm thô ráp hoà lẫn với tiếng rì rào của cây hải âm. Không cần phải quay lại tôi cũng biết ai đang nói với mình. Joséphine Maulpas. Bằng tuổi tôi. Cô bạn mới của tôi. Người cùng quê. Đến đây khi mới mười sáu tuổi như một người giúp việc đa năng. Cô làm cái nghề này cho đến hai mươi tuổi, đi từ nhà giàu này đến nhà sang khác, dần dần làm quen với ma men đến mức hoàn toàn ngụp lặn trong men rượu, đến mức không tìm được vị trí của mình nữa. Gõ cửa nhà nào cũng bị hắt hủi, ngăn chặn, tổng cổ. Để rồi, trong nhiều năm trời, cô ta chỉ còn mỗi việc là buôn bán da thú hôi thối: da thỏ, da chuột chũi, da chồn, da cáo, da của mọi súc vật, những tấm da vẫn còn dính máu, còn tươi, được lột ra bằng con dao nhíp. Hơn ba mươi năm cô ta cứ ra phố với chiếc xe ba gác tồi tàn, luôn miêng rêu rao “Da thỏ đây! Da súc vật đây! Da thỏ đây!”, thành thử người cô ta hôi mùi xác chết, mặt cô ta giống mặt của những con thú đã chết, nước da tím tái, đôi mắt mờ xỉn. Thế mà trước đây, cô ấy xinh như một nàng công chúa.

Joséphine, mà bọn con nít thường gọi là Da, bán rẻ tài sản quý hoá của mình cho Elphège

Crochemort. Elphège Crochemort thuộc những tấm da đã mua trong một cối xay cổ, bên bờ sông Guerlante, cách chỗ chúng tôi ở sáu cây số. Một chiếc cối xay cũ kỹ, gần tàn, nước ào ào chảy vào như nước biển ủa vào một chiếc tàu lớn bị chọc thủng, nhưng nó vẫn đứng vững từ mùa này sang mùa khác.

Crochemort hiếm khi đi ra phố. Nhưng mỗi lần ra phố thì hẳn đi đâu người ta cũng biết, đi đường phố nào người ta cũng hay vì hẳn hôi kinh khủng. Hè cũng như đông, tối cũng như sáng, người hẳn ta như bị ướp nhiều ngày trời trong bể kiềm. Đó là một mẫu đàn ông đẹp trai, cao lớn, tóc đen mượt chải ra phía sau, mắt xanh da trời trông rất lạnh lợi. Một người đàn ông đẹp trai nhưng cô độc. Khi nào tôi cũng thấy hẳn như một người bị kết án chung thân luôn phải lẩn đá hoặc bị ăn gan, người ta nói những khổ hình này có ở những người Hy Lạp. Cũng rất có thể là Crochemort đã phạm tội gì đó. Thế ai là kẻ truy tố hẳn? Có thể hẳn trả giá lỗi lầm của mình như vậy, trong cô đơn và trong mùi hôi thối của ma men. Giả sử như hẳn thơm mùi oải hương hay hoa nhài thì hết thấy đàn bà phụ nữ đã ngây ngất dưới chân hẳn rồi.

Hàng tuần, Joséphine giao hàng cho hẳn. Cô không còn cảm thấy mùi hôi nữa. Còn đàn ông thì từ lâu lắm rồi cô đã quyết định quay lưng với họ, tránh xa họ, cả đời chỉ kết hôn với chính mình. Elphège Crochemort tiếp đón cô như tiếp đón một bà hoàng - cô ấy đã cho tôi biết điều đó -, mời cô uống rượu vang, nói chuyện với cô rất duyên về mưa, về da và về thời tiết đẹp, cười với cô bằng nụ cười mà tôi đã có dịp nói với các bạn. Rồi hẳn ta thanh toán tiền, giúp cô dỡ hàng và cuối cùng là tiễn cô ra ngoài đường như một người lịch sự vẫn thường làm.

Từ hai mươi năm nay, Joséphine ở cuối đường Chablis, gần như giữa đồng không mông quạnh. Không một ngôi nhà, không đâu, chỉ có một vài tấm gỗ mà mưa gió đã làm cho mốc đen và nhờ một điều kỳ diệu nào đó mà chúng vẫn đứng vững với nhau được. Một túp lều tối sẫm như than, bọn trẻ đi qua cũng phải sợ. Ai cũng nghĩ là túp lều đó chất ngất nào là da thối, súc vật chết, chim bị phanh thây và chuột bị người ta lấy đinh đóng chân lên ván. Không ai vào túp lều đó bao giờ.

Tôi thì tôi đã đến đó hai lần. Nói ra không ai tin. Vào đó như đi qua cổng địa ngục và xuất hiện trong một cơ ngơi đầy ánh sáng. Như thế đó là một căn hộ dành cho búp bê, sạch sẽ thơm mát, mọi thứ đều bằng màu hồng, những dải băng xoắn được thắt khắp nơi.

“Chắc là anh đã từng muốn em sống trong ghét bẩn chứ gì?”, lần đầu tiên Joséphine hỏi tôi trong khi mà tôi há hốc miệng nhìn ngó nhìn nghiêng. Trên cái bàn có trải chiếc khăn rất đẹp có một bó hoa irit ; trên tường có treo những bức tranh vẽ những vị thánh và thiên thần bé bỏng, những bức tranh này được đóng khung sơn rất đẹp, tựa những bức mà các cha xứ thường đưa cho những người chịu lễ bàn thánh thể và cho các lễ sinh.

“Em tin à?” Tôi hất hàm chỉ những bức vẽ xinh xắn và hỏi Joséphine. Cô nhún vai, không hẳn là để châm chọc mà là để nói với tôi một điều hiển nhiên, một điều không cần phải bàn cãi.

“Giá như em có những cái nôi bằng đồng đẹp đẽ, em sẽ treo lên, như thế sẽ tạo nên cảm giác rằng thế giới không đến nỗi xấu xí, đôi khi vẫn có những ánh vàng nho nhỏ và, suy cho cùng, em nghĩ đời người không khác gì sự kiếm tìm những những mảnh vụn bằng vàng này”.

Tôi cảm thấy bàn tay cô đặt lên vai tôi, rồi tay kia nữa, và cuối cùng là hơi ấm của một chiếc khăn len.

“Sao anh lại quay lại đây, Chàng Ngốc?”, khi nào Joséphine cũng mệnh danh tôi như thế, từ khi chúng tôi 7 tuổi, nhưng chưa bao giờ tôi hiểu được vì sao. Chỉ tí nữa thôi là tôi trả lời cô ấy, thao thao bất tuyệt bên cạnh dòng kênh, chân lún trong tuyết, trong chiếc áo sơ mi. Nhưng lạnh giá làm tôi run cầm cập, và tự nhiên, tôi cảm thấy mình tê tái đến nỗi không thể đi được nữa.

“Em quay lại đó chứ?”

- Em qua thì lại khác. Em thì em không phải hối hận gì cả. Em đã làm những gì phải làm. Em đã làm tròn bổn phận của mình, anh biết thế mà.

- Nhưng mà anh đã tin em!

- Khi đó anh chỉ là người duy nhất...”

Joséphine đã xoa vai tôi. Cô ấy đã lắc người tôi và máu trở lại các tĩnh mạch đã làm tôi đau như roi quất. Rồi cô ấy ôm tôi, và chúng tôi, như một cặp nhân tình kỳ lạ, đã bước đi trên tuyết trắng và trong một buổi sáng mùa đông. Chúng tôi đã bước đi mà không ai nói với ai nửa lời. Đôi khi, tôi nhìn gương mặt già nua của cô như để tìm lại những nét mặt của một cô gái trẻ. Nhưng chỉ còn thấy da bọc xương nữa mà thôi. Tôi cứ để mặc vậy, như một đứa trẻ. Tôi những muốn nhắm mắt lại rồi ngủ đứng, trong khi vẫn tiếp tục để một bàn chân lên bàn chân khác, trong sâu thẳm lòng mình, tôi hy vọng không bao giờ mở mắt ra nữa, và tiếp tục như thế trong cái gì đó như là cái chết hoặc một cuộc dạo chơi vô định.

Về nhà tôi, Joséphine đọc đoán bắt tôi ngồi lên chiếc ghế bành rộng lớn, bắt tôi mặc đến ba chiếc áo choàng dày núc ních: tôi lại trở thành một đứa trẻ đang bú mẹ.. Cô ấy đã xuống bếp. Tôi giờ chân gần chiếc chảo. Dần dần, tất cả trở lại trong cơ thể tôi, sự hăm hở, những cơn đau, những tiếng kêu răng rắc, những đường nứt rạn. Cô ấy đưa cho tôi một bát nước nóng hồi, thơm mùi mật và mùi chanh. Tôi uống mà không nói gì. Cô ấy cũng uống. Uống xong, cô ấy buột miệng:

“Sao anh đã không đi bước nữa?”

- Thế còn em, sao em lại chỉ sống một mình thế?

- Em biết hết về đàn ông khi em mới mười lăm tuổi. Anh biết con sen nghĩa là gì chứ! Em đã tự nhủ là không bao giờ nữa và em đã giữ lời. Nhưng anh thì không phải vậy...

- Em biết là hàng ngày anh vẫn nói chuyện với cô ấy. Không còn chỗ cho người đàn bà khác.

- Anh nhận là mình làm như thế là để bắt chước ông Kiểm sát trưởng đi!

- Hoàn toàn khác.

- Vì anh nói là... Anh cứ gặm nhấm đời anh như thế khác gì anh đã kết hôn với ông ta. Em còn thấy là qua tháng năm thì anh bắt đầu giống ông ta đấy, những cặp vợ chồng già đều như thế cả.

- Em ngốc lắm, Fifine ạ...”

Chúng tôi im lặng một lúc, rồi cô ấy nói tiếp:

“Cái buổi tối đáng nhớ ấy, em đã thấy ông ta, chính mắt em trông thấy đấy, em thề với anh như vậy, ngay cả khi cái lão chó chết ấy không muốn tin em, cái lão ấy tên gì nhỉ, cái con lợn mặc quần áo ấy?”

- Mierck.

- Cái tên đẹp nhỉ! Hy vọng là lão ta chết rồi chứ?

- Vào năm 31, bị ngựa đá vỡ đầu.

- Đáng đời. Đôi khi người ta chết làm mình vui mừng. Nhưng sao lão ta đã không tin anh. Lúc đó anh là cảnh sát cơ mà!

- Ông ta lại là thẩm phán...”

Một lần nữa, tôi đã lùi lại vài năm, để kết thúc cùng một điểm. Tôi biết đường đi rất rõ. Như thể trở về một xứ sở thân quen.

XIV

Ba ngày sau khi phát hiện thi thể của Hoa Bìm Bìm, Joséphine đã đến gặp tôi. Cuộc điều tra đi vào vòng luẩn quẩn. Cảnh sát hiến binh tra vấn khắp nơi. Matziev thì nghe bài hát của mình. Mierck lại đi V., còn tôi thì cố hiểu.

Clémence đã mở cửa cho cô ấy, tay ôm cái bụng rất to và cười luôn miệng. Vợ tôi biết ít về Joséphine, cứ để cô ấy vào bất chấp vẻ bề ngoài kinh sợ và tai tiếng phù thủy.

“Ngày ấy vợ anh thật hiền...” Joséphine lại đưa cho tôi một bát nước đầy.

“Em không còn nhớ rõ nét mặt của chị ấy, cô ấy nói thêm, nhưng em nhớ là chị ấy hiền, cái gì ở cô ấy cũng nhẹ nhàng, hiền dịu, từ đôi mắt đến giọng nói.

- Anh cũng không, tôi nói với cô ấy, anh không còn nhớ gương mặt của vợ anh nữa... Nhiều khi anh tìm kiếm gương mặt đó, anh có cảm tưởng là nó hướng về phía anh rồi nhạt nhoà dần, không còn gì nữa. Lúc đó anh tự đánh mình, tự chửi rửa mình...

- Sao lại thế, đồ ngốc?

- Không còn nhớ gương mặt của người mà mình đã từng yêu... Anh đúng là một thằng khốn nạn.

Joséphine nhún vai:

“Những thằng đều cáng, những bậc thánh nhân, em đã thấy bao giờ đâu. Chẳng có gì thật là đen cũng chẳng có gì thật là trắng. Chỉ có màu xám là vượt trội. Con người và linh hồn của họ cũng vậy... Anh là một linh hồn xám, xám một cách dễ thương, như tất cả chúng ta...

- Ngôn từ thì...

- Ngôn từ làm ảnh hưởng gì đến anh nào?”

Tôi bảo cô ấy ngồi xuống và rồi cô ấy đã kể cho tôi câu chuyện của mình, kể một mạch, với những từ ngữ rất chính xác. Clémence đã rút vào phòng. Tôi biết vợ tôi làm gì ở đó, với những cái kim, những cuộn len màu xanh và màu hồng, kim tuyến, vợ tôi làm việc đó từ nhiều tuần rồi. Trong khi mà Joséphine nói chuyện, đôi khi tôi nghĩ tới vợ tôi, trong căn phòng gần đó, nghĩ tới những ngón tay của nàng lướt trên những cái kim, nghĩ tới cái bụng của nàng trong đó đứa bé hết hích rồi lại đá rất mạnh.

Và rồi, dần dà, thi thể đắm nước của Hoa Bìm Bìm đã vào trong phòng. Cô bé ngồi bên cạnh tôi như thể là nó đến để nghe Joséphine nói, để đồng tình hay phản đối. Và rồi, từ từ, tôi không còn nghĩ đến gì nữa. Tôi lắng nghe Joséphine. Tôi nhìn Hoa Bìm Bìm, khuôn mặt của người mới chết đắm nước, đôi mắt nhắm nghiền, đôi môi tím tái vì cơn lạnh vừa đi qua. Hình như cô bé mỉm cười, đôi khi nghiêng đầu, cái miệng có vẻ như nói: “Vâng, đúng thế, đúng như vậy, đúng như Da đã nói, tất cả đã xảy ra như vậy”.

Vậy là hôm trước ngày phát hiện ra thi thể. Lúc sáu giờ, cô ấy nói với tôi như thế. Chó nhà và chó sói, giờ phút của dao kéo và của những nụ hôn vội vã. Joséphine kéo xe về nhà, cổ sưỡi ầm bằng chai dầu mà cô luôn để trong túi áo choàng. Trong các đường phố, thật là lạ, mặc dù lạnh là thế nhưng lúc ấy, như trong các ngày trọng đại, những hàng dài què mề sứt ra đường thật đông: ai cũng ra, những kẻ bị cụt chân, cụt tay, những khuôn mặt méo mó, những người mù loà,

bị khoan xương, những thằng dở điên dở dại, tất cả đều lang thang từ quán này sang quán nọ, uống hết li một lại li hai, uống hết cho thoả lòng.

Lúc đầu, sau những trận chiến đầu tiên, chúng tôi tỏ ra ngạc nhiên khi thấy những chàng trai cùng trang lứa đến, những chàng trai đã trở về với những khuôn mặt như được những mảnh bom, đạn vẽ lại, với cơ thể bị súng ống tàn phá. Chúng tôi thì ấm chỗ rồi, yên tâm mà sống cuộc sống chật chội của mình.

Tất nhiên là chúng tôi nghe thấy chiến tranh. Chúng tôi đã thấy người ta thông báo chiến tranh trên các yết thị động viên. Chúng tôi đọc về chiến tranh trong các tờ báo. Nhưng thực ra, chúng tôi giả vờ, tự dàn xếp với chiến tranh, như người ta thường làm với mộng mị hay những kỷ niệm xót xa. Chiến tranh không dự phần thể giới của chúng tôi là mấy. Như phim ảnh vậy thôi.

Vì thế, khi đoàn xe đầu tiên chở thương binh - tôi nói đến thương binh thật sự, đến những người mà thịt da chỉ còn lại một loại cháo nhão nhét màu đo đỏ, những người nằm sóng soài trong những chiếc xe tải trên những cái băng ca, miệng rên khe khẽ, thầm gọi tên mẹ, tên vợ - khi đoàn xe chở thương binh đầu tiên đi đến chỗ chúng tôi, chúng tôi bị sốc thực sự. Bỗng nhiên, một sự im lặng bao trùm, và chúng tôi đi xem những người thương binh ấy, những bóng người ấy khi những người khiêng cáng đã đưa họ ra để tổng vào bệnh viện. Hai hàng người, dày đặc và rậm rịt, hàng rào danh dự, hàng rào kính sợ, với những người phụ nữ cắn môi mà khóc mãi không thôi, và chúng tôi nữa, trong lòng cảm thấy ngu ngốc, tủi hổ và nói ra thì xấu lắm nhưng cũng phải nói, chúng tôi cảm thấy vui lòng, vui nổi vui mạnh mẽ và bản thủ, vui vì họ chứ không phải chúng tôi là những người bầm dập nằm trên cáng.

Chuyện đó xảy ra vào tháng chín năm 14. Những người thương binh đầu tiên bị thối rửa và tàn phế. Người ta đến thăm nườm nượp, mang theo chai lọ, kẹo bánh, đường sữa, rượu bia, quần áo bằng vải phin hoặc bằng nhung, thịt heo.

Rồi thời gian cũng trôi đi. Thời gian và số lượng, bởi ngày nào thương binh cũng được chở đến rất đông. Chúng tôi quen rồi. Thậm chí chúng tôi còn hơi kinh tởm là đằng khác. Họ thì họ trách chúng tôi sống yên ổn, còn chúng tôi thì trách họ đã đưa đến trước mặt chúng tôi nào là băng bó, chân cụt, sọ thủng, miệng méo, mũi bết, tóm lại là những thứ không ai dám nhìn.

Thời đó, như thể có hai thành phố vậy, thành phố của chúng tôi và thành phố của họ. Hai thành phố ở cùng một chỗ nhưng lại xây lưng với nhau, đều có những chỗ dạo chơi riêng, những tiệm cà phê riêng và giờ giấc riêng. Hai thế giới. Thậm chí đã có những lời chửi rủa, những tiếng hét, những cú đâm. Chỉ có người đàn bà goá bụa tên là Blachard là hoà giải được đôi bên, chị ta sẵn sàng ngủ với tất cả mọi người mà không tính toán, không lựa chọn, cho cả dân sự và quân sự, mọi lúc, mọi nơi, ngày cũng như đêm. Cánh đàn ông xếp hàng dài đến mười mét trước nhà chị ta, trên một vùng đất trung lập nơi mà người ta lại nói chuyện với nhau, nhìn nhau, làm bạn với nhau trong khi chờ đợi một sự lãng quên lớn lao đang núp bóng trong bụng của người đàn bà goá chồng. Chị ta thì suốt ngày nằm ngửa trên chiếc giường lớn, giang đùi ra, có bức chân dung ngày cưới của người chồng quá cố treo ở phía trên chị ta, anh chồng cười với nụ cười bị chiếc băng tang màu đen che khuất, trong khi mà cứ sáu phút một lần, một gã đàn ông sốt sắng dành chỗ của người chết để lại từ ba năm nay, khi ở Nhà máy, một tấn than đã đổ xuống đầu anh ta.

Những mục đàn bà độc ác nhổ nước bọt sau lưng Blachard khi gặp chị ta trên đường phố. Những lời thoá mạ cũng đồng thời văng ra: “Đồ điểm, đồ đi, đồ phạch, gái làm tiền, gái mại dâm, đồ lăng loàn, đồ dâm dăng” và rất nhiều tên khác nữa. Agathe - chị ta tên như vậy - không thèm để ý. Vả lại, sau chiến tranh, có những người không làm nên trò trống gì như chị cũng đã được nhận huân chương. Phải công bằng chứ. Hiến cơ thể và hơi ấm của mình, dù chỉ đổi lấy vài xu thôi, ai là người có khả năng ấy?

Vào năm 23, Agathe Blachard đã đóng cửa sổ, cửa chính, xách một vali khá nhẹ, không từ biệt

ai mà đi thẳng đến V. Từ đó, chị đã lên tàu tốc hành đến Chalons. Ở Chalons, chị đã đổi tàu để đi Paris. Ba ngày sau chị đã ở cảng Havre, nơi mà chị lên một con tàu tên là Boréal. Hai tháng sau, chị đáp xuống Úc.

Theo sách vở thì ở Úc có sa mạc, có kangouru, có chó hoang, có những miền đất bằng phẳng, bất tận, có những người còn sống như thời hang động và có những thành phố mới toanh. Tôi không biết có nên tin hay không. Sách vở nhiều khi nói dối. Tất cả những gì mà tôi biết, đó là ở Úc, từ năm 1923 có người đàn bà goá bụa tên là Blachard. Có thể ở đó chị đã đi bước nữa. Cũng có thể chị đã có con và mở tiệm buôn bán. Có thể ai cũng chào chị một cách kính cẩn với một nụ cười rất tươi. Có thể bằng cách để những đại dương ngăn cách chị và chúng tôi, chị đã có thể hoàn toàn quên chúng tôi, chị đã có thể trở lại trong trắng, không quá khứ, không vất vả, khổ đau, không gì hết. Có thể như vậy.

Điều chắc chắn là, cái buổi tối đáng nhớ ấy, không một thương binh nào ở nhà chị. Tất cả đều đổ ra đường đông nghịt, và hầu hết đều say mèm, trêu chọc những người qua đường, chửi rủa rồi nôn mửa, rồi đứng thành băng thành nhóm. Thế là Joséphine, cùng với chiếc xe ba gác của mình, đi đường vòng để tránh những người thương binh đó. Thay vì xuống phố Pressoir, rồi đến phố Mesiaux, đi dọc theo nhà thờ, vòng sau tòa thị chính và đi thẳng đến nghĩa địa tới tận cái lều lụp xụp của mình, cô ấy đi dọc theo bờ kênh nhỏ cho dù hơi xa, cho dù với chiếc xe ba gác của mình, chiếc xe lại đầy ắp nữa chứ, chị biết là mình sẽ khó nhọc. Cho dù đường vòng này xa hơn một cây số.

Trời rét. Băng giá làm mọi thứ gãy vỡ. Joséphine bị sổ mũi, chai dầu lại hết. Bầu trời màu xanh xám và ngôi sao đầu tiên đóng lên đó một chiếc đỉnh bằng bạc. Chiếc xe ba gác nghiền nát mặt tuyết, da thú cứng đờ như những tấm ván. Joséphine đưa tay lên phủi tuyết trên mũi. Đúng lúc đó, đúng vào lúc đó mà bỗng nhiên, cô ấy thấy đằng xa, có thể như thế, cách chỗ cô khoảng sáu mươi mét, cô ấy thề như thế, có Hoa Bìm Bìm đang đứng bên bờ kênh nhỏ nói chuyện với một người đàn ông to lớn, ông này hơi cúi người về phía cô bé như để thấy rõ hơn hoặc nghe rõ hơn. Và người đàn ông này, người đàn ông bận đồ đen này, trông cứng đờ, đứng trong một ngày mùa đông đang kiệt sức và chuẩn bị giã từ, người đàn ông này chính là ông Kiểm sát trưởng. Chính là Pierre-Ange Destinat. Trông giống lắm, thề có trời đất chứng giám. Ông ta. Cùng với con nhỏ trong chập choạng tối. Chỉ có hai người thôi. Ông ta và nó.

Bức tranh buổi hoàng hôn này đã khiến cho Joséphine bất động. Cô ấy không thể tiến xa hơn được nữa. Vì sao ư? Bởi vì. Nếu khi nào cũng phải giải thích tường tận về những gì mình làm, những cử chỉ, suy nghĩ, động tác thì sẽ không bao giờ dứt điểm được. Thế là, vào lúc đêm xuống, ngày chủ nhật tháng mười hai năm 17 ấy, Joséphine cảnh giác vì cô vừa thấy ông Kiểm sát trưởng V. đang đứng trong lanh giá, nói chuyện với một bông hoa trẻ tuổi, tay đặt lên vai cô bé, đúng thế, tay đặt lên vai, cô ấy thề như thế. “Cách sáu mươi mét, trong nhịp nhoang tối, một bàn tay đặt lên vai, khi mà chị say mèm. Chị khinh chúng tôi đấy à!”, người ta đã tra khảo chị. “tôi sẽ nói về việc này sau”. Joséphine không chịu thua. Đúng là ông ta. Đúng là con bé. Chứ không phải dăm ngum rượi đã khiến cô ấy nói tâm bậy tâm bạ!

Rồi sau đó? Cuộc nói chuyện giữa Destinat và bông hoa nhỏ thì có gì xấu nào? Ông ta biết cô bé. Cô bé biết ông ta. Thấy họ ở nơi đó, nơi mà ngày hôm sau người ta thấy con bé bị thắt cổ đến chết, điều đó chứng minh được gì nào? Không được gì hết. Không gì hoặc tất cả, tùy thôi.

Tôi không nghe tiếng gì trong phòng nữa. Có thể Clémence đã ngủ. Và đứa bé trong bụng nàng cũng thế, cũng đã ngủ rồi. Joséphine kể chuyện xong rồi nhìn tôi. Tôi thì thấy cảnh tượng mà cô ấy vừa nói cho tôi hay. Hoa Bìm Bìm đã ra khỏi phòng, lẳng lẽ, quần áo ướt dính vào cơ thể lạnh băng nhỏ nhắn của nó. Nó đã mỉm cười với tôi rồi biến mất.

“Rồi sau đó? Tôi hỏi Joséphine.

- Rồi sau đó?
- Em đã đi về phía họ chứ?
- Điên gì... Ông Kiểm sát trưởng thì thà em đứng từ xa mà nhìn còn hơn!
- Thế sau đó?
- Sau đó em đã quay ngược lại.
- Em đã để họ thế à?
- Anh muốn em làm gì nào? Muốn em đến cầm đèn cho họ, đưa cho họ một chiếc lồng ấp chân ư?
- Còn con bé, em chắc là chính nó chứ?
- Anh xem, một con bé quàng chiếc khăn màu vàng không phải phố nào cũng có, hơn nữa em mới gặp con bé khi nó vào nhà bà cô. Đúng là con bé, anh có thể tin em.
- Nó làm gì bên bờ kênh nhỉ?
- Tất nhiên là cũng như em! Tránh bọn lính ấy mà! Cách xa đó hai trăm mét, nó đi ra quảng trường và đi chuyển tàu lúc 6 giờ... Anh có gì uống không, em nói đến khô cả họng.

Tôi lấy ra hai cái ly, một chai rượu vang, phó mát, xúc xích và hành. Chúng tôi lặng lẽ ăn và uống, không nói với nhau câu nào nữa. Tôi nhìn Joséphine như thể qua cô ấy tôi có thể thấy được bức tranh mà cô ấy đã vẽ nên. Cô ấy nhấm nháp và uống từng ngụm rượu lớn, miệng lép chếp một âm thanh nhẹ nhàng và dễ thương. Ngoài kia, tuyết rơi rất dày. Cô ấy đứng bên cửa sổ và có vẻ như viết lên mặt kính những chữ cái, những chữ này vừa viết lên đã tan ra và chảy nhanh xuống thành dòng, như những dòng lệ chảy trên một bờ má vô hình. Thời gian xoay vòng từng cục. Bằng tuyết thu lại chiếc áo choàng của mình và tất cả như xẹp xuống. Ngày hôm sau sẽ có một khuôn mặt dính bùn và ròng rọc nước chảy. Vết mặt của một diễn viên quên sau cuộc truy hoan.

Trời đã khuya. Trong góc bếp, tôi đã chuẩn bị chăn nệm. Tôi đã thuyết phục được Joséphine đi với tôi đến V. để thuật lại tất cả cho Mierck. Sáng sớm chúng tôi sẽ đi. Cô ấy đã ngủ say và trong cơn mơ, cô ấy đã ú ớ vài lời mà tôi không hiểu. Thỉnh thoảng tiếng đạn pháo lại nổ, nhưng không được nhiệt tình cho lắm, cốt để nhắc với mọi người rằng pháo đạn vẫn đang ở đó, như một tiếng chuông báo hiệu một điều tồi tệ.

Tôi không dám vào phòng ngủ. Tôi sợ làm ồn làm Clémence tỉnh giấc. Tôi ngồi vào một chiếc ghế bành, chiếc ghế ấy bây giờ vẫn còn, và thỉnh thoảng làm cho tôi nghĩ tới một bàn tay lớn, dịu dàng mà tôi vui mình trong đó. Tôi ôn lại trong đầu những gì Joséphine đã kể. Rồi tôi khép mắt lại.

Vào lúc sáng sớm, chúng tôi lên đường. Clémence đã dậy chuẩn bị cho chúng tôi một bình cà phê nóng hổi và rượu ấm. Đứng nơi cửa, nàng ra hiệu chào chúng tôi, và nàng đã mỉm cười với tôi, với mỗi tôi thôi. Tôi bước vài bước về phía nàng. Tôi rất muốn ôm hôn nàng, nhưng tôi không dám làm thế trước mặt Joséphine. Thế là tôi ra hiệu chào lại. Thế thôi.

Từ đó, không có ngày nào mà tôi không tiếc nụ hôn mà tôi đã không trao cho nàng.

“Chúc anh thượng lộ bình an...” nàng nói với tôi. Đó là những lời nói cuối cùng của nàng. Và đó

là những điều nhỏ nhoi mà tôi yêu quý nhất. Tôi vẫn còn nghe những lời nói đó văng vẳng bên tai, nguyên vẹn và tối nào tôi cũng nghe lại. Chúc anh thượng lộ bình an... Tôi không còn gương mặt của nàng nữa, nhưng tôi còn giọng nói của nàng, tôi thề như thế.

Chúng tôi đã phải đi bốn tiếng đồng hồ mới đến V. Ngựa lội bì bõm trong bùn lầy. Đường xá như những cái giếng thật sự. Chỗ này chỗ kia tuyết tan như đổ xuống từng thùng, mặt đường lút nước, nước chảy thành dòng rồi đổ vào các hầm hố. Đó là chưa kể đến những đoàn người, xe, cam nhông đi ra tiền tuyến, phải cố xê ra tránh đường cho họ đi. Những người đàn ông nhìn chúng tôi với đôi mắt sâu muộn. Không ai nhúc nhích, không ai nói nửa lời. Họ như những súc vật tím tái mặc áo màu xanh lơ, ngoan ngoãn để mặc người ta đưa đến lò mổ lớn.

Vảy Kết, viên thư ký của thẩm phán Mierck, bảo chúng tôi ngồi trong phòng đợi có căng lụa tơ tằm màu đỏ rồi để chúng tôi ở lại một mình. Tôi biết rõ căn phòng này. Tôi đã có nhiều dịp ngồi đó mà ngẫm nghĩ về cuộc sống còn người, về sự buồn chán, về sức nặng của giờ, của phút, của giây và nhắm mắt lại tôi có thể không chút ngần ngại và không nhằm mà vẽ lên tờ giấy vị trí của từng đồ vật, số cánh hoa cỏ chân ngỗng khô đang hấp hối trong chiếc lọ sành đặt trên lò sưởi. Joséphine ngủ gật, tay đặt lên đùi. Thỉnh thoảng cô ấy chúc đầu xuống, rồi bất thần nhồm người lên như bị điện giật.

Một giờ sau, cuối cùng thì Vảy Kết cũng đã quay lại tìm chúng tôi, tai gãi gãi lên má. Những chiếc vảy da khô mỏng dí rơi xuống bộ quần áo đen bóng nơi khuỷu tay và đầu gối. Không nói năng gì, anh ta dẫn chúng tôi đến phòng làm việc của thẩm phán.

Lúc đầu chúng tôi không thấy gì hết nhưng nghe hai tiếng cười. Một tiếng cười đặc như tiếng khắc nhố, tôi biết tiếng cười này. Tiếng cười kia thì mới đối với tôi, nhưng tôi đã làm quen rất nhanh. Một làn khói hơi thối lững lờ bay khắp phòng, làm thành một màn ảnh ngăn cách một bên là viên thẩm phán to béo ngồi nơi bàn làm việc và người đứng cạnh ông ta, một bên là chúng tôi, không biết làm gì. Rồi dần dần, mắt chúng tôi quen với sương mù và khuôn mặt của viên thẩm phán từ từ hiện ra, khuôn mặt của người bạn ông ta cũng thế. Đó là Matziev. Lão ta tiếp tục cười, và viên thẩm phán cũng cười, như thể chúng tôi không tồn tại, như thể chúng tôi không đứng cách họ ba bước trước mặt họ. Lão sĩ quan rít xì gà. Viên thẩm phán ôm lấy bụng. Rồi cả hai để cho những nụ cười của họ chết dần, không lấy gì làm vội vã. Rồi im lặng, im lặng kéo dài, và chỉ vào lúc đó thôi Mierck mới đưa đôi mắt to màu xanh lá cây, đôi mắt trời như mắt cá ra nhìn chúng tôi, và lão sĩ quan cũng thế, nhưng lão ta ngậm trong miệng cả điều xì gà lẫn một nụ cười tinh vi, một nụ cười chỉ hai giây thôi mà biến chúng tôi thành họ hàng với loài giun loài dế.

“Này? Việc gì thế?”. Viên thẩm phán hất hàm hỏi bằng giọng khó chịu, mắt nhìn chằm chằm Joséphine như nhìn một loài vật.

Mierck không thích tôi và tôi cũng không thích lão ta. Nghề của chúng tôi buộc chúng tôi phải thường kề cạnh với nhau, nhưng chưa bao giờ chúng tôi trao đổi với nhau một lời băng quơ. Những cuộc nói chuyện của chúng tôi thường ngắn gọn, luôn nói với cái giọng lạnh lùng, nói với nhau mà chẳng mấy khi nhìn nhau. Tôi giới thiệu và ngay trước khi tôi tóm tắt những gì Joséphine đã kể cho tôi, Mierck ngắt lời tôi và nói với cô ấy:

“Nghề nghiệp?”

Joséphine há hốc miệng, suy nghĩ hai đến ba giây, nhưng như thế đã quá lâu, viên thẩm phán tỏ ra sốt ruột:

“Chị ta ngu hay câm đấy? Nghề nghiệp?”

Joséphine hắng giọng, đưa mắt nhìn tôi rồi cuối cùng cũng nói:

“Lượm lật...”

Viên thẩm phán nhìn lão sĩ quan, họ mỉm cười với nhau, rồi Mierck lại hỏi:

“Chị ta lượm lật cái gì?”

Đó là cách hạ nhục người nói chuyện với mình của viên thẩm phán. Ông ta không xưng hô mày hoặc anh mà nói Anh ta hoặc chị ta, như thể người kia không ở đó, như thể người kia không tồn tại, như thể không có gì có giả thiết sự có mặt của người đó. Ông ta loại trừ người khác bằng một đại từ. Tôi đã nói là ông ta biết cách sử dụng ngôn ngữ.

Tôi thấy mặt Joséphine trở nên đỏ như gấc, trong ánh mắt cô ấy có ánh lên ngọn lửa của tội ác. Giả sử như cô ấy cầm trong tay một khẩu súng hay một con dao thì Mierck ngay lập tức sẽ đi đòi nhà ma. Người ta giết rất nhiều người trong một ngày mà không thực sự nhận thức được điều ấy, cả trong suy nghĩ và trong lời nói. So với tất cả những tội ác trừu tượng này thì những vụ sát hại thực sự, nghĩ cho cùng, đúng là không nhiều lắm. Trên thực tế, chỉ có trong chiến tranh thì mới có sự cân bằng giữa những ham muốn hư hỏng của chúng ta và thực tế tuyệt đối.

Joséphine thở mạnh và nói. Cô ấy nói rõ ràng, rành mạch công việc buôn bán khó nhọc của mình và thêm rằng cô ấy không cảm thấy xấu hổ khi phải làm việc đó. Mierck lại nói xỏ:

“Thấy chưa! Tóm lại là chị ta sống dựa vào xác chết!” Rồi ông ta cười một nụ cười dối trá, quá quắt, vẻ kênh kiệu. Matziev cười theo, miệng vẫn rít điếu xì gà như thể số phận toàn thế giới phụ thuộc vào đó.

Tôi đặt tay tôi lên tay Joséphine và tôi bắt đầu nói. Tôi nói đơn giản và chi tiết những gì cô ấy đã kể tôi nghe hôm trước đó. Mierck lại trịnh trọng, nghe tôi nói mà không ngắt lời. Tôi nói xong thì ông ta quay về phía viên sĩ quan. Họ nhìn nhau bằng một ánh mắt khó diễn tả, rồi viên thẩm phán lấy cái dao rọc giấy ra, xoay xoay trên tấm lót tay để trên bàn một lúc lâu. Cái dao xoay nhanh như khiêu vũ giữa điệu ponca và điệu cadri, sống động và lạ lùng như ngựa phi nước đại. Đúng lúc đó, Joséphine bắt đầu cảm thấy nổi khổ nhục của mình.

Viên thẩm phán và lão đại tá cùng tấn công, nhưng không phải vì thế mà đồng điệu. Khi cơ thể được làm từ những thớ thịt như nhau thì không cần phải diễn văn dài dòng để mà hợp nhau. Joséphine cố chống đỡ, giữ nguyên cách thuật lại của mình, thỉnh thoảng nhìn tôi, đôi mắt như muốn nói: “Sao em lại nghe lời anh chứ. Sao chúng ta lại ở đây? Khi nào những thằng đểu cáng này sẽ để em yên?”. Tôi thì tôi không thể làm gì giúp cô ấy. Tôi đang chứng kiến một sự phá hoại ngầm, và khi mà Joséphine ngây thơ thú nhận là nhiều lần cô đã bôi dầu cho ẩm thì Mierck và Matziev cứ hành hạ cô ấy một cách ngấm ngầm với những nhận xét cay độc. Khi bọn chúng thôi không hành hạ cô nữa thì cô cúi đầu, thở dài náo ruột rồi nhìn đôi bàn tay của mình đã phồng lên vì rét và vì lao động vất vả. Chỉ hai mươi phút thôi mà cô ấy đã già đi hai mươi năm.

Khi đó một sự lưỡng lự, do dự bao trùm. Như thể sau một ván bài vậy. Matziev châm một điếu thuốc khác và đi vài bước. Mierck ngồi ưỡn người ra phía sau trên chiếc ghế bành, đút hai ngón cái vào chiếc áo gi lê, chiếc áo phủ lên cái bụng tròn trịa. Tôi không biết mình phải làm gì. Tôi đang định nói thì Mierck đứng bật dậy:

“Tôi không cần đến anh nữa! Anh có thể về được rồi... Còn chị ta - lão lại nhìn Joséphine - chị ta sẽ ở lại cùng chúng tôi đến khi nào kiểm chứng lời khai xong mới về.”

Joséphine quay về phía tôi, vẻ sợ hãi. Mierck chỉ lối ra cho tôi ra và đứng dậy đi về phía cửa. Tôi đặt tay lên vai Joséphine. Đôi khi người ta cố đưa ra những cử chỉ để thể hiện điều mà ngôn

ngữ cũng trở nên bất lực. Nhưng viên thẩm phán đã kéo tôi vào phòng đợi, Vảy Kết đang ngủ gật ở đó. Lão ra hiệu cho anh ta đi ra, đóng cửa lại và bước lại gần tôi như thể chưa bao giờ ông ta làm như vậy, miệng kề miệng, mắt trong mắt nhau, rồi lão nói, giọng thì thầm. Tôi thấy hết những vân xanh, những nếp nhăn, vết sẹo, những cái mụn cóc nhỏ xíu trên mặt lão ta. Tôi hứng hết hơi thở của lão, hơi thở có mùi mỡ sống ướp hành, mùi hôi của rượu, của thịt, mùi cà phê đắng.

“Đã không có chuyện gì xảy ra cả, anh nghe tôi đi... Con điên này nằm mơ đấy... Ngông cuồng, tầm phào, mê sảng, ảo tưởng! Tôi nói với anh là chả có gì đâu. Và tất nhiên là tôi cấm anh gây phiền nhiễu cho ông Kiểm sát trưởng, tôi cấm anh đấy! Vả lại, tôi đã cho anh biết rồi, cuộc điều tra này được giao cho đại tá Matziev. Anh sẽ nhận lệnh từ phía ông ấy. Bây giờ anh có thể đi.

- Cùng Joséphine Maulpas. Tôi vẫn nói.

- Ba ngày ngồi xà lim sẽ giúp chị ta thay đổi ý kiến.

Lão ta quay gót về phòng làm việc. Còn tôi, tôi ở lại đó, đứng đực ra đấy.

“Anh nói ba ngày à, Joséphine nói tiếp, một tuần đấy, lão ta nhốt em như nhốt lợn con, cho ăn bánh cứng và súp đậu. Mà người đưa thức ăn cho em lại là một con mụ khó tính như khỉ... Đồ chết tiệt! Anh chắc chắn là lão ta toi đời rồi chứ?

- Chắc.

- Càng hay! Nếu như có địa ngục thì lão ta phải đến đó mà ở! Hy vọng là lão ta đã có thời gian nhìn thấy cái chết của mình và đau đớn hàng giờ... Còn lão kia, lão hay hút xì gà ấy, lão ta cũng chết rồi chứ?

- Anh không biết. Có thể đã chết. Có thể chưa.”

Cứ thế, chúng tôi đã trao đổi với nhau về sự rối rắm của cuộc đời mình. Cứ nói như thế về những thời khắc đã lùi xa, chúng tôi có ảo tưởng là chưa có gì ngã ngũ cả và chúng tôi vẫn còn chỗ đứng trong bức tranh ghép mảnh to lớn của sự tình cờ. Rồi, ngôn ngữ vô tình đưa chúng tôi về thời thơ ấu, về vớ hương đồng gió nội, nơi mà chúng tôi đã từng chơi trò bịt mắt bắt dê, về vớ những nỗi sợ hãi mà chúng tôi đã cùng cảm nhận, về những khúc ca, bài hát, về dòng suối trong xanh. Chuông nhà thờ điểm mười hai giờ trưa, nhưng chúng tôi không rõ đó là buổi trưa của thời ấu thơ hay buổi trưa của thời hiện tại đã bị han gỉ, thô ráp.

Khi Joséphine ra về, cô ấy hôn lên hai má tôi. Trước đó, chưa bao giờ cô ấy làm như thế. Tôi đã rất thích nụ hôn đó. Nụ hôn như một dấu ấn, như cái gì đó nối kết chúng tôi trong sự cô đơn như nhau, trong sự sẻ chia một câu chuyện đã qua nhưng hãy còn sống động. Cô ấy đã rẽ vào góc phố. Một lần nữa, tôi ở lại một mình. Tôi lại nghĩ đến Hoa Bìm Bìm.

Chủ nhật nào cũng thế, cô bé thường đến nhà chúng tôi chơi, nó có thói quen đó từ khi mới tám tuổi. Tám tuổi thời đó không phải như tám tuổi bây giờ! Thời đó tám tuổi là biết làm hết mọi việc, là khôn ngoan và cứng cáp lắm rồi. Tám tuổi mà gần như người lớn.

Bourrache có khiếu kiếm ra tiền. Tôi đã nói điều này rồi. Lão ta chọn mẹ đỡ đầu hoặc bố đỡ đầu cho con bằng cách đánh hơi mùi tiền. Vì thế mà vào lễ rửa tội, con bé đã được một bà con xa bằng. Bà này ở trong thành phố chúng tôi và, vào lúc xảy ra vụ Áp phe, bà đã xấp xỉ tám mươi rồi. Tên bà ta là Adélaide Siffert. Một bà già to lớn, cái gì cũng thất thành nơ, mặt như bị dao cắt, tay như tay anh hàng thịt, chân như chân tiểu phu, là gái già và hài lòng mình ở vậy, nhưng lại tuyên bố là mình thành thực.

Bà ta đã làm thư ký cho tòa thị chính trong thời gian bốn mươi năm nhờ có nét chữ rất đẹp, sạch sẽ và chính xác. Bà có một khoản lương hưu nho nhỏ cho phép bà sống thong dong, ăn thịt thường xuyên và tối nào cũng uống một li porto.

Vậy là chủ nhật nào cũng thế, Bourrache cho con bé đi thăm mẹ đỡ đầu của mình. Nó đi thuyền lúc mười hai giờ trưa và về lúc sáu giờ. Adélaide Siffert làm món thịt lợn quay, món đậu xanh, đúng mùa thì ăn tươi còn trái mùa thì cắt vào chảo, thêm vào đó là món xà lách và bánh táo. Một thực đơn bất di bất dịch. Cô bé kể điều đó cho tôi biết. Nó ăn bánh hai lần. Điều này cô bé cũng kể cho tôi hay. Sau đó, buổi chiều chỉ quanh quẩn bên việc khâu vá. Hoa Bìm Bìm thỉnh thoảng cũng dọn dẹp trong nhà. Lúc năm giờ, cô bé lại ăn thêm một phần bánh, uống một li cà phê sữa rồi ôm hôn từ biệt mẹ đỡ đầu. Bà ta cho con bé tiền. Bà già nhìn con bé ra đi. Bà đã được con bé đến thăm, con bé đã được năm phở rắng, khi về đến nhà thì Bourrache lấy của con bé số tiền đó. Ai ai cũng hài lòng.

Khi thời tiết xấu, khi mưa như trút nước hoặc tuyết rơi quá dày thì đã có nhiều lần con bé qua đêm ở nhà người mẹ đỡ đầu của mình. Như thế thì không ai phải lo lắng nữa, con bé đi chuyến tàu ngày hôm sau, lúc tám giờ.

Tối xảy ra án mạng - vì theo Victor Desharet, người đã giẫm đôi bàn chân bẩn thỉu của mình lên cơ thể cô bé, phanh bụng cô bé ra như phanh một chiếc áo sơ mi, đúng vào buổi tối hôm đó án mạng đã xảy ra - Adélaide đã cố giữ cô bé ở lại: trời rét cồng, khi hít thở người ta có cảm giác như cơ thể bị nứt nẻ từ bên trong. Nhưng con bé không chịu. "Con không lạnh, Mẹ nuôi a, có chiếc khăn của mẹ con cảm thấy rất ấm!" Câu nói này làm cho bà già sượng tãi: lời nhận xét, rồi chính chiếc khăn, màu vàng óng, rất nổi, chính bà đã tự tay may chiếc khăn đó tặng cô bé nhân ngày sinh nhật thứ bảy của nó. Vì thiếu nhưng nên bà đã nhồi lông thỏ. Hoa Bìm Bìm buộc dây giày, đeo bao tay vào, rồi, chân nhảy nhót, mắt dạn như một luồng gió.

Sầu muộn giết người. Nhanh lắm. Và cảm giác tội lỗi cũng thế, ở những người còn có chút lương tri. Adélaide theo đưa con đỡ đầu của mình đến tận nghĩa trang. Hai mươi hai ngày là khoảng cách giữa hai đám tang. Không sai một giờ. Và trong ba tuần lễ này, nước mắt đã không ngừng chảy trên khuôn mặt của Adélaide. Tôi nói đúng là không ngừng cả ban ngày, tôi có thể làm chứng, và ban đêm, tôi xin thề là như thế. Những người hiền lành tốt bụng thường ra đi rất nhanh. Ai cũng yêu quý họ, kể cả cái chết. Chỉ có hạng người đều cáng là dai sức. Hạng người đó thường già mới chết, đôi khi chết ngay trên giường của mình. Rất thanh thản.

Khi ra khỏi phòng làm việc của thẩm phán Mierck và để Joséphine lại, tôi không lấy thế làm hãnh diện. Tôi đi lang thang một lúc trong thành phố V., tay thọc túi quần, bị vấy bẩn vì bùn lầy lội trên vỉa hè.

Cả thành phố quay cuồng. Một thành phố cuồng say. Nhiều tân binh nên gót dày, các đường phố ngập òa tiếng cười đùa và điệu bộ yêng hùng của họ. Thêm một loạt lính rất đông chuẩn bị đi thử mùi lính Đức. Lúc bấy giờ thì tất cả họ còn tỏ ra khinh thường, cười cợt. Các đường phố cũng như các quán xá đều thuộc về những chàng trai mặc quân phục. Một dòng sông tuôn chảy những ghệt mới, cúc hào nhoáng, ngù vai là lượt. Người hát, kẻ kêu gào, anh thì suýt sáo trên ghẹo những cô gái hiếm hoi đang lẹ làng trong quán xá. Như thể sắp có một sự động dục lớn lao, đặc quánh, hoang dã, tập thể và đẫm máu, một sự kịch phát của cuộc sống thô sơ có cảm giác như đang sục sôi và sắp dâng trào.

Tôi tự hỏi mình sẽ có thể làm gì giữa tất cả những thằng ngốc này, những kẻ chưa hiểu gì hết và phần lớn trong họ sắp vui mình trong bốn tấm ván bằng gỗ thông tồi tàn nếu người ta may mắn tìm được ít phần thi thể của họ dưới hố bom hay treo lơ lửng trên dây thép gai.

Vì cứ đi lang thang như một người mù như thế, tôi vô tình đặt chân trước cổng quán Rébellion. Tôi bị sốc thực sự. Rồi tôi trộm nghĩ là tôi chỉ có thể đến đó mà thôi, tôi phải đến đó, phải đẩy

cánh cửa ra, phải thấy Bourrache với đôi mắt u tối, với bộ xương cao kều, phải bắt tay ông ta và mấp máy những từ vô nghĩa, vớ vẩn mà người ta vẫn hay nói trong những lúc như thế.

Trước đó, chưa bao giờ tôi thấy căn phòng lớn vắng khách. Không một tiếng động. Không một bàn ăn nào được dọn ra. Không một giọng nói. Không tiếng leng keng của li cốc chạm vào nhau. Không khói thuốc. Không có mùi vị của bếp núc. Chỉ có một ngọn lửa heo hắt trong lò sưởi to lớn. Bourrache đang ngồi trước lò sưởi, trên một chiếc ghế đẩu, chân hơ lên than hồng, đầu cúi xuống, cúi vào khoảng không. Một xác người khổng lồ vô hồn.

Ông ta không nghe tiếng tôi đi tới. Tôi đứng cạnh ông và lên tiếng. Ông ta không cử động, không trả lời. Tôi nhìn lửa lò nhảy nhót, những ngọn lửa đẹp đẽ cuối cùng nhỏ lại, uốn cong, cố gắng gượng cho thẳng nhưng cuối cùng rạp xuống và biến mất. Thế là tôi thấy ánh nhìn của Clémence, đôi mắt và nụ cười của nàng. Tôi thấy cái bụng của nàng. Tôi thấy hạnh phúc của tôi ngao ngễ và thấy khuôn mặt của Hoa Bìm Bìm, vẫn chưa chết và đang thấm nước mà vẫn như lần cuối cùng tôi bắt gặp con bé, sống động, hồng hào, khỏe mạnh như một bông lúa mì xanh, ngay ở trong căn phòng này, đi giữa các bàn ăn để mang cho khách những bình rượu vang Toul và Vic.

Lửa đã nhường chỗ cho những làn khói xám khen khét thoát ra khỏi lò để rồi nhảy nhót trong gian phòng và xông lên trần nhà màu nâu. Lúc đó thì Bourrache chậm chạp như con bò kiệt sức ngoảnh mặt về phía tôi, một khuôn mặt trên đó không có gì, không một biểu cảm, rồi lão đứng dậy, chìa hai bàn tay to tướng về phía cổ tôi rồi bắt đầu riết lấy, riết, riết mỗi lúc mỗi mạnh còn tôi thì thật là lạ, tôi không sợ, tôi cứ để mặc thế. Tôi biết trước mặt tôi không phải là một tên sát nhân, cũng không phải là một kẻ điên mà chỉ là một người cha vừa mất đứa con thương yêu của mình. Đối với người cha ấy, thế giới bây giờ như một mặt trời to lớn bị bóng đen vấy bẩn. Tôi cảm thấy ngạt thở. Trong tôi mọi thứ lung búng. Tôi thấy những chấm trắng, những tia sáng và nét mặt của Bourrache. Lão đỏ mặt tía tai, run rẩy, run rẩy và bỗng nhiên giật mạnh đôi bàn tay ra khỏi cổ tôi như thể bị bỏng vì cầm lấy một thanh sắt nung đỏ, rồi lão nằm vật xuống đất mà khóc.

Tôi lấy lại hơi. Người tôi nhể nhãi mồ hôi. Tôi nhắc Bourrache dậy và đỡ lão ngồi vào chiếc bàn gần nhất. Lão ta cứ để mặc tôi, không một lời hay một cử chỉ phản đối. Lão ta khóc nức nở, sụt sịt. Tôi biết rượu mạn để đâu. Tôi đi lấy một chai và hai cái li. Tôi rót đầy li rồi giúp Bourrache uống. Tôi cũng nốc một li, rồi hai li. Bourrache thì nốc một mạch ba li như người máy. Tôi thấy mắt lão dần trở về với thực tại, rồi ngạc nhiên nhìn tôi như tự hỏi tôi đang làm gì ở đó. Một thằng lính đập vào cánh cửa gần chỗ chúng tôi. Dán mũi vào cửa kính, gã ta hớn hờ nhìn căn phòng. Gã ta thấy chúng tôi rồi cắt hứng, không cười nữa mà bỏ đi. Tôi đã ở lại đó bốn tiếng đồng hồ. Bốn tiếng đồng hồ và hai chai rượu mạnh. Bốn tiếng đồng hồ và không nói đến ba câu. Đó là điều tối thiểu mà tôi có thể làm.

Trong thời gian đó, Clémence bắt đầu rên rỉ và quằn quại. Chỉ một mình mà không có tôi. Chỉ một mình mà tôi không biết.

XVI

Khi ra khỏi quán Rébillion, mình tôi co ro dưới trời mưa buốt giá. Trời đất như giận hờn con người. Từng luồng nước rơi xuống, giăng hàng, đập vào mặt trước các ngôi nhà. Không mấy ai qua lại trên các đường phố nữa. Tôi cố đi sát các bức tường, đồ che mưa chỉ có hai bàn tay. Tôi nghĩ đến Joséphine lúc này đang ở trong xà lim, chắc giờ này đang nguyên rửa, thoá mạ tôi. Hình như tôi đã khẽ mỉm cười khi nghĩ đến điều đó.

Tôi co ro đến sở thuế nhập thị. Tôi lạnh ở hai bàn chân nhưng đầu óc tôi lại tỉnh queo. Dù trời mưa nhưng đầu tôi không quay cuồng nữa. Một chiếc tàu nằm đó, nhiều người đang hoa chân múa tay ở xung quanh và hình như đang gây chuyện với một viên đại úy. Ông ta đang cố xếp chỗ ngồi cho một người. Tôi lại gần. Viên sĩ quan cố thuyết phục mọi người. Bọn thanh niên bắt đầu giơ nắm đấm lên. Phụ nữ thì cam chịu hơn, cứ đứng yên mà chờ dưới trời mưa như thế. Đúng lúc đó thì có người đặt tay lên vai tôi. Đó là cha xứ của chúng tôi, cha Lurant:

“Không về được đâu... Đường xá đã bị trưng dụng cho xe chuyên chở. Hai trung đoàn phải ra mặt trận ngay trong đêm nay. Anh nhìn họ kìa...”.

Lúc đầu tôi không để ý đến những trung đoàn này. Nhưng khi cha xứ chỉ cho tôi, tôi chỉ còn thấy họ nữa mà thôi: Hàng chục, hàng trăm người và có thể hơn đang im lặng đợi chờ, súng trên vai và ba lô sau lưng. Có vẻ như họ đang vây hãm chúng tôi, gần như lẫn vào trong bóng đêm đang nuốt chửng ánh sáng ban ngày. Họ đứng đó, đôi mắt xa vời, bất động, lặng thinh, mưa mấy cũng không hề hấn gì. Đó như thể là một đội quân bóng tối vậy. Dù sao, đó cũng là những chàng trai đã suốt ngày lũng súc hết thành phố V., đi đến quán nhậu như những con thú đi uống nước ở máng, hò hét hết bài hát này đến bài hát khác, nôn oẹ những thứ kinh tởm, cởi quần cởi áo trong các nhà chứa, tay cầm chai rượu loang choạng bước đi, phải dựa vào nhau mới đứng vững được. Kể từ bây giờ, không ai còn cười được nữa. Tất cả đã trở ra như những bức tượng, kể cả màu gang của họ cũng thế. Không ai có thể thấy đôi mắt của họ khi đó dường như chỉ còn là hai cái hố đen sâu thẳm đang đăm đăm nhìn vào mặt trái của thế giới.

“Anh đến đây, cha xứ nói với tôi, ở đó cũng không làm được gì”. Tôi đi theo cha như một người máy, trong khi mà viên đại úy vẫn đang xoa dịu cơn thịnh nộ của những người tối nay không thể về nhà để nệm ấm chăn êm trong chiếc giường to bự của mình.

Đó không phải là lần đầu tiên mà bộ tham mưu trưng dụng đường xá. Phải nói rằng con đường này cũng chật chội, lắm ổ gà. Từ ba năm nay con đường bị sụt hổng do xe tải và ngựa người qua lại quá nhiều. Thế nên, khi một cuộc tấn công chuẩn bị bắt đầu thì con đường này bị cấm và chỉ dành riêng cho xe chuyên chở. Từng đoàn xe suốt ngày suốt đêm không ngừng nghỉ, lóc xóc đi như đàn kiến buồn rầu, chậm rãi tiến về tổ kiến bằng đất và kim loại hoang tàn của chúng.

Cha Lurant đưa tôi đến tòa giám mục. Người gác cổng cho chúng tôi vào. Mặt ông ta vàng khè còn tóc thì bù xù như lông thú. Cha xứ trình bày hoàn cảnh, thế là, không nói một lời nào, người gác cổng dẫn chúng tôi đi qua những hành lang rồi cầu thang rồi rầm, thoang thoang mùi sáp ong và xà phòng đen, đến một gian phòng rộng lớn trong đó có hai chiếc giường bằng sắt nhỏ nhắn đặt cạnh nhau.

Khi tôi thấy hai chiếc giường chật chội đó thì tôi nhớ đến chiếc giường rộng rãi của vợ chồng tôi. Tôi những muốn ở bên cạnh Clémence, trong vòng tay của nàng, tìm sự dịu dàng, nồng ấm mà tôi biết khi nào tôi cũng tìm thấy. Tôi xin gọi điện báo cho nàng biết, tôi thường làm thế khi tôi không về nhà được. Tôi hay gọi đến nhà ông thị trưởng. Ông ta thường cho người giúp việc tên là Lousiette đi báo Clémence giùm tôi. Nhưng người gác cổng bảo tôi là đừng mất công vì,

cũng như đường xá, các đường giây điện thoại cũng đã bị trưng dụng vô thời hạn. Tôi nhớ là khi nghe nói điều ấy tôi cảm thấy rất đau lòng. Tôi những mong là Clémence biết vì sao tôi không về được và không nên lo lắng. Tôi cũng mong nàng biết là tôi luôn nhớ đến nàng và con.

Cha xù cởi quần áo ra, không khách sáo. Cha cởi áo choàng ra, rồi áo dòng, chỉ mặc mỗi chiếc quần đùi và áo may ô trước mặt tôi. Cái bụng cha chìa ra phía trước như một quả mướp qua to tướng được một dải flanen giữ lấy. Cha tháo dải flanen ra, sau đó để quần áo ướt gần lò sưởi. Rồi cha cũng lại gần để sưởi ấm và hong khô, hai tay xoa xoa trên một cái nấp. Nhìn thấy cha trần truồng, hoặc gần như thế, tôi thấy cha trẻ hơn là tôi thường nghĩ. Chắc đây là một người bằng tuổi tôi. Tôi cảm tưởng như đây là lần đầu tiên tôi gặp vị cha xứ này. Chắc cha nghĩ ngờ tất cả những điều mà tôi đang nghĩ. Các vị cha xứ thường rất ma mãnh, biết chui vào đầu người ta một cách hoàn hảo và thấy chuyện gì xảy ra trong đó. Cha nhìn tôi cười. Vì nóng nên chiếc áo choàng bốc hơi như một đầu máy xe lửa và một làn sương mù bốc lên từ chiếc áo dòng nghe mùi khen khét của mùn và len cháy.

Ông gác cổng trở lại với hai đĩa xúp, một chiếc bánh mì xám nâu to tướng; một miếng pho mát cứng như một cái thớt bằng gỗ sồi và một hũ rượu. Ông ta để tất cả thức ăn đồ uống lên một chiếc bàn nhỏ rồi chúc chúng tôi ngủ ngon. Tôi cởi đồ ra và cũng hong quần áo gần lò sưởi. Mùi củi, mùi len bị nung khô, những ngọn khói nho nhỏ, tất cả như đều dành cho cha xứ.

Chúng tôi trầm ngâm ăn mà không cần kiểu cách. Đôi bàn tay của Cha Lurant to, không có lông, múp máp, mịn màng, móng tay không hề nứt mẻ. Cha nhai rất lâu những gì đã cho vào miệng và nhắm mắt uống rượu. Chúng tôi chén hết mọi thứ. Không còn một tí vụn bánh mì, cả hai cái đĩa sạch trơn. Bàn ăn sạch sẽ. Bụng no tròn. Rồi chúng tôi nói chuyện, nói chuyện rất lâu, như thể chúng tôi chưa bao giờ được nói chuyện. Chúng tôi nói chuyện về hoa, sở thích của cha là hoa, “bằng chứng đẹp đẽ nhất về sự tồn tại của Chúa trời và cần có một bằng chứng như thế”, cha nói. Nói về hoa trong gian phòng này trong khi mà xung quanh chúng tôi là bóng đêm và chiến tranh, trong khi mà đâu đó, gần chỗ chúng tôi, có một kẻ sát nhân đã bóp cổ một bé gái mười tuổi, trong khi mà ở xa tôi, Clémence mất máu trên giường. Nàng kêu, gào đến khản cổ họng mà không ai nghe thấy hoặc đến với nàng.

Tôi không biết là người ta có thể nói về hoa. Ý tôi muốn nói tôi không biết là chỉ nói về hoa thôi người ta có thể nói về con người mà không nhất thiết phải nói lên chữ con người, số phận, cái chết, sự khánh kiệt hay sự mất mát. Tối hôm đó tôi đã biết điều đó. Cha xứ cũng là người có tài ăn nói. Như Mierck. Như Destinat. Nhưng Cha lại nói ra những điều tốt đẹp. Bằng ngôn ngữ và nụ cười của mình, Cha nhào nặn nên những điều đẹp đẽ đó và bỗng nhiên, một điều vô nghĩa trở thành một điều kỳ diệu. Ở trường dòng người ta phải dạy điều đó: gây ấn tượng bằng những câu nói tinh vi. Cha giảng giải cho tôi về khu vườn của mình, khu vườn mà người ta không thấy bao giờ vì những bức tường vây quanh che kín. Cha nói với tôi về cúc cam, về cỏ Hellébore, về những cây thuốc lá cảnh, về cẩm chướng thi nhân, cẩm chướng hương, cỏ chân ngỗng hình móc, cỏ trường sinh, về những bồn hoa bằng bạc, những cây mẩu đơn seo cò, về ngọc mắt mèo Syri, về cà độc dược, về những loài hoa chỉ nở một mùa, về những loài hoa nở hàng năm, có những loài chỉ nở buổi tối và đến sáng hôm sau thì úa tàn, có những loài hoa khác thì sớm nở tối tàn: sáng xòe ra những tràng hoa bím bím màu hồng hoặc tím, tối đến thì bỗng tàn nhả khép lại, như thể một bàn tay hộ pháp đã vùi dập những cánh mỏng bằng nhung của chúng.

Cha nói về những loài hoa đó bằng một giọng điệu khác thường. Không còn là giọng của một vị cha xứ nữa. Không còn là giọng của người làm vườn nữa. Đó là chất giọng của một con người đầy khổ sở và thương đau. Tôi ra hiệu cha ngừng nói khi cha định cao giọng nhắc tên loài hoa đó trong gian phòng tăm tối này. Tôi không muốn nghe cái tên này. Tôi biết quá rõ. Cái tên này từ hai ngày nay cứ đập đập vào đầu tôi. Gương mặt của con bé lại đến với tôi, như một cái tát vào mặt. Cha xứ im lặng. Ngoài kia, mưa lại chuyển thành tuyết, những nụ tuyết tấp vào cửa kính như những con đom đóm bằng băng vậy, vô hồn và không lập lòe ánh sáng nhưng khoảng

hai ba giây một lần, chúng lại đem lại ảo giác về sự sống và ánh sáng.

Sau này, trong nhiều năm trời, tôi đã thử ươm cho hoa bìm bìm nở trong khu vườn nhỏ của chúng tôi. Chưa bao giờ tôi làm được chuyện ấy. Hạt bìm bìm vẫn im lìm trong đất rồi bươm bỉnh thối rữa trong đó mà không chịu vươn lên trời cao, thoát khỏi khối u tối ẩm ướt và kết dính. Chỉ có cỏ gà và cúc gai là mọc đầy, choán chiếm tất cả, vươn cao không tưởng tượng nổi, nhấn chìm mười hai mét vuông dưới những tràng lá ghê sợ của chúng. Rồi tôi cứ để cho chúng lấn tới.

Tôi thường nhớ lại câu nói của cha xứ, về hoa, về Chúa trời, và minh chứng. Tôi tự nhủ rằng trên thế giới có thể có những nơi mà Chúa chưa hề đặt chân đến.

Cha Lurant đã từng đi truyền đạo cho các bộ tộc ở An nam, ở các vùng sâu vùng xa Đông Dương. Đó là vào năm 25. Cha đã đến báo tin cho tôi. Mà tôi cũng không biết tại sao cha lại muốn đến thăm tôi. Có thể là vì một ngày nào đó, cả hai chúng tôi đã từng bận quần đùi nói chuyện với nhau rất lâu, đã từng ở cùng phòng và uống cùng bình rượu. Tôi thì tôi đã không hỏi vì sao cha lại đi, khi vào thời điểm đó cha không còn trẻ nữa. Tôi chỉ hỏi:

“Thế còn hoa của cha thì sao?”

Cha nhìn tôi mỉm cười, vẫn với cái nhìn của một vị cha xứ mà tôi nói lúc nãy, cái nhìn đi sâu trong ta, kéo hồn ta ra như lấy nĩa hai răng kéo ruột ốc ra khỏi vỏ. Rồi cha bảo tôi rằng nơi cha đi có hàng nghìn loài hoa, hàng nghìn loài hoa mà cha chưa bao giờ biết, chưa bao giờ thấy, hoặc là, có một số loài hoa chỉ có trong sách vở, và người ta không thể sống mãi trong sách vở. Cha còn bảo rằng có ngày hai tay phải vốc đầy cuộc sống và tất cả những vẻ đẹp của nó.

Tôi suýt nói là đối với tôi thì ngược lại, là ngày nào tôi cũng cảm thấy chán đời và giả sử như có những cuốn sách có thể an ủi tôi thì tôi đã nhảy xổ vào đó. Nhưng khi hai người quá khác xa nhau, nói cũng bằng thừa. Tôi đã im lặng. Và chúng tôi đã bắt tay nhau.

Sau đó, tôi không thể nói là tôi hay nghĩ đến cha Lurant. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ ông ấy. Edmond Gachentard, bạn đồng nghiệp già của tôi, ngoài khẩu cạc bin ra còn cho tôi một số hình ảnh về các xứ sở da vàng này. Tôi không nói đến những hình ảnh trên giấy, tôi nói đến những hình ảnh khắc ghi trong trí nhớ.

Thời trai trẻ, Gachentard đã từng tham gia đạo quân viễn chinh ở Bắc Kỳ. Khi về, ông mang theo một cơn sốt đã khiến ông trắng hếu như tỏi tây và run như cây sậy, một cái thẩu cà phê xanh ông vẫn giữ trong nhà như một di vật, một bức ảnh ông để trên bàn ăn, trong bức ảnh đó ông mặc quân phục đứng trước các ruộng lúa. Đôi mắt ông thường đờ đẫn, lơ đãng khi mơ tưởng đến những vùng đất ấy, mơ tưởng đến những gì ông đã kể tôi nghe: đến những đêm có tiếng ếch nhái ộp oạp du dương, đến cái nóng làm cho cơ thể nhể nhãi mồ hôi, đến dòng sông lớn cuốn theo nào là cây rừng, nào là xác dê, nào là hoa súng, nào là rau muống bị sóng giật ra khỏi bờ. Thậm chí có những khi Gachentard minh họa cho tôi những điệu nhảy của đàn bà con gái, những động tác múa duyên dáng, ngón tay uốn cong, mắt lúng liếng trong tiếng sáo trầm bổng. Ông vừa bắt chước tiếng sáo bằng cách huýt gió vừa làm điệu bộ thối vào cái cán chổi.

Thỉnh thoảng, tôi thấy cha xứ trong khung cảnh đó, hai cánh tay chất đầy những loài hoa lạ, đầu đội chiếc mũ thuộc địa, mình mặc chiếc áo dòng màu sáng, phía dưới tà áo có đường viền của bùn khô. Cha đang ngắm nhìn mưa hằm hập rơi trên những cánh rừng sáng loáng. Tôi thấy cha mỉm cười. Khi nào cũng mỉm cười. Tôi không hiểu vì sao.

Khi tôi thức dậy trong gian phòng ở tòa giám mục, tôi đã nhớ tới Clémence. Tôi phải về nhà, bằng mọi giá, về ngay lập tức, đi đường vòng nếu đường chính vẫn đang bị cấm, đi tắt hay gì không quan trọng nữa, nhưng mà về với nàng. Nhanh lắm. Tôi không thể nói đó như là một sự

linh cảm. Lúc đó tôi không cảm thấy lo lắng. Không. Nhưng tôi chỉ muốn làn da của nàng, đôi mắt của nàng, những nụ hôn của nàng, tôi chỉ muốn dựa vào người nàng để phần nào quên đi cái chết đang hoành hành khắp nơi.

Tôi lấy quần áo chưa khô hẳn rồi đi vốc nước rửa mặt. Cha Lurant vẫn còn ngủ và ngáy như sấm. Khuôn mặt cha lớn. Tươi rói. Tôi tự nhủ là ngay cả trong giấc ngủ cha vẫn tìm thấy quanh mình những bó hoa tươi thắm. Tôi nhin đói ra về.

Berthe ở trong bếp. Tôi không thấy chị nhưng tôi cảm thấy chị đang thổi lửa và lắc đầu ngoay ngoay. Hễ thấy vợ là chị lấy nhen lửa. Tôi suốt ngày viết đầy những cuốn vở đó thì làm hại gì chị chứ? Có thể trong đó có những dấu hiệu làm cho chị sợ. Chị chưa bao giờ biết đọc. Đối với chị, những câu chữ thành dòng này là một điều bí ẩn lớn. Vừa đồ kỵ vừa sợ.

Tôi đến chỗ mà tôi trông chờ, rình rập từ nhiều tháng nay. Như một đường chân trời ghê sợ, một quả đồi biến dạng và sau vẻ mặt gớm ghiếc đó không biết có cái gì được giấu kín.

Tôi đến chỗ buổi sáng nhơ nhớp đó. Đến chỗ tất cả các đồng hồ đều ngưng chạy. Đến cú rơi vô cùng. Đến cái chết của những vì sao.

Đúng là Berthe không sai. Ngôn từ làm cho người ta sợ. Thậm chí những người biết những ngôn từ đó và giải mã chúng cũng phải sợ. Tôi ở đó và tôi không thể. Tôi không biết nói thể nào. Những ngón tay tôi cầm bút run run. Lòng tôi thất lại. Mắt tôi cay xè. Tôi đã hơn năm mươi tuổi rồi nhưng tôi lại thấy mình như một thằng nhóc khiếm đảm. Tôi uống một li rượu. Rồi thêm một li nữa, uống cạn. Thêm li thứ ba. Ngôn từ, có thể ngôn từ từ chai rượu mà ra. Tôi cầm chai lên tu. Clémence đến gần tôi. Nàng cúi xuống vai tôi. Tôi cảm thấy hơi thở luôn trẻ trung của nàng hà vào gáy tôi đầy lông màu xám.

“Buổi sáng uống rượu nhiều thế mà không xấu hổ à... Trưa kiểu gì mà không say!”

Đó là Berthe. Tôi chửi chị ta. Bảo chị ta cút đi. Đi mà lo ba cái chuyện hành tởm ấy. Chị ta nhún vai. Để tôi ở lại một mình. Tôi hít sâu. Tôi lại cầm bút.

Tim tôi đã đập rất mạnh khi nhìn thấy ngôi nhà. Ngôi nhà bị vùi dưới tuyết trắng, óng ánh dưới ánh nắng mặt trời chói chang chễm chệ trên trời cao. Những ngọn nến nhỏ nhỏ bằng băng tuyết nổi mái nhà với mặt đất trắng tinh. Tự nhiên, tôi không còn cảm thấy lạnh nữa, không còn cảm thấy đói nữa. Tôi quên hẳn bốn tiếng đồng hồ đi bộ trên con đường dồn dập vũ điệu của lính tráng và xe cộ. Tôi đã vượt qua hàng trăm anh lính. Họ bước đi nghiêm trang và nhìn tôi guồm guồm vì thấy tôi mặc đồ dân sự và có vẻ vội vã chạy về phía nơi mà chính họ cũng đang đi đến với vẻ mặt nhún nhún.

Rồi cuối cùng cũng đến nhà. Ngôi nhà của vợ chồng tôi. Tôi lấy dày dính đầy tuyết đập vào tường, để cho tuyết ra thì ít, để gây tiếng ồn thì nhiều, một tiếng ồn quen thuộc chứng tỏ tôi đang ở đó, phía bên này tường, cách vài bước thôi, cách vài giây thôi. Tôi mỉm cười khi tưởng tượng Clémence tưởng tượng tôi như thế nào. Tôi gõ then cửa ra, đẩy cánh cửa. Mặt tôi đầy vẻ sung sướng. Không còn chiến tranh nữa. Không còn ma quỷ, không còn trẻ em bị sát hại nữa. Chỉ có người tôi yêu mà tôi sắp được gặp lại, sắp ôm vào lòng rồi hai tay tôi vuốt ve bụng nàng và cảm nhận dưới làn da đứa con sắp chào đời.

Thế là tôi đi vào.

Đời thật là lạ. Không có gì có thể dự tính. Tất cả đều hỗn độn ở trong đó, không thể chọn lựa. Những thời điểm đau thương tiếp nối những khoảnh khắc hạnh phúc. Đời là thế đó. Con người như một hòn sỏi nhỏ nhoi nằm chơ vơ trên đường, nhiều ngày liền vẫn nằm một chỗ như thế. Thế là có một kẻ lang thang nào đó vô cớ đá một cái rồi hất vào không trung. Một hòn sỏi thì

làm được gì cơ chứ?

Một sự yên tĩnh lạ lùng ngự trị trong gian nhà, thấy thể nụ cười trên môi tôi biến mất. Cũng có cảm giác như từ nhiều tuần nay nhà không có người ở. Các đồ vật vẫn ở nguyên chỗ nhưng có vẻ nặng nề và lạnh lạnh. Nhất là sự yên tĩnh bao trùm bốn bức tường như muốn tách chúng ra. Tiếng tôi gọi chìm ngập trong sự yên tĩnh đó. Tự nhiên tôi cảm thấy tim tôi như vỡ tung ra. Phía trên cầu thang, cửa phòng he hé mở. Tôi bước hai bước. Tôi cảm thấy tôi không thể bước thêm được nữa.

Tôi không còn nhớ thứ tự, thời gian, cũng không nhớ cử chỉ của tôi nữa. Clémence nằm trên giường, trán nàng xanh xao và đôi môi càng xanh xao hơn. Nàng đã mất nhiều máu, tay nàng siết lấy bụng như thể nàng đã cố sức giao cho đời cái mà nàng đã đeo mang từ nhiều tháng nay. Xung quanh nàng là sự hỗn độn khôn tả. Nhìn thế tôi hiểu là nàng đã vật lộn, ngã nhào thế nào. Nàng không thể mở cửa sổ để kêu cứu. Nàng không dám xuống cầu thang chắc là sợ bị ngã và sợ mất con. Cuối cùng nàng đã sóng soài trên giường, trên chiếc giường hỗn loạn và thương đau. Nàng thở chậm kinh khủng, má nàng chỉ hơi âm ỉm thôi. Nét mặt nàng như nét mặt của những kẻ sắp qua đời. Tôi hôn lên môi nàng, tôi gọi tên nàng, tôi gào lên, tôi ôm lấy mặt nàng, vỗ lên hai má nàng, tôi hà hơi vào miệng nàng. Thậm chí tôi không nghĩ đến đứa con. Tôi chỉ nghĩ đến nàng. Tôi cũng đã cố mở cửa sổ ra nhưng quả đấm cửa cứ trơ ra trong tay tôi, thế là tôi đấm tan cửa kính và bị đứt tay, máu tôi lẫn vào máu nàng, tôi đã gào lên, gào lên trong phố, gào như con chó rú, với cơn giận dữ của một con thú bị đánh. Cửa chính, cửa sổ đã mở ra hết. Tôi ngã xuống đất. Tôi đã ngã xuống. Bây giờ tôi vẫn còn ngã. Tôi chỉ còn sống trong cú ngã này thôi. Mãi mãi.

XVII

Hippoclyte Lucy đang ở cạnh Clémence. Ông ta đang cúi xuống nàng, với vẻ mặt căng thẳng và bộ đồ nghề của mình. Người ta dìu tôi ngồi lên một chiếc ghế dựa. Có nhiều người ở trong phòng. Có các bà, các cô lảng giềng, già có, trẻ có. Họ nói thầm như thể đã là lúc túc trực người chết. Những con đĩ này đã ở đâu khi Clémence đang rên rỉ, khi nàng cố sức kêu cứu? Hả?! Những mù đàn bà này đã ở đâu, giờ lại mò tới đánh chén sự đau khổ trước mặt tôi, phí tổn bao nhiêu tôi phải chịu? Tôi đứng dậy, giờ nắm đấm lên. Đầu óc tôi như đầu óc của một thằng điên, một kẻ sát nhân, một gã tâm thần. Tôi thấy họ đi thụt lùi. Tôi tổng cổ bọn họ ra ngoài. Tôi đóng cửa lại. Chúng tôi chỉ còn lại ba người, tôi, Clémence và ông bác sĩ.

Hippoclyte Lucy, như tôi đã nói, là một bác sĩ giỏi. Một bác sĩ giỏi và tốt bụng. Tôi không thấy ông ấy làm những gì nhưng tôi biết là ông ấy làm tốt. Ông ấy đã nói với tôi những từ như chảy máu, hôn mê. Ông bảo nhanh lên. Tôi đỡ Clémence dậy. Người nàng nhẹ tênh. Đường như chỉ có cái bụng là còn sống nữa mà thôi, sự sống đang ẩn mình trong cái bụng quá to, giầy vò, đói khát này.

Trên xe, tôi ôm chặt lấy nàng trong khi mà ông bác sĩ vụt roi vào hai gò cằm con ngựa. Chúng tôi tới bệnh viện. Người ta tách tôi ra khỏi nàng. Hai cô y tá đưa nàng đi trên một chiếc xe đẩy. Clémence ra đi trong mùi ête, trong tiếng sột soạt của tấm ga trắng. Người ta bảo tôi chờ.

Tôi ngồi chờ hàng giờ trong phòng, bên cạnh một anh lính bị cụt tay trái. Tôi còn nhớ anh lính này nói với tôi rằng anh ta rất hài lòng vì đã mất một cánh tay, mà lại cánh tay trái, rằng đó là một điều may mắn cho anh ta vì anh ta thuận tay phải. Sáu ngày nữa anh ta về nhà rồi, và về luôn. Tránh xa cuộc chiến của những kẻ mọc sừng, anh ta nói vậy. Một cánh tay mất đổi lại những năm tháng được. Những năm tháng sống. Đó là những điều mà anh ta vừa nhắc đi nhắc lại vừa chỉ cánh tay cụt. Thậm chí anh ta còn đặt tên cho cánh tay bị mất của mình: Thằng Hề. Rồi anh ta luôn miệng nói chuyện với Thằng Hề, bảo nó làm chứng, nạt nộ và chọc ghẹo nó. Hạnh phúc có gì to tát lắm đâu. Đôi khi chỉ treo đầu sợi tóc, đôi khi treo đầu cánh tay. Chiến tranh là một thế giới lộn ngược, mông chống lên trời đầu rạp xuống đất: chiến tranh có thể biến một người tàn phế thành kẻ hạnh phúc nhất trần gian. Anh lính này tên là Léon Castrie. Anh ta quê ở Morvan. Anh ta mời tôi hút rất nhiều thuốc. Anh ta nói chuyện với tôi rất nhiều và tôi cần điều đó. Anh ta đã không hỏi tôi câu nào. Anh ta thậm chí còn không bảo tôi nói chuyện. Anh ta cứ nói một mình cùng với cánh tay cụt. Lúc quyết định chia tay tôi, anh ta vừa đứng dậy vừa nói: “Bọn tôi phải đi thôi, tôi và Thằng Hề ấy». Đã đến giờ anh ta ăn canh rồi. Castrie. Léon Castrie, ba mươi mốt tuổi, cấp bậc hạ sĩ, sư đoàn 127, quê ở Morvan, độc thân, gốc gác nông dân. Là một người yêu đời và thích món canh cải bắp. Tôi nhớ được những chi tiết đó.

Tôi không muốn về nhà. Tôi muốn ở lại đó, cho dù không để làm gì. Một cô y tá đến. Lúc ấy trời tối rồi. Cô ta nói với tôi là đứa trẻ đã được cứu sống và nếu tôi muốn thì có thể đến nhìn con, thì tôi chỉ việc đi theo. Tôi lắc đầu từ chối. Tôi nói là tôi muốn gặp Clémence kia. Tôi hỏi tình hình ra sao rồi. Cô y tá bảo là phải chờ thêm, để cô đi hỏi bác sĩ. Thế là cô ta đi.

Sau đó, một ông bác sĩ đã tới, một người lính, vẻ mệt mỏi, kiệt sức. Ông ta ăn mặc như một ông hàng thịt, một tay giết mổ bò, tạp dề bê bết máu, cái mũ calô cũng thế. Từ nhiều ngày nay, ông ta mồm liên tục, tạo ra một loạt thằng hề, đôi khi đem lại hạnh phúc cho bệnh nhân, thường khi đưa người ta về cõi chết, luôn khi khiến người ta đau đớn. Một phụ nữ trẻ đối với ông ta như một sự nhầm lẫn giữa những bì thịt đàn ông này. Ông ta lại nói với tôi về đứa bé, ông bảo đứa bé rất to, to đến nỗi không thể tự mình chui ra khỏi bụng. Ông ta nói với tôi là nó đã được cứu sống. Rồi ông ta cũng mời tôi một liều thuốc. Một dấu hiệu xấu, những liều thuốc lá ấy tôi biết thừa rồi, chính tôi cũng đã từng mời một số người hút thuốc khi biết những kẻ này cũng không còn sống được bao lâu, hoặc không còn tự do được bao lâu nữa. Tôi và ông bác sĩ hút

thuốc mà không nói với nhau lời nào. Rồi, vừa thổi khói thuốc, vừa tránh mắt tôi, ông ta thầm thì “Chị ấy đã mất quá nhiều máu...”. Câu nói của ông ta lơ lửng trên không như khói thuốc vậy. Câu nói ấy không rơi xuống, không ngưng lại. Và máu bê bết trên người ông ta như lấy cả xô đổ trên người thành ra là máu của Clémence vợ tôi. Và ông bác sĩ tội nghiệp có đôi mắt thâm quầng, râu tua tủa ba ngày nay chưa cạo cứ rung rúng theo từng câu nói, cái gã bị vắt hết sức lực đã làm tất cả để cứu sống vợ tôi, con người này, tự nhiên tôi muốn giết quách cho rồi. Chưa bao giờ tôi muốn được chính tay tôi giết người như lúc này, tôi chắc thế. Giết một cách điên cuồng, hung bạo. Giết.

“Tôi phải quay lại đây...”, ông ta vừa rút mẩu thuốc xuống đất vừa nói. Rồi ông ta đặt tay lên vai tôi trong khi mà đầu tôi đang chao đảo ý định giết người. “Anh có thể đến thăm chị ấy”. Ông ta tiếp tục nói. Rồi ông ta đi, bước đi nặng nề mệt nhọc.

Không phải hễ một số người đau khổ là quả đất ngừng xoay. Và những kẻ đều cáng thôi hết đều cáng. Không có sự tình cờ, chắc thế. Tôi thường tự nhủ điều đó. Trong những bi kịch của riêng mình, con người ta vốn rất ích kỷ. Quên hết, nào là Hoa Bìm Bìm, Destinát, nào là Joséphine trong ngục tối, nào là Mierck và Matziev. Những lúc cần thì tôi lại không có mặt và thế là hai cái thùng rác rưởi lợi dụng thời cơ để yên tâm nấu ăn nấu uống, như thể chúng đã sắp đặt cho Clémence chết để loại bỏ tôi rồi tự do muốn làm gì thì làm. Và những gì bọn chúng làm. Vô liêm sỉ.

Một tội ác như vụ Áp phe làm cả vùng chấn động. Như một ngọn sóng dữ: cơn hỗn mang nổi lên và làm mọi thứ run rẩy khi nó đi qua. Nó khiến mọi người kinh tởm nhưng đồng thời cũng làm đề tài hàn huyên của họ. Nó chiếm lấy đầu óc và miệng lưỡi của họ. Vì thế, biết rằng một kẻ sát nhân đang nhón nhơ ở chốn đồng quê, biết rằng hắn đang ở đó, gần các bạn, có thể các bạn đã từng bắt gặp hắn ta, hoặc sắp gặp hắn ta, rằng đó có thể là người láng giềng của bạn, biết thế thì không tốt cho ai cả. Hơn nữa, vào thời buổi chiến tranh, hoặc vào những lúc khác, người ta có nhu cầu được yên bình ở chốn hậu phương, nếu không thì hồng bét.

Đâu có ba mươi sáu cách để giải quyết một tội ác. Tôi chỉ biết hai cách thôi: hoặc bắt kẻ sát nhân, hoặc bắt một người nào đó mà người ta cho là thủ phạm. Một trong hai cách đó. Và thế là đâu lại vào đấy. Đâu đến nỗi phức tạp đến thế! Trong hai trường hợp này, đối với người dân kết quả cũng thế. Kẻ bị thiệt duy nhất là kẻ bị bắt mà thôi, nhưng rốt cuộc thì ai mà thêm bận tâm đến ý kiến của hắn? Nếu các tội ác vẫn tiếp tục diễn ra thì đó lại là chuyện khác. Vâng, đúng thế. Nhưng trong trường hợp này, tội ác đã không tiếp diễn. Hoa Bìm Bìm bé nhỏ vẫn là cô bé duy nhất bị bóp cổ chết. Không có ai khác. Bằng chứng mà người ta đưa ra để chứng tỏ kẻ bị bắt đúng là thủ phạm. Cứ thế mà làm. Vụ việc đã giải quyết xong. Lạnh lẽ.

Tất cả những điều mà tôi sắp nói ra đây không phải chính mắt tôi nhìn thấy nhưng điều đó cũng không thay đổi gì. Tôi đã mất nhiều năm để nối các mạch lại, tìm ngôn từ diễn tả, mò mẫm đường đi nước bước, đặt ra những câu hỏi và tìm câu trả lời. Đúng như chuyện thật. Không có phịa. Sao tôi lại phịa cơ chứ?

XVIII

Sáng ngày 3, khi tôi đang lội về nhà, cảnh sát hiến binh tóm được hai thanh niên đang sống dở chết dở vì đói và rét. Hai kẻ đào ngũ. Thuộc sư đoàn bộ binh 59. Đây không phải là những anh lính đầu tiên bị lọt lưới hiến binh. Từ vài tháng nay rồi, lính tráng bắt đầu bỏ hàng ngũ toan loạn. Hàng ngày có nhiều người chuồn khỏi mặt trận, đi lạc vào vùng nông thôn, thả bỏ mạng trong những lùm cây bụi rậm còn hơn là bị pháo đạn cày nát cơ thể. Có thể nói là hai thanh niên này xuất hiện đúng lúc. Cho tất cả mọi người: cho quân đội, vì quân đội muốn lấy đó làm gương, và cho thẩm phán là người đang tìm một thủ phạm.

Người ta dẫn hai tên nhãi ranh đi dọc theo các phố. Hai chiếc đàn pandoura cất tiếng khoa trương. Người ta ùa ra xem. Hai thằng cùng hai viên hiến binh. Hai kẻ ăn mặc rách rưới, râu tóc xồm xoàm, quần phục tả toí, mặt lầu ngày không cạo, mắt lăm la lăm lét, bụng thóp lại, bước chân éo lả, bị xách cổ bởi hai viên hiến binh khỏe mạnh, cường tráng, hồng hào, ủng bóng loáng, quần là lượt, vẻ đắc thắng.

Người ra xem mỗi lúc mỗi đông, và không hiểu tại sao, có thể là vì đám đông thường rất ngốc nghếch, họ trở nên dữ tợn, dần dần vây kín hai kẻ tù nhân. Những nắm đấm giơ lên, những lời thoá mạ văng ra, và dất đá cũng thế. Một đám đông là cái gì? Không là cái gì cả, chỉ là những con thú vô hại nếu ta nhìn mặt họ mà nói chuyện. Nhưng khi tập trung lại, cho họ đứng san sát bên nhau trong hơi người, trong mùi mồ hôi, trong hơi thở thì nhìn mặt họ, rình rập từng lời nói của họ, dù lời nói đó có đúng hay sai, mới thấy là họ trở thành thuốc nổ, khối bom hay một liên xúp sẵn sàng nổ vào mồm nếu đụng phải.

Hai viên hiến binh thấy gió to nên rảo bước. Hai kẻ đào ngũ cũng phải nhanh chân. Cả bốn người trú trong Tòa thị chính. Chẳng mấy chốc, ông thị trưởng đến gặp họ. Tiếp theo là một khoảnh khắc yên tĩnh. Tòa thị chính như một ngôi nhà vậy. Nhưng là một ngôi nhà có lá cờ tam tài cắm trên mặt trước và khẩu hiệu hay ho rất mực tự nhiên, “Tự do, bình đẳng, bác ái”. Khẩu hiệu đó được khắc vào đá một cách đẹp dễ, đủ để làm những kẻ tấn công nhất nhón phải lạnh người. Mọi người dừng lại. Im lặng. Chờ đợi. Không một tiếng động. Rồi một lúc sau, ông thị trưởng đi ra. Ông ta hắng giọng. Dễ nhận ra là ông ta sợ hãi. Trời lạnh nhưng ông ta lại lấy khăn lau mồ hôi trán, rồi đột nhiên, ông lên tiếng.

«Các người về nhà đi!»

- Chúng tôi muốn bắt chúng, một giọng nói trả lời.

- Nhưng mà ai mới được chứ? Ông thị trưởng lại nói.

- Những kẻ giết người! Một giọng nói cất lên, không phải là giọng nói lúc đầu, ngay sau đó hàng chục giọng nói khác nói theo như một tiếng vọng chường tai, vẻ đe dọa.

- Những kẻ giết người nào? Ông thị trưởng hỏi.

- Những kẻ đã giết con bé! Người ta trả lời.

Ông thị trưởng há hốc miệng vì ngạc nhiên, rồi định thần lại, ông la hét. Ông nói với họ rằng họ bị ám đầu, họ tầm bậy tầm bạ, họ phịa chuyện lung tung, rằng hai tên này là những kẻ đào ngũ, hiến binh sẽ trả họ về với quân đội và quân đội biết phải làm gì với chúng.

- Bọn chúng đấy, chúng tôi muốn bắt chúng! Một gã ngốc nghếch lại nói.

- Thế thì các người sẽ không bắt được chúng đâu, ông thị trưởng điên tiết và ngoan cố trả lời. Các người biết vì sao các người không bắt được chúng không, vì thẩm phán đã được tin, ông ta đang trên đường đến đây, ông ta sắp đến rồi!”

Có những chữ thật kỳ diệu. Thẩm phán là hai chữ kỳ diệu. Như Chúa, như Cái chết, như Trẻ em, và một số chữ khác. Đó là những từ khiến người ta phải nể trọng dù có nghĩ thế nào đi nữa. Hơn nữa, nghe đến thẩm phán là người ta lạnh sống lưng cho dù mình không làm gì nên tội nên tình, cho dù mình trong trắng như chim bồ câu. Mọi người ai cũng biết thẩm phán chính là Mierck. Những thế giới nhỏ bé đã hoàn thành sứ mệnh của nó: thưởng thức món trứng luộc bên cạnh một xác chết!-, thưởng thức luôn cả sự khinh bỉ mà ông ta dành cho con bé, không nói nửa lời, không rủ lòng thương hại. Ngay cả khi có người ghét ông ta thì đối với lũ ngu ngốc này thì ông ta vẫn là thẩm phán, kẻ có khả năng tống cổ người ta vào ngục chỉ bằng một chữ ký nhỏ. Kẻ làm tình với đao phủ. Một ông ba bị chuyên nhát người lớn.

Mọi người nhìn nhau. Đám đông bắt đầu từ từ giãn ra, rồi giãn ra rất nhanh, như thể tự nhiên bị đau bụng vậy. Chỉ còn lại khoảng mười người, đứng như trời trồng trên đường phố. Ông thị trưởng quay lưng, rồi đi vào.

Việc hua cái tên thẩm phán lên thành thử là một ý tưởng hay ho. Một ý tưởng gần như tài tình. Ý tưởng này có thể đã giúp cho ông thị trưởng khỏi bị đám đông hành hạ. Việc còn lại của ông thị trưởng bây giờ là báo thật cho viên thẩm phán, việc mà tất nhiên là ông chưa làm.

Mierck cùng Matziev đến vào đầu chiều. Dường như hai lão này nói chuyện với nhau như thể quen nhau từ ba mươi năm nay. Điều này không làm tôi ngạc nhiên vì trước tôi đã từng thấy họ, sau tôi lại thấy họ như thế. Hình như tôi đã nói rằng hai lão này đều được sinh ra từ một thân gỗ thối rữa. Cả hai cùng đi đến tòa thị chính. Chỗ này đã biến thành một trại lính kiên cố có khoảng mười cảnh sát hiện binh được giao nhiệm vụ bảo vệ. Trước tiên, viên thẩm phán sai đặt trước lò sưởi trong phòng làm việc của ông thị trưởng hai chiếc ghế bành thật oách, đưa rượu vang và cả đồ nhắm đến, đồ nhắm ở đây được hiểu là thịt cá, pho mát và bánh mì trắng. Ông thị trưởng sai Louissette đi kiếm những món ngon nhất.

Matziev rút ra một điếu xì gà. Mierck nhìn đồng hồ và huýt gió. Ông thị trưởng vẫn đứng như thế, chẳng biết làm gì. Viên thẩm phán hất đầu ra hiệu, ý lệnh cho ông thị trưởng đi dẫn hai tên lính và lính gác đến. Ông thị trưởng đi ngay tức thì.

Hai tên lính khốn khổ đi vào căn phòng trong đó lửa ấm làm thịt da họ hồng hào trở lại. Lão đại tá bảo cảnh sát hiện binh ra ngoài xem có gì làm cho Mierck cười thế không. Cả hai kẻ đồng mưu nhìn chằm chằm hai thằng nhóc, nhìn rất lâu. Tôi nói là thằng nhóc vì đúng là hai tên này là những đứa trẻ con thật, cách nhau vài tuổi thôi. Thằng thứ nhất tên là Maurice Rifolon, hai mươi hai tuổi, sinh ra ở Melun, ở tại Paris, 15 đường Amandiers, quận 20, vốn là một thợ in máy. Thằng thứ hai tên là Yann Le Floc, hai mươi tuổi, sinh ra ở Plouzagen, một làng quê vùng Bretagne mà nó chưa bao giờ xa trước khi chiến tranh xảy ra, vốn là dân nông thôn. “Tôi ấn tượng nhất là là sự khác nhau giữa hai tên đó - sau này, mãi sau này ông thị trưởng bảo tôi. Thằng nhóc người Bretagne thì thường cúi đầu. Thấy rõ là nó rất sợ. Trong khi mà tên kia, tay thợ ấy, nó lại ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mắt bọn tôi, không cười cũng gần như cười. Như thể nó địch sợ chúng tôi hoặc bất chấp tất cả mọi thứ”.

Lão đại tá là người tấn công đầu tiên:

“Hai anh biết vì sao hai anh ở đây chứ!”. Lão ta hỏi họ.

Rifolon không trả lời mà nhìn lão ta khinh bỉ. Thằng nhóc người Bretagne hơi ngược mặt, ấp a ấp úng:

“Thưa đại tá, vì bọn em đã bỏ đi, vì bọn em đã bỏ trốn...”

Thế là Mierck vào cuộc:

“Bởi vì các anh đã giết người.”

Thằng nhóc người Bretagne giương mắt nhìn. Rifoton thì trái lại, hắn nói thẳng, như không có gì:

“Tất nhiên là bọn tôi đã giết người, người ta thậm chí còn đến tìm bọn tôi cũng không ngoài mục đích đó, để giết những kẻ trước mặt giống bọn tôi như anh với em, để giết họ và để họ giết bọn tôi, chính những kẻ như các người đã bảo chúng tôi làm việc đó...”

Thằng nhóc người Bretagne hoảng lên:

“Em không biết em đã giết người hay chưa, có thể chưa, có thể là em đã bắn trật, thấy không rõ lắm, và em không biết bắn, ngay cả sĩ quan của em cũng khinh em, ông ta nói với em rằng “Này Le Floe, một con bò đứng trong hành lang mày cũng không bắn trúng”, thế nên không chắc lắm, có lẽ em chưa giết người!”

Lão đại tá tiến lại gần họ. Lão ta nhả khói thuốc xì gà, phả vào mũi hai tên lính. Thằng nhỏ ho mấy tiếng. Tên kia không phản đối.

“Hai anh đã giết một bé gái, một bé gái mười tuổi...”

Thằng nhỏ nhảy cẫng lên.

“Gì? Gì? Gì?” Có vẻ như cậu ta nhắc từ đó đến hai mươi lần, vừa nhắc vừa nhảy lổng đong, uốn uốn éo éo như bị bóng. Trong khi tên thợ in máy thì vẫn điềm tĩnh và mỉm cười ý nhị. Vậy nên thẩm phán hỏi anh ta:

“Anh có vẻ không ngạc nhiên lắm nhỉ?”

Anh ta thông thả trả lời, nhìn Mierck từ chân đến đầu, sau đó đến lượt lão đại tá, còn ông thị trưởng thì bảo tôi: “Như thế là anh ta đưa mắt nhắc hai người đó lên vậy, và anh ta lại thích thú nữa chứ!”. Cuối cùng, anh ta trả lời.

“Chả có gì làm tôi ngạc nhiên nữa. Giả sử các người đã thấy trước những điều tôi đã chứng kiến từ mấy tháng nay, các người khắc biết là mọi thứ đều tồn tại, điều gì cũng có thể xảy ra.» Câu nói hay đấy chứ, phải không nào? Và dùng một cái vào mũi viên thẩm phán. Lão ta bắt đầu đỏ mặt tía tai.

«Anh chối à? Lão ta thét lên.

- Tôi thú nhận, người kia điềm nhiên trả lời.

- Gì? Thằng nhỏ gào lên, tay nín lấy cổ áo bạn mình. Mày điên rồi à? Mày lắm nhảm gì thế? Các bác đừng nghe nó, em không quen biết gì nó. Bọn em mới đi với nhau từ tối qua! Em không biết nó đã làm gì, thằng đểu, thằng đểu, sao mày lại làm thế, nói cho họ biết đi, nói cho họ biết đi chứ!”

Mierck bắt thằng nhỏ im lặng bằng cách đẩy nó vào góc phòng, ý muốn nói, “Ta sẽ tính với mày sau”, rồi lão ta lại hỏi tay kia:

“Anh thú nhận chứ?”

- Các người muốn sao thì tôi nhận thế..., thằng kia vẫn điềm tĩnh trả lời.

- Về con bé?

- Tôi đã giết con bé đó. Tôi đẩy. Tôi đã gặp nó. Tôi đã đi theo. Tôi đã đâm ba nhát dao vào lưng nó.

- Không phải, anh đã bóp cổ nó.

- Vâng đúng thế, tôi đã bóp cổ nó, bằng chính tay tôi, các người nói đúng, lúc ấy tôi không có dao.

- Bên bờ kênh nhỏ.

- Đúng thế.

- Rồi anh đã thả nó xuống nước.

- Đúng.

- Sao anh lại làm thế?

- Bởi vì tôi thèm muốn nó...

- Thèm hiếp nó à?

- Đúng.

- Nhưng nó đã không bị hiếp.

- Không có thời gian. Có tiếng người. Thế là tôi chạy đi.”

Những câu trả lời trôi chảy như trong một vở kịch, ông thị trưởng nói vậy. Thằng thợ thảng thần lảm, nói năng rành mạch lắm. Viên thẩm phán uống sữa. Tưởng chừng như cảnh đó đã từng được tập dượt từng li từng tí. Thằng nhóc người Bretagne khóc, mặt dính bết nước mắt nước mũi, vai rung lên, đầu lắc ngược lắc xuôi liên tục. Matziev thì đắm mình trong khói thuốc.

Viên thẩm phán nói với ông thị trưởng:

“Ông làm chứng những lời thú tội này chứ?”

Ông thị trưởng nào phải là nhân chứng, ông cứ ngồi ì ra đấy. Ông nhận ra rằng thằng thợ in máy dểch sợ Viên thẩm phán. Ông nhận ra rằng Mierck nhận ra điều ấy. Và rồi, ông nhận ra rằng Viên thẩm phán cũng dểch cần. Ông ta đạt được những gì mình muốn: những lời thú tội.

“Ta có thể thật sự coi đây là những lời thú nhận không...”, ông thị trưởng mạnh dạn hỏi. Lão đại tá vào cuộc:

“Ông có tai chứ, ông thị trưởng, ông có óc chứ. Vậy thì ông đã nghe, và đã hiểu.

“Hay là ông muốn tự mình điều tra?” Viên thẩm phán nói bóng nói gió. Ông thị trưởng im lặng.

Thằng nhóc người Bretagne vẫn khóc. Thằng kia thì thẳng đuối ra. Vẫn tươi cười. Dường như đã ở nơi nào khác. Dù sao thì anh ta cũng đã tính toán cả rồi: đào ngũ: bị xử bắn. Giết người: bị hành quyết. Trong cả hai trường hợp đều toi cả! Vĩnh biệt mọi thứ trên đời! Điều anh ta muốn là đi quách cho rồi. Thế thôi. Được thế sổ toẹt tất cả. Hoan hô.

Mierck lại sai một cảnh sát hiến binh dẫn tên thợ in máy vào trong một căn phòng nhỏ, một hốc tường để chõ nằm ở trên tầng. Người ta nhốt anh ta vào đó còn viên hiến binh thì đứng gác trước cửa.

Viên thẩm phán và lão đại tá đồng tình nghỉ giải lao và cho ông thị trưởng biết là khi nào cần thì sẽ gọi ông. Thằng nhóc người Bretagne suýt mướt thì bị một viên hiến binh khác giải đến một hầm rượu và vì hầm rượu này không có khoá ngoài nên người ta lấy ghế dựa chèn lại và bảo anh ta ngồi trệt xuống đất. Những viên hiến binh còn lại theo lệnh của Mierck quay lại hiện trường vụ án để khám xét lại kỹ lưỡng.

Đã chiều rồi. Louissette trở lại, mang về đồ nhậu mà cô đã phải vất vả ngược xuôi tìm kiếm. Ông thị trưởng sai cô nấu lên và đem ra mời hai ông ăn, và không đến nỗi thậm tệ, ông ta cũng bảo Louissette mang một ít thức ăn cho các tù nhân.

“Vào thời điểm đó, em trai em đang ở chiến trường, Louissette kể với tôi, em biết là cam go lắm, em trai em cũng đã có ý định bỏ tất cả và về nhà. “Chị sẽ giấu em nhé!”, có lần về phép nó nói với em như thế, còn em thì em trả lời là không, là nếu nó làm thế thì em sẽ báo cho ông thị trưởng và hiến binh biết, nhẽ ra em không nên nói thế nhưng em sợ nó đào ngũ thật, rồi lại bị bắt và bị xử bắn, rốt cuộc thì nó cũng đã chết, chết một tuần trước ngày đình chiến... Để nói với anh rằng em thương những thanh niên tội nghiệp đó lắm, nên trước khi đưa đồ nhậu cho hai người khoẻ mạnh thì em đã lo cho hai tù nhân rồi. Cái cậu bị nhốt ở hầm rượu không muốn ăn khi em đưa bánh và thịt vào, cậu ta ngồi co ro và khóc như một đứa trẻ, em để thức ăn lên chiếc thùng tôn bên cạnh cậu ta. Còn cậu khác bị giam ở hốc tường trên tầng, khi em gõ cửa thì không nghe tiếng trả lời, em lại gõ cửa, vẫn không nghe tiếng trả lời, khi đó tay em đang bung bánh và thịt, thế là viên hiến binh mở cửa và bọn em đã nhìn thấy. Anh chàng tội nghiệp mỉm cười, em thề đấy, cậu ta mỉm cười và nhìn thẳng vào chúng em, mắt mở to. Em kêu lên và đánh rơi tất cả mọi thứ xuống đất, viên hiến binh thì nói Đ. mẹ! Anh này nhảy xổ vào cậu ta, nhưng muộn mất rồi, cậu ta đã chết. Cậu ta đã treo cổ bằng chiếc quần dài của mình, cậu ta đã xé ra rồi buộc vào quả đấm cửa. Lúc đó em nghĩ một quả đấm cửa sổ thì làm gì chắc đến thế...”

Được tin, Mierck và Matziev không hề xao động. “Lại thêm một bằng chứng nữa!”. Họ nói như thế với ông thị trưởng rồi nhìn nhau về ăn ý.

Trời bắt đầu tối. Lão đại tá bồi thêm củi vào lò sưởi còn Viên thẩm phán thì cho gọi Louissette tới. Chị ta đến, đầu cúi xuống, run run. Chị nghĩ là người ta sắp chất vắn chị về kẻ treo cổ tự sát. Mierck hỏi chị ta đã kiếm được thức ăn đồ uống gì rồi. Chị nói: “Ba xúc xích, chả lợn, giăm bông, chân giò, một con gà, gan bò, pho mát bò sữa và pho mát dê”. Nét mặt Viên thẩm phán sáng ngời lên. “Tốt, rất tốt...”, lão ta vừa nói vừa nuốt nước bọt. Rồi lão kêu: bắt đầu bằng món thịt heo, tiếp theo là gan bò hầm, món thịt gà nấu với cải bắp, cà rốt, hành, món xúc xích rồi món chân giò ninh hơi, món pho mát và món bánh xèo táo. Tất nhiên là còn thêm rượu vang. Loại rượu ngon nhất ấy. Trước tiên là rượu vang trắng, sau là rượu vang đỏ. Lão ta hất tay ra hiệu cho Louissette vào bếp.

Suốt buổi tối, Louissette chạy đon chạy dả từ tòa thị chính về nhà ông thị trưởng rồi lại từ nhà ông thị trưởng đến tòa thị chính. Mang những liễn xúp, rượu vang đến rồi đưa chai không về, sau đó lại mang các món ăn khác tới. Ông thị trưởng ở nhà, cơn choáng váng đã khiến ông bỗng nhiên bị lên cơn sốt nằm liệt giường. Người ta đã tháo giầy treo cổ cho anh thợ in máy xuống rồi đưa anh ta đến nhà xác ở bệnh viện gần đó. Ở tòa thị chính chỉ còn mỗi một cảnh sát hiến binh ở lại để canh gác thằng nhóc người Bretagne. Viên cảnh sát này tên là Louis Despiaux. Là

một tay tử tế. Tôi sẽ kể về anh này sau.

Phòng làm việc của ông thị trưởng, chỗ mà Viên thẩm phán và lão đại tá đã ở lại, ngoảnh mặt về phía một cái sân con, trong sân là một cây dẻ gầy guộc đang cố vươn lên trời cao. Từ một cánh cửa sổ của gian phòng, người ta có thể trông thấy rõ ràng cây dẻ còm nhom này. Nó thiếu không gian để có thể nảy lộc đâm chồi và quyết chí trở thành cây cho ra cây. Từ lâu lắm rồi, cây dẻ này không còn tồn tại nữa. Ít lâu sau vụ Ap Phe, ông thị trưởng đã sai người chặt nó đi: khi ông nhìn nó, ông lại thấy không còn là một cái cây ốm yếu nữa mà là một cái khác, và điều này ông không chịu nổi. Từ phòng làm việc vào sân nhỏ, người ta phải đi qua một cánh cửa thấp đóng kín một góc phòng. Trên cánh cửa có hình những cuốn sách được vẽ chấm phá: bức hình này tạo nên một ấn tượng đặc biệt, nó làm cho tủ sách, vốn tro trụi, trông ra có vẻ dài hơn. Trên tủ sách, những cuốn sách hiếm hoi chưa bao giờ mở nằm kề những bộ luật dân sự và luật công xã. Ở cuối sân, có một nhà vệ sinh có mái che, củi được chất ở phía dưới.

Khi Louisette mang giấm bông và chả lợn đến, chị được tiếp đón bằng một tiếng trầm trồ tán thưởng. Không hề có cần nhả trách móc, không hề, chỉ có hả hê thỏa mãn, và rồi, chị không nhớ rõ nữa, hình như lão đại tá chọc ghẹo chị điều gì đó khiến Viên thẩm phán cười ồ. Chị đặt đĩa, bộ đồ ăn, li uống rượu và mọi thứ linh tinh lên cái bàn tròn rồi hầu hạ. Lão đại tá vút điệu xì gà vào lò sưởi và trước khi ngồi xuống, lão hỏi tên chị là gì. “Louisette”, Louisette trả lời. Thế là hình như lão đại tá đã nói: “Gái xinh có cái tên hồng.» Hình như Louisette đã mỉm cười, bỏ vội lời khen vào túi quần mà không nhận ra rằng lão đại tá lơ lửng kia đang chọc chị, vì chị thiếu mất ba cái răng cửa, còn mắt trái thì ẩu đả với mắt phải. Rồi đến lượt Viên thẩm phán nói. Lão sai chị đi xuống hầm rượu bảo viên cảnh sát hiến binh là lão và lão đại tá muốn nói chuyện với tên tù nhân. Louisette ra khỏi phòng và xuống hầm rượu, chị run lên như đang xuống Địa ngục. Thăng nhóc người Bretagne đã hết khóc nhưng cậu ta không hề đụng đến bánh mì và thịt mà Louisette đã để lại. Louisette chuyển lệnh của Viên thẩm phán cho viên cảnh sát. Anh này hất đầu bảo tên tù nhân đi, nhưng vì cậu ta không phản ứng gì nên Despiaux núm lấy giày trời kéo cậu ta đi theo mình.

“Trong hầm lúc ấy ảm thấp lắm.” Despiaux nói vậy. Anh ta kể cho tôi câu chuyện của mình, bộc bạch sự kinh tởm của mình khi chúng tôi ngồi ngoài thềm quán Café Thánh giá ở V. Thời tiết dịu dịu. Hôm đó là một buổi tối tháng sáu. Tháng sáu năm 21. Tôi đã tìm ra tung tích của Despiaux cách đây không lâu. Sau cái đêm đáng nhớ mà tôi sắp kể ra đây, anh ta đã bỏ nghề cảnh sát hiến binh: anh đã đi vào Nam, đến ở nhà người anh rể chuyên trồng nho. Sau đó anh đi Algérie làm việc trong một quầy hải sản tiếp tế. Rồi anh về V. đầu năm 21. Anh làm trợ lý kế toán tại Carbonnieux, một cửa hàng lớn. Một chỗ khá tốt, anh nói vậy. Đó là một người dong dỏng cao, thanh mảnh nhưng không gầy, khuôn mặt còn trẻ nhưng tóc đã trắng bạc. Anh nói với tôi là bỗng nhiên tóc anh bạc trắng như thế, sau cái đêm canh giữ Thăng nhóc người Bretagne. Trong cái nhìn của anh có cái gì đó trống trải, xa vắng. Một cái gì đó vời vời mà người ta muốn khám phá nhưng lại ngại vì sợ lạc vào trong đó. Anh nói với tôi:

“Trong suốt thời gian mà tôi canh giữ, thăng nhóc nói với tôi không đến hai câu. Cậu ta khóc suốt khóc suốt. Chỉ có thế. Tôi bảo cậu ta là phải đi thôi. Khi vào phòng làm việc của ông thị trưởng, tưởng chừng như chúng tôi đang lạc vào sa mạc Sahara, vì nóng. Không khác gì lò bánh mì. Trong lò sưởi, có quá nhiều củi được chất vào, nhiều gấp ba lần, than hồng đỏ rực như mào gà. Lão đại tá và Viên thẩm phán đang ngồi, miệng ngồm ngoàm thức ăn, tay nâng li. Tôi chào theo tác phong quân đội. Bọn họ giờ li rượu cao hơn để chào lại tôi. Tôi tự hỏi là mình đã lạc vào chốn nào đây.”

Thăng nhóc người Bretagne hết đề dẫn ù tì khi gặp lại hai tên người nộm kia. Cậu ta bắt đầu rên rĩ rồi lại nhả điệp khúc “Gì? Gì?”. Mierck mất vui. Vừa ăn chả lợn lão ta vừa bình thản thông báo vắn tắt cái chết của tay thợ in máy. Thăng nhóc người Bretagne không hay biết gì, Despiaux cũng không, cái tin ấy đúng là như búa bổ. Cậu ta lão đảo và suýt ngã. Despiaux đỡ lấy cậu ta.

"Anh thấy đấy, lão đại tá nói, kẻ tòng phạm với anh đã không chịu nổi những gì bọn anh đã làm, cho nên anh ta đã chọn cái chết.

- Ít nhất là anh ta còn có chút danh dự, Viên thẩm phán bồi thêm. Thế anh còn chờ gì nữa mà không khai với chúng tôi mọi chuyện!"

Rồi có một khoảng im lặng, không lâu lắm. Despiaux kể tôi nghe là thằng nhóc nhìn anh, rồi nhìn Mierck, sau đó đưa mắt dòm Matziev, và thế là đột nhiên cậu ta gào lên, tiếng gào này hình như chưa ai nghe thấy bao giờ, ngay cả Despiaux cũng nói với tôi là chưa bao giờ anh lại nghĩ là có người có khả năng gào lên như thế, và tệ hơn, tiếng gào này cứ dai dẳng mãi, không ngưng nghỉ, ai cũng tự hỏi là cậu ta kiếm đâu ra tiếng kêu gào đó. Chỉ khi lão đại tá ngồi bật dậy lấy gậy phang vào mặt cậu ta thì tiếng gào mới im dứt. Một vết tím lớn hằn lên mặt cậu ta, máu rỉ rả chảy. Mierck hất đầu ra hiệu cho viên hiến binh dẫn anh ta xuống hầm rượu, và khi anh này chuẩn bị tuân lệnh thì giọng nói của Matziev cản lại.

"Tôi có ý này hay hơn, lão nói. Dẫn anh ta ra ngoài sân để cho đầu óc anh ta tươi tỉnh hơn... Có thể như thế thì anh ta sẽ nhớ ra mọi thứ.

- Ngoài sân à? Despiaux hỏi.

- Đúng, ở chỗ kia, Matziev vừa trả lời vừa chỉ cái sân nhỏ. Anh còn có cái gọi là cọc để trói anh ta vào đó. Làm ngay!

- Chẳng là, thưa đại tá, trời rất rét, thậm chí còn đóng băng nữa, Despiaux bạo dạn nói.

- Người ta bảo làm gì thì anh hãy làm vậy!" Viên thẩm phán cao giọng. Lão vừa xé một miếng giăm bông ra khỏi xương.

"Hồi ấy tôi hai mươi hai tuổi, Despiaux kể lại. Hai mươi hai tuổi thì nói được cái gì? Làm được cái gì? Tôi đã dẫn thằng nhóc vào sân và trói cậu ta vào cây dẻ. Lúc ấy khoảng chín giờ. Bọn tôi đi từ văn phòng, một nơi nóng ấm quá tải, vào trong đêm tối và giá băng, lúc đó khoảng âm mười, âm mười hai độ gì đấy. Thằng nhóc khóc nức lên. "Tốt hơn là cậu khai có phải cậu không, rồi sẽ hết cực thôi, cậu lại có thể quay lại chỗ ấm áp". "Nhưng không phải tôi, không phải tôi..", cậu ta thề với tôi, giọng thều thào như than thở. Cả cái sân tối om. Trên trời cao hàng chục vì sao lấp lánh, còn trước mặt chúng tôi là cửa sổ văn phòng ông thị trưởng, sáng trưng và phía trong cửa sổ ấy, như trong một vở kịch dành cho trẻ em, một cảnh tượng siêu thực hiện ra, đó là cảnh hai người đàn ông mặt đỏ hây hây đang ăn uống thoải mái bên một chiếc bàn đầy thức ăn đồ nhậu mà không hề bận tâm đến bất cứ việc gì.

"Tôi trở lại văn phòng, thế là lão đại tá lại bảo tôi chờ ở phòng bên cạnh rồi họ sẽ gọi. Tôi vào phòng bên, ngồi xuống một chiếc ghế băng và bẻ ngón tay chờ đợi. Tôi tự hỏi là mình phải làm gì bây giờ. Gian phòng này cũng có một cửa sổ, và từ đó người ta có thể thấy cái sân con và tên tù nhân bị trói vào thân cây. Tôi ngồi trong bóng đêm. Tôi muốn bật đèn lên để cậu ta thấy tôi. Nhưng tôi xấu hổ. Tôi những muốn chạy đi, bỏ trốn nhưng bộ quân phục không cho phép tôi làm chuyện đó, quân lệnh như sơn mà. Phải là bây giờ thì tôi chả sợ gì, chắc chắn thế! Thi thoảng, tôi có nghe giọng nói, tiếng cười của bọn họ, rồi tôi nghe tiếng bước chân người hầu ông thị trưởng đưa những món ăn nóng hổi thơm ngon đến. Nhưng ngày hôm đó, mùi thơm đó chẳng khác gì mùi hôi thối kinh khủng ngập vào hai lỗ mũi. Tôi ảm ức lắm. Tôi hận tôi vì làm một con người."

Louisette chạy đi chạy lại thế. "Trời rét đến nỗi mà nếu bắt được chồng ngoại tình thì cũng không nỡ tống ra ngoài!", chị nói với tôi như thế. Bữa ăn kéo dài hàng giờ. Mierck và Matziev có đủ thời gian mà. Bọn họ tha hồ thưởng thức, bữa ăn và những thứ còn lại. Khi vào phòng,

Louisettes không nhìn ngó xung quanh. Đó là cái tật của chị ấy. Mắt khi nào cũng chằm chằm hai bàn chân của mình. Tối hôm đó chị lại càng như thế. “Hai ông ấy làm em rất sợ, nhất là khi bọn họ bắt đầu say!” Chị chưa khi nào chứng kiến cảnh thằng nhóc người Bretagne bị trói ở trong sân. Đôi khi không nhìn thấy gì lại hoá ra được việc.

Thỉnh thoảng, lão đại tá ra ngoài cốt để nói với anh tù nhân đôi ba lời. Lão nghiêng người nói vào tai cậu ta. Thằng nhóc người Bretagne run rẩy, rên rĩ nói rằng không phải cậu ta đâu, cậu ta không làm gì cả. Lão đại tá nhún vai, xoa tay, hà hơi, run lên vì lạnh. Lão nhanh chân vào nơi ấm áp. Despiaux chứng kiến tất cả cảnh đó. Anh ngụp người trong bóng đêm như thể chính anh cũng bị trói.

Vào khoảng nửa đêm, Mierck và Matziev, môi còn lầy nhầy mỡ chân giò, đang ăn nốt món pho mát. Chuyện trò mỗi lúc mỗi to, thậm chí còn hát nữa. Tay đập đập lên bàn. Bọn họ đã uống hết tất cả sáu chai. Chỉ có thể thôi.

Cả hai đi ra sân như đi hóng mát vậy. Đó là lần đầu tiên Mierck lại gần tên tù nhân. Còn đối với Matziev thì đó là lần thứ năm. Bọn họ đi vòng quanh thằng nhóc người Bretagne, như thể cậu ta không còn tồn tại. Mierck ngửa mặt lên trời. Rồi giọng kẻ cả nói về sao trời. Ông ta chỉ cho Matziev từng ngôi sao, xưng tên từng cái một. Sao, đó là một trong những niềm đam mê của Viên thẩm phán. “Những vì sao đó an ủi con người, nhìn chúng thật trinh nguyên...” Lời ông ta nói đầy. Despiaux nghe hết tất cả, cả những lời nói của Viên thẩm phán và tiếng hai hàm răng của tên tù nhân run lên lập cập, y như đá ném vào tường vậy. Matziev rút một điếu xì gà ra, mời Viên thẩm phán một điếu nhưng ông ta từ chối. Cả hai còn luyện thuyên thêm một lúc nữa về trăng, sao, về sự vận động của các hành tinh, mặt họ hướng về vòm trời xa xa. Rồi, như bị chạm nọc, họ quay lại với người tù.

Cậu ta ở đó, trong giá rét ba tiếng đồng hồ rồi. Đó không phải cái rét thông thường. Cậu ta đã có thì giờ để ngắm nghía từng ngôi sao, trước khi hai mí mắt dính vào nhau hoàn toàn vì nước mắt đóng thành băng.

Lão đại tá lấy điếu xì gà rê rê trên mũi cậu ta, miệng vẫn chỉ hỏi một câu. Cậu ta thậm chí không trả lời nữa mà rên rĩ. Một lúc sau, lão đại tá điên tiết lên vì tiếng rên này.

“Mày là người hay thú?”, lão chửi vào tai cậu ta. Không có phản ứng gì. Matziev ném điếu xì gà xuống tuyết, dẫm vào người cậu ta, khi đó vẫn bị trói vào cây dẻ, rồi lấy tay xô xô cậu ta. Mierck vừa chiêm ngưỡng cảnh tượng đó vừa hà hơi vào những ngón tay của mình. Matziev để cho thân hình run rẩy của thằng nhóc người Bretagne gục xuống, rồi lão nhìn ngược nhìn xuôi như để tìm cái gì đó. Nhưng lão không tìm được gì cả, cái đầu cục mịch của lão chỉ nghĩ ra một ý, một ý tưởng hay ho đến cẳng.

“Chắc mày còn nóng quá phải không? Lão nói vào tai cậu bé. Tao sẽ cho cái đầu mày mát lại, nhóc con ạ!” Rồi lão rút trong túi ra một chiếc dao nhíp và kéo lưỡi ra. Sau đó, một cách có phương pháp, lão lần lượt cắt hết cúc chiếc áo varo, rồi áo sơ mi của thằng nhóc người Bretagne, rồi lão rách phăng cái áo lót của nó. Lão cẩn thận lột hết áo của cậu ta, cái lưng trần của người tù tạo nên một điểm sáng lớn trong bóng tối chập choạng của cái sân nhỏ. Khi đã lột hết áo thì lão ta lột quần, quần dài, quần đùi, xip, lão lột tuốt. Lão lấy dao cắt đứt dây dầy rồi từ từ tháo dầy tù nhân ra, vừa tháo lão vừa huýt gió điệu Caroline và đôi giày bóng láng của mình. Thằng nhóc kêu gào, lắc đầu lia lịa như một thằng điên. Matziev đứng lên: dưới chân lão ta là người tù trần như nhộng.

“Như thế tốt hơn chứ? Mày thấy thoải mái hơn chứ? Tao chắc là bây giờ mày sẽ nhớ lại tất cả...”

Lão quay sang viên thẩm phán. Ông này nói với lão:

“Ta về thôi, mình bắt đầu lạnh rồi...”

Cả hai cười với câu nói đùa đó. Rồi cả hai quay lại ăn bánh xèo táo đang bốc hơi ngùn ngụt mà Louissette vừa dọn lên bàn cùng với cà phê và một chai rượu mạn.

Despiaux nhìn lên bầu trời tháng sáu, hít hà không khí dịu dàng của nó. Đêm chập chững từng bước. Tôi chỉ ngồi yên nghe anh kể chuyện và gọi người hầu bàn đến rót rượu mà thôi. Trong quán khách khứa khá đông, ăn uống, chuyện trò lòng bông vui vẻ xung quanh chúng tôi nhưng tôi tin là chỉ có hai chúng tôi, là chúng tôi khi đó cảm thấy lạnh lẽo thực sự.

“Tôi đứng trước cửa sổ, hơi lùì một tí, Despiaux tiếp tục kể. Mắt tôi không thể rời cơ thể của người tù. Cậu ta nằm vo tròn như một con chó nằm co ro quanh gốc cây, và tôi thấy cậu ta cử động, người cậu ta run như cầy sấy, run liên tục. Còn tôi tôi đã bật khóc, tôi thề với anh đấy, nước mắt tôi tự nhiên chảy ra dần dần, tôi cứ mặc kệ, không cố kìm nén lòng mình. Và thằng nhóc đã hét lên, những tiếng hét rất dài, những tiếng hét của một con thú, hét như những con chó sói mà thời đó vẫn còn có ở trong rừng, cậu ta cứ hét như thế còn viên thẩm phán và lão đại tá ở bên cạnh thì cười hô hố, tôi nghe rất rõ. Tiếng hét của thằng nhóc như những lưỡi dao xoáy vào lòng người vậy.”

Tôi tưởng tượng Mierck và Matziev đang đứng dán mắt vào cửa kính, mông chống vào lò sưởi, tay cầm li rượu, bụng chực nổ ra vì tổng quá nhiều thức ăn, mắt thần nhiên nhìn thằng nhóc đang trần truồng co quắp trong băng giá, vừa nhìn vừa tán chuyện hươu chuyện vượn, chuyện trắng chuyện sao.

Điều không làm ai ngạc nhiên, ấy là một lúc sau, Despiaux thấy lão đại tá lại ra sân, lại gần người tù và, chân đi ủng, lão đá vào lưng và bụng cậu ta như người ta vẫn thường làm để kiểm tra xem con chó đã toi đời thực sự chưa. Thằng nhóc cố bắt lấy chiếc ủng, chắc là để van xin, nhưng Matziev đẩy ra bằng cách dí gót ủng lên mặt người tù. Thằng nhóc người Bretagne rên rĩ, rồi cậu ta thét to lên khi lão đại tá đổ lên ngực mình một bình đầy nước lạnh.

“Giọng của cậu ta, giọng của cậu ta, chắc anh đã nghe giọng cậu ta chứ, đó không còn là một giọng nói nữa, tất cả những điều cậu ta nói chỉ là những ngôn từ loạn nghĩa, không ai hiểu cậu ta muốn nói gì nữa, những từ này tiếp theo những từ khác, và rồi, sau khi lải nhải xong, cậu ta hét lên rằng là cậu ta, vâng, là cậu ta, rằng cậu ta thú nhận tất cả, thú nhận tội ác, tất cả tội ác mà mình đã phạm phải, rằng chính cậu ta đã giết người, đúng là đã giết người... Không còn ai ngăn được cậu ta nữa.”

Despiaux đặt li rượu lên bàn. Anh nhìn chằm chằm vào đáy li như để lấy sức tiếp tục câu chuyện.

Lão đại tá cho dẫn cậu ta tới. Cậu ta vừa lắc lư vừa nói đi nói lại, “Là tôi, là tôi, là tôi!”. Da cậu ta xanh mét, đôi chỗ bị đỏ tấy, đầu mút ngón tay ngón chân đã dần ngả sang màu đen vì băng giá. Mặt cậu ta trắng như mặt của một người sắp chết. Despiaux lấy một chiếc chăn quần người cậu ta rồi dìu cậu ta vào trong nhà. Matziev lại gần chỗ Mierck. Họ cùng li chúng mừng thành công. Cái rét đã thắng thằng nhóc người Bretagne. Despiaux tài mảy cũng không thể nào bắt cậu ta im lặng. Anh cho cậu ta uống nước nóng nhưng cậu ta không nuốt được. Suốt đêm anh túc trực bên cậu ta hơn là để canh giữ cậu ta. Cậu ta không cần phải canh giữ nữa. Cậu ta không là gì nữa.

Buổi tối tháng sáu chấp thêm hy vọng cho vạn vật và con người. Bao nhiêu hương hoa ngào ngạt từ cơ thể phụ nữ, cỏ cây và khí trời bỗng nhiên trở nên hiền hoà đến nỗi ai ai cũng muốn bắt đầu lại tất cả, chơm chớp đôi mắt mà tin rằng cái ác chỉ là giấc mơ và đau khổ chỉ là sự lầm lẫn của tâm hồn. Có thể một phần vì lý do đó mà tôi đã mời cựu cảnh sát hiến binh đi ăn miếng gì đó. Anh nhìn tôi như tôi vừa chửi tục vậy, rồi lắc đầu từ chối. Có thể anh không còn bụng dạ

nào để ăn để uống sau khi đã khuấy tung tro tàn chuyện cũ. Nói thật là tôi cũng không đói nữa, tôi mời anh đi ăn chẳng qua là vì lúc ấy tôi cảm thấy bối rối, trơ trọi trong lòng, vì tôi không muốn phải sớm xa anh. Nhưng trước khi tôi kịp gọi một chén rượu nữa thì Despiaux đã đứng dậy. Anh duỗi thẳng bộ xương dong dỏng của mình rồi khoác áo vét vào, đội mũ chỉnh tề rồi nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi tin là lần đầu tiên anh ấy nhìn tôi như thế, hay nói đúng hơn là anh ấy nhìn tôi với ánh nhìn xót xa như vậy.

“Còn anh, anh ấy hỏi tôi, giọng lạnh lạnh ra chiều trách móc, đêm đó anh ở đâu?”

Tôi ngơ người trước mặt anh. Clémence nhanh nhẹn đến bên cạnh tôi. Tôi nhìn nàng. Nàng vẫn đẹp như thế, vẫn trắng trẻo như thế nhưng mà đẹp biết nhường nào. Tôi có thể nói gì với Despiaux bây giờ? Anh chờ tôi trả lời. Anh đứng trước tôi còn tôi thì câm lặng, câm lặng nhìn anh, câm lặng nhìn khoảng trống trong đó chỉ mình tôi nhìn thấy Clémence. Despiaux nhún vai, chụm mũ xuống rồi quay lưng không một lời từ biệt. Bóng anh xa dần. Anh đã đẩy dút ra đi và để lại tôi với sự dằn vặt của riêng mình. Tôi biết, cũng có thể biết như anh, rằng con người ta có thể sống trong hối tiếc, lấy hối tiếc làm quê hương.

XIX

Cuối cùng Phu nhân De Flers cũng dẫn tôi đến cạnh Clémence. Bà xuất thân từ một dòng họ lâu đời ở V. Thuộc giới quý tộc. Quý tộc kiểu Destinât. Chồng bà, vốn là một Tổng tư lệnh, đã ngã xuống ngay tháng 9 năm 14. Tôi nhớ là đã hơi độc ác với bà ta, tôi đã từng cho rằng tình cảnh goá bụa là chiếc váy màu đêm vừa vặn với một con người như bà, rằng bà lợi dụng tình cảnh đó để làm bộ làm tịch, nhất là những tối bà đến nhà ông tỉnh trưởng hay những buổi bán hàng từ thiện. Đôi khi tôi thật ngu ngốc, và cay nghiệt, tóm lại là chả hơn gì người ta. Rất nhanh, bà quyết tâm trở thành một người có ích. Bà đã rời V., bỏ lại cơ ngơi rộng lớn như lâu đài Versailles của mình để đến quê chúng tôi, làm việc tại một bệnh viện. Một số người nói: “Bà ta không trụ đến ba ngày, nhìn thấy máu me, cắt đái bà sẽ ngất xỉu mà thôi!”

Bà ta đã ở lại. Bất chấp cả máu me, cắt đái, bà khiến người ta quên đi dòng dõi và gia sản của mình bằng lòng nhân từ bao la và những cử chỉ chất phác. Bà ngủ trong phòng dành cho người hầu và giờ nào, ngày nào, đêm nào bà cũng túc trực bên giường của những kẻ hấp hối hay những người sống đi chết lại. Chiến tranh giết chóc, cắt xẻo, vấy bẩn, làm ô uế, mổ bụng, chia lìa, nghiền nát, chặt vụn, chiến tranh giết người nhưng đôi khi cũng chính cho một số đồng hồ quả lắc xoay đúng thời khắc của nó.

Bà De Flers cầm tay tôi. Bà dẫn tôi đi. Tôi cứ để mặc thế. Bà phân bua: “chúng tôi không còn phòng nữa, không còn chỗ nữa anh ạ...”

Chúng tôi vào một phòng tập thể rộng lớn đầy tiếng thở thoi thóp, vất vương mùi chua chua của bông băng, của những vết thương đầy mủ, của sự dơ dáy. Đó là mùi của những vết thương, của những nỗi buồn, cơn đau chứ không phải là mùi của cái chết, mùi tử vong thương cụ thể hơn nhiều, ghê tởm hơn nhiều. Trong phòng có khoảng ba mươi giường, có thể là bốn mươi cũng nên, giường nào cũng có người nằm, la liệt trên đó là những hình hài thuôn dài mất hút trong bông băng, cựa cựa quậy quậy. Giữa gian phòng là bốn tấm ga màu trắng, căng từ trên xuống dưới tạo thành một kiểu hốc giường nhẹ tênh và giao động. Đó chính là nơi nằm của Clémence, lọt thỏm giữa những người lính. Những người lính này không nhìn thấy nàng, mà nàng cũng không nhận ra sự có mặt của họ.

Bà De Flers rẽ một chiếc ga ra và tôi đã thấy nàng. Nàng đang nằm nghỉ, khuôn mặt thẳng, mắt khép lại, tay để trên ngực. Nàng thở với một sự chậm rãi uy nghi, ngực nàng căng phồng nhưng đường nét của nó lại trở ỉ. Cạnh giường có một chiếc ghế dựa. Tôi ngồi xuống, đúng hơn là tôi xoài người xuống. Bà De Flers nhẹ nhàng đặt tay lên trán nàng và xoa xoa, rồi bà nói “Con bé không sao”. Tôi nhìn bà ấy không hiểu. Rồi bà nói thêm: “Tôi đi đây, anh có thể ở lại bao lâu cũng được”. Bà rẽ ga như trên sân khấu kịch đôi khi người ta vẫn làm. Bà ta mất hút sau màu trắng đó.

Tôi đã ở lại suốt đêm bên cạnh Clémence. Tôi nhìn nàng. Tôi nhìn nàng không rời mắt. Tôi không dám nói chuyện với nàng vì sợ người thương binh nào gần đó nghe thấy. Tôi đặt tay lên người nàng, để cảm thấy hơi ấm từ người nàng, và cũng để truyền hơi ấm của tôi cho nàng, bởi tôi đoán chắc là nàng đang cảm thấy sự hiện diện của tôi, từ đó lấy sức để trở về với tôi. Nàng đẹp lắm. Có thể hơi xanh xao hơn hôm trước đó, khi tôi từ giã nàng, nhưng nàng cũng dịu dàng hơn, như thể quá trình nàng lang thang trong giấc ngủ sâu đã xua đuổi những nỗi lo âu, sầu muộn thường nhật. Đúng thế, nàng rất đẹp.

Chưa bao giờ tôi thấy nàng xấu, già, đầy vết nhăn hay hao mòn. Những năm tháng đó tôi đã sống với một người vợ không bao giờ già đi. Lưng tôi oằn xuống, da tôi nhăn nheo hơn, cơ thể tôi xơ xác nhưng mà nàng, nàng vẫn thế, không sơ sẩy mà cũng không mất đi vẻ duyên dáng. Chỉ ít cái chết đã để lại cho tôi điều ấy, ngay cả khi thời gian đã đánh cắp của tôi gương mặt của

nàng, ngay cả khi tôi khó mà tìm lại được nguyên vẹn gương mặt đó cho dù đôi khi, để bù lại phần nào, tôi được thoáng thấy nàng trong óng ánh rượu vang tôi uống.

Suốt đêm, anh lính nằm phía bên phải giường của Clémence, đằng sau tấm ga, đã lẩm ba lẩm bẩm một câu chuyện không đầu không đuôi. Đôi khi anh ta cất giọng hát, đôi khi lại nổi xung lên. Nhưng dù sao thì giọng anh ta vẫn đều đều. Tôi không hiểu anh ta đang nói chuyện với ai, với một người bạn, một người thân, với người yêu hay với chính mình. Trong câu chuyện của anh ta cái gì cũng có: chiến tranh, tất nhiên rồi, nhưng cũng có những chuyện về thừa kế, về những cánh đồng cần phạt cỏ, về những mái nhà cần làm lại, về những bữa tiệc cưới, những con mèo bị chết đuối, những cây cối đầy sâu bọ, về bộ quần áo thuê, về những lễ sinh, về lũ lụt, về tấm nệm cho mượn nhưng không bao giờ trả, về những khúc gỗ cần xẻ. Đó là một chiếc cối xay làm bằng lời nói, nó không ngừng nghiền nát những khoảnh khắc cuộc sống anh ta để trả lại chúng trong một trật tự bất kỳ, đan quện với nhau, tất cả tạo nên một câu chuyện dài phi lý, như một cuộc sống đích thực. Thi thoảng anh ta có nhắc một cái tên, Albert Jivonal. Tôi đoán đó là tên của anh ta, là anh ta có nhu cầu được nói to lên cái tên đó, để tự chứng tỏ rằng mình hãy còn sống.

Giọng nói của anh ta như nhạc cụ chủ đạo trong bản giao hưởng của những kẻ hấp hối đang du dương quanh tôi. Những tiếng thở, tiếng thoi thóp, những hơi thở ngắt quãng của những kẻ bị ngạt, tiếng rên rỉ, tiếng khóc, tiếng cười điên, tiếng người thì thầm những cái tên, tên của những người vợ, người mẹ, và trên hết tất cả là tiếng lải nhải của Jivonal, tất cả những âm thanh ấy khiến tôi tin rằng cả hai chúng tôi đang trôi dạt. Clémence và tôi, người đang túc trực bên nàng, chúng tôi đang bị giam cầm trong một lâu đài bằng vải toan, trên một chiếc tàu vô hình, bồng bềnh trên dòng sông người âm như trong những câu chuyện thần kỳ mà thầy cô thường kể cho chúng ta nghe trên lớp, mà chúng ta tròn mắt nghe, sợ hãi đến nhói nhói, buốt lạnh trong từng mạch máu trong khi mà ở ngoài kia, đêm dường như đã phủ xuống như một chiếc áo khoác đen bằng len choàng lên đôi vai của một người khổng lồ.

Buổi sáng, Clémence hơi cử động, trừ phi một nhọc đã khiến tôi có ảo giác đó. Dù sao, tôi tin là mặt nàng đã nghiêng về phía tôi chút ít. Điều mà tôi chắc chắn, đó là nàng đã thở mạnh hơn, lâu hơn. Chưa bao giờ nàng thở như vậy cả. Đúng thế, nàng đã thở mạnh như thế, như một tiếng thở dài mỹ mãn, tiếng thở dài của một người đang nghĩ trong lòng là việc gì phải đến đã đến, và thở như thế để chứng tỏ rằng mình đã chờ đợi điều đó và vui mừng khi điều đó đến. Tôi đặt tay lên họng nàng. Tôi biết. Đôi khi tự nhiên người ta biết những điều chưa học bao giờ. Tôi biết tiếng thở dài đó là tiếng thở dài cuối cùng, sẽ không có tiếng thở nào tiếp theo nữa. Tôi áp đầu tôi lên đầu nàng. Tôi cảm thấy hơi ấm từ từ rời bỏ người nàng. Tôi đã cầu Chúa và các thánh thần để có thể thoát ra khỏi giấc mơ đó.

Albert Jivonal đã chết sau Clémence một lúc. Anh ta đã im lặng. Tôi biết anh ta đã chết. Tôi đã rất ghét anh ta vì tôi tưởng tượng rằng, khi đã đi vào cõi chết, anh ta sẽ được ở ngay bên cạnh nàng, như trong một dòng người chờ đợi bất tận, ở vị trí của mình, anh ta sẽ có thể nhìn thấy nàng đứng cách đó vài mét. Đúng thế, dù không hề quen biết gì anh ta, dù chưa bao giờ biết anh ta mặt mũi như thế nào, tôi đã rất giận anh ta. Ghen với một kẻ đã chết. Mong được thế chỗ anh ta.

Cô y tá trực ngày đến chỗ nàng lúc 7 giờ. Cô ta đã vuốt mắt cho nàng. Thật lạ là đến lúc chết nàng lại mở mắt ra. Tôi vẫn ở bên cạnh nàng, rất lâu. Không ai dám bảo tôi đi. Sau đó, tôi tự ra về, đơn độc mình tôi. Thế đó.

Hoa Bìm Bìm đã được chôn cất tại V., sau một tuần bị sát hại. Tôi không đến. Tôi có nỗi đau của riêng mình. Người ta kể cho tôi là nhà thờ đông nghịt người, và trong sân trước có đến một trăm người cho dù hôm đó mưa như trút nước. Ông Kiểm sát trưởng có mặt trong số đó. Viên thẩm phán và Matziev cũng thế. Tất nhiên còn có cả gia đình, có Bourrache và người vợ đang cần được an ủi, có hai người chị của con bé, Aline và Rose. Hai đứa chị này hình như không

hiếu chuyện gì đang xảy ra. Có mặt hôm đó còn có bà cô Adélaïde Siffert. Bà cô này run run nói đi nói lại với mọi người ở nghĩa địa, “Tôi mà biết được thì... Tôi mà biết được thì...”. Vấn đề là không ai biết trước mọi thứ.

Chúng tôi không được mấy người ở nhà thờ. Tôi nói chúng tôi là bởi vì dường như chúng tôi còn ở bên nhau, cho dù tôi đứng còn Clémence thì nằm trong quan tài bằng gỗ sồi có nhiều nến thờ vây quanh, cho dù tôi không thấy nàng nữa, không cảm thấy nàng nữa. Cha Lurant làm lễ. Ông ấy nói những câu đơn giản và chính xác. Tôi gặp lại người đã cùng ăn, cùng ngủ với tôi trong bộ áo lễ, cùng ăn cùng ngủ với tôi khi Clémence đang trong cơn hấp hối.

Tôi giận cha tôi từ lâu rồi, còn Clémence thì không còn anh em họ hàng gì nữa. Như thế lại càng tốt. Tôi không chịu nổi cảnh được người này người kia dịu dặt, ôm hôn, chia buồn. Tôi muốn ở một mình càng nhanh càng tốt vì từ giờ trở đi, tôi sẽ đơn độc suốt đời.

Tại nghĩa trang, chúng tôi còn lại sáu người: cha xứ, Ostrane kẻ đào huyệt, Clémentine Hussard, Léocadie Renaut, Marguerite Bonsergent - ba bà già chuyên làm lễ chôn cất cho tất cả mọi đám - và tôi. Cha Lurant đọc câu kinh cuối cùng. Mọi người cúi đầu lắng nghe. Ostrane để đôi bàn tay chai sạn lên cán xẻng. Còn tôi thì nhìn cảnh vật xung quanh, nhìn những cánh đồng trải dài ra tận sông Guerlante, nhìn khu đồi có cây cối trơ trụi và những đường mòn nâu bần, nhìn bầu trời đầy mây. Ba bà già ném hoa tang lên quan tài. Cha xứ làm dấu thánh. Ostrane bắt đầu cho đất xuống. Tôi về trước. Tôi không muốn nhìn.

Đêm hôm sau tôi đã mơ. Tôi thấy Clémence nằm dưới đất và nàng khóc. Đủ loại súc vật tiến về phía nàng với những cái đầu góm ghieếc, nanh vuốt chìa ra. Nàng đưa tay lên che mặt nhưng những con thú hung dữ vẫn tiến tới và chộp được nàng, cắn xé nàng, rửa thịt da nàng ra từng mảnh nhỏ rồi nuốt chửng. Clémence gọi tên tôi. Trong miệng nàng lấm lét cát bụi và rễ cây, mắt nàng không còn người nữa mà chỉ còn lòng trắng nhạt nhẽo.

Tôi giật mình tỉnh dậy. Người đầm mồ hôi, miệng hỗn hển. Khi đó tôi lại thấy tôi nằm một mình trên giường. Bỗng nhiên tôi chợt hiểu giường chiếu có thể rộng lớn, trống trải biết nhường nào. Tôi đã nhớ tới nàng ở dưới đất kia, trong đêm lưu đầy đầu tiên. Tôi đã khóc như một đứa trẻ.

Sau đó bao nhiêu ngày, tôi không nhớ là bao nhiêu. Rồi bao nhiêu đêm. Tôi không ra ngoài nữa. Tôi dao động. Tôi ngần ngại. Tôi cầm khẩu cạc bin của Gachentard, lắp đạn vào, thọc nòng súng vào miệng. Tôi say mềm từ sáng chí tối. Ngôi nhà tôi ở mang dáng vẻ nhơ nhớp và có mùi mồ mả. Tôi vót vát sức lực từ những chai rượu tôi uống. Đôi khi tôi gào lên, đập đá vào tường. Một vài người láng giềng đến thăm thì tôi đuổi về. Rồi một buổi sáng, khi tôi đang phát sợ khi nhìn khuôn mặt thảm hại của mình trong gương thì một bà xơ ở bệnh viện đến gõ cửa. Bà xách một cái lồng len nho nhỏ đang cử động yếu ớt: đó là con tôi. Nhưng việc này thì tôi sẽ kể sau, còn bây giờ thì chưa đâu, tôi sẽ kể việc này khi đã xong tất cả các chuyện khác.

Mierck đã cho giam thẳng nhóc người Bretagne tại nhà tù V., cho dù quân đội đã khẳng định ý muốn được xử bắn cậu ta. Ai sẽ là người giết cậu ta trước? Việc này dù sao cũng làm mất khá nhiều thời gian. Có đủ thời gian để tôi đến thăm cậu ta. Cậu ta ngồi tù từ sáu tuần nay rồi.

Nhà tù thì tôi thừa biết. Xưa đó là một tu viện được xây dựng từ thời Trung cổ. Tù nhân đã nối tiếp tu sĩ. Thế thôi. Chỉ có điều nơi này đã không thay đổi nhiều. Nhà ăn vẫn là nhà ăn, buồng hẹp vẫn là buồng hẹp. Người ta chỉ thêm vài ba thanh sắt, thêm cửa, thêm khoá, trồng lên các bức tường những cái cọc bằng kim loại tua tua nhọn hoắt. Ánh sáng chật vật lắm mới lọt vào tòa nhà lớn này. Thế nên trong đó u tối lắm, ngay cả những ngày chói chang ánh nắng cũng thế. Khi vào đó rồi thì người ta chỉ muốn ra ngay, thậm chí vừa ra vừa chạy. Tôi đã nói là viên thẩm phán đã bảo tôi đến. Tôi nói dối nhưng không ai yêu cầu kiểm tra đúng sai thế nào. Ở đó ai cũng biết tôi.

Khi lính canh mở cửa xà lim của thẳng nhóc người Bretagne thì tôi không thấy gì đáng kể nhưng tôi lại nghe giọng cậu ta ngay. Cậu ta hát, hát rất nhẹ nhàng, hát với giọng trẻ con, một giọng hát khá hay nữa là đằng khác. Lính canh để tôi ở lại và đóng cửa sau lưng tôi. Mắt tôi quen dần và trông thấy cậu ta. Cậu ta là người đi, tựa gối ngồi lủi thủi trong góc phòng. Đầu cậu ta đung đưa, đung đưa theo bài hát. Đó là lần đầu tiên tôi gặp cậu ta. Cậu ta trẻ hơn tuổi. Tóc cậu ta màu vàng rất đẹp, đôi mắt xanh nhìn chằm chằm xuống đất. Tôi không biết cậu ta có nghe tiếng tôi đến không nhưng khi tôi nói chuyện thì cậu ta không tỏ vẻ ngạc nhiên cho lắm.

“VẬY CẬU ĐÚNG LÀ NGƯỜI ĐÃ GIẾT CON BÉ?” Tôi hỏi cậu ta.

Cậu ta ngừng hát, và không ngước mắt lên, cậu ta lầm rầm theo điệu nhạc: “Chính tôi, đúng là tôi, chính tôi, đúng là tôi...”

Tôi bảo cậu ta: “Tôi không phải là thẩm phán, cũng không phải là lão đại tá, cậu không phải sợ, cậu có thể nói với tôi...”

Nghe thế, cậu ta nhìn tôi với một nụ cười xa vắng, như thể cậu ta mới từ rất xa đến và mong được ở lại. Cậu ta vẫn nhúc nhích cái đầu, như những thiên thần tí hon trong các nhà trẻ, khi được cho tiền thì cảm ơn rất lâu. Rồi không nói gì thêm, cậu ta lại tiếp tục bài hát của mình, bài hát nói về “những bông lúa mì chín, những con chim chiến chiến, về lễ cưới và những bó hoa tươi thắm”.

Tôi cứ nhìn cậu ta thêm một lúc nữa, nhất là nhìn đôi tay cậu ta rồi tự hỏi đó có phải là những bàn tay giết người. Khi tôi về thì cậu ta không quay đầu mà cứ tiếp tục hát và hơi lắc lư cái đầu. Một tháng rưỡi sau, sau khi ra tòa án binh với các tội danh đào ngũ và giết người, cậu ta bị khép tội và sau đó bị đem ra xử bắn.

Vụ Áp Phe đã được khép lại.

Chỉ trong một đêm, Mierck và Matziev đã có thể biến một anh nông dân bình thường thành một kẻ nửa điên nửa dại, một kẻ phạm tội lý tưởng và bằng lòng. Tất nhiên mãi sau này, khi gặp lại Despiaux tôi mới biết các diễn biến của cái đêm đang nhớ ấy. Nhưng mà điều tôi đã biết, đó là viên thẩm phán và lão đại tá đã không đến chất vấn ông Kiểm sát trưởng. Những gì Joséphine nói đã chìm vào quên lãng. Tôi vẫn thường hỏi tại sao lại như thế. Mierck vốn ghét Destinat thì việc thẩm vấn ông ta đâu có khó khăn gì! Đó là một cơ hội ngon ơ để tha hồ chọc tức ông ta, rêu rao tên tuổi ông ta, kéo lê bộ mặt hoàng đế La mã của ông ta vào cống rãnh dè hèn.

Nhưng tôi nghĩ là có cái gì đó còn mạnh hơn cả lòng căm thù, đó là quy tắc của một thế giới. Destinat và Mierck cùng có chung một thế giới, đó là thế giới của dòng dõi trâm anh, của sự giáo dục đến nơi đến chốn, của nề nếp gia phong, của xe hơi, của nhà cao cửa rộng và tiền bạc. Vượt lên tất cả các vụ việc và tính khí bất đồng, cao hơn cả những luật lệ mà con người có thể đề ra, đó là sự thông đồng và đáp nghĩa: “Anh mà không gây phiền nhiễu cho tôi thì tôi cũng không gây phiền nhiễu cho anh.” Nghĩ rằng người cùng hội cùng thuyền với mình có thể trở thành một kẻ giết người, tức là nghĩ rằng chính mình cũng có thể trở thành một con người như thế. Tức là chỉ vào mặt mọi người mà rằng những kẻ bĩu mồm bĩu miệng từ trên cao nhìn xuống chúng ta như nhìn cú gà là những kẻ có tâm hồn thối nát như tất cả mọi người, mà rằng họ cũng như mọi người mà thôi. Và điều ấy có thể là sự khởi đầu của thời kỳ kết thúc, sự khánh kiệt của thế giới họ. Cho nên điều đó không thể chịu đựng nổi.

Và rồi, tại sao Destinat lại giết Hoa Bìm Bìm? Ông ta nói chuyện với con nhỏ thì được, nhưng ở đây lại là giết nó?

Khi bị bắt, người ta tìm thấy trong túi của thằng nhóc người Bretagne tờ 5 frăng có đánh dấu thánh bằng bút chì ở phía trên bên trái. Adélaïde Siffert khẳng định như đinh đóng cột rằng đó là tờ tiền mà bà ta đã cho cháu đỡ đầu vào ngày chủ nhật đáng nhớ đó. Dấu thánh trên các tờ tiền là tật sình của bà, là cách để bà chứng tỏ những đồng tiền đó là của riêng bà chứ không phải của ai khác.

Kẻ đào ngũ thề là cậu ta đã được tờ bạc đó dọc bờ kênh nhỏ. Như thế đúng cậu ta đã đi qua đó! Đúng thế, vậy thì sao nào? Điều đó chứng tỏ điều gì? Đúng là tay thợ in máy và cậu ta đã ngủ ở đó, dưới cái cầu Boudin sặc sỡ nổi tiếng ấy. Hai tên nép người vào nhau để khỏi rét và tuyết: cảnh sát hiến binh đã thấy cỏ bị rạp xuống và in hình hai cơ thể. Điều đó cậu ta cũng đã thú nhận không mấy khó khăn.

Phía bên kia bờ kênh nhỏ, gần như đối diện với chỗ có cánh cửa nhỏ hướng về công viên Lâu đài, có phòng thí nghiệm của Nhà máy. Đó là một tòa nhà không lớn lắm, dài thượt, trông như một cái lồng chim bằng thủy tinh ngày đêm sáng choang. Nói ngày đêm là bởi vì Nhà máy không khi nào ngừng làm việc và vì ở trong phòng thí nghiệm, hai kỹ sư phải trực để kiểm tra số lượng và chất lượng của những gì từ bụng con quỳ đồ sộ đó tuôn ra.

Khi tôi xin phép được nói chuyện với những người có làm việc tại đó đêm xảy ra vụ án mạng, Arsène Meyer, trưởng phòng nhân sự, nhìn cái bút chì trong tay rồi huơ mù.

“Cậu có định trả lời không?” Tôi hỏi thẳng anh ta. Chúng tôi quen nhau lâu rồi, vả lại anh ta ít nhiều có mang ơn tôi: năm 1915, tôi đã nhắm mắt làm ngơ khi anh cả của anh ta, một kẻ khốn nạn, đã chôn chĩa đồ đạc của quân đội, chăn gối, bàn ăn và thức ăn được cất giữ trong các nhà kho gần quảng trường Tự do. Tôi đã chửi thẳng ngu này một trận. Thế là hẳn ta buộc phải trả đồ ăn cắp và tôi đã không báo cáo gì. Không ai phát hiện ra điều gì cả.

“Bọn họ không còn ở đây nữa...Meyer bảo tôi.

- Thế họ đi từ khi nào?” Tôi hỏi lại.

Nghe thế anh ta lại nhìn bút rồi nói thầm điều gì đó. Tôi phải căng tai mới nghe được.

“Họ đã sang Anh quốc, được hai tháng rồi...”

Anh Quốc gần như là tận cùng thế giới rồi, nhất là thời buổi chiến tranh. Còn hai tháng trước đó là thời điểm không lâu sau vụ giết người.

“Sao họ lại đi?

- Người ta đã bảo họ đi.

- Ai?

- Ông Giám đốc.

- Chuyển đi này có được lên kế hoạch trước không?

Meyer bẻ gãy chiếc bút chì. Anh ta toát mồ hôi hột.

“Tốt hơn là cậu đi đi, anh ta bảo tôi, mình phải chấp hành mệnh lệnh, và một cảnh sát quèn như cậu chỉ là con tép so với những thằng tai to mặt lớn đó.”

Tôi không muốn quấy rầy anh ta thêm. Tôi tạm biệt anh ta lúc đó đang bối rối lắm. Tôi tự nhủ là ngày hôm sau tôi sẽ đích thân đi hỏi ông Giám đốc.

Tôi không có thời gian. Cái ngày hôm sau đó, ngay từ tỉnh mơ, viên thẩm phán nhấc tôi đến gặp ông ta, càng sớm càng tốt. Tôi biết tại sao. Tôi chợt nghĩ là tin tức đến nhanh thật.

Như thường lệ, Vảy Kết tiếp tôi. Sau đó tôi phải chờ trong phòng sảnh gần một tiếng đồng hồ. Qua cánh cửa nhồi da, tôi nghe những giọng nói, hình như là những giọng nói vui vẻ. Khi Vảy Kết trở lại báo tôi biết Viên thẩm phán sắp tiếp tôi thì tôi đang bận gỡ dải lụa đỏ bị dính tay, dải lụa đó đã lóc ra khỏi tường. Tôi kéo dải lụa ra chưa đến bốn mươi phân mà nó đã bị rách toạc ra thành nhiều mảnh. Anh lính canh nhìn tôi vẻ ngạc nhiên và khó chịu. Anh ta nhìn tôi như nhìn một người bị bệnh nhưng không nói gì. Tôi đi theo anh ta.

Mierck ngồi trên ghế bành, ngả người về phía sau. Bên cạnh ông ta là Matziev, hai người tạo nên một cặp bài trùng, một cặp bài trùng về tâm hồn tuy Matziev có cao hơn và không to béo bằng. Như thể hai tên chết tiệt này yêu nhau và không rời xa nhau nữa. Matziev lưu lại lâu hơn. Lão ta vẫn ở nhà Bassepin và cái máy hát của lão vẫn gào lên đỉnh tai nhức óc. Phải chờ đến cuối tháng giêng thì lão mới để người ta yên thân để sau đó không bao giờ phải gặp lại lão nữa.

Mierck đánh phủ đầu tôi.

“Ai cho phép anh đến Nhà máy?”, lão ta càu nhàu.

Tôi không trả lời.

“Anh còn tìm gì nữa? Vụ Áp Phe đã được giải quyết xong và những kẻ có tội đã phải trả giá!

- Đúng là người ta có nói như vậy..., tôi trả lời, câu trả lời này khiến lão cáu giận hơn.

- Cái gì? Anh bóng gió cái gì đấy?

- Có bóng gió gì đâu. Tôi chỉ làm công việc của mình.

Matziev mân mê điều xì gà mà lão chưa châm. Mierck lại tấn công. Ông ta trông giống một con heo mới cai sữa bị kẹt dái giữa hai viên gạch.

“Đúng thế, anh cứ làm công việc của anh đi và hãy để những người lương thiện chất phác được yên thân. Nếu tôi biết lần nữa là anh hỏi bất cứ ai về vụ án đã hoàn tất này, tôi sẽ cho anh vào tù...Tôi có thể hiểu, ông ta hạ giọng, tôi có thể hiểu là trong hoàn cảnh bây giờ, anh không hoàn

toàn là anh nữa, việc người vợ trẻ của anh vừa mất, nỗi đau...”

Tôi bị sốc khi nghe ông ta nói về Clémence, gợi nhớ hình ảnh của nàng, nhắc đến tên nàng: nói thế khác gì lấy một nhánh hoa nhài cắm lên bãi cứt trâu.

“Ông im đi”, tôi nói với ông ta.

Ông ta nhấp nháy mắt, tím mặt tím mày rồi điên tiết:

“Thế nào? Anh mà giám ra lệnh cho tôi à?

- Tôi ỉa vào mặt ông đấy”, tôi đáp lại.

Mierck suýt đập mặt vào ghế. Matziev nhìn tôi khinh bỉ nhưng không nói gì. Lão ta châm điếu xì gà rồi rầy rẩy que diêm mặc dù nó đã tắt.

Trên phố lúc ấy trời nắng. Tôi cảm thấy phê phê, tôi những muốn nói chuyện với ai đó, với ai đó đáng tin cậy, với ai đó có cùng cảm nhận với tôi. Tôi không nói về vụ Áp Phe. Tôi nói về cuộc sống, về thời gian, về mọi thứ trên trời dưới đất.

Tôi nhớ tới Mazerulles, thư ký của viên thanh tra thẩm cứu. Anh chàng mà tôi đã tìm gặp sau khi Lysia Verhareine chết. Chắc tôi sẽ được an ủi phần nào khi nhìn lại cái đầu củ cải của anh ta, nước da màu xám, đôi mắt của con chó bị ướt đang chờ người ve vuốt. Tôi bắt đầu tiến về quảng trường Carmes vì cơ quan Ban thanh tra ở đó. Tôi bước đi thông thả. Tự nhiên tôi như trút được một gánh nặng khôn tả, tôi mừng tượng lại bộ mặt của Mierck khi tôi quát mắng lão ta. Có thể lão đã lo yêu cầu cấp trên lấy đầu tôi rồi.

Khi tôi hỏi người gác cổng xem Mazerulles có còn làm việc ở đó nữa không, anh ta chộp lấy đôi kính trước khi chúng rơi xuống đất.

“Anh Mazerulles đã rời bỏ chúng tôi cách đây một năm,” anh ta nói với tôi.

“Thế anh ấy có còn ở V. nữa không ạ?” Tôi hỏi tiếp.

Anh chàng này nhìn tôi như thể tôi từ trên trời rơi xuống.

“Tôi nghĩ chắc anh ta chưa ra khỏi nghĩa địa, nhưng anh cứ đi kiểm tra xem.”

Ngày tháng thoi đưa, mùa xuân đã trở lại. Mỗi ngày tôi đến thăm mộ Clémence hai lần. Buổi sáng và trước khi chiều buông xuống. Tôi nói chuyện với nàng. Tôi kể cho nàng nghe những giờ khắc cuộc đời tôi như thể nàng vẫn ở bên cạnh tôi. Tôi nói với nàng bằng giọng hàn huyên thường nhật, bằng giọng nói để cho ngôn ngữ tình yêu không cần phải văn hoa kiểu cách để rạng rỡ ngời ngời.

Tôi đã có ý định từ bỏ tất cả, nhà cửa, việc làm để ra đi. Nhưng tôi chợt nhớ là trái đất tròn, là hãy còn quá sớm để quay lưng, để ngu si ngốc nghếch. Tôi đã phần nào hy vọng Mierck sẽ cho tôi đi sang các nước khác. Tôi tự nhủ là lão ta muốn phục thù và sẽ tìm ra cách để thuyết chuyển tôi hoặc đình chỉ công tác. Thật ra, tôi là một kẻ hèn nhát. Có những việc không quyết định được thì tôi lại đặt vào tay kẻ khác. Nhưng Mierck không làm gì tôi, đúng hơn là không làm gì nổi.

Đó là vào năm 18. Người ta có cảm giác là chiến tranh sắp kết thúc. Vào lúc tôi đang viết đây thì nói điều đó quá dễ, vì tôi biết chiến tranh đã kết thúc vào năm 18, nhưng quả thực tôi không hề nói dối. Đúng là ai cũng cảm thấy sự kết thúc này và điều đó khiến cho những đoàn xe chở thương binh và liệt sĩ đi qua thành phố quê tôi trở nên ghê tởm hơn, vô bổ hơn. Thành phố nhỏ này khi nào cũng đầy lính đi què mề sứt được chữa chạy qua loa đại khái. Bệnh viện lúc nào cũng đông nghịt người như những khách sạn hạng sang gần những bãi tắm mà giới đại gia thường rủ nhau lui tới. Chỉ có điều là ở bệnh viện thì mùa đẹp nhất lại kéo dài đến bốn năm và trong vòng bốn năm đó nó vẫn luôn kín chỗ. Đôi khi, tôi có thoáng thấy Phu nhân de Flers và giật thót tim như thể bà ta đến gặp tôi, đến với tôi như chưa đến bao giờ, để dẫn tôi đến bên chỗ nằm của Clémence.

Gần như ngày nào cũng thế, tôi đi dọc theo bờ kênh nhỏ và tiếp tục lùng sục như một con chó cứng đầu cứng cổ hay ngu ngốc, để mọi thứ khỏi bị chôn vùi vào lãng quên hơn là để phát hiện một chi tiết nào đó quan trọng. Tôi thường mừng tượng bóng dáng cao cao của Destinat, ở phía bên kia bức tường vây quanh công viên, và tôi biết là ông ấy vẫn thấy tôi đi như thế. Từ khi nghỉ hưu tới giờ, hầu như ông ấy không ra khỏi nhà nữa, tiếp khách lại càng hiếm hoi hơn. Điều đó có nghĩa là ông không tiếp ai cả, ngày qua ngày sống trong câm lặng, sách cũng không màng đọc nữa, chỉ chấp tay ngồi bên bàn làm việc - Barbe kể lại với tôi như thế-, chỉ nhìn qua cửa sổ hay loay quanh trong công viên như một con thú cồ độc. Suy cho cùng, chúng tôi không khác nhau là mấy.

Một hôm, vào ngày 13 tháng 6 năm ấy, khi một lần nữa tôi đi dọc theo bờ kênh nhỏ, bước qua cầu Boudin thì bỗng nhiên tôi nghe tiếng cò sột soạt sau lưng. Tôi quay lại. Đó là ông ta. Còn cao hơn trong trí nhớ của tôi, tóc màu xám gần như bạc trắng được chải mượt ra phía sau, quần áo màu đen, dày bóng loáng, tay phải cầm một chiếc gậy có tay cầm bằng ngà. Ông ta nhìn tôi và không bước tới nữa. Tôi nghĩ là ông ấy đã chờ tôi đi qua và đã đi ra bằng cửa cuối công viên.

Chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu mà không ai bảo ai một lời, như hai con thú thăm dò nhau trước khi nhảy vồ nhau, hoặc như hai người bạn cũ lâu năm không gặp giờ ngấm nghĩa nhau xem thay đổi nhường nào. Tôi có cảm giác là chỉ trong vòng vài tháng thôi, thời gian đã khoét sâu vào cơ thể tôi như trong vòng mười năm vậy.

Destinat là người lên tiếng trước:

“Tôi thường thấy anh qua đây, anh có biết...”

Rồi ông cứ để câu nói của mình lấp lửng như thế mà không tìm cách, hoặc tìm không ra cách kết thúc câu nói đó. Tôi thì tôi không biết nói gì. Đã lâu lắm rồi tôi không nói chuyện với ông, tôi cũng không còn nhớ chính xác là trước kia chúng tôi nói chuyện với nhau thế nào.

Ông lấy gậy sục sục vào những đám rêu giạt vào bờ kênh, tiến lại gần tôi hơn rồi nhìn tôi rất kỹ, không có vẻ gì độc ác nhưng với một sự chính xác bệnh hoạn. Điều lạ nhất là tôi không hề cảm thấy khó chịu khi ông nhìn tôi như thế mà trái lại tôi cảm thấy trong ánh nhìn đó một cảm giác lâng lâng dễ chịu và yên tâm, như khi một bác sĩ già mà ta biết từ hồi nhỏ nhìn ta để tìm ra những nỗi đau hay cơn phiền muộn.

“Anh chưa bao giờ hỏi tôi là...”

Ông lại nói không xong câu. Tôi thấy đôi môi ông hơi run run và ông nháy mắt một giây vì ánh sáng. Tôi biết rõ ông muốn nói về chuyện gì. Chúng tôi rất hiểu nhau.

“Hỏi thì tôi có câu trả lời hay không?”, tôi nói, vẫn lấp la lấp lửng như ông ấy.

Ông thở mạnh, chiếc đồng hồ đeo bên tay trái đánh keng một tiếng. Chiếc đồng hồ này được treo vào một sợi dây chuyền có xâu một chiếc chìa khoá nhỏ màu đen trông khá lạ mắt. Rồi ông nhìn ra xa, nhìn lên bầu trời xanh xanh, nhưng rất nhanh, ông quay lại nhìn tôi và chăm chăm vào mắt tôi, khiến tôi phải lúng túng.

“Đừng có tin vào những câu trả lời. Chúng không bao giờ hợp lòng người đâu. Anh không thấy thế à?”

Rồi ông lấy đế dày trái nhấn chìm đám rong mà ông đã dùng gậy gỡ ra khỏi bờ. Một đám rong mềm mại, màu xanh lục thẫm xoay vòng điệu vũ, trôi ra dòng rồi chìm xuống.

Tôi đưa mắt nhìn Destinát. Ông ta đã biến mất.

Cuộc sống tái diễn, như người ta vẫn thường nói, và chiến tranh đã kết thúc. Bệnh viện ngày càng ít bệnh nhân hơn, đường phố cũng ngày càng thưa thớt. Các quán cà phê ít khách lại vắng hơn và quán Agathe Blanchard cũng ít khách hàng hơn. Những người con trai đã trở về và những người chồng cũng thế. Một số người nguyên vẹn, những người khác thì tàn phế. Nhiều người không bao giờ xuất hiện nữa, điều này hẳn nhiên rồi, nhưng, bất chấp sự thật hiển nhiên, một số người vẫn nuôi hy vọng nhìn thấy chồng hoặc con của mình đi vòng góc phố, bước vào nhà, ngồi vào bàn và chờ rượu vang. Những gia đình có người nhà làm việc tại Nhà máy đã trải qua cuộc chiến không mấy lo âu hay thiếu thốn. Những người khác thì trái lại phải kinh qua bốn năm kinh khủng. Mồ chôn càng được đào sâu hơn, nhất là khi một vài người vừa thân thối xác rữa trong đó. Một số người không nói chuyện với nhau nữa. Một số người khác thậm chí còn ghét bỏ nhau.

Bassepin bắt đầu buôn công trình nghệ thuật. Một trong những công trình đầu tiên mà ông ta bán lại là tác phẩm của chúng ta: một người đầy lông lá, tay trái cầm cò, tay phải cầm súng, người rướn lên phía trước, đầu gối hơi cong, bên cạnh là một chú gà trống gaulois, to lớn và hãnh diện, được nắm bắt vào khoảnh khắc mà chú ta sừng sộ gáy vang.

Ông thị trưởng làm lễ khánh thành công trình đó vào ngày 11 tháng 11 năm 1920. Ông ta đọc một bài diễn văn với giọng run run, bay bổng, mắt trợn trợn trạo trạo. Sau đó ông ta đọc tên bốn mươi ba chàng trai xấu số của thành phố đã hy sinh cho tổ quốc, đọc một tên xong ông ta dừng lại một chốc để cho Aimé Lachepot, người canh giữ ruộng đồng, có thời gian đóng lên một hồi trống nghiêm trang. Đàn bà phụ nữ thì rưng rức khóc, tất cả đều bận đồ đen. Bọn trẻ con thì chìa tay cổ kéo họ về phía quán Margot Gagneure. Nằm cách đó vài bước, quán này có bán đủ loại đồ đạc vật vĩnh, nhất là bán gậy cam thảo và kẹo mút.

Rồi đến lễ kéo cò. Đội kèn đồng chơi một điệu nhạc bi thảm mà ai ai cũng nghiêm trang lắng nghe. Và khi điệu nhạc cuối cùng kết thúc, tất cả mọi người đổ dồn về phía tòa thị chính nơi một bữa tiệc rượu mừng đã được dọn ra. Người ta quên đi những người đã ngã xuống trong rượu vang và pa-tê phết bơ. Người ta chuyện trò. Người ta còn bắt đầu cười nữa. Một giờ sau người ta tạm biệt nhau và đã chuẩn bị tinh thần đóng lại vở kịch về đau buồn và nhớ nhung từ năm này qua năm khác.

Destinat có mặt ở buổi lễ, đứng hàng đầu. Tôi đứng cách ông ta chừng hai mét. Nhưng ông ấy không đến tòa thị chính mà chậm chạp đi về Lâu đài.

Mặc dù đã về hưu được bốn năm nhưng thỉnh thoảng ông vẫn đi V. Nghiêm Trọng chuẩn bị xe ngựa vào lúc mười giờ kém mười. Đúng mười giờ, Destinat đi xuống và lên xe, rồi xà ích quất ngựa. Đến thành phố, ông ta cuốc bộ trong các đường phố, vẫn đi dạo theo ngã đường quen thuộc, đường Marville, Quảng trường Ủy ban Tỉnh, lối Baptiste-Villemaux, đường Plassis, đường Autun, công viên Fidon, đường Bourelles. Nghiêm Trọng cho xe đi theo, sau ông chủ khoảng hai mươi mét, tay vỗ vỗ vào mông hai con ngựa đang chực giậm chân và ỉa bậy. Destinat gặp nhiều người chào ông. Ông hơi cúi đầu mà không bao giờ trao đổi một tiếng.

Buổi trưa, ông vào quán Rébillon và được Bourrache tiếp đón. Ông vẫn ngồi cái bàn của riêng mình, vẫn ăn uống như khi ông còn cho người lấy đầu phạm nhân. Chỉ có điều sau khi cà phê xong ông có nán lại. Khách khứa về dần còn Destinat thì ở lại. Thế là chủ quán lấy một chai rượu mạnh, loại ngon nhất, cầm hai cái li rồi đến ngồi đối diện với ông Kiểm sát trưởng. Chủ quán rót rượu, nốc li của mình. Còn Destinat thì đưa li rượu lên hít hà chứ không bao giờ nhấp môi.

Rồi hai người nói chuyện với nhau.

“Nhưng nói về chuyện gì?”, một hôm, mãi đến lâu sau này, tôi đánh liều hỏi Bourrache.

Mắt Bourrache mất hút. Tưởng chừng như lão nhìn vào xa xăm hay nhìn một hình ảnh mờ ảo. Mắt lão ta trở nên sáng hơn.

“Về con bé...”, lão nói, những giọt nước mắt lăn tròn trên hai bờ má râu ria lởm chởm.

“Thì chủ yếu là ông Kiểm sát trưởng nói thôi, còn tôi chỉ lắng nghe. Hình như ông ta hiểu con bé hơn cả tôi. Mặc dù thế, khi con bé còn ở bên chúng tôi, tôi không bao giờ thấy nó nói chuyện với ông ta, chỉ nói đôi lời khi mang bánh mì hay nước uống tới. Thế mà hình như ông ta biết hết về con bé. Ông ta tả con bé, tả nước da, mái tóc, giọng nói líu lo, tả cái miệng tròn ra sao, màu môi thế nào. Ông kể tên những danh họa trong lịch sử mà tôi không biết rồi ông nói là con bé đã có thể có mặt trong những bức tranh của họ. Rồi ông ta hỏi tôi rất nhiều về tính tình của con bé, về các tật nhỏ, về những câu nói trẻ thơ, về bệnh tật, về những năm còn nhỏ của con bé và thế là tôi phải kể, kể hoài kể mãi. Ông ta không bao giờ cảm thấy chán.

“Lần nào quay lại quán là y như ông ấy lại nói về chuyện ấy: “Bây giờ, Bourrache tốt bụng của tôi, ta nói chuyện về con bé đi...”, ông ấy gợi ý. Tôi thì tôi không muốn vì điều đó làm tim tôi đau nhói và nỗi đau này kéo dài cả buổi chiều và buổi tối, nhưng tôi lại không dám nói cho ông Kiểm sát trưởng biết điều đó và thế là tôi lại nói. Một giờ, hai giờ, tôi nghĩ là dù tôi có nói mấy ngày liền cũng không làm ông ta chán. Tôi thấy lạ là ông ta lại mê đùa con đã mất của tôi như thế, nhưng tôi lại tự nhủ là có thể do tuổi tác nên ông ta hơi lẫn lộn, thế thôi, do cô đơn và không con cái gì nên ông ta trái tính như thế.

“Một hôm, ông ta còn hỏi tôi có bức ảnh nào của con bé cho ông không. Ảnh úng thì anh xem chứ đắt đỏ lắm, có mấy ai chụp đâu. May là tôi có ba tấm trong đó có một tấm chụp ba đứa con

gái của tôi. Mẹ đỡ đầu của Hoa đã muốn bức ảnh đó và đã trả tiền chụp. Bà ấy đã đưa cả ba đứa đến ông thợ ảnh Isidore Kopierck, anh biết đấy, một người Nga ở phố Etats. Ông ta đã bố trí cho hai đứa chị ngồi xuống đất trong một khung cảnh đầy cỏ và hoa, còn Hoa thì đứng ở giữa, miệng tươi cười, đầy vẻ duyên dáng như Đức mẹ Đồng trinh vậy. Bức ảnh này tôi có ba tấm, mỗi đứa mỗi tấm. Tôi đã đưa tấm ảnh của Hoa cho ông Kiểm sát trưởng. Chắc anh đã thấy, tôi cho ông ta ảnh mà như cho một mỏ vàng vậy! Người ông ta run lên, miệng cảm ơn rồi rút, tay siết chặt tay tôi thật chặt.

“Lần cuối ông ấy đến là một tuần trước khi mất. Vẫn thói quen ấy, những món ăn, ly cà phê, chai rượu mạnh và chuyện trò. Vẫn hỏi những câu hỏi như cũ về con bé, hoặc gần như thế, xong xuôi, sau một hồi im lặng, ông ấy thăm thì với tôi với giọng đọc bản án: “Con bé chưa biết đến cái ác, nó đã ra đi mà không hay biết gì, vậy mà chúng ta, cái ác đã biến chúng ta thành những con người thật xấu xí...” Rồi ông ấy đứng dậy, chậm chạp, siết chặt tay tôi rất lâu. Tôi giúp ông ấy khoác áo vào. Ông ấy cầm mũ, nhìn quanh phòng như để đo xem rộng hẹp thế nào. Tôi mở cửa và nói, “Hẹn gặp lại lần tới, thưa ông Kiểm sát trưởng”. Ông ấy đã mỉm cười mà không trả lời. Ông ấy đã ra đi.”

Viết làm đau lòng người. Tôi nhận ra điều này từ mấy tháng trời mà tôi bắt đầu viết. Con người sinh ra không phải để làm việc này, và rồi viết để làm gì? Viết giúp ích gì cho tôi? Giá như có Clémence bên cạnh tôi, không bao giờ tôi lại ngoặc ngoạc lên trang giấy làm gì, ngày cả khi Hoa Bìm Bìm đã bị sát hại một cách bí ẩn, ngay cả khi cái chết của thằng nhóc người Bretagne đã làm cho lương tâm tôi phần nào bị cắn rứt. Đúng thế, chỉ có sự hiện diện của nàng thôi cũng đủ khiến cho tôi rũ bỏ quá khứ và tăng thêm sức mạnh cho tôi. Suy cho cùng, tôi viết cũng vì nàng và chỉ vì nàng thôi, tôi viết để giả vờ, để tự đánh lừa mình, để tự thuyết phục mình là dù ở nơi đâu nàng vẫn đang chờ tôi. Và nàng nghe hết những điều tôi muốn nói.

Viết giúp cho tôi sống một thành hai.

Khi đã sống từ lâu trong cô đơn, người ta có thể chọn cách nói to với mọi vật xung quanh, với bốn bức tường. Việc tôi đang chuyên tâm làm có khác mấy đâu. Tôi đã thường tự hỏi là ông Kiểm sát trưởng đã chọn cái gì. Ông làm gì hàng giờ, thường gửi gắm cho ai những suy nghĩ vẩn vơ, những tâm tình sâu kín. Một kẻ goá bụa thường hiểu một kẻ khác cùng cảnh ngộ, tôi thì tôi nghĩ như thế. Suy cho cùng, có nhiều điểm có thể rút ngắn khoảng cách giữa hai chúng tôi.

Ngày 27 tháng 9 năm 21, khi băng qua đường Pressoirs, tôi không thấy chiếc xe ô tô lao tới đâm vào mình. Trán tôi đập vào góc vỉa hè. Tôi nhớ là vào khoảnh khắc bị đâm xe, tôi nghĩ tới Clémence, và tôi nhớ là tôi đã nghĩ tới nàng như nghĩ tới một người vợ còn sống. Tôi nghĩ là người ta sẽ báo cho nàng biết là chồng nàng vừa bị tai nạn. Vào tích tắc đó, tôi cũng nhớ là đã tự trách mình lơ đãng đến nỗi qua đường mà không nhìn ngó trước sau và do tôi mà vợ tôi sẽ phải lo lắng. Sau đó tôi ngất đi. Gần như sung sướng, như thể tôi đã bị một xứ sở hiền hoà quyến rũ. Khi tôi tỉnh lại ở bệnh viện, người ta cho tôi hay là tôi đã chìm trong giấc ngủ thất thường này đến bảy ngày tròn. Có thể nói đó là bảy ngày nằm ngoài cuộc sống của chính tôi, bảy ngày mà tôi không nhớ gì ngoài ấn tượng về màu đen và tối đêm mềm mại. Các bác sĩ ở bệnh viện lại nghĩ là tôi không bao giờ tỉnh lại nữa. Họ sai rồi. Tôi không có diễm phúc đó.

“Anh đã rất gần với cái chết!” một bác sĩ nói với tôi. Anh ta tỏ rõ vui mừng khi tôi tỉnh lại. Đó là một thanh niên vui tính có đôi mắt màu hạt dẻ rất đẹp, rất sáng và lúng liếng. Anh ta đang có tất cả những ảo tưởng mà ở tuổi anh ta người ta vẫn thường có. Tôi không trả lời. Trong cái đêm đáng nhớ ấy, tôi đã không tìm lại người mà tôi đã từng yêu và vẫn đang yêu. Chắc là bác sĩ nhầm rồi: nhẽ ra tôi còn lâu mới chết bởi không có gì cho tôi thấy sự hiện diện của nó.

Người ta bắt tôi nằm viện thêm hai tuần. Tôi yếu một cách bất thường. Trong số những y tá chăm sóc tôi, tôi chẳng quen cô nào. Họ mang cho tôi súp, thuốc sắc, thịt kho. Tôi đưa mắt tìm Phu nhân De Flers. Thậm chí tôi còn hỏi một cô y tá xem thử bà ta còn ở đó không. Cô y tá mỉm cười mà không trả lời tôi. Chắc cô ta còn nghĩ là tôi nói sảng.

Khi các bác sĩ thấy tôi có thể nói không mấy khó khăn, tôi được ông thị trưởng đến thăm. Ông ấy bắt tay tôi. Nói với tôi là tôi đã lên cơn sốt. Là ông ấy đã rất lo cho tôi. Rồi ông lục trong túi áo và lấy ra một gói kẹo đã cố tình mua cho tôi. Ông đặt lên bàn, có vẻ hơi xấu hổ, ông nói như xin lỗi:

“Tôi định mang cho anh một chai thật ngon nhưng ở đây người ta cấm đưa rượu vào, thế là tôi tự nhủ rằng...Anh nhìn xem, loại kẹo này bà làm bánh ngọt đã làm với mật vàng đấy!”

Ông ta cười. Tôi cũng cười để làm đẹp lòng ông ta. Tôi muốn nói chuyện, muốn hỏi ông nhiều điều nhưng ông lấy tay ra hiệu tôi im lặng, ý muốn nói là chúng tôi còn nhiều thời gian. Một cô y tá đã bảo ông ấy là phải nường nhẹ tôi, đừng nói nhiều cũng đừng để tôi nói nhiều. Thế là chúng tôi nhìn nhau một vài lúc, nhìn gói kẹo, nhìn trần nhà, nhìn ô cửa sổ mà phía ngoài người ta không thấy gì ngoài một khoảng trời, không cây cối, không núi đồi mà cũng chẳng có mây.

Rồi ông thị trưởng đứng dậy, siết chặt tay tôi một lần nữa, rất lâu rồi ra về. Hôm đó, ông ấy đã không báo cho tôi biết Destinat đã chết. Tôi được tin này hai ngày sau, cha Lurant đến thăm tôi và báo cho tôi biết điều đó.

Destinat ra đi sau ngày tôi bị tai nạn một hôm. Ông ta chết một cách nhẹ nhõm, không ồn ào mà cũng chẳng kêu ca, chết tại nhà, vào một ngày mùa thu đẹp trời vàng đỏ, không khí mát mẻ, cảnh vật như còn vương vấn mùa hè.

Như thường lệ, vào lúc giữa chiều, ông ấy ra đi dạo trong công viên Lâu đài. Đi dạo về thì ông ngồi như mọi ngày trên ghế băng hướng ra sông Guerlante, hai tay đặt lên chiếc gậy. Thường thì ông ngồi đó không đầy một tiếng rồi về.

Hôm đó, không thấy ông về, Barbe chạy ra công viên và khi từ xa vẫn thấy ông ngồi xoay lưng

trên ghế băng thì yên tâm quay lại bếp tiếp tục nấu món thịt bê quay. Nhưng khi thịt quay đã xong, rau ăn với xúp đã được nhặt sạch, cắt nhỏ và bỏ vào nồi, tự nhiên chị có ý nghĩ là chị vẫn chưa nghe bước chân của ông Kiểmsát trưởng. Chị lại đi ra và lại thấy ông luôn ngồi trên ghế băng, thờ ơ với sương mù từ dòng sông toả lên, không đoái hoài gì đến đêm tối dần dần bao phủ cây cối trong công viên mà xung quanh hàng trăm con quạ đang vừa bay vừa ẩu đả nhau. Thế là Barbe quyết định lại chỗ ông chủ để báo cho ông biết là bữa ăn sắp sẵn sàng. Chị băng qua công viên, lại gần Destinat, cất tiếng gọi ông nhưng ông không trả lời. Khi chị lại gần ông, cách khoảng vài ba mét, chị có linh tính gì đó. Chị bước thật chậm, đi vòng qua ghế băng và nhìn thấy Destinat, nửa người trên vẫn thẳng, mắt mở to, hai tay giữ lấy đầu gậy. Chết như người ta vẫn thường chết.

Người ta thường nói đòi bắt công nhưng cái chết, nói đúng hơn là sự chết, lại càng bắt công hơn. Một số người đau đớn còn những người khác thì trải nghiệm nó như một hơi thở dài. Thế giới này không có chỗ cho sự công bằng nhưng ở thế giới bên kia cơ hồ cũng thế. Destinat ra đi lẳng lẽ, không đón đau mà cũng không báo trước. Ông ra đi một mình, trơ trọi như khi ông còn sống.

Cha Lurant kể cho tôi là lễ tang của ông ta như lễ tang của một vị bộ trưởng, đó là đám tang bề thế và trang trọng nhất trong vùng. Đoàn ông thì bận đồ đen, đàn bà thì mặc đồ xăm tối, mặt có che một tấm voan nhỏ màu xám. Giám mục, tỉnh trưởng và Phó quốc vụ khanh đã cất công đến dự tang lễ. Cả đoàn người đi đến nghĩa trang nơi người kế nhiệm Destinat đã đọc một bài diễn văn. Rồi Ostrane làm công việc của mình. Làm theo nghĩa vụ. Với cái xẻng và thối gàu của mình.

Khi tôi xuất viện, việc đầu tiên tôi làm trước khi về nhà là đến nghĩa trang để thăm Clémence và viếng Destinat. Tôi bước thật nhẹ, chân trái vẫn cứng đờ không khỏi và khiến cho tôi, kẻ chưa bao giờ tham chiến, giống một cựu chiến binh rất nhiều.

Tôi ngồi bên mộ Clémence, tôi đã kể cho nàng nghe tai nạn mà tôi đã gặp phải, nỗi sợ của tôi khi phải làm cho nàng đau buồn, giấc ngủ triền miên và nhẹ nhàng, sự tỉnh lại đầy thất vọng. Tôi đã lau bia đá hoa cương cho nàng, nhổ những cây cỏ ba lá mọc dài theo phiến đá, lấy tay xoa xoa những cây địa y phủ kín cây thánh giá. Rồi trao một nụ hôn về phía nàng trong không khí thơm hương đất mùn và đồng cỏ ẩm ướt.

Mộ của Destinat mất hút sau những vòng hoa và ngọc bích. Hoa vừa mới héo, những cánh hoa lác đác úa tàn trên lối sỏi bao quanh. Ngọc bích thì lung linh, thỉnh thoảng một ánh nắng đậu lên khiến cho chúng tưởng mình là những hạt kim cương trong giấy lát. Cũng có những bó hoa đã gục xuống, những dải lụa, những bức trướng, những bức thư chia buồn vẫn nằm trong những chiếc phong bì chưa mở. Tôi thầm nghĩ là với ông ấy như thế đã xong, cuối cùng thì ông ấy đã được ở bên cạnh vợ. Ông ấy đã mất nhiều thời gian. Thời gian của cả cuộc đời. Tôi cũng đã nhớ tới gương mặt dài dài của ông ấy, tới sự im lặng, sự bí ẩn, sự pha trộn giữa nghiêm nghị và khó gần toát lên từ con người ông ấy. Rồi tôi tự hỏi mình đang đứng trước mộ của ai đây, mộ của một kẻ sát nhân hay của một người vô tội.

XXIII

Một vài năm sau, sau khi Barbe đã được mai táng, tôi tự nhủ là đã đến lúc tôi vào Lâu đài. Chiếc chìa khoá mà chị đã đưa đã biến tôi thành người sở hữu một cơ ngơi vô chủ. Tôi đã tới đó, đi từ nghĩa trang đến tòa nhà cao rộng như thế tiến về phía cái gì đó đang chờ tôi từ lâu lắm rồi, cái gì đó mà tôi đã không dám nhìn tận mắt.

Khi mở khoá cánh cửa lớn, tôi cảm thấy mình như đang bóc một chiếc phong bì có chứa một tờ giấy mỏng. Trong đó, bằng những chữ cái nhợt nhạt, mọi sự thật đã được viết ra từ bấy lâu nay. Tôi không chỉ nói đến sự thật về vụ Áp Phe, tôi còn nói đến sự thật của chính tôi, của những gì biến tôi thành một con người, thành một người bộ hành trong cuộc sống.

Thời ông Kiểm sát trưởng còn sống, chưa bao giờ tôi đặt chân vào Lâu đài. Đó không phải là chỗ của tôi. Tôi mang dáng dấp của một cái giẻ rách trong số những chiếc khăn mùi xoa bằng lụa tơ tằm. Tôi chỉ đi qua Lâu đài, đi vòng quanh nó, đứng xa nhìn ngắm cái rực lửa liên hồi như hoả hoạn, những bức tường cao lớn bằng đá đen và những hồi nhà bằng đồng. Rồi đến hôm Lysia Verhareine chết. Destinát chờ tôi ở phía trên bậc thêm, vẻ hốt hoảng, và thế là hai chúng tôi bước đi như những bị cáo về phía ngôi nhà nhỏ, lên phòng của cô ta...

Lâu đài không phải là nơi ở của người chết. Đó là một tòa nhà trống rỗng, hoặc đơn giản là đã bị lấy hết mọi thứ, sự sống trong đó đã cạn kiệt từ lâu. Việc ông Kiểm sát trưởng, Barbe và cả Nghiêm Trọng nữa đã từng ở đó không thay đổi cái gì hết thảy: người ta có cảm giác đó ngay từ tiền sảnh. Lâu đài là một nơi quá cổ, một nơi đã ngừng thở từ rất lâu rồi, không còn tiếng bước chân người, không còn âm thanh giọng nói, không còn tiếng cười, tiếng thì thầm, tranh cãi, không còn mơ mộng và thở dài.

Ở phía trong không lạnh lắm. Không bụi bặm, không mạt nhện, không có sự bừa bãi mà người ta thường vấp phải khi phá khoá lảng mộ đi vào. Tiền sảnh với nền lát gạch đen trắng mang dáng vẻ của một bàn cờ mà quân cờ đã bị đánh cắp. Trong đó có những cái bình, những cái bàn một chân quý hiếm, những cái la bàn mạ vàng có vẽ những cặp nhảy bất động trong chất sứ Saxe, những đôi vũ công đã ngừng điệu nhảy mônue từ nhiều thế kỷ. Một chiếc gương lớn để cho khách soi mình, và tôi phát hiện ra là mình mập hơn, già hơn và xấu xí hơn là tôi hằng tưởng. Qua tấm gương đó, tôi thoáng thấy hình ảnh biến dạng của cha tôi, hiện lên như một sự hồi sinh thô tháp.

Ở góc phòng, một con chó to bằng sành đang canh giữ, miệng há to, răng men nhe ra chói sáng, lưỡi dày và đỏ thè ra. Trên trần, vũng chãi ở trên cao là một chiếc đèn chùm nặng ít nhất ba tấn làm tăng thêm sự khó chịu, bất ổn của người đứng phía dưới. Trên tường, đối diện với cửa ra vào, có một bức tranh lớn được treo cao, được vẽ với các gam màu kem, bạc và xanh. Đó là bức tranh vẽ một người phụ nữ trẻ, bận đồ khiêu vũ, đầu có đeo một chiếc vương miện đính ngọc, nước da xanh xao dưới lớp sơn đã ngả màu tối do thời gian, miệng phớt hồng, mắt buồn thê lương, nụ cười gượng gạo, dáng người đứng thẳng duyên dáng nhưng ẩn hiện trong đó là một sự buông xuôi bất lực, một tay bận xoè một chiếc quạt bằng xà cừ và kim tuyến còn tay kia thì dựa vào đầu con sư tử bằng đá.

Tôi tần ngần hồi lâu ngắm nhìn người phụ nữ mà tôi chưa bao giờ gặp mặt, người phụ nữ mà tôi chưa bao giờ quen biết: Clélis de Vincey...Clélis Destinát. Suy cho cùng, chính bà là chủ nhà chứ còn ai nữa, bà đang thăm khinh bỉ nhìn tôi, một vị khách lỗ mãng. Tôi định quay gót ra về. Quyền gì mà tôi lại đến đây, khuấy động không gian bất động, nơi trú ngụ của những con ma già nua?

Nhưng gương mặt của bức chân dung không có vẻ phản đối tôi cho lắm, chỉ vừa ngạc nhiên,

vừa tỏ ra khoan dung. Tôi nghĩ là tôi đã nói chuyện với bà ấy, tôi không biết là tôi đã nói với bà ấy những gì nữa, mà điều đó cũng không mấy quan trọng. Đó là một người đã chết ở thời khác. Quần áo, tóc tai, dáng vẻ, điều bộ khiến cho bà như trở thành một hiện vật lộng lẫy và dễ vỡ được trưng bày trong một viện bảo tàng bị lãng quên. Gương mặt của bà gợi cho tôi những gương mặt khác, nhưng đó là những gương mặt xoay vòng, luôn vận động, phù du, mơ hồ với những đường nét luôn luôn biến đổi, khi già đi, khi trẻ lại, đến nỗi mà trong điệu nhảy xaraban này, tôi không thể cho một gương mặt nào đó dừng lại để nhìn, để nhận.

Tôi ngạc nhiên là ông Kiểm sát trưởng chưa bao giờ gỡ bức tranh này xuống. Có lẽ tôi không thể sống nổi với một hình ảnh to lớn của Clémence án ngữ trước mắt tôi hàng ngày, hàng giờ như thế. Các bức chân dung của nàng tôi đã huỷ hết thấy, huỷ đến bức cuối cùng, huỷ đến bức nhỏ nhất. Một hôm tôi đã ném hết thấy những bức ảnh dối lừa này vào lửa cho dù trên mỗi bức nàng vẫn cười tươi rạng rỡ. Tôi biết là nếu tôi giữ những tấm ảnh đó, nếu tôi cứ nhìn ngắm chúng như thế thì nỗi sầu muộn của tôi sẽ tăng thêm mà thôi, như thể người ta chất thêm đồ lên một chiếc xe đã quá tải với nguy cơ làm cho nó đổ nhào xuống hố.

Nhưng suy cho cùng, có thể Destinát không còn thấy bức tranh lớn này nữa, nó đã trở thành một bức vẽ hơn là bức chân dung của người đàn bà mà ông ấy đã yêu và đã mất? Có thể ông ấy đã tận dụng sự tồn tại của viện bảo tàng này, một sự cứu rỗi làm cho người ta không bao giờ mỏi lòng khi nhìn những gương mặt dưới những lớp sơn vì người ta nghĩ là những gương mặt đó chưa bao giờ sống như tất cả chúng ta, chưa bao giờ thở, chưa bao giờ ngủ, chưa bao giờ toát mồ hôi hay khổ đau buồn chán?

Những cánh cửa chớp hơi chúc xuống đem lại cho cả gian phòng một bóng râm dễ chịu. Mọi thứ đều ngăn nắp, trật tự, hoàn hảo như đang chờ đợi chủ nhà đi nghỉ mát trở về trong nay mai, trở về để tìm lại nơi ở quen thuộc của mình. Lại nhất là trong phòng không hề phảng phất một mùi hương nào. Một ngôi nhà không mùi không vị thì đúng là một ngôi nhà chết rồi.

Tôi ở lại trong phòng rất lâu, đắm mình trong chuyến đi kỳ lạ này, như một vị khách không mời mà đến, không ngượng ngịu nhưng lại vô tình đi theo một con đường đã cắm cọc tiêu. Lâu đài trở thành một vỏ ốc còn tôi thì bước đi trong vòng xoắn của nó, từ từ tiến vào trong lòng, đi từ những gian phòng tầm thường như nhà bếp, phòng để đồ đạc, phòng giặt quần áo, phòng khách, phòng ăn, phòng hút thuốc lá để tới phòng đọc sách. Đó là một cái thư viện có bốn bức tường được phủ đầy những cuốn sách rất đẹp.

Thư viện này không lớn lắm: có một cái bàn làm việc trên đó có đặt một hộp bút, một chiếc đèn, một chiếc dao rọc giấy rất đơn sơ, một tấm lót tay bằng da màu đen. Hai bên bàn là hai cái ghế bành đồ sộ có đôi tay ngóc thẳng lên trời. Một trong hai chiếc ghế bành có vẻ còn mới, còn cái kia thì ngược lại, nó vẫn còn in dấu người; da thì bị rạn, đôi chỗ có vẻ bóng láng hơn. Tôi ngồi xuống chiếc ghế còn mới. Ngồi vào đó thật thoải mái. Hai chiếc ghế bành được đặt đối diện nhau. Như vậy, trước mặt tôi là chiếc ghế mà Destinát đã ngồi biết bao nhiêu ngày giờ để đọc sách hay để không nghĩ suy gì hết.

Những cuốn sách được xếp lên tường trông như những chú lính của một đội quân bằng giấy. Chúng làm tiêu tan mọi âm thanh từ phía ngoài. Người ta không nghe gì cả, không nghe tiếng gió thổi, không nghe tiếng ồn ào của Nhà máy gần đó mà cũng không nghe tiếng chim hót trong công viên. Trên chiếc ghế bành của Destinát có một cuốn sách đã mở, đầu chúc xuống cái tay. Đó là một cuốn sách rất cũ kĩ, có những trang giấy đã ngả màu, vênh góc. Có thể những trang đó đã được giở đi giở lại suốt cả cuộc đời. Đó là cuốn *Pensées* của Pascal. Cuốn sách đang ở bên cạnh tôi. Tôi đã lấy cuốn sách đó. Nó đang được giở ở cái trang mà trước đây nó đã từng được giở, khi tôi vào thăm Lâu đài. Và trong trang sách đầy những thói nê đạo và những lời nói tầm bậy tầm bạ đó, có hai câu loé sáng như đôi khuyên bằng vàng trên đồng mũ máu thối, hai câu mà Destinát đã lấy bút chì gạch dưới, hai câu mà tôi thuộc lòng:

“Hành vi cuối cùng là hành vi đẫm máu, cho dù phần còn lại của vở hài kịch có hay ho đến mấy. Cuối cùng thì người ta cũng đổ đất lên đầu, và như thế mãi mãi.»

Có những lời nói làm người ta lạnh sống lưng, khiến người ta sững sờ đơ dại. Chẳng hạn như những lời nói trên. Tôi không biết Pascal đã sống như thế nào, vả lại tôi không quan tâm, nhưng điều chắc chắn là ông ta chắc không đánh giá quá cao vở hài kịch mà ông ta đang nói. Thì cũng như tôi thôi. Và có thể như Destinat. Có thể ông ấy đã phải ngậm bồ hòn làm ngọt để rồi mất đi quá sớm những gương mặt thương yêu. Nếu không thì chắc ông đã không bao giờ có khả năng viết lên điều đó: khi sống với sen thì chẳng ai nghĩ đến bùn.

Tôi cầm cuốn sách trong tay và đi từ phòng này sang phòng khác. Suy cho cùng thì phòng nào cũng như phòng nào. Đó là những gian phòng trống trải, trần trụi. Ý tôi muốn nói là từ trước đến nay chúng vẫn luôn trần trụi, trống trải, cảm giác như bị bỏ rơi, quên lãng, không kỷ niệm, không quá khứ, không tiếng vọng. Trông chúng buồn như những đồ vật chưa bao giờ được dùng đến. Chúng hơi thiếu sự va chạm, cọ xát, thiếu hơi thở con người hà vào cửa kính, thiếu trọng lượng của những cơ thể nặng nề và mệt nhọc trên những chiếc giường, thiếu đồ chơi của trẻ em trên những tấm thảm, thiếu những tiếng gõ cửa hay những giọt lệ nhỏ xuống sàn nhà rồi mất hút.

Phòng ngủ của Destinat nằm ở ngay đầu hành lang, hơi cách biệt với các gian phòng khác, lùi sâu. Cửa phòng của Destinat thì cao hơn, khắc khổ hơn và màu sẫm đỏ. Tôi biết ngay đó là phòng của ông ấy. Chỉ có thể ở đó mà thôi, ở tận cùng cái hành lang y hệt một lối đi trang trọng, khi dùng lối đi này người ta buộc phải bước đi cẩn trọng và nghiêm trang hơn. Trên tường, cả hai bên, treo đầy tranh ảnh: những cuộn dây cổ lỗ, những đồ phế thải từ những thế kỷ xưa cũ, lạc hậu, cổ áo xếp bằng, râu mỏng, những dòng chữ latin làm giây chuyền. Đúng là những bức chân dung nghĩa địa. Tôi có cảm giác là ai cũng nhìn tôi tiến về cửa chính. Tôi chửi hết nước hết cái cốt để cho mình mạnh dạn hơn.

Phòng ngủ của Destinat hoàn toàn khác với những gian phòng mà tôi đã thấy. Giường thì bé, chật chội, chỉ dành cho một người ngủ, đơn sơ khắc khổ: chân giường bằng sắt, có một chiếc nệm, không trang trí, không riđô. Không có gì. Chỉ có những tấm vải màu xám căng trên tường chứ không treo tranh ảnh hay trang trí gì cả. Gần giường có một chiếc bàn nhỏ trên đó có đặt một cây thánh giá. Dưới chân giường là một hộp đồ vệ sinh trong đó có một cái xô và một cái bình. Phía bên kia, một chiếc ghế dựa khá cao. Đối diện với giường là một chiếc tủ bàn giấy trên đó không có gì vương vãi cả. Không sách vở, giấy tờ, không bút mực.

Phòng ngủ của Destinat giống bản thân con người ông ấy. Câm lặng và lạnh lùng, vừa làm cho người ta khó chịu vừa dễ cho người ta tôn trọng một cách khiên cưỡng. Căn phòng đó đã đào sâu vào trong giấc ngủ của chủ nhà để giữ một khoảng cách bất định, khoảng cách đủ biến nó thành một nơi thiếu sự hiện diện của con người, vĩnh viễn không thể thẩm thấu được nụ cười, niềm vui hay những hơi thở hoan lạc. Ngay cả sự ngăn nắp của nó cũng làm nổi trội những trái tim đã chết.

Tôi cầm cuốn sách của Pascal trên tay rồi lại gần cửa sổ: từ đó người ta có thể trông ra một quang cảnh rất đẹp: có dòng sông Guerlante, có bờ kênh nhỏ, có cái ghế băng nơi cái chết đã đến với Destinat, có ngôi nhà nhỏ trong đó Lysia Verhareine đã từng sống.

Tôi đã ở gần hơn với những gì thuộc về cuộc sống của Destinat. Tôi không nói về cuộc sống của ông ấy với cương vị là một Kiểm sát trưởng mà nói về đời sống nội tâm của ông ấy, chỉ có đời sống này mới thật, đó là đời sống bị che đậy bởi vỏ bọc bề ngoài, bởi sự lịch thiệp, bởi công việc và chuyện trò. Cả thế giới của ông ấy được thu tóm vào sự trống rỗng đó, với những bức tường lạnh lùng, với những đồ đạc ít ỏi. Trước mắt tôi là phần sâu kín nhất của một con người. Có thể nói tôi đang ở trong khối óc ông ấy. Chỉ tí tẹo thôi là tôi sẽ ngạc nhiên khi thấy ông ấy tự nhiên xuất hiện và nói với tôi là ông ấy đang chờ tôi, là tôi đã đến quá muộn. Gian phòng này

cách biệt với cuộc sống đến mức nếu thấy một người chết hiện về thì tôi cũng không lấy đó làm ngạc nhiên. Nhưng những người đã khuất còn có công việc của họ, mà công việc của họ và công việc của chúng ta thì không bao giờ gặp nhau.

Trong ngăn kéo của chiếc tủ bàn giấy, Destinat đã xếp cẩn thận những bức lịch, những tờ lịch đã bị xé ra, chỉ còn lại phần gốc trên đó người ta có thể đọc được ngày tháng năm. Có tất thảy khoảng mười tờ, mỗi tờ, bằng sự mảnh mai gầy gò của nó, chứng tỏ hàng nghìn ngày đã ra đi, bị huỷ hoại, bị ném vào sọt rác, như tờ giấy mỏng manh biểu hiện tháng ngày. Destinat đã giữ những tờ lịch đó lại. Mỗi người lần tràng hạt tụng kinh theo cách của riêng mình.

Ngăn kéo lớn nhất đã bị khoá. Tôi biết là tôi không cần tìm chìa khoá. Chắc đó là một cái chìa khoá nhỏ, màu đen, hình thù kỳ quặc. Tôi không cần tìm vì tôi ngờ rằng nó đã được chôn vào một nắm mồ nào đó, được treo đầu một sợi giây chuyền bên cạnh một chiếc đồng hồ, nằm trong túi áo gi lê chắc bây giờ chỉ còn là những mảnh vụn mục nát.

Tôi lấy dao phá ngăn kéo. Miếng gỗ bung ra, vỡ vụn.

Ở phía trong chỉ có duy nhất một đồ vật mà tôi nhận ra ngay lập tức. Tôi ngừng thở. Tất cả trở nên phi thực. Đó là một cuốn sổ nhỏ, mỏng, hình chữ nhật, bìa của nó bằng da màu đỏ trông rất dễ thương. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cuốn sổ này là lần nó nằm trong tay Lysia Verhareine. Tôi đã nhìn thấy nó cách đây nhiều năm rồi. Đó là ngày mà tôi lên sườn đồi và bất ngờ trông thấy cô ấy đang hướng mắt ra chiến trường bao la chết chóc. Bỗng nhiên tôi thấy hình như cô ấy vừa vào trong phòng vừa cười, rồi ngạc nhiên vì sự có mặt của tôi, cô ấy ngừng lại.

Tôi nhanh tay cầm lấy cuốn sổ, tôi sợ nó đốt cháy tay tôi để cho tôi chạy trốn như một tên trộm.

Tôi không rõ lắm Clémence có thể nghĩ như thế nào về hành động này, nàng có thấy là làm như thế là tốt không. Tôi cảm thấy xấu hổ. Cuốn sổ trong túi tôi bỗng nặng nề thêm.

Tôi chạy quanh chạy quất trong nhà. Tôi đã phải uống, uống cạn một nửa chai rượu để tìm lại hơi thở của mình, để bình tĩnh hơn đôi chút.

Và tôi đã chờ cho đến tối, cuốn sổ nhỏ đặt lên gối. Tôi không dám mở mà nhìn ngắm nó hàng giờ như nhìn một cái gì đó sống động, sống động và bí hiểm. Tối đến, đầu tôi nóng bừng. Chân tôi vì khép lại bất động nên không còn cảm giác nữa. Tôi chỉ cảm thấy sự hiện diện của cuốn sổ. Nó khiến tôi nghĩ đến một trái tim, một trái tim mà tôi chắc chắn sẽ tiếp tục đập khi tôi xoa tay lên tấm bìa và mở nó ra. Một trái tim trong đó tôi, một tên trộm kiểu mới, sẽ đi vào.

XXIV

Ngày 13 tháng 12 năm 1914

Anh yêu!

Cuối cùng thì em đã được ở gần anh. Hôm nay em đến P..., một thành phố nhỏ cách mặt trận của anh chỉ vài cây số thôi. Người ta đón tiếp em rất niềm nở và chu đáo. Ông thị trưởng đã tỏ ra sốt sắng như thể em là Chúa cứu thế vậy. Trường học bị bỏ rơi. Em sẽ thế chỗ một thầy giáo mà người ta bảo em là bị ốm nặng. Phòng ở của anh ấy trông thăm lăm, em sẽ phải tìm một nơi nào khác để ở. Hiện tại em tạm thời ở khách sạn. Ông thị trưởng đã dẫn em đến đó. Ông ấy là một người nông dân to béo ra vẻ mình còn trẻ lắm. Anh mà gặp thì chắc sẽ thấy ông ấy buồn cười lắm. Em rất nhớ anh. Nhưng khi biết anh đang ở gần em, là hai chúng ta đang hít thở cùng không khí, trông thấy cùng những đám mây, em cảm thấy mình mạnh mẽ tự tin hơn. Anh nhớ bảo trọng nhé, cẩn thận đấy. Em yêu anh và hôn anh rất nhiều.

Lyse của anh

Ngày 16 tháng 12 năm 1914

Em được ở trong một địa điểm tuyệt vời, một ngôi nhà rất dễ thương trong một công viên rộng lớn, đó là công viên của tòa nhà đẹp nhất nơi đây. Người dân ở đây gọi nó là Lâu đài. Họ hơi quá lời, đó không phải là một lâu đài thực sự, nhưng dù sao tòa nhà ấy rất đẹp. Ông thị trưởng là người đưa ra sáng kiến cho em ở đây. Ông ấy và em đã cùng đến gặp chủ nhân Lâu đài, đó là một người đã già, góa bụa, làm kiểm sát trưởng tại V. Ông thị trưởng trình bày với ông ấy sự thể còn em thì chờ trước ngôi nhà. Rồi họ mời em vào. Ông Kiểm sát trưởng không nói với em lời nào. Em mỉm cười và chào ông ấy. Ông ấy cầm tay em rất lâu như thể ngạc nhiên khi gặp em. Từ con người ông ấy toát ra một nỗi buồn mệnh mông khó tả. Cuối cùng thì ông ấy đồng ý với ông thị trưởng, chào em rồi đi vào.

Ngôi nhà nhỏ này đã từ lâu không có người ở. Em phải dọn dẹp và sắp xếp đồ đạc đấy. Em mong là một ngày gần đây anh sẽ thấy ngôi nhà này. Em nhớ anh nhiều biết bao nhiêu. Anh có thể viết thư cho em theo địa chỉ: tên em, đường Champs-Fleury, P... Em mong sớm nhận được tin anh. Lá thư cuối cùng mà anh gửi cho em đã cách đây ba tuần rồi. Em hy vọng là anh không quá khổ cực cho dù có rét mướt đến mấy. Ở chỗ em, ngày cũng như đêm tiếng súng dồn vang. Cả người em run lên. Em sợ lắm. Em yêu anh và hôn anh rất nhiều.

Lyse của anh

Ngày 23 tháng 12 năm 1914

Anh yêu!

Em lo quá! Vẫn không có tin tức gì của anh, tiếng súng vẫn tiếp tục nổ. Thế mà người ta bảo là chiến tranh sẽ không kéo dài lâu. Giá như anh biết được em thêm được ngồi vào lòng anh biết nhường nào, được nép người vào lòng anh, được thấy nụ cười và đôi mắt của anh. Em muốn được làm vợ anh. Em mong chiến tranh chóng kết thúc để được làm vợ anh, sinh cho

anh những đứa con xinh đẹp, khôi ngô. Chúng sẽ bứt râu anh cho mà xem! Ôi, giá như bố mẹ em và bố mẹ anh đừng có đại đột như năm ngoái, hẳn giờ này chúng ta là của nhau, của nhau mãi mãi...Nếu anh viết thư cho bố mẹ thì đừng cho bố mẹ biết em đang ở đâu nhé. Em đi mà họ không biết. Đối với em họ không còn tồn tại nữa rồi.

Ở đây em lại thiết tha với nghề nghiệp mới của mình. Bọn trẻ thật ngoan ngoãn. Em rất yêu học trò của em và em nghĩ chúng cũng rất yêu em. Nhiều đứa tặng em những món quà nhỏ, một quả trứng, những quả hồ đào, một miếng mỡ lá. Với chúng em cảm thấy yên tâm và nhờ thế em quên đi phần nào nỗi cô đơn của mình.

Nỗi Buồn (đó là biệt danh mà em đã đặt cho chủ nhà, ông Kiểm sát trưởng) ngày nào cũng chờ em mỗi khi em về nhà. Ông ấy thường đi dạo trong công viên, thường chào em. Em chào lại và mỉm cười với ông ấy. Đó là một người cô đơn, già cả và lạnh lùng. Vợ ông ấy đã mất khi họ còn trẻ.

Noel sắp đến rồi... Anh có nhớ mùa giáng sinh vừa rồi của chúng mình, chúng ta thật hạnh phúc! Anh yêu, hãy viết thư cho em, hãy viết thư cho em nhé...

Em yêu anh và hôn anh rất nhiều.

Lyse của anh

Ngày 7 tháng 2 năm 1915

Anh yêu!

Cuối cùng em cũng nhận được thư của anh! Anh viết ngày 26 tháng 12 thế mà hôm nay mới tới nơi đây. Cho dù chúng ta gần nhau như thế. Nỗi Buồn đã đích thân trao thư cho em. Chắc là ông ấy nghi ngờ gì đó nhưng ông ấy đã không hỏi gì em. Ông ấy đã gõ cửa, chào em, đưa phong bì cho em rồi ra về.

Em vừa đọc thư anh vừa khóc vì vui mừng. Em ôm bức thư vào lòng, đúng thế, em áp lá thư anh viết vào trái tim em, lên làn da mỏng, em cảm giác như đó là anh, với hơi ấm và mùi hương của anh, rồi em nhắm mắt lại...

Em rất lo lắng cho anh. Ở đây có một bệnh viện. Nhiều thương binh được chuyển vào đây lắm. Ngày nào những chiếc xe tải chở đầy thương binh cũng đến. Em sợ thấy anh trong số đó biết bao nhiêu. Những người thương binh đáng thương đó không còn là con người nữa, một số người không còn mặt, một số khác rên rỉ như đã bị mất trí.

Hãy tự bảo vệ mình anh yêu nhé, hãy nghĩ đến em, em yêu anh và mong được làm vợ anh. Hôn anh dịu dàng.

Lyse của anh.

Ngày 23 tháng 1 năm 1915

Anh yêu của em!

Em nhớ anh. Đã nhiều tháng trôi qua mà em không được thấy anh, được chuyện trò với anh, được chạm vào người anh...Sao anh lại không được về phép vậy? Em buồn lắm. Em cố ra vẻ tươi tỉnh trước mặt bọn trẻ, nhưng đôi khi em cảm thấy nước mắt dâng lên trong lòng, thế

là em quay mặt lên bảng, để học sinh không nghi ngờ điều gì, và em vẽ lên những dòng chữ.

Mặc dù thế, em không phải phàn nàn. Ở đây ai cũng tử tế với em, trong ngôi nhà nhỏ này em cảm thấy rất thoải mái. Nỗi Buồn vẫn giữ với em một khoảng cách đáng trân trọng, nhưng ông ấy không bao giờ quên chờ em trên đường về để ít nhất mỗi ngày chào em một lần. Hôm qua, không biết vì lạnh hay sao mà mặt ông ấy đã đỏ lên, em nghĩ như vậy. Ông ấy có một người hầu già tên là Barbé, ở đó cùng chồng. Em rất hợp với bà ấy. Thỉnh thoảng em có dùng bữa với họ.

Chủ nhật nào cũng thế, em thường trèo lên lưng đồi. Ở đó có một đồng cỏ mênh mông và từ đó có thể thấy toàn cảnh chân trời. Anh đang ở đằng kia, anh yêu ả. Ở đó có thể thấy những đám khói mù đen, những vụ nổ long trời lở đất. Em ở đó rất lâu, ở đó cho đến khi tay chân không còn cảm giác nữa vì trời rét như cắt, nhưng em muốn chia sẻ phần nào những khổ cực của anh. Anh yêu tội nghiệp của em...Chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu nữa?

Em hôn anh rất nhiều. Em chờ thư anh.

Lyse, người yêu anh.

Trong cuốn sổ nhỏ bọc bì marocanh màu đỏ, có nhiều trang giấy đầy nét chữ nghiêng nghiêng, thanh nhã như một dải trang trí tinh tế. Nhiều trang giấy viết lại những bức thư mà Lysia Verhareine gửi cho người mình yêu, cho người mà cô ấy đã đi theo.

Người đó tên là Bastien Francoeur, hai mươi tư tuổi, hạ sĩ tại binh đoàn 27. Cô ấy viết thư cho người yêu hàng ngày. Cô kể cho anh nghe về những giờ phút dài lâu, về những tiếng cười trẻ thơ, về việc Destinat đổ mặt, về những món quà của Martial Maire, một người ngây thơ cho rằng cô đã trở thành một vị thần lớn, về mùa xuân đến gieo trong công viên những cây báo xuân và những cây nghệ tây. Cô ấy kể cho anh nghe hết thấy điều đó, với bàn tay nhỏ nhắn nhẹ nhàng của mình, với những câu viết cũng nhẹ nhàng mà đằm sau đó, đối với ai đã từng biết cô ấy đôi chút, có chứa đựng một nụ cười rất đẹp. Cô ấy hay kể về tình yêu và nỗi cô đơn của mình, sự giằng xé trong lòng mà cô giấu chúng tôi một cách tài tình. Ngày nào chúng tôi cũng thường gặp cô ấy và không bao giờ nghi ngờ bất cứ điều gì.

Trong cuốn sổ đó không có những bức thư của người yêu cô ấy. Kể ra thì cô ấy nhận thư người yêu ít thật: chỉ vón vện có 9 lá trong thời gian 8 tháng. Cô ấy giữ lại, đọc đi đọc lại không ngừng. Cô ấy đã cất chúng ở đâu? Có thể cô ấy đã để gần tim mình, áp sát vào làn da mỏng như cô ấy viết.

Sao lại ít thư như thế? Không có thời gian ư? Không có chỗ ư? Hay là không muốn? Ai cũng luôn biết người khác đối với mình có ý nghĩa như thế nào, nhưng không ai biết mình có ý nghĩa như thế nào đối với người khác. Bastien có yêu cô như cô yêu anh ấy không? Tôi muốn tin là như thế nhưng nói thật là tôi không chắc lắm.

Nhưng dù sao thì cô giáo trẻ vẫn sống bằng những bức thư này, máu của cô đã chảy trong ngôn từ. Có thể ngôi nhà cô ở lên đèn muộn. Trong khi đó, sau khi đã sửa bài cho học sinh, cô cầm bút viết thư rồi chép lại trong cuốn sổ bọc bì marocanh màu đỏ. Vì bức thư nào cũng đã được chép lại cẩn thận như thế cô có nhu cầu được viết cuốn nhật ký về nỗi niềm xa vắng này, được viết cuốn lịch biểu hiện những ngày tháng mờ côi này, những ngày tháng mà cô sống xa một người, vì người đó mà cô đã chấp nhận cuộc sống lưu đày trong thành phố quê tôi. Những bức thư đó gần giống với những tờ lịch mà Destinat đã bóc.

Nỗi Buồn là một cái tên được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tôi nghĩ là cô ấy đã bắt đầu mến ông chủ nhà lạnh lùng và cô độc ấy. Cô nói về ông bằng một sự mỉa mai nhẹ nhàng. Không tỏ ra dễ bị lừa, cô kể mình cố gắng như thế nào để không mất lòng ông ấy, chế diễu một cách nhẹ nhàng gương mặt thỉnh thoảng đỏ lên của chủ nhà, cái tật nói lắp, kiểu ăn mặc kỳ cục, thói quen cuộc bộ xung quanh ngôi nhà nhỏ, ánh mắt hay ngược nhìn cửa sổ phòng mình. Nỗi Buồn mang lại niềm vui cho cô và tôi nghĩ mình có thể khẳng định như đinh đóng cột rằng Lysia Verhareine đúng là người duy nhất mà ông Kiểm sát trưởng có thể mang lại niềm vui trong suốt đời mình.

Cô gái trẻ có nói đến bữa ăn đáng nhớ mà Barbe đã kể cho tôi trong một bức thư dài, đề ngày 15 tháng 4 năm 1915.

Anh yêu của em!

Tối qua, em được Nỗi Buồn mời dùng bữa. Đó là lần đầu tiên anh ạ. Mọi thứ đều tươi tốt: Cách đây ba ngày, em đã thấy dưới cánh cửa nhà em một thiệp mời nho nhỏ: “Kiểm sát trưởng Pierre-Ange Destinat hân hạnh kính mời cô Lysia Verhareine đến dùng bữa tối vào lúc 8 giờ ngày 14 tháng 4.” Em chuẩn bị tinh thần dự một bữa ăn đông người, thế mà ngồi vào bàn ăn

chỉ có em và ông ấy, ngồi đối diện nhau, trong một phòng ăn rộng thênh thang, có sức chứa đến sáu mươi người! Đúng là một bữa ăn của đôi uyên ương! Em trêu anh đấy! Em đã nói với anh là Nỗi Buồn không khác gì một ông già. Nhưng mà hôm qua, ông ấy giống như một vị bộ trưởng vậy, hay giống một ngài thủ tướng, nghiêm trang trong một bộ áo dài xứng với một buổi biểu diễn nhạc kịch! Bàn ăn sáng choang, bóng lộn, nào là bát đĩa, khăn trải bàn, thìa nĩa bằng bạc, em có cảm tưởng như ở trong...em không biết, có thể như ở trong Lâu đài Versailles vậy!

Người phục vụ không phải là Barbe mà là một cô bé còn rất nhỏ. Nó mấy tuổi nhỉ? Tám hay chín tuổi gì đó. Cô bé rất chú tâm đến công việc của mình. Hình như nó cũng quen rồi. Thỉnh thoảng nó mím môi như bọn trẻ thường làm khi chú tâm việc gì đó. Đôi khi em bắt gặp ánh mắt nó, thế là nó mím cười với em. Mọi việc có vẻ là lạ thế nào ấy, sự đối mặt này, bữa ăn này, sự hiện diện của cô bé này. Hôm nay Barbe cho em biết cô bé là con gái của một chủ quán ở V., người ta thường gọi cô bé là Hoa, tên gọi hợp với cô bé lắm. Bữa ăn là do cha cô bé nấu, món nào cũng ngon tuyệt, cho dù bọn em gần như không ăn uống gì. Em nghĩ chưa bao giờ chứng kiến một bữa tiệc như thế, nhưng mà tự nhiên em cảm thấy hơi xấu hổ khi kể với anh điều đó, vì chắc là anh ăn uống khổ sở lắm, chắc là ăn không được no! Anh yêu, xin lỗi anh, em ngốc quá... Em cố gắng làm cho anh khuây khoả, thế mà em lại làm cho anh đau lòng thêm... Em nhớ anh lắm. Sao anh không viết thư cho em nhiều hơn? Lá thư cuối cùng anh viết cho em đã cách đây sáu tuần rồi... Vẫn chưa được về phép... Mặc dù thế, em biết anh vẫn bình an vô sự, em cảm thấy như thế, cảm thấy như thế. Hãy viết cho em anh yêu nhé! Những lời nói của anh giúp em sống, cũng như được ở gần anh sẽ giúp em sống ngay cả khi em không được nhìn thấy anh, được ôm anh vào lòng. Trong suốt bữa ăn đó, Nỗi Buồn hơi kiệm lời. Ông ấy nhút nhát như một đứa trẻ vậy. Thỉnh thoảng, khi em nhìn ông ấy lâu lâu thì ông ấy đỏ mặt lên. Khi em hỏi ông ấy là cô đơn có quá nặng nề với ông ấy không, ông ấy ra vẻ suy nghĩ rất lâu rồi nói với một giọng nhẹ nhàng, trầm ấm: "Dù gì đi nữa cô đơn vẫn là thân phận của con người". Em thấy câu nói đó rất hay mà lại trật lắt: Em không được ở gần anh, nhưng mà hình như giây phút nào em cũng cảm thấy anh, rồi em nói chuyện với anh, nói to chứ không phải nhỏ. Gần đến 12 giờ đêm, ông ấy đã tiễn em ra tận cửa và đã hôn tay em. Em thấy hành động đó rất lãng mạn và cũng đầy bụi bặm!

Ôi anh yêu, cuộc chiến tranh này sẽ kéo dài đến khi nào nữa đây? Đôi khi, về đêm, em mơ anh ở bên cạnh em, em cảm thấy anh, em vuốt ve anh trong giấc ngủ. Sáng dậy, em không mở mắt ngay để được ở trong giấc mơ lâu hơn, để được tin rằng những gì em thấy trong mơ là hiện thực. Còn những gì chờ em ban ngày chỉ là ác mộng thôi anh ạ.

Em chết dần chết mòn vì không được nép mình trong vòng tay của anh.

Em hôn anh nồng nàn như em yêu anh.

Lyse của anh.

Theo dòng chảy của thời gian, những lá thư của cô giáo trẻ nhuộm màu sắc đắng cay, vật vã, thậm chí là hận thù. Khi nào người ta cũng thấy cô ấy tươi cười rạng rỡ, ăn nói nhỏ nhẹ, dễ thương, thế mà trái tim cô ấy tràn đầy sự hằn học và đau khổ. Trong những bức thư mình viết, càng ngày cô ấy càng kể nhiều về sự chán chường của mình khi trông thấy người dân trong thành phố và tất cả những ai đi làm ở nhà máy. Họ sạch sẽ thế, gọn gàng thế, mát mẻ thế. Ngay cả những người thương binh đi lang thang trong các đường phố cũng bị chỉ trích thậm tệ: Cô ấy gọi họ là Những kẻ gặp may. Nhưng người đoạt giải nhất trong số đó, kẻ đã thực sự lãnh đủ, đó chính là thằng tôi. Tôi cảm thấy thế nào ấy khi đọc bức thư có nói về tôi. Bức thư này đã được viết vào buổi tối đáng nhớ mà tôi đã thấy cô ấy trên sườn đồi, đang nhìn về phía đồng bằng xa xa như để tìm thấy lẽ sống ở nơi ấy.

Ngày 4 tháng 6 năm 1915

Anh yêu!

Những lá thư của anh mỏng tang như những tờ giấy thấm vì đã không biết bao nhiêu lần em mở ra xếp lại, đọc đi đọc lại và nước mắt em đã rơi trên đó... Em khổ lắm, anh biết không? Em cảm thấy thời gian như một con quỷ dữ, sinh ra là để chia lìa những đôi uyên ương, và làm khổ họ vô cùng. Thật diễm phúc biết bao những người vợ mà em vẫn gặp hàng ngày, họ chỉ xa chồng vài ba tiếng đồng hồ thôi, may mắn biết bao những đứa học trò này, khi nào cũng có bố ở bên cạnh.

Hôm nay, như thường lệ, vào ngày chủ nhật, em lên sườn đồi, em đến gần anh. Em đã bước đi trên con đường mòn mà không thấy gì, chỉ thấy đôi mắt của anh, không ngửi thấy mùi hương nào ngoài mùi hương của anh. Mùi hương đó vẫn đọng lại trong trí nhớ em. Phía trên kia, một cơn gió mạnh mang lại gần em âm thanh của súng đạn. Em cứ nghe đùng đùng, đoàng đoàng như thế... Em đã khóc vì biết rằng anh đang ở trong mưa bom bão đạn, từ chỗ em đứng chỉ thấy khói mù mịt và những chớp sáng mà thôi. Anh yêu, lúc đó anh ở đâu? Bây giờ anh đang ở đâu? Em đã ở trên đó, rất lâu như thường lệ, em không thể rời mắt khỏi chiến trường mênh mông đầy khổ đau, là nơi anh đang sống từ nhiều tháng nay rồi.

Bỗng nhiên em cảm thấy có ai sau lưng. Đó là một người đàn ông. Em chỉ biết mặt anh ta thôi. Anh ta là cảnh sát, em vẫn thường tự hỏi là anh ta có thể làm gì trong thành phố nhỏ này. Anh ta nhiều tuổi hơn anh, nhưng trông còn khá trẻ. Anh ta là người tốt, luôn đứng về phía những kẻ hèn nhát. Anh ta nhìn em lạ lẫm, như thể đã chứng kiến một cảnh cấm kỵ. Anh ta cầm trong tay một khẩu súng, không giống súng của anh đâu. Súng của anh là để giết người và để người giết. Em nghĩ đó là một khẩu súng săn, một khẩu súng kỳ cục mà ta thường thấy bọn trẻ con chơi hay được dùng trong các vở kịch. Anh ta giống một chú hề lắm. Vào lúc đó, em ghét anh ta nhất trần đời. Anh ta ấp úng nói gì đó mà em không hiểu. Em đã quay lưng với anh ta.

Em sẽ đánh đổi hàng nghìn người như anh ta để được vài giây trong vòng tay anh. Em sẽ đổi hàng nghìn cái đầu đã lìa khỏi cổ, em sẽ chặt đầu của chính mình để nhận được những nụ hôn của anh, tìm thấy đôi tay và ánh nhìn của anh. Ghê tởm hay không đối với em không quan trọng nữa. Em bắt cần những lời phán xét, bắt cần luân lý đạo đức, bắt cần mọi thứ khác. Em sẵn sàng giết người để anh được sống. Em căm thù cái chết bởi nó không bao giờ biết lựa chọn.

Hãy viết thư cho em, anh yêu, hãy viết thư cho em nhé.

Mỗi ngày không có anh, tất cả đều đau khổ.

Lyse của anh.

Tôi không giận cô ấy. Cô ấy quá có lý. Đúng là tôi đã từng là một thằng ngốc như cô ấy nói, và có thể vẫn còn ngu ngốc như thế. Hơn nữa, tôi cũng có thể giết người để Clémence được sống. Tôi cũng thấy những người đang sống thật đáng ghê tởm. Tôi chắc là ông Kiểm sát trưởng cũng nghĩ như thế. Tôi đoán chắc là đối với ông ta, cuộc sống như bãi nước bọt nhổ vào mặt mình.

Tôi đã lướt qua cuốn sổ như lướt trên một con đường đi từ miền quê đầy hoa đến những vùng đất mọi rợ, đầy mủ mĩ, axit, máu me, mật đen và đầm lầy rực lửa. Những ngày tháng trôi qua đã làm cho Lysia Verhareine thay đổi, ngay cả khi chúng tôi không ai trông thấy điều gì. Từ một cô gái trẻ đẹp, tinh tế và dịu dàng, cô ấy đã trở thành một người thường kêu gào trong im lặng và dằng xé trong lòng. Một người đang sa đoạ. Không ngừng sa đoạ.

Trong vài lá thư, cô ấy lại quay sang trách cứ người chồng chưa cưới của mình, cô trách anh im

lặng, ít thư từ, cô nghi ngờ tình yêu của anh. Nhưng ngày hôm sau thì cô lại rối rít xin lỗi và phủ phục dưới chân anh. Nhưng không phải vì thế mà anh viết thư cho cô nhiều hơn.

Tôi sẽ không bao giờ biết Bastien Francoeur ở phe nào, phe những tên đầu cẳng hay những người đứng đắn. Tôi sẽ không bao giờ biết đôi mắt anh ta sẽ như thế nào khi cầm trên tay lá thư của Lysia, khi anh mở ra và đọc. Tôi sẽ không bao giờ biết anh ta có giữ những lá thư đó trong người như một chiếc áo giáp làm bằng tình yêu và giấy, trong hầm hào, khi bắt đầu một cuộc tiến công, khi cả cuộc đời bỗng hiện lên trong đầu như một vòng quay khó tính. Tôi sẽ không bao giờ biết anh ta có lướt đọc những lá thư đó với vẻ mặt chán ngấy, hay vừa đọc vừa cười rồi vo tròn ném vào một vũng bùn nào đó.

Bức thư cuối cùng, trang cuối cùng của cuốn sổ được đề ngày 3 tháng 8 năm 1915. Đó là một bức thư ngắn trong đó cô ấy vẫn tiếp tục nói lên tình yêu của mình với những lời lẽ đơn sơ, nói về mùa hè, về ngày rộng tháng dài, rất đẹp và không bận tâm điều gì đối với ai đó đang cô đơn và chờ đợi. Tôi chỉ ghi lại mà thôi. Tôi có rút gọn đôi chút, không nhiều đâu. Tôi có thể chép lại hoàn toàn nhưng tôi không muốn. Destinát và tôi đã nhìn cuốn sổ như thế là đủ lắm rồi, chúng tôi nhìn nó như nhìn một cơ thể trần truồng vậy. Những người khác không cần thiết phải nhìn thấy, nhất là lá thư cuối cùng. Đó là một bức thư thiêng liêng, là lời chào vĩnh biệt cuộc sống, là những lời nói cuối cùng, ngay cả cô giáo trẻ cũng thế, khi viết ra những lời lẽ đó, cô không thể ngờ nổi đó lại là những lời cuối cùng.

Rồi sau lá thư này không còn gì nữa. Chỉ đọc một màu trắng, nhiều nhiều trang giấy màu trắng. Màu trắng của cái chết.

Cái chết được viết thành lời.

Tôi nói không còn gì nữa là tôi nói dối. Tôi nói dối hai lần.

Trước tiên là có một lá thư, nhưng không phải là thư của Lysia. Một tờ giấy nhỏ được tuồn vào cuốn sổ, sau những lời nói cuối cùng của cô ấy. Là thư này là do một tay đại úy nào đó tên là Brandieu viết. Nó được đề ngày 27 tháng 7 năm 1915 nhưng có lẽ nó đã đến Lâu đài ngày 4 tháng 8. Chắc thế.

Ông đại úy viết thế này:

Thưa cô,
Tôi viết cho cô để báo cho cô một tin buồn: cách đây 10 ngày, trong một cuộc tấn công nhằm vào hàng ngũ kẻ thù, hạ sĩ Bastien Francoeur đã bị một loạt đạn bắn vào đầu. Được đồng đội ứng cứu, anh ấy đã được chuyển đến công sự của chúng tôi. Y tá bảo anh bị thương rất nặng. Thật không may, hạ sĩ Francoeur không tỉnh lại mà đã hy sinh vài phút sau đó.

Tôi có thể khẳng định với cô rằng anh ấy đã chết như một người lính. Anh ấy là lính của tôi từ nhiều tháng nay. Anh ấy luôn tỏ ra gan dạ, luôn luôn sẵn sàng nhận những nhiệm vụ hiểm nghèo nhất. Đồng đội ai cũng mến anh ấy, chỉ huy ai cũng đánh giá cao anh ấy.

Tôi không biết quan hệ giữa cô và hạ sĩ Francoeur như thế nào, nhưng vì nhiều lá thư cô gửi đã đến sau khi anh ấy hy sinh nên, ngoài gia đình anh ấy ra, tôi thấy cần thiết phải báo cho cô biết tin dữ này.

Thưa cô, tôi rất thông cảm với nỗi đau của cô và xin gửi tới cô những lời chia buồn sâu sắc nhất.

Đại úy Charles-Louis Brandieu.

Cái chết có thể đến một cách kỳ lạ. Đâu chỉ có dao kéo hay bom đạn: đôi khi một bức thư ngắn thôi cũng đủ, chỉ một bức thư đầy thân tình và thương cảm cũng có thể giết người chắc ăn như vũ khí.

Lysia Verhareine đã nhận được bức thư này. Đã đọc nó. Không biết cô ấy có kêu, khóc, gào thét hay tự sát hay không? Tôi không biết. Tất cả những gì tôi biết, đó là vài giờ sau, tôi và ông Kiểm sát trưởng có mặt tại phòng cô ấy, thấy cô ấy đã chết. Chúng tôi nhìn nhau mà không hiểu chuyện gì xảy ra, đúng hơn là tôi không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ông ấy thì đã biết, hoặc sắp biết, vì ông ấy đã lấy cuốn sổ bọc bìa marocanh màu đỏ.

Mà sao ông ấy lại lấy cuốn sổ đó chứ? Để kéo dài thêm cuộc nói chuyện bữa ăn tối chẳng, để tiếp tục sống trong những nụ cười và tiếng nói cô ấy? Có thể như thế lắm.

Người lính đó, người yêu đó đã chết. Vì người đó mà cô ấy đã từ bỏ tất cả, vì người đó mà chủ nhật nào cô ấy cũng lên sườn đồi, vì người đó mà ngày nào cô ấy cũng cầm bút viết thư, vì người đó mà trái tim cô tiếp tục đập. Còn anh ta, anh ta đã thấy ai khi cái chết đập lên đỉnh đầu? Lyse ư? Một cô gái khác ư? Không gì cả ư? Ai mà biết được.

Tôi đã từng nhiều lần tưởng tượng Destinát đọc đi đọc lại cuốn sổ, đến với mối tình được viết trong đó. Mối tình này chắc phải làm ông ấy đau lòng lắm. Và rồi bị gọi là Nỗi Buồn, bị chế giễu, chế giễu một cách nhẹ nhàng, tình tứ. Ông ấy thì không phải chịu trận như tôi!

Lúc này tôi có nói là tôi nói dối hai lần: không chỉ có lá thư được tuồn dưới cánh cửa. Còn có ba tấm ảnh. Ba tấm được dán bên cạnh nhau trong trang cuối của cuốn sổ. Và cảnh phim bất động này đã được chính Destinat bày ra.

Trong bức ảnh đầu tiên, ta có thể nhận ra người làm mẫu cho họa sĩ vẽ bức chân dung lớn treo ở cửa Lâu đài: Clélis de Vincey trong bức ảnh này chắc mới mười bảy tuổi, đứng trên một đồng cỏ có điểm vài bông hoa mà người ta đặt tên là Nữ hoàng đồng nội. Cô gái đang cười. Cô bận bộ quần áo thôn quê, sự duyên dáng của cô càng được tôn lên nhờ cách ăn mặc giản dị. Chiếc mũ rộng vành tạo một bóng râm lên nửa mặt, nhưng đôi mắt sáng ngời, nụ cười, ánh nắng trên bàn tay đang cầm vành mũ hơi chếch lên vì gió, tất cả những điều đó mang lại cho gương mặt cô một vẻ duyên dáng rạng rỡ. Nữ hoàng đồng nội thật sự không phải là ai khác mà chính là cô.

Mép ảnh nhẵn ở hai bên bức ảnh thứ hai cho thấy nó đã bị cắt, và, trong một khổ ảnh lạ mắt, ở phía trên là một cô bé đang tươi cười nhìn về phía trước. Destinat đã dùng kéo tách Hoa Bìm Bìm ra khỏi tấm ảnh mà Bourrache đã đưa cho ông. “Một Đức mẹ đồng trinh thực sự”, ông bố đã từng nói với tôi như vậy. Ông ta có lý. Gương mặt của cô bé có nét gì đó mộ đạo, đẹp không giả tạo, một vẻ đẹp chất phác, một sự lộng lẫy mộc mạc.

Ảnh thứ ba là ảnh của Lysia Verhareine. Cô ấy đang dựa lưng vào cây, hai bàn tay áp vào vỏ cây, cầm hơi cao, môi hé mở. Có vẻ cô đang chờ nụ hôn của người đang ngắm mình và chụp ảnh. Cô ấy giống như người mà tôi đã từng biết. Chỉ có nét mặt là thay đổi. Chưa bao giờ cô ấy cười với chúng tôi một nụ cười như thế, chưa bao giờ. Đó đúng là nụ cười của ham muốn, của tình điên, điên đến mức không thể nhầm lẫn. Và rồi, nhìn cô ấy theo kiểu này khiến người ta bối rối rất nhiều, tôi cam đoan như thế, bởi vì bỗng nhiên cô ấy không đeo vỏ bọc nữa. Nhờ thế nên người ta có thể hiểu cô ấy đúng là người như thế nào, cô ấy có khả năng làm gì cho người mình yêu, hoặc có khả năng làm gì chống lại chính mình.

Dù sao thì điều lạ nhất, và không phải vì rượu mà tôi thấy thế, đó là cảm giác như đang ngắm ba bức chân dung của riêng một người, được vẽ ở những độ tuổi khác nhau, ở những thời kỳ khác nhau.

Hoa Bìm Bìm, Clélis, Lysia như ba sự hiện thân của một tâm hồn, tâm hồn này mang lại cho ba người một nụ cười y hệt, một sự dịu dàng và nhiệt huyết khác thường. Chỉ một vẻ đẹp thôi, vẻ đẹp đó đến rồi đi, sinh ra và bị tàn phá, xuất hiện và biến mất. Ta sẽ thấy chóng cả mặt khi nhìn họ đứng bên nhau. Nhìn người này đến người kia mà chỉ nhận ra một người. Có cái gì đó tinh khiết và quý quái, một sự pha trộn giữa thanh thản và khiếp sợ. Cơ hồ có thể tin rằng, trước sự ổn định như thế, cái đẹp luôn luôn ở lại, cho dù chuyện gì xảy ra, bất chấp cả thời gian, và rằng cái gì đã từng như thế sẽ trở lại như thế.

Tôi đã nghĩ tới Clémence. Tự nhiên tôi nghĩ có thể thêm một tấm ảnh thứ tư cho tròn bộ. Tôi điên mất rồi. Tôi gấp cuốn sổ lại. Tôi đau đầu quá. Suy nghĩ nhiều quá. Sóng gió nhiều quá. Chỉ vì ba tấm ảnh nhỏ mà một ông già đơn độc và phiền muộn đã xếp kê bên nhau.

Suýt nữa thì tôi đã đốt hết tất cả.

Tôi đã không làm thế. Thói quen nghề nghiệp mà. Ai lại huỷ chứng cứ bao giờ. Nhưng chứng cứ cho tôi gì mới được chứ? Tôi không biết cách nhìn người sống ư? Tôi chưa ai trong chúng tôi nói rằng: “Kìa, còn bé nhà Bourrache giống Lysia Verhareine như hai giọt nước!” Vì Barbe chưa bao giờ nói với tôi: “Cô giáo trẻ là bức chân dung của Phu nhân quá cố!».

Nhưng chắc là chỉ có cái chết mới làm sáng tỏ điều đó. Chắc chỉ có ông Kiểm sát trưởng và tôi mới thấy điều đó! Có thể cả hai chúng tôi đều như nhau, điên như nhau cả thôi.

Nhưng khi tôi nghĩ đến hai bàn tay dài, nhỏ, sạch sẽ, lốm đốm đen và gân guốc của Destinat, khi tôi trông thấy, vào một buổi chiều mùa đông, hai bàn tay này đang siết cái cổ yếu gầy của Hoa Bìm Bìm, trong khi mà nụ cười dần tan biến trên khuôn mặt của đứa trẻ, và trong đôi mắt nó ẩn chứa một câu hỏi lớn. Khi tôi tưởng tượng ra cảnh ấy, tôi tự nhủ rằng Destinat không bóp chết một em bé mà bóp chết một kỷ niệm, một nỗi đau, rằng bỗng nhiên, hai bàn tay của ông nắm giữ bóng ma của Clélis, của Lysia Verhareine, những người mà ông cố sức bóp cổ để mãi mãi thoát thân, để không bao giờ gặp lại họ nữa, không bao giờ nghe tiếng họ nữa, để không phải qua những đêm dài tiến lại gần họ mà không nắm bắt được họ, để không bao giờ yêu thương họ một cách tuyệt vọng nữa.

Giết những người đã chết thật khó. Làm cho họ khuất mắt thật khó. Tôi đã cố làm thế biết bao lần rồi. Nếu mọi chuyện khác đi thì sẽ đơn giản hơn nhiều.

Vậy nên những gương mặt khác sẽ cùng hiện lên trong gương mặt của một đứa trẻ, của đứa trẻ được bắt gặp vào một buổi chiều tối băng tuyết, lúc đêm bắt đầu xuống, lúc tất cả những bóng tối khổ đau cùng xuống. Bỗng nhiên tình yêu và tội ác hoà lẫn với nhau, như thể người ta chỉ có thể triệt hạ những gì người ta yêu quý. Chỉ có thể thôi.

Trong khoảng thời gian rất lâu, tôi đã sống với ý nghĩ như thế đối với Destinat, một kẻ sát nhân do nhầm lẫn, do ảo tưởng, do hy vọng, do nhớ nhung, do khiếp sợ. Tôi thấy đẹp thật. Nó không ảnh hưởng gì đến án mạng mà trái lại lại làm cho nó rạn rỡ hơn, làm cho nó thoát khỏi sự nhóp nhúa, bần thủ. Cả kẻ giết người và nạn nhân đều trở thành những người tử vì đạo: một điều hiếm khi xảy ra.

Và rồi một ngày, tôi nhận được một bức thư. Ai chả biết khi nào thì thư từ lên tiếng. Không ai biết tại sao chúng không bao giờ đến, tại sao chúng mất nhiều thời gian để đến vậy. Có thể anh hạ sĩ trẻ tuổi ngày nào cũng viết thư cho Lysia Verhareine thì sao? Có thể thư của anh ta viết đang quanh quẩn đâu đó, đang lòng vòng lèo vèo, đang đi qua những nơi hang cùng ngõ hẻm hay trên mê lộ trong khi mà cả hai đã chết từ lâu rồi.

Bức thư mà bây giờ tôi đang nói đã được gửi từ Rennes, ngày 23 tháng 3 năm 1919. Nó đã mất 10 năm để đến nơi. 10 năm để đi qua nước Pháp.

Một đồng nghiệp đã gửi bức thư đó cho tôi. Anh ấy không quen biết gì tôi và tôi cũng không quen biết gì anh ấy. Chắc anh ấy đã gửi cùng bức thư đó cho tất cả những ai như tôi, những người đang ngủ gà ngủ gật trong những thành phố nhỏ, gần cái gọi là chiến trường trong cuộc chiến tranh đó.

Mong muốn của Alfred Vignot - vì đó là tên của anh ấy - đó là lần ra dấu vết của một thanh niên mà từ năm 1916 anh đã mất liên lạc. Người ta thường nhận được những thỉnh cầu như thế từ phía các tòa thị chính, các gia đình, các cảnh sát hiến binh. Chiến tranh đã là một nồi canh thập cẩm, hàng trăm người đã bị nhào trộn trong đó. Một số người đã chết, một số khác đã sống sót. Một số đã trở về nhà, một số khác đã muốn làm lại cuộc đời mà không ai biết chẳng ai hay. Cuộc tàn sát vĩ đại đó đã không chỉ cày xéo thể chất và tinh thần; nó cũng đã cho phép một thiểu số người tự cho mình đã mất tích để sống thật xa nơi chôn nhau cắt rốn của họ. Kẻ có khả năng chứng minh rằng họ còn sống thật là lấu cá. Hơn nữa, hồi đó việc thay tên đổi họ dễ như trở bàn tay. Số những thanh niên không cần đến họ tên hay giấy tờ tùy thân có thể lên đến gần một triệu rưỡi người: tha hồ lựa chọn! Như thế, bọn đều cáng lại có cơ hội thể hiện mình lần nữa một cách sạch sẽ, tinh tươm, tránh xa những nơi những chỗ đã từng chứng kiến bọn họ bần thủ.

Kẻ mất tích mà Vignot đang tìm kiếm có một xác chết trong lương tâm, cụ thể hơn là một cô bé đã chết. Anh ta đã hành hạ cô bé đó một cách tỉ mỉ tận mẫn - những chi tiết này được nhắc đến trong bức thư - sau đó anh ta đã bóp cổ và hãm hiếp cô bé. Án mạng này đã xảy ra tháng 5 năm

1916. Vignot đã mất vồn vẹn ba tháng để kết thúc cuộc điều tra, tập hợp chứng cứ và tin chắc là sự việc có thật. Nạn nhân tên là Blanche Fen'vech. Cô bé 10 tuổi. Người ta đã tìm thấy xác cô bé gần một con đường trũng, bị ném xuống một cái hố, cách làng Plouzagen dưới một cây sồi. Cô bé ở làng này. Như mọi buổi tối khác, nó đã đi tìm bốn con bò khốn khổ trong một bãi quây. Tôi không cần đọc thư cũng đoán được anh thanh niên mà Vignot đang tìm là ai. Từ khi tôi mở bì thư ra, xung quanh tôi, trong đầu tôi trời đất quay cuồng.

Anh ta tên là Le Floc. Kẻ giết cô bé đó tên là Yann Le Floc. Vào lúc vụ án xảy ra anh ta 19 tuổi. Đúng là thằng nhóc người Bretagne.

Tôi không viết thư trả lời Vignot. Người nào chả có vấn đề! Có thể anh ta có lý khi kết tội Le Floc, nhưng việc đó có thay đổi gì đâu. Hai con bé đã chết, cả con bé ở Bretagne và con bé ở chỗ chúng tôi. Hơn nữa thằng nhóc ấy cũng đã chết, đã bị xử bắn theo quân lệnh. Và rồi lòng tôi tự nhủ là Vignot cũng có thể nhầm, cũng có thể vì lý do này lý do nọ mà đổ lên đầu thằng nhóc câu chuyện của mình như những đống rác rưởi như Mierck và Matziev đã từng làm. Ai mà biết được?

Thêm một điều khác thường nữa, đó là việc tôi đã quen sống trong những điều bí ẩn, trong hoài nghi, trong bóng tối, trong do dự, trong những câu hỏi không có câu trả lời và thiếu sự chắc chắn. Trả lời Vignot sẽ làm mất tất cả những điều đó: tự nhiên có sự soi rọi, sự soi rọi biến Destinát thành trắng và biến thằng nhóc người Bretagne thành đen. Như thế đơn giản quá. Một trong hai người là kẻ sát nhân, chắc chắn thế, nhưng mà người còn lại cũng đã có thể hành động như thế, và suy cho cùng, giữa âm mưu và tội ác không hề có sự khác nhau nào.

Tôi lấy bức thư của Vignot làm mồi châm lửa hút thuốc. Xì! Khói! Mây! Tro tàn! Hư vô! Hãy tiếp tục đi tìm con người của ta đi, trong chuyện này ta đâu phải là kẻ duy nhất! Thực ra thì đó có thể là sự trả thù. Một cách để tự nhủ rằng mình không phải là người duy nhất lấy tay đào xới đất lên, kiểm tìm những người đã chết để bắt họ phải nói chuyện. Ngay cả trong trống trải, người ta vẫn có nhu cầu được biết là có nhiều người khác giống mình.

XXVII

Thế là chúng ta đã đến hồi kết. Hồi kết của một câu chuyện, và hồi kết của riêng tôi. Mồ mả cũng như mồm miệng đã khép lại từ lâu rồi, còn những người đã chết chỉ còn là những cái tên gần như bị xoá nhoà trên bia đá: Hoa Bìm Bìm, Lysia, Destinát, Nghiêm Trọng, Barbe, Adélaide Siffert, thằng nhóc người Bretagne và tay thợ in máy, Mierck, Gachentard, vợ của Bourrache, Hyppolyte Lucy, Mazerulles, Clémence... Tôi thường tưởng tượng tất cả những con người đó ở trong cái lạnh và bóng tối mịt mù của đất. Tôi biết đôi mắt họ đã trở thành sâu hoắm, trống rỗng từ lâu rồi, tôi biết hai bàn tay quăn rết vào nhau của họ không còn da thịt nữa.

Nếu ai đó muốn biết từ những năm tháng ấy đến nay tôi đã làm những gì, tôi sẽ không biết trả lời như thế nào cho phải. Tôi có thấy năm tháng gì đâu, cho dù chúng có vẻ triền miên. Tôi đã ấp ủ một ngọn lửa, tôi đã chất vẩn bóng đêm để rồi chỉ nhận được những câu trả lời cụt ngủn, không đầu không đuôi, không chi chẳng tiết.

Cả đời tôi chỉ lo đối thoại với một vài người đã chết. Điều đó cũng đủ cho tôi đi vào cuộc sống và đợi chờ hồi kết. Tôi đã nói chuyện với Clémence. Tôi đã nhắc đến những người khác. Không ít ngày tôi đã cho họ hiện ra trước mắt tôi để lặp lại giọng nói và cử chỉ của họ, để tự hỏi xem có đúng mình đã nghe thấy lời họ nói hay không?

Khi rốt cuộc tôi đã tìm ra một ánh sáng le lói nào đó thì lại có một cái khác thối tắt nó đi rồi tung tro tàn quanh mắt tôi. Thế là phải làm lại từ đầu.

Nhưng có thể đó đúng là điều đã làm tôi tiếp tục tồn tại, cuộc đối thoại một giọng này, khi nào cũng chỉ giọng nói đó, khi nào cũng là giọng nói của riêng tôi, và sự mịt mù của án mạng, một vụ án mạng dường như chỉ có thủ phạm là sự mịt mù của cuộc đời của chúng ta. Đời thật là lạ. Có ai bao giờ biết vì sao chúng ta lại ra đời, vì sao chúng ta lại ở lại trong đời? Lục lọi vụ Áp Phe như tôi đã từng làm, đó có thể là một cách để tôi không phải tự hỏi mình câu hỏi thực sự. Đó là câu hỏi mà chúng ta ai cũng không muốn trông thấy trên bờ môi, trong khối óc và trong linh hồn. Những linh hồn này đúng là không trắng mà cũng chẳng đen. Đó là những linh hồn màu xám, xám một cách dễ thương như trước đây Joséphine đã từng nói.

Còn tôi thì tôi vẫn đang ở đây. Tôi chưa bao giờ sống. Tôi chỉ sống sót mà thôi. Tự nhiên tôi lạnh cả người. Tôi mở một chai rượu vang rồi vừa uống vừa nhắm nháp những mảnh thời gian đã mất.

Tôi nghĩ là mình đã nói hết rồi. Nói hết những điều mà tôi cho là bản chất của mình. Anh đã nói hết với em, hoặc gần như thế. Chỉ có một điều duy nhất mà tôi chưa nói, có thể là điều khó nói nhất, điều mà tôi chưa bao giờ thắm thì vào tai Clémence. Chính vì thế mà tôi phải uống thêm nữa, để có thêm nghị lực nói ra điều ấy, để được nói riêng cho em, Clémence ạ, sở dĩ ngay từ đầu anh nói, anh viết thì chính là cho em và vì em thôi:

Em biết không, đứa con, con của chúng ta, anh đã không thể đặt tên cho nó, cũng không thể nhìn nó cho ra nhìn. Thậm chí anh chưa bao giờ ôm hôn con như một người cha vẫn thường làm.

Một bà xơ đội mũ, cao và khô khốc như một quả mùa thu bị bỏ quên trong lò đã đưa con đến cho anh, sau ngày em mất một tuần. Bà ta nói: “Đây là con của anh, con của anh đấy. Anh phải nuôi dạy nó.” Bà ta trao cho anh cái nôi màu trắng rồi quay gót. Thằng bé đang ngủ. Người nó ấm và thơm hơi sữa. Chắc là mềm mai lắm. Trừ mặt ra, người nó được bọc kín, trông khá khinh, dễ thương như Chúa hài đồng. Mi mắt khép lại, hai bầu má phúng phính, phúng phính đến mức che hết cả miệng. Anh đã tìm gương mặt em trên nét mặt của nó, như một kỷ niệm

mà bằng cái chết của mình em đã tặng riêng anh. Nhưng nó có gì giống đâu, đúng hơn nó đâu giống em. Nó giống như mọi đứa trẻ sơ sinh, những đứa trẻ vừa chào đời sau một đêm dài êm ái trong một nơi nào đó mà ai ai cũng quên. Đúng thế, con của chúng ta chỉ là một trong những đứa trẻ đó. Một đứa trẻ ngây thơ, như người ta vẫn thường nói. Tương lai của thế giới. Con cháu loài người. Sự lưu truyền nòi giống. Nhưng đối với anh, con của chúng ta không là gì cả, đơn giản nó là người đã giết em, một đứa trẻ giết người không ý thức và không ân hận. Anh sẽ phải sống chung với kẻ sát nhân tởm hơn đó trong khi mà em không còn nữa, nó đã giết em để đến với anh, nó đã thúc vào hông em và chơi những trò còn lại để được một mình, một mình đối diện với anh. Anh sẽ không bao giờ được thấy gương mặt em, được thơm lên làn da của em nữa trong khi mà nó vẫn lớn lên hàng ngày, sẽ mọc răng để tiếp tục ngấu nghiến tất cả, sẽ cứng tay để cầm và sáng mắt để thấy. Để rồi sau này, nó sẽ có những lời lẽ, những lời lẽ để nói dối với những ai muốn nghe nó, rằng nó chưa bao giờ biết em, rằng khi nó ra đời thì em đã chết, trong khi mà sự thật trên hết mọi sự thật, đó là nó đã giết em để góp mặt trên cõi đời này.

Anh không suy nghĩ lâu. Tự nhiên anh có ý nghĩ này. Anh lấy chiếc gối lớn. Anh lấy gối trùm lên mặt nó. Anh chờ, chờ lâu. Nó không cử động. Nói theo cách nói của những người đang phán xét chúng ta, thậm chí không có dự mưu gì. Đó là điều duy nhất anh có thể làm và anh đã làm. Anh cất gối và khóc. Anh đã khóc khi nghĩ đến em, chứ không phải nghĩ đến nó.

Sau đó anh đã đến tìm gặp bác sĩ Hippolyte Lucy để nói với ông ta rằng đứa trẻ không thở nữa. Ông ta đi theo anh. Ông ta vào phòng. Đứa trẻ đang nằm trên giường. Mặt của nó vẫn là gương mặt của một người đang ngủ, ngây thơ, vô tội, thanh thản và quái dị.

Bác sĩ đã cởi quần áo nó ra. Ông ta ghé má vào cái miệng đã khép của nó, lắng nghe con tim không còn đập nữa. Ông ta không nói gì, kéo khoá chiếc xà cốt rồi quay sang tôi. Bọn anh nhìn nhau, nhìn nhau rất lâu. Ông ta biết. Anh biết là ông ta biết nhưng ông ta đã không nói gì. Ông ta ra khỏi phòng và để anh ở lại một mình với thi thể bé nhỏ.

Anh đã cho chôn cất con của chúng ta bên cạnh em. Ostrane bảo với anh là những đứa trẻ sơ sinh sẽ biến vào đất như hương tan vào gió, biến mất mà không ai kịp thấy gì. Ostrane nói ra điều ấy mà không có ý gì xấu, vẻ rất thán phục.

Anh đã không đề tên lên mộ nó.

Tệ nhất là ngay cả bây giờ anh vẫn không chút ân hận, anh có thể làm lại điều anh đã làm mà không chút đắn đó suy nghĩ, như anh đã từng không đắn đó suy nghĩ khi hành động như thế. Anh không lấy đó làm hãnh diện. Anh cũng không vì thế mà xấu hổ. Đâu phải đòn đau đã khiến anh hành động như thế. Đó chẳng qua là sự trống rỗng. Anh đã ở trong sự trống rỗng và anh muốn ở lại một mình trong đó. Nó sẽ là một đứa trẻ khốn khổ khi phải sống và lớn lên bên cạnh anh, một người cho rằng cuộc sống chỉ là một sự trống rỗng ngập tràn một câu hỏi duy nhất, một hố sâu không đáy và đen sì. Bên bờ hố sâu đó, anh bước đi vòng quanh, vừa đi vừa chuyện trò với em để cho ngôn từ của anh trở thành một bức tường mà anh có thể phần nào bầu vùi.

Hôm qua, anh đã lang thang về phía cầu *Kẻ Cắp*. Em còn nhớ không? Thời đó chúng ta mấy tuổi nhỉ? Dưới hai mươi một chút ư? Em thường mặc một chiếc váy màu hồng đậm. Lòng anh quặn thắt. Hai ta đứng trên cầu ngắm dòng sông trôi. Em thường bảo dòng sông này là cuộc đời của chúng mình đang trôi qua, anh nhìn kia, nó trôi có xa không kia, anh trông có đẹp không kia, dòng sông đang trôi qua những bông hoa súng, những đám rong tóc dài, những bờ đất sét. Anh không dám ôm eo em. Lòng anh quặn thắt đến nỗi khó thở. Mắt em nhìn xa xăm. Mắt anh nhìn bờ gáy của em. Anh ngửi thấy hương của em và hương của dòng sông, một mùi hương tươi mát cỏ nhai. Rồi em bất ngờ quay lại với anh, mỉm cười rồi hôn anh. Đó là lần đầu tiên. Dưới cầu nước vẫn chảy. Cả vũ trụ lung linh sắc đẹp của những ngày chủ nhật. Thời gian nín thở.

Hôm qua, anh đã đứng rất lâu trên Cầu Kẻ Cáp. Dòng sông vẫn không hề thay đổi. Vẫn có những cây hoa súng rất lớn, rong rêu tóc vẫn mọc dài, bờ sông vẫn miệt mài đất sét. Vẫn mùi hương tươi mát cỏ nhai, nhưng từ giờ chỉ độc có mùi hương đó thôi.

Một đứa bé xán lại gần anh. Một cậu con trai có đôi mắt sáng. Nó bảo anh: “Bác nhìn cá phải không?” Hơi thất vọng, nó nói tiếp: “Có rất nhiều cá nhưng chẳng khi nào thấy” Anh không màng trả lời. Trên đời này biết bao nhiêu thứ mà mình không thấy. Cậu bé chống khuỷu tay đứng bên cạnh anh. Bọn anh đứng yên như thế một lúc khá lâu, chỉ nghe tiếng ộp oạp của ếch nhái và nước chảy. Cậu bé và anh. Sự mở màn và hồi kết. Thế là anh ra về. Cậu bé đi theo anh một quãng rồi mất dạng.

Hôm nay, tất cả đã kết thúc. Anh đã mức kiệt thời gian và sự trống rỗng không làm anh sợ nữa. Có thể em nghĩ rằng anh cũng là một thằng đểu cáng, rằng anh chẳng hơn gì người ta. Em có lý. Tất nhiên là em có lý. Xin lỗi em vì tất cả những việc mà anh đã làm, đặc biệt xin lỗi em vì những việc mà anh đã không làm.

Hy vọng là em gần được phán xét anh, mặt đối mặt. Bỗng nhiên anh hy vọng là Chúa tồn tại. Và với Chúa là những chuyện linh tinh nhảm nhí mà hồi nhỏ người ta đã nhồi nhét vào đầu chúng ta. Nếu điều đó là có thật thì em sẽ khó nhận ra anh đấy. Em đã rời bỏ một người trẻ trung và sắp gặp lại một người gần như già cả, đầy những vết thương và xơ xác héo mòn. Anh biết riêng em thì em đã không thay đổi. Đó là đặc tính của những người đã chết.

Lát nữa, anh sẽ hạ khẩu súng các bin của Gachentard xuống. Anh đã tháo ra, tra dầu mỡ, lau chùi, lắp lại và nạp đạn. Anh biết hôm nay anh sẽ kết thúc câu chuyện của mình. Bây giờ khẩu súng đang ở bên cạnh anh. Ngoài kia, trời đất quang đãng và dịu dịu. Hôm nay là ngày thứ hai. Bây giờ là buổi sáng. Thế đó. Anh không còn gì để nói. Anh đã nói hết mọi chuyện, đã thú nhận hết mọi tội lỗi. Đã đến lúc rồi.

Bây giờ anh có thể gặp lại em.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>